

BERTOLT BRECHT



cuộc đời GALILEI



nh

nhã nam NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

CÁC NHÂN VẬT:

Galileo Galilei

Andrea Sarti

Bà Sarti, quản gia của Galilei, mẹ của Andrea

Ludovico Marsili, một thanh niên con nhà giàu

Priliu, quản trị viên Đại học Padua

Sagredo, bạn của Galilei

Virginia, con gái của Galilei

Federzoni, thợ mài thấu kính, cộng sự của Galilei

Đại thống lãnh

Các ủy viên Hội đồng nước Cộng hòa Venedig

Cosmo de Medici, Đại công tước Florenz

Quan nội quản

Nhà thần học

Nhà triết học

Nhà toán học

Cung nhân đứng tuổi

Cung nhân trẻ

Nội thị của Đại công tước

Hai bà sơ

Hai người lính

Một bà lão

Giám mục to béo

Hai học giả

Hai tu sĩ

Hai nhà thiên văn

Tu sĩ gầy còm

Hồng y già

Linh mục Christopher Clavius, nhà thiên văn

Tu sĩ nhỏ nhắn

Hồng y Tòa án Tôn giáo

Hồng y Barberini, sau trở thành Giáo hoàng Urban VIII

Hồng y Bellarmin

Hai tu sĩ thư ký

Hai cô gái

Filipo Mucius, học giả

Gaffone, viện trưởng đại học Pisa

Người hát ba-lát

Vợ người hát ba-lát

Vanni, nhà đúc sắt

Một viên chức

Một viên chức cấp cao

Người theo dõi bố con Galilei

Một tu sĩ

Một nông dân

Nhân viên biên phòng

Thư ký trạm kiểm soát

Đàn ông, đàn bà, trẻ con

MỤC LỤC

CÁC NHÂN VẬT:

LỜI GIỚI THIỆU

1. GALILEO GALILEI, GIÁO SƯ TOÁN ĐẠI HỌC PADUA, QUYẾT CHỨNG MINH HỆ THỐNG VŨ TRỤ MỚI THEO THUYẾT KOPERNIKUS

2. GALILEI TRAO CHO NƯỚC CỘNG HÒA VENEDIG MỘT PHÁT MINH MỚI.

3. 10 THÁNG GIÊNG 1610: NHỜ ÔNG VIỄN KÍNH GALILEI PHÁT HIỆN TRÊN BẦU TRỜI NHỮNG HIỆN TƯỢNG CÓ THỂ CHỨNG MINH HỆ THỐNG KOPERNIKUS. TRƯỚC SỰ CẢNH BÁO CỦA NGƯỜI BẠN VỀ HẬU QUẢ CÓ THỂ XẢY RA DO NHỮNG NGHIÊN CỨU CỦA ÔNG, GALILEI KHẲNG ĐỊNH NIỀM TIN VÀO LÝ TRÍ CỦA CON NGƯỜI.

4. GALILEI RỜI CỘNG HÒA VENEDIG VỀ SỐNG DƯỚI TRƯỞNG TRIỀU ĐÌNH ĐẠI CÔNG TƯỚNG FLORENZ. NHỮNG PHÁT HIỆN QUA VIỄN KÍNH CỦA ÔNG KHÔNG ĐƯỢC GIỚI BÁC HỌC TẠI ĐÓ CÔNG NHẬN.

5. KẼ CẢ BỆNH DỊCH HẠCH CŨNG KHÔNG LÀM GALILEI CHÙN BƯỚC. ÔNG TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU.

6. 1616: COLLEGIUM ROMANUM - VIỆN NGHIÊN CỨU CỦA VATICAN - CHỨNG THỰC NHỮNG PHÁT HIỆN CỦA GALILEI.

7. NHỮNG TÒA ÁN TÔN GIÁO GHI HẠC THUYẾT CỦA KOPERNIKUS VÀO DANH SÁCH CẤM (NGÀY 5 THÁNG BA 1616)

8. MỘT CUỘC TRÒ CHUYỆN

9. SAU TÁM NĂM IM LẶNG, ĐƯỢC CÔ VŨ BẰNG SỰ LÊN NGÔI CỦA GIÁO HOÀNG MỚI - VÓN LÀ MỘT NHÀ KHOA HỌC - GALILEI LẠI TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU TRÊN LÃNH VỰC BỊ CẤM: VẾT ĐEN MẶT TRỜI.

10. TRONG THẬP KỶ TIẾP THEO, THUYẾT CỦA GALILEI PHỔ BIẾN RỘNG TRONG DÂN CHÚNG. KHẮP NƠI NHỮNG NGƯỜI VIẾT ĐOẠN VĂN TRÀO PHÚNG VÀ HÁT BA-LÁT LẤY NHỮNG TƯ TƯỞNG MỚI LÀM ĐỀ TÀI. TẠI HỘI HÓA TRANG NĂM 1632, NHIỀU THÀNH PHỐ Ý CHỌN THIÊN VĂN LÀM ĐỀ TÀI CHO CÁC ĐOÀN DIỄN HÀNH CỦA PHƯỜNG HỘI.

11. 1633: TÒA ÁN TÔN GIÁO RA LỆNH GỌI NHÀ NGHIÊN CỨU NỔI TIẾNG THẾ GIỚI VỀ ROM.

12. GIÁO HOÀNG

13. NGÀY 22 THÁNG SÁU 1633, TRƯỚC TÒA ÁN TÔN GIÁO GALILEO GALILEI CHỐI BỎ THUYẾT CỦA MÌNH VỀ SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT.

14. 1633-1642. GALILEO GALILEI SỐNG TRONG MỘT NGÔI NHÀ Ở VÙNG QUÊ GẦN FLORENZ. ÔNG LÀ NGƯỜI TÙ CỦA TÒA ÁN GIÁO HỘI CHO TỚI KHI NHẢM MẮT. QUYỀN “DISCORSI”.

15. NĂM 1637, QUYỀN “DISCORSI” CỦA GALILEI VƯỢT BIÊN GIỚI Ý.

GALILEI TRONG LỊCH SỬ

BAT

NIÊN BIỂU Bertolt Brecht

NIÊN BIỂU Galileo Galilei

LỜI GIỚI THIỆU



Bertolt Brecht sinh ngày 10/01/1898 tại Augsburg, mất ngày 14/08/1956 ở (Đông) Berlin.

Brecht sáng tác vở *Cuộc đời Galilei* năm 1938-1939, lúc đang sống lưu vong ở Đan Mạch, khi được tin nhà Vật lý Otto Hahn⁽¹⁾ và các cộng sự đã tách thành công nguyên tử Uranium.

Vở này trình diễn lần đầu năm 1943 tại nhà hát Zürich (Thụy Sĩ). Kịch bản thứ hai trình diễn năm 1947 tại nhà hát Coronet (Beverly Hills - Mỹ).

Bertolt Brecht (1898-1956) là nhà soạn kịch mác xít kiêm đạo diễn Đức lỗi lạc. Ngoài kịch, ông còn trước tác nhiều lý luận về lý thuyết sân khấu, phê bình kịch nghệ và rất nhiều bài thơ trữ tình nổi tiếng. Song, có lẽ tên tuổi ông vẫn còn tương đối xa lạ ở Việt Nam.

Năm 1974, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, mới chỉ giới thiệu được bốn vở kịch *Người mẹ*, *Vòng phán Kapkazo*, *Bà mẹ dũng cảm và những người con* và *Súng của bác Cara*. Năm 1999, thêm vở *Người hảo tâm thành Tứ Xuyên* do Thái Kim Lan ở Đức dịch.

Tuy Brecht qua đời đã hơn năm mươi năm nhưng những tác phẩm của ông vẫn giữ một vị trí quan trọng trong văn học Đức, những vở kịch “kinh điển” của ông được giảng dạy ở bậc trung học - bao gồm cả Tây Đức, trước khi nước Đức thống nhất - và thường xuyên được công diễn trên nhiều sân khấu lớn ở Đức và thế giới.

Cuộc đời Galilei là một trong những vở “kinh điển” vừa được nhắc đến ở trên, đồng thời cũng là tác phẩm quan trọng bậc nhất của Brecht.

Kịch dựng lại một số chặng đời của nhà khoa học Ý lỗi lạc Galileo Galilei, từ năm 1609 đến 1637, từ Padua tới Florenz (Florence), Rom và những năm cuối đời ở Florenz, về quan hệ và những cọ xát của ông với giới lãnh chúa, với Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã, với những con người bình thường và những quyết định của ông.

Năm 1609, nhà toán học kiêm vật lý và thiên văn học Galilei là giáo sư đại học Padua, thuộc Cộng hòa Venedig (Venise), với đồng lương ít ỏi. Ông phải dạy tư để kiếm sống nên không có thì giờ học hỏi và nghiên cứu thêm. Nhờ cải tiến ống viễn kính, một sáng chế từ Hòa Lan, Galilei được tăng lương. Cũng nhờ ống viễn kính này mà Galilei có thể chứng minh được thuyết nhật tâm của Kopernikus: quả đất

không phải là trung tâm vũ trụ và nó quay xung quanh mặt trời, một thuyết bị Giáo hội La Mã kết án là sai quấy, thậm chí “tà giáo”.

Tuy bạn ông hết mực khuyên can hãy ở lại Venedig để có thể tự do tiếp tục nghiên cứu thêm phát kiến trên, vì thế lực Giáo hội ở Cộng hòa này không mạnh lắm, Galilei vẫn quyết định đi Florenz làm nhà toán học trong cung đình của đại công tước Cosmo. Ông hy vọng được trọng vọng hơn. Nhưng thế lực Giáo hội ở đây rất mạnh. Những vệ tinh của sao Mộc do Galilei phát hiện không được phép tồn tại, dù có thể thấy được rõ ràng qua ống viễn kính. Giáo hội khẳng định thuyết của Aristoteles: quả đất phải là trung tâm của vũ trụ đã được Chúa Trời an bài. Năm 1616, Tòa án Tôn giáo nghiêm cấm mọi nghiên cứu trái ngược với thần học. Galilei và các học trò đành rút vào những lĩnh vực vô hại như tìm hiểu về vật nổi. Khi Barberini, một Hồng y tương đối cởi mở trong việc nghiên cứu khoa học, lên ngôi Giáo hoàng Urban VIII, Galilei cho rằng đây là cơ hội thuận lợi nên lại tiếp tục lao vào lĩnh vực nghiên cứu bị cấm đoán. Vì những phát kiến này đe dọa uy quyền Giáo hội vốn được kiến lập đã hơn một nghìn năm, Galilei bị Tòa án Tôn giáo bắt giam, đe dọa dùng cực hình để buộc ông phải chối bỏ phát kiến mặt trời là trung tâm vũ trụ.

Galilei đã quyết định như thế nào? Có thật ông đã hiên ngang quát vào mặt các quan tòa tôn giáo rằng “Dù sao trái đất vẫn cứ quay”, chứ không chịu khuất phục cường quyền, phủ nhận chân lý? Các học trò ông đã phản ứng thế nào trước quyết định của người thầy, tấm gương lớn của họ? Dân chúng, vốn luôn bị Giáo hội và các lãnh chúa chà đạp, đã phản ứng ra sao?

Vở *Cuộc đời Galilei* có tất cả ba kịch bản, được tác giả sửa đổi theo diễn biến thời sự thế giới.

Năm 1933, khi Hitler và đảng Quốc xã nắm chính quyền ở Đức, Brecht và gia đình trốn sang Đan Mạch. Một số văn nghệ sĩ nổi tiếng khác, như Thomas Mann - giải Nobel Văn chương 1929, cũng phải lánh nạn ở nước ngoài. Tác phẩm của họ bị đốt, bị cấm. Nhiều văn nghệ sĩ khác bị giam cầm.

Năm 1938, Brecht hoàn thành kịch bản thứ nhất, mới đầu mang tên “Dù sao trái đất vẫn cứ quay” - sau đổi thành *Cuộc đời Galilei* - chỉ gồm mười ba cảnh. Brecht muốn qua đó nêu lên lòng tin rằng tuy nước Đức bị bạo quyền thống trị nhưng rồi sẽ tới thời đại mới. Vở này được trình diễn lần đầu năm 1943 tại Zürich (Thụy Sĩ).

Năm 1939, sau khi Đan Mạch bị Đức chiếm, Brecht buộc phải trốn qua Thụy Điển, rồi Phần Lan, sang Liên Xô, từ đó qua Mỹ. Năm 1945, chán động trước việc Mỹ thả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, Brecht cùng với diễn viên

điện ảnh và sân khấu nổi tiếng Charles Laughton gấp rút hoàn thành kịch bản thứ hai bằng tiếng Mỹ gồm mười lăm cảnh để công diễn tại Beverly Hills vào năm 1947.

Ngay sau Thế chiến II, nhân loại khát khao được sống hòa bình, nhưng các siêu cường lại quyết liệt chạy đua chế tạo những vũ khí mới, có sức hủy diệt khủng khiếp hơn nữa. Tại Mỹ, có “Tòa án Tôn giáo” kiểu mới như Ủy ban McCarthy trù dập những nhà khoa học từ chối phục vụ các công trình này. Bản thân Brecht cũng đã từng phải ra điều trần trước Ủy ban nói trên vì những bài viết và phát biểu “thiên tả” của ông. Trước tình hình ấy, năm 1954-1956, kịch bản thứ hai được dịch ra tiếng Đức, với đôi chút thay đổi, cho nhà hát Berliner Ensemble (bấy giờ ở Đông Berlin, nơi Brecht đã chọn để định cư cho đến khi nhắm mắt).

Câu hỏi của Brecht: *“Nhà khoa học có trách nhiệm gì trước xã hội, trước nhân loại và phải hành xử thế nào”* vẫn luôn nóng bỏng!

Vì thế, *Cuộc đời Galilei* vẫn không hề mất tính thời sự! Nó vẫn là tác phẩm quan trọng bậc nhất của Brecht.

Lê Chu Cầu

I. GALILEO GALILEI, GIÁO SƯ TOÁN ĐẠI HỌC PADUA, QUYẾT CHỨNG MINH HỆ THỐNG VŨ TRỤ MỚI THEO THUYẾT KOPERNIKUS⁽¹⁾.

Vào năm một nghìn sáu trăm lẻ chín
ánh sáng của kiến thức nhân loại bùng lên
từ một ngôi nhà nhỏ ở Padua.
Galileo Galilei tính toán ra rằng:
vàng dương bất di dịch, còn địa cầu
chuyển động.

Phòng nghiên cứu trang bị sơ sài của Galilei ở Padua. Vào buổi sáng. Andrea, con trai bà quản gia, bung vào một ly sữa và một ổ bánh mì.

Galilei đang lau người, thở phò phò, vẽ hã hê Để sữa lên bàn, nhưng đừng gấp quyền sách nào lại đấy nhé.

Andrea Mẹ cháu bảo mình phải trả tiền cho người giao sữa ngay. Nếu không ông ta sẽ làm một vòng tròn quanh nhà mình đấy⁽²⁾, ông Galilei ạ.

Galilei Andrea, cháu phải nói là ông ta vẽ một vòng tròn chứ!

Andrea Tùy ý ông thôi. Nếu chúng ta không trả tiền ngay thì ông ấy sẽ vẽ một vòng tròn quanh nhà mình đấy, ông Galilei ạ.

Galilei Còn ông Cambione, nhân viên tịch biên của tòa án, người luôn trực chỉ nhà mình, sẽ chọn lộ trình nào giữa hai điểm?

Andrea cười Chọn đường thẳng ngắn nhất.

Galilei Giỏi. Ta có cái này cho cháu. Tìm phía sau mấy tấm bảng các thiên thể ấy.

Andrea lúi từ phía sau mấy tấm bảng các thiên thể một mô hình lớn bằng gỗ phỏng theo hệ thống vũ trụ *Ptolemaeus*⁽³⁾.

Andrea Cái gì thế này, hử ông?

Galilei Đó là cái kính trác tinh⁽⁵⁾, giúp ta mừng tượng các thiên thể quay quanh trái đất như thế nào, theo quan điểm của người xưa.

Andrea Quay như thế nào ạ?

Galilei Cháu thử tìm hiểu xem nào. Trước hết: cháu miêu tả nó đã.

Andrea Ở giữa là một hòn đá nhỏ.

Galilei Trái đất đấy.

Andrea Chung quanh có nhiều lớp vỏ, lớp này bọc tiếp lớp kia.

Galilei Bao nhiêu lớp cả thầy?

Andrea Tám⁽⁴⁾.

Galilei Đó là những tầng pha lê.

Andrea Ở các lớp vỏ có gắn những quả cầu tròn...

Galilei Đó là các thiên thể.

Andrea Lại có những tấm bảng vẽ chữ.

Galilei Chữ gì nào?

Andrea Tên của các vì sao.

Galilei Tên gì chẳng hạn?

Andrea Trái cầu dưới cùng là mặt trăng, có ghi sẵn.

Tiếp đến là mặt trời, phía trên.

Galilei Bây giờ cho mặt trời chạy đi.

Andrea quay các lớp vỏ Hay thật. Nhưng mà chúng ta bị nhốt kín trong này.

Galilei lau người Phải, lần đầu tiên nhìn thấy mô hình này ta cũng cảm thấy

thế. Có vài người cũng cùng cảm tưởng đó. Ông quăng cho Andrea cái khăn để nó chà lưng cho ông. Những là tường vôi vỏ bọc, và sự bắt di bắt dịch! Suốt hai nghìn năm qua loài người tin rằng mặt trời và mọi thiên thể quay vòng quanh mình. Giáo hoàng với các Hồng y, các lãnh chúa cùng bậc trí giả, các thuyền trưởng và thương nhân, cả các bà bán cá và lũ học trò đều tin rằng mình ngồi bất động trong quả cầu pha lê ấy. Nhưng mà Andrea này, bây giờ chúng ta xuất hành làm một cuộc đại viễn du. Vì thời đại cũ đã qua rồi, giờ là kỷ nguyên mới. Như thể loài người từ trăm năm nay vẫn ngóng đợi một điều gì đó sẽ xảy đến.

Các thành phố thì chật chội, nên đầu óc người sống trong đó cũng như thế. Chứa toàn những điều mê tín. Tâm trí họ cứ mãi quần quanh âu lo vì nạn dịch hạch⁽⁵⁾

Nhưng bây giờ đã tỏ tường: Vũ trụ đã là thế thì không thể bắt di bắt dịch được. Bởi mọi thứ đều chuyển động, chú bé ạ.

Ta vẫn nghĩ rằng mọi sự bắt đầu từ khi có tàu bè. Từ ngàn xưa tàu bè chỉ dám men theo bờ biển, nhưng đột nhiên nó tách khỏi bờ, dong buồm ra khơi, tìm đến bao bờ bến lạ.

Trên lục địa cũ người ta đồn đại: có những lục địa mới. Rồi từ khi tàu của chúng ta tới được những lục địa ấy thì họ cười kháo nhau rằng: biển cả đáng sợ trước đây hóa ra chỉ là một vũng nước thôi. Và thế là người ta thích thú tìm hiểu về nguyên do của mọi sự kiện: tại sao hòn đá rơi xuống khi ta thả nó ra, nếu ném lên cao thì nó sẽ bay như thế nào. Ngày nào cũng có điều mới mẻ được phát hiện. Ngay cả những cụ già trăm tuổi cũng bảo con cháu hét vào tai báo tin về những khám phá mới.

Lắm thứ đã được khám phá nhưng vẫn còn cơ man điều còn phải phát hiện. Giới hậu sinh thế là còn khối việc để làm.

Hồi còn trẻ, lúc ở Siena ta thấy mấy người thợ xây bỏ lối thao tác quen thuộc từ nghìn xưa khi di chuyển các khối đá granit, họ dùng một cách sắp xếp dây thừng mới và hợp lý hơn, mà chỉ sau có năm phút bàn bạc thôi. Ngay lúc đó ta hiểu rằng: thời đại cũ đã qua rồi, một kỷ nguyên mới đang bắt đầu. Chẳng bao lâu nữa loài người sẽ tìm biết rõ hơn về vùng đất mình ở, về cái thiên thể mình đang sống trên đó. Họ thấy những gì viết trong sách xưa bây giờ không đủ để giải đáp những thắc mắc của họ nữa.

Bởi: nơi nào lòng tin thống trị được suốt nghìn năm qua thì bây giờ chính ở đó nổi hoài nghi lại thắng thế. Ai cũng nói rằng: phải, điều này có ghi trong sách vở thật, nhưng nay hãy để tự chúng tôi đích thân chiêm nghiệm tận mắt. Những chân lý hằng được tôn vinh nay phải đem ra tái sát nghiệm; những gì chưa hề bị hồ nghi

thì nay họ đặt thành nghi vấn.

Thế là như có một luồng gió thổi tốc lên những vạt áo chùng thêu vàng thêu bạc của các lãnh chúa và giáo chủ, lộ ra những ống chân mập mạp hay khẳng khiu, không khác gì cẳng chân chúng ta. Giờ mọi sự đã tỏ tường: Bầu trời trống không. Thế là thiên hạ phá ra cười ngất nghẻo.

Nhưng mà nước sông nước suối giúp quay loại guồng mới chạy máy dẹt; còn ở các xưởng đóng tàu, trong các hãng làm dây thừng và buồm thì cả hàng năm trăm bàn tay cùng đồng thời thao tác theo một quy trình mới.

Ta tiên đoán rằng trước khi lìa đời ta sẽ được chứng kiến cảnh dân chúng đem những chuyện thuộc đề tài thiên văn học ra bàn cãi giữa chợ. Ngay cả lũ con trai của mấy bà bán cá cũng đổ xô đến trường học. Vì những thị dân nghiện điều mới lạ cũng sẽ thích nghe rằng theo môn thiên văn học mới thì quả đất đang quay. Chúng ta đã phải nghe mãi rằng các thiên thể bám dính vào mặt lõm vòm pha lê nên không thể rơi được. Bây giờ chúng ta mạnh dạn để chúng lửng lơ trong thình không, chẳng tựa vào đâu cả, thế là chúng bay vút đi, y như các con tàu của chúng ta, không bị neo giữ, cứ thẳng đường ra khơi.

Trái đất nhón nhơ quay quanh mặt trời, các bà hàng cá, các thương nhân, lãnh chúa, hồng y, thậm chí cả giáo hoàng cũng xoay theo với nó.

Chỉ qua một đêm mà vũ trụ thoát mất đi trung tâm điểm của nó, để sáng ra nó có vô vàn tâm điểm. Giờ đây điểm nào cũng thành tâm điểm cả, nên hóa ra không còn đâu là trung tâm nữa. Vì bỗng dưng không gian thành mênh mông.

Tàu bè của chúng ta ngày nay đi đến những nơi xa xôi, tinh tú di chuyển theo những quỹ đạo dài vô tận trong vũ trụ, ngay cả mới đây trong môn ‘Cờ Vua’ các quân tháp cũng đi vượt qua hết các ô.

Có nhà thi hào từng nói gì nhỉ? “Ôi, sáng tinh mơ...”

Andrea “Ôi, sáng tinh mơ của buổi sơ khai!

Ôi, làn gió đến từ bờ biển mới!”

Ông uống sữa đi chứ, kéo người ta sắp tới đây bây giờ.

Galilei Thế cháu đã hiểu điều ta nói hôm qua chưa?

Andrea Điều gì cơ? Về sự quay của ông Kippnikus⁽⁶⁾ ấy à?

Galilei Phải.

Andrea Cháu không hiểu. Sao ông lại muốn cháu hiểu? Cái đó khó quá, đến tháng Mười cháu mới đầy mười một tuổi cơ mà.

Galilei Vì ta muốn cháu cũng hiểu. Để ai cũng có thể hiểu được điều đó nên ta mới ra sức làm việc và mua những quyển sách đắt tiền thay vì trả tiền cho ông bán sữa.

Andrea Nhưng cháu quả có thấy buổi chiều mặt trời ở chỗ khác buổi sáng. Thành ra nó không thể nào đứng yên được! Không bao giờ.

Galilei Mà thấy! Mà thấy cái gì? Mà chẳng thấy gì cả. Mà chỉ giương mắt nhìn thôi. Nhìn không phải là thấy. Ông đặt cái giá sắt đỡ chậu thau ở giữa phòng. Đây là mặt trời. Ngồi xuống. *Andrea* ngồi xuống một cái ghế. *Galilei* đứng sau lưng nó. Mặt trời ở đâu, bên phải hay bên trái?

Andrea Bên trái.

Galilei Nó sang bên phải bằng cách nào?

Andrea Dĩ nhiên là khi ông bung nó sang bên phải.

Galilei Chỉ thế thôi à? Ông nâng cả thằng bé lẫn ghế lên, quay nửa vòng. Bây giờ mặt trời ở đâu?

Andrea Bên phải.

Galilei Có phải nó di động không?

Andrea Không.

Galilei Thế cái gì di động?

Andrea Cháu.

Galilei *quát* Sai! Đồ ngu! Cái ghế di động!

Andrea Cháu với cái ghế chứ!

Galilei Dĩ nhiên. Cái ghế là trái đất. Mà ngồi trên trái đất.

Bà Sarti vào phòng để dọn giường, chứng kiến cảnh này Ông Galilei, ông làm gì với thằng cháu nhà tôi thế?

Galilei Tôi dạy nó thấy, bà Sarti ạ.

Bà Sarti Bằng cách kéo nó đi khắp phòng à?

Andrea Thôi mẹ. Mẹ không hiểu đâu.

Bà Sarti Thế à? Còn mày hiểu, chứ gì? Có một công tử muốn xin theo học. Ăn mặc rất bảnh bao, có thư giới thiệu. Đưa thư. Ông dạy vừa vừa kéo thằng Andrea nhà tôi sẽ bảo rằng hai với hai là năm đấy. Nó lẫn lộn hết mọi điều ông dạy nó. Tối hôm qua nó đã chứng minh với tôi rằng trái đất quay chung quanh mặt trời. Nó cả quyết rằng một ông tên Kippernikus đã tính toán ra thế.

Andrea Không phải ông Kippernikus đã tính toán thế sao, ông Galilei? Ông hãy nói cho mẹ cháu biết đi!

Bà Sarti Sao cơ, thế ra ông đã bảo cháu điều vớ vẩn ấy à? Để rồi nó nói những nói cuội như vệt trong trường khiến các ông cha đến mách tôi, vì nó toàn nói những điều vô thần vô thánh. Ông nên xấu hổ mới phải, ông Galilei ạ.

Galilei *ăn sáng* Bà Sarti ạ, trên cơ sở các nghiên cứu, sau khi tranh cãi kịch liệt, chúng tôi đã có những khám phá mà không thể giữ bí mật trước thế giới lâu hơn được nữa. Một thời đại mới đã mở ra, một thời kỳ vĩ đại, được sống trong đó là cả một sự thích thú.

Bà Sarti Thế cơ đấy. Mong rằng trong thời đại mới này ta vẫn có thể trả được tiền cho người bán sữa, ông Galilei ạ. *Chỉ vào thư giới thiệu.* Tôi chỉ có một yêu cầu duy nhất thôi: xin ông đừng có mà lại từ chối người ta. Tôi nghĩ đến tiền sữa phải trả. Đi ra.

Galilei *cười* Ít ra bà hãy để tôi uống hết sữa đã chứ! *Quay qua Andrea.* Thế nghĩa là hôm qua mình cũng hiểu nhau chút ít!

Andrea Cháu chỉ nói để mẹ cháu ngạc nhiên thôi. Nhưng đâu có đúng. Ông chỉ xoay cái ghế với cháu sang một bên chứ không xoay thế này. *Tay nó làm động tác xoay về phía trước.* Nếu xoay thế thì cháu sẽ ngã xuống, hiển nhiên như thế. Tại sao ông không xoay ghế tới trước? Vì rõ ràng nếu trái đất quay như vậy thì cháu sẽ rơi khỏi trái đất ngay. Ông thấy chưa?

Galilei Ta đã chứng minh cho cháu...

Andrea Nhưng tối hôm qua cháu đã thấy rằng nếu trái đất quay như ông nói thì vào buổi tối đầu cháu sẽ quay xuống đất, hiển nhiên như thế.

Galilei *cầm quả táo trên bàn* Đây là trái đất.

Andrea Ông Galilei ơi, ông đừng lấy toàn những ví dụ như thế nữa. Với những ví dụ như thế thì ông luôn luôn đúng thôi.

Galilei *để táo lại chỗ cũ* Được.

Andrea Với ví dụ thì người ta lúc nào cũng đạt được ý muốn, nếu khôn. Khô một nổi là cháu không kéo nổi cái ghế với mẹ cháu như ông kéo cháu. Ông thấy cái ví dụ đó dở chưa? Còn nếu quả táo là trái đất thì sao? Chẳng sao hết.

Galilei *cười* Mà không muốn biết mà.

Andrea Ông cứ lấy trái táo đi. Tại sao ban đêm cháu lại không ngược đầu xuống dưới?

Galilei Đây là trái đất, còn mây đứng ở đây. Ông *bẻ một mảnh gỗ từ thanh củi đốt lò sưởi rồi cắm vào quả táo*. Bây giờ trái đất quay.

Andrea Lúc này đầu cháu quay xuống dưới.

Galilei Tại sao? Nhìn kỹ vào! Đâu là cái đầu?

Andrea *chỉ vào quả táo* Đây. Dưới này.

Galilei Cái gì? *Quay trái táo trở lại*. Chẳng lẽ nó không cùng một chỗ à? Chẳng lẽ hai chân mây không còn ở phía dưới à? Chẳng lẽ mây đứng thế này, khi ta quay? Ông *rút mảnh gỗ ra, xoay ngược lại*.

Andrea Không. Nhưng tại sao cháu không nhận thấy cái sự quay kia chút nào hết?

Galilei Vì mây cùng quay! Mây với lớp không khí phía trên mây và mọi thứ trên quả địa cầu.

Andrea Nhưng tại sao lại có vẻ như mặt trời chạy?

Galilei *lại quay quả táo có cắm mảnh gỗ* Mây thấy trái đất phía dưới mây, nó không thay đổi, lúc nào cũng ở dưới và đối với mây nó không hề chuyển động. Nhưng bây giờ hãy nhìn lên phía trên mây. Lúc này trên đầu mây là cái đèn, nhưng bây giờ khi tao quay thì phía trên đầu mây là cái gì?

Andrea *quay theo* Cái lò sưởi.

Galilei Thế cái đèn ở đâu?

Andrea Ở dưới.

Galilei À đây!

Andrea Hay quá, mẹ cháu sẽ ngạc nhiên cho mà xem. *Ludovico Marsili, một thanh niên ăn mặc ra dáng con nhà giàu, bước vào.*

Ludovico Xin chào ông. Tôi tên là Ludovico Marsili.

Galilei *đọc thư giới thiệu anh ta* Anh trước ở Hòa Lan à?

Ludovico Thưa ông Galilei, ở bên đó tôi được nghe nói nhiều về ông.

Galilei Gia đình anh có nhiều cơ ngơi ở vùng Campagna à?

Ludovico Mẹ tôi muốn tôi đi đây đi đó một chút để biết trên thế giới xảy ra chuyện gì ấy mà.

Galilei Và bên Hòa Lan anh nghe nói rằng ở nước Ý này xảy ra chẳng hạn chuyện của tôi à?

Ludovico Và bởi vì mẹ tôi mong muốn rằng tôi cũng làm quen với khoa học...

Galilei Dạy riêng tại nhà: mỗi tháng mười Skudo⁽⁷⁾.

Ludovico Thưa vâng.

Galilei Anh thích cái gì?

Ludovico Thích ngựa ạ.

Galilei Ra thế.

Ludovico Về khoa học tôi không được sáng dạ, ông Galilei ạ.

Galilei Ra thế. Trong trường hợp này thì phải mười lăm Skudo mỗi tháng.

Ludovico Xin vâng, thưa ông Galilei.

Galilei Tôi sẽ phải dạy anh vào buổi sớm vậy. Andrea, mày phải chịu thiệt thôi. Tất nhiên mày không được học. Mày hiểu rằng mày không trả tiền mà.

Andrea Cháu đi ngay đây. Cháu xin quả táo được không?

Galilei Lấy đi.

Andrea đi ra.

Ludovico Ông cần phải kiên nhẫn với tôi mới được. Cơ bản vì khoa học luôn không giống những gì đầu óc người bình thường vẫn nghĩ. Chẳng hạn ông hãy lấy cái ống kỳ khôi mà người ta bán ở Amsterdam này làm ví dụ. Tôi đã xem xét rất kỹ. Một cái vỏ bằng da màu lục và hai thấu kính, một cái thế này - *tay hấn phác một thấu kính lõm, một cái thế này - phác một thấu kính lồi*. Tôi nghe nói một cái phóng lớn, một cái thu nhỏ. Người nào nghiêm túc có lẽ cũng sẽ nghĩ rằng chúng cân bằng nhau. Thế là sai. Qua cái ống này người ta thấy mọi vật to gấp năm lần. Đó là khoa học của ông đấy.

Galilei Người ta thấy cái gì lớn gấp năm lần?

Ludovico Đỉnh tháp nhà thờ, chim bồ câu; hết thấy những gì ở xa.

Galilei Anh đã tự mình thấy mấy cái đỉnh tháp nhà thờ lớn ra à?

Ludovico Đúng thế, thưa ông.

Galilei Và cái ống này có hai thấu kính à? Ông phác trên giấy. Có phải thế này không? *Ludovico gật*. Phát minh này đã có bao lâu rồi?

Ludovico Tôi tin rằng mới vài ngày trước khi tôi rời Hòa Lan, chắc chắn là được đem ra bán chưa lâu.

Galilei *gần như thân thiện* Tại sao anh lại phải học Vật lý? Sao không học nuôi ngựa?

Bà Sarti vào mà *Galilei không biết*.

Ludovico Mẹ tôi nghĩ rằng cần một chút khoa học. Cả thế giới uổng vang của bà với khoa học, ông ạ.

Galilei Anh vẫn có thể chọn một tử ngữ hay thần học. Dễ hơn. *Thấy bà Sarti*. Được, sáng thứ Ba anh lại đây.

Ludovico đi ra.

Galilei Đừng nhìn tôi như thế. Tôi đã nhận dạy hấn rồi.

Bà Sarti Vì ông trông thấy tôi đúng lúc đấy thôi. Ông quản trị viên đại học đang chờ ngoài kia.

Galilei Đưa hấn vào, lão này quan trọng đấy. Có thể đáng giá 500 Skudo đấy. Được thế thì tôi chẳng cần phải dạy riêng nữa.

Bà Sarti đưa người quản trị viên đại học vào. Galilei đã áo quần tề chỉnh, đang nguệch ngoạc vài con số lên một mẫu giấy.

Galilei Chào ông, cho tôi vay một nửa Skudo. *Đưa đồng tiền quản trị viên vừa móc trong bọc cho bà Sarti.* Bà Sarti, bà bảo cháu Andrea nhờ người làm kính mài cho hai thấu kính; kích thước đây.

Bà Sarti cầm mảnh giấy đi ra.

Quản trị viên Tôi tới đây về chuyện ông yêu cầu tăng lương lên 1000 Skudo. Trường đại học rất tiếc không thể tán thành được. Ông biết rằng các thầy toán không thu hút sinh viên. Có thể nói toán là một nghệ thuật chẳng kiếm ra tiền. Không phải là nước Cộng hòa⁽⁸⁾ không coi trọng nó hơn các ngành khác. Nhưng nó không đến mức cần như triết, cũng không hữu ích như thần học, tuy nó đem lại cho người sành điệu biết bao thú vị!

Galilei *cúi nhìn đồng giấy* Ông bạn thân mến ạ, với 500 Skudo tôi không đủ để sống.

Quản trị viên Ô kìa, ông Galilei, ông dạy mỗi tuần hai tiết, mỗi tiết hai giờ. Với danh tiếng khác thường của ông thì ông muốn có bao nhiêu học trò có thể trả tiền để được dạy riêng mà chẳng được. Ông không có học trò tư à?

Galilei Thưa ông, tôi có quá nhiều! Tôi cứ phải dạy hoài, dạy mãi thì lấy lúc nào để học chứ? Chúa ạ, tôi không được thông minh sáng láng như các ngài trong khoa triết. Tôi dốt. Tôi chẳng hiểu gì hết. Thành ra tôi buộc phải trám các lỗ hổng trong túi kiến thức của mình. Khi nào tôi làm chuyện này đây? Khi nào thì tôi nghiên cứu? Thưa ông, môn khoa học của tôi còn thềm được hiểu biết! Về những vấn đề lớn nhất hiện nay chúng tôi không có gì hết, ngoài các giả thuyết. Song chúng tôi đòi mình phải có chứng cứ. Nhưng làm sao tôi tiến được đây, khi mà muốn đủ sống tôi cứ phải không ngừng nói đi nói lại, nhồi nhét vào bất cứ cái đầu bò nào có thể trả tiền rằng các đường thẳng song song cắt nhau ở vô cực?

Quản trị viên Ông chớ quên rằng có thể nước Cộng hòa không trả ông nhiều bằng một số lãnh chúa, nhưng lại bảo đảm cho ông tự do nghiên cứu. Đại học Padua chúng tôi còn cho cả những người Tin Lành dự thính nữa kìa! Và chúng tôi cấp cả bằng tiến sĩ cho họ. Chúng tôi chẳng những đã không giao ông Cremonini⁽⁹⁾ cho Tòa án Tôn giáo⁽¹⁰⁾ khi Tòa án này đã chứng minh - đã chứng minh nhé, thưa ông Galilei - rằng ông ta đã có những phát biểu vô tín ngưỡng, mà chúng tôi còn chấp

thuận tăng lương cho ông ta nữa. Cho tới tận bên Hòa Lan người ta còn biết rằng Venedig là nước Cộng hòa, ở đây Tòa án Tôn giáo không có quyền gì hết thảy. Như thế là cũng được việc chút ít cho ông rồi, vì ông là nhà thiên văn học, nghĩa là làm việc trong một ngành mà gần đây hơi thiếu sự tôn kính phải phép đối với lời răn dạy của Giáo hội.

Galilei Các ông đã giao ông Giordano Bruno⁽¹¹⁾ cho Rom. Bởi vì ông ấy đã quảng bá học thuyết của Kopernikus.

Quản trị viên Không phải vì ông ấy đã quảng bá học thuyết của Kopernikus; cũng xin nói thêm là học thuyết này sai, mà vì ông ấy không phải là người Venedig và không có công ăn việc làm ở đây. Ông đừng nên nhắc đến kẻ bị thiêu sống ấy. Nhân tiện xin nói thêm rằng tuy ông hoàn toàn tự do thật đấy, nhưng ông không nên oang oang gọi tên khắp nơi khắp chốn một kẻ đã bị Giáo hội nguyên rủa nghiêm khắc; ở đây cũng thế thôi, phải, ngay cả ở đây cũng thế.

Galilei Sự bảo vệ tự do tư tưởng của các ông là thứ buôn bán lãi to, đúng không nào? Bằng cách chỉ ra ở nơi khác Tòa án Tôn giáo chế ngự và thiêu người nên ở đây các ông kiếm được giáo chức giỏi mà rẻ mạt. Các ông tưởng thưởng cho mình, nhân danh bảo vệ họ trước Tòa án Tôn giáo, bằng cách trả họ đồng lương chết đói.

Quản trị viên Bất công quá! Bất công quá! Thử hỏi có thừa mùa thì giờ rảnh để nghiên cứu thì ích lợi gì cho ông, khi bất kỳ một tu sĩ vô học nào đó của Tòa án Tôn giáo đều có thể dễ dàng cảm đoán các tư tưởng của ông? Không hoa hồng nào không có gai, không lãnh chúa nào không có thầy tu, ông Galilei ạ!

Galilei Nhưng tự do nghiên cứu phỏng ích gì khi không có thì giờ cho nó? Các kết quả nghiên cứu được dùng vào việc gì? Có thể lần nào đó ông trình cho các vị trong Hội đồng nước Cộng hòa những nghiên cứu này về định luật rơi - *chỉ vào một chồng bản thảo* - và hỏi họ xem chúng có đáng hơn vài Skudo không!

Quản trị viên Giá trị của chúng nhiều hơn vô cùng, ông Galilei ạ.

Galilei Không nhiều hơn vô cùng đâu, thưa ông, mà là 500 Skudo nữa.

Quản trị viên Đồng Skudo chỉ đáng giá bằng cái nó mang lại thôi. Nếu cần tiền thì ông phải trưng ra chút gì khác cơ. Cho mớ kiến thức mà ông bán ra thì ông chỉ có thể đòi một số tiền bằng số tiền mà mớ kiến thức ấy đem lại được cho người mua nó. Chẳng hạn môn triết mà ông Colombe bán ở Florenz đem lại cho ngài Đại công tước ít nhất 10000 Skudo mỗi năm. Định luật rơi của ông quả có làm tung bụi⁽¹²⁾ lên thật. Ở Paris và Prag⁽¹³⁾ người ta vỗ tay hoan nghênh ông thật. Nhưng những vị vỗ tay đó không trả cho đại học Padua số tiền nó đã phải chi cho ông. Nỗi bất hạnh

của ông chính là ngành học của ông đấy, ông Galilei ạ.

Galilei Tôi hiểu: tự do buôn bán, tự do nghiên cứu. Nghĩa là tự do bán buôn sự nghiên cứu, phải thế không ạ?

Quản trị viên Ấy chết, ông Galilei ơi! Sao lại nghĩ thế! Xin phép được nói rằng tôi không hoàn toàn hiểu những nhận xét đùa bỡn của ông. Theo tôi thì ngành giao thương phát đạt của nước Cộng hòa không đáng bị coi rẻ chút nào. Là quản trị viên lâu năm của đại học tôi lại càng không thể nào nói về sự nghiên cứu với cái giọng, nói xin lỗi, khinh bạc này được. *Trong khi Galilei sốt ruột nhìn bàn làm việc của mình, muốn được ngồi vào đó ngay.* Ông hãy nghĩ về hoàn cảnh chung quanh mà xem! Về chế độ nô lệ mà ở một số nơi khoa học phải thở dài dưới roi vọt của nó! Ở đó người ta đã cắt những tờ giấy da⁽¹⁴⁾ của sách cổ để làm roi. Ở đó người ta không cần phải biết hòn đá rơi như thế nào mà chỉ cần biết Aristoteles đã viết gì về chuyện ấy. Có mắt chỉ để mà đọc thôi. Cần gì luật rơi mới, khi mà chỉ luật quỳ gối khom lưng là quan trọng? Ngược lại xin ông hãy nhớ cho nước Cộng hòa đã hân hoan biết mấy đón nhận những tư tưởng của ông, cho dù chúng táo bạo đến đâu đi nữa! Ở đây ông có thể nghiên cứu! Nơi đây ông có thể làm việc! Không ai giám sát ông, không ai áp bức ông! Thương nhân của chúng tôi biết loại vải lanh tốt hơn có ý nghĩa thế nào trong sự cạnh tranh với những đối thủ ở Florenz, họ nghe ông kêu gọi một “ngành Vật lý tốt hơn” với sự quan tâm, và ngành Vật lý đã hàm ơn biết mấy lời kêu gào đòi hỏi những máy dệt tân tiến hơn! Những thị dân xuất sắc nhất của chúng tôi quan tâm đến những nghiên cứu của ông, họ đến thăm ông, để được ông biểu diễn những phát kiến của mình, mà thời giờ của họ rất là quý báu. Xin ông đừng khinh thường sự giao thương, ông Galilei ạ. Nước Cộng hòa sẽ không cho phép ai quấy rầy, dù chỉ là mây may, công việc của ông hay dung thứ những kẻ không phận sự làm khó dễ ông. Ông hãy thừa nhận đi, ông Galilei, rằng ở đây ông có thể làm việc được!

Galilei tuyệt vọng Vâng.

Quản trị viên Về chuyện vật chất thì như thế này: ông hãy làm một thứ gì đó hay ho như cái com pa tỷ lệ⁽¹⁵⁾ nổi tiếng của ông, với nó người ta có thể - *đếm ngón tay* - kẻ dọc, vẽ ngang mà không cần tí kiến thức toán học nào, tính lãi mẹ lãi con của tiền vốn, sao chép lại sơ đồ mặt bằng bất động sản với tỷ lệ thu nhỏ hay phóng lớn và xác định được trọng lượng của đạn đại bác.

Galilei Ba thứ lằng nhằng.

Quản trị viên Những thứ đã khiến cho các ngài lãnh đạo thích thú và ngạc nhiên, đem lại bạc tiền mà ông lại gọi là lằng nhằng à. Tôi nghe nói rằng với cái

dụng cụ này tương Stefano Gritti còn rút được cả căn nữa cơ đấy!

Galilei Đúng là một kỳ công! Tuy thế, ông Priuli ạ, ông đã khiến tôi phải suy nghĩ. Ông Priuli này, có thể tôi có cái gì đó thuộc loại ông vừa nói. *Cầm lấy tờ giấy có phác họa.*

Quản trị viên Thế à? Đó có thể là một cách giải quyết. *Đứng lên.* Ông Galilei, chúng tôi biết ông là một nhân vật vĩ đại. Vĩ đại, nhưng không mãi nguyên, nếu tôi có thể nói như thế được.

Galilei Phải, tôi không hài lòng, và đó là cái mà các ông sẽ trả cho tôi nếu các ông chịu suy nghĩ một chút! Vì tôi không hài lòng với tôi. Thế mà các ông lại lo để tôi được hài lòng với các ông. Tôi thừa nhận, thưa các ngài ở Venedig, rằng tôi thích được tự mình xoay xở và giải quyết thành công những vấn đề đặt ra trong công binh xưởng nổi tiếng cũng như trong xưởng đóng tàu và xưởng sản xuất đại bác của các ngài. Nhưng các ngài không để cho tôi có thì giờ theo đuổi những dự phóng xa thêm, những dự phóng đã thôi thúc tôi tại chính những cơ xưởng đó, vì chúng cần cho lãnh vực hiểu biết của tôi. Các ngài đã cột mõm con bò đang đạp lúa⁽¹⁶⁾. Tôi nay 46 tuổi rồi mà chẳng làm được việc gì khiến mình hài lòng cả.

Quản trị viên Vậy thì tôi không dám quấy rầy ông lâu thêm nữa.

Galilei Cám ơn.

Quản trị viên đi ra. Galilei đứng đó một lúc, xong lại bắt đầu làm việc. Rồi Andrea chạy về.

Galilei đang làm việc Tại sao cháu không ăn táo đi?

Andrea Để cháu còn chỉ cho mẹ xem quả đất quay chứ.

Galilei Andrea này, ta phải yêu cầu cháu điều này: đừng nói với ai khác về ý nghĩ của bác cháu mình nhé.

Andrea Sao thế ạ?

Galilei Giới có quyền thế cấm.

Andrea Nhưng đó là sự thật mà.

Galilei Nhưng mà họ cấm. Trong vụ này còn thêm chuyện khác nữa. Các nhà Vật lý chúng ta vẫn chưa chứng minh được điều chúng ta cho là đúng. Ngay cả học thuyết của Kopernikus vĩ đại cũng chưa được chứng minh. Nó mới chỉ là giả thuyết.

Đưa ta thấu kính.

Andrea Nửa Skudo không đủ. Cháu phải để áo khoác lại thế chân đấy.

Galilei Mùa đông mà không có áo khoác thì cháu làm sao?

Ngìng. Galilei sắp xếp thấu kính trên tờ giấy có phác họa.

Andrea Giả thuyết là gì ạ?

Galilei Là điều mà người ta cho rằng có khả năng nhưng chưa được chứng minh. Cô Felice dưới kia, trước cái quán của người đan giỏ, áp con vào ngực, cho con bú chứ không phải nhận sữa từ thằng bé, điều này là giả thuyết bao lâu người ta không đi tới, nhìn và chứng minh. Trước các thiên thể thì chúng ta như con đom đóm mất mờ chỉ thấy chút ít thôi. Những học thuyết cũ được tin theo cả nghìn năm nay đã rệu rã lắm rồi; những tòa nhà khổng lồ này còn ít gỗ hơn cả ở những cột chống chúng nữa. Chúng có nhiều định luật song không giải thích được mấy, trong khi những giả thuyết mới ít định luật mà lại giải thích được nhiều.

Andrea Nhưng ông đã chứng minh hết cho cháu rồi còn gì.

Galilei Mới chỉ chứng minh rằng có thể như thế thôi, cháu ạ. Cháu nên hiểu rằng giả thuyết thì rất hay và không có gì để bài bác nó cả.

Andrea Cháu cũng muốn thành nhà Vật lý, ông Galilei ạ.

Galilei Ta cũng nghĩ thế, trước vô vàn câu hỏi phải làm sáng tỏ trong lãnh vực của chúng ta. *Đi tới cửa sổ nhìn qua các thấu kính. Hơi thích thú.* Andrea, cháu hãy nhìn qua cái này xem.

Andrea Lạy Đức Bà, mọi thứ sao gần thế! Chuông trên nhà thờ Campanile gần xị. Cháu có thể đọc được cả những chữ bằng đồng: GRACIA DEI. ⁽¹⁷⁾

Galilei Thấu kính này sẽ đem lại cho chúng ta 500 Skudo.

2. GALILEI TRAO CHO NƯỚC CỘNG HÒA VENEDIG MỘT PHÁT MINH MỚI.

Không phải mọi việc làm của
vĩ nhân đều là vĩ đại
mà Galilei thích ăn ngon.
Hãy nghe mà chớ phiền lòng
về sự thật của ống viễn kính.

Tại bến tàu, ở Đại công binh xưởng của Venedig. Các vị trong Hội đồng nước Cộng hòa, đứng đầu là Đại thống lãnh. Về phía Galilei có Sagredo - bạn ông - và Virginia Galilei - con gái ông, mười lăm tuổi - bưng một cái gỏi nhưng, trên đặt một ống viễn kính dài khoảng 60 cm bọc da đỏ thắm. Galilei đứng trên một cái bục. Sau lưng ông là một cái giá để gắn ống viễn kính, do người thợ mài thấu kính Federzoni phụ trách.

Galilei Thưa ngài Đại thống lãnh, thưa các ngài trong Hội đồng nước Cộng hòa! Là giáo sư toán tại đại học Padua của quý ngài, kiêm giám đốc Đại công binh xưởng ở Venedig, tôi luôn luôn coi trách nhiệm của mình không những chỉ là làm tròn sứ mạng dạy học cao cả mà còn qua những phát minh thiết thực đem lại cho nước Cộng hòa Venedig những lợi ích khác thường. Hôm nay, với niềm vui sâu sắc và tất cả sự khiêm tốn cần thiết, tôi xin được trình bày cách sử dụng và chuyển giao đến quý ngài một dụng cụ hoàn toàn mới, đó là ống viễn kính hay kính viễn vọng của tôi, được hoàn thành tại Đại công binh xưởng nổi tiếng thế giới của quý ngài, dựa trên những nguyên lý cơ bản tối cao của khoa học và đạo Cơ Đốc, thành quả mười bảy năm nghiên cứu cần cù của người đầy tớ trung thành của quý ngài.

Galilei rời bục, lại đứng cạnh Sagredo. Mọi người vỗ tay. Galilei cúi đầu đáp lễ.

Galilei nói khẽ với Sagredo Chỉ mất thì giờ!

Sagredo khẽ đáp Bác sẽ trả được nợ cho hàng thịt đấy, ông bạn già ạ.

Galilei Phải, sẽ có tiền cho họ. *Lại nghiêng người đáp lễ.*

Quản trị viên bước lên bục Thưa ngài Đại thống lãnh, thưa các ngài trong Hội

đồng nước Cộng hòa! Một lần nữa quyền sách bách khoa về nghệ thuật lại có thêm một trang được vinh dự viết với những nét chữ của Venedig. *Người ta lịch sự vỗ tay.* Nơi đây, bậc trí giả nổi tiếng thế giới trao cho quý ngài, và chỉ cho quý ngài thôi, một cái ống nhìn có thể bán rất chạy; nó có thể được chế tạo rồi tung ra thị trường bất cứ lúc nào quý ngài muốn. *Tiếng vỗ tay mạnh hơn.* Hẳn quý ngài nhận thấy rằng nhờ dụng cụ này mà khi xảy ra chiến tranh chúng ta biết được số lượng và loại tàu địch cả hai giờ trước khi chúng biết về ta, thành ra chúng ta - do biết lực lượng của địch - có thể quyết định truy kích, giao tranh hay rút lui? *Vỗ tay nhiệt liệt.* Và bây giờ, thưa ngài Đại thống lãnh, thưa các ngài trong Hội đồng nước Cộng hòa, ông Galilei yêu cầu quý ngài nhận từ tay ái nữ xinh đẹp của ông cái dụng cụ ông đã phát minh, sản phẩm qua trực giác của ông.

Nhạc trời lên. Virginia bước tới, cúi đầu, trao ống viễn kính cho quản trị viên, ông này đưa cho Federzoni. Federzoni đặt nó lên giá rồi chỉnh. Đại thống lãnh và các ông trong Hội đồng nước Cộng hòa bước lên bục, nhìn qua ống.

Galilei nói khẽ Tôi không bảo đảm được với bác là sẽ đứng nổi suốt buổi hội hóa trang này. Họ nghĩ rằng vớ được một món lẳng nhăng béo bở, nhưng mà nó giá trị hơn nhiều. Tối hôm qua tôi đã hướng cái ống này, nhìn lên mặt trăng.

Sagredo Bác thấy cái gì?

Galilei Nó không tự phát ra ánh sáng.

Sagredo Sao cơ?

Các ủy viên Hội đồng Tôi nhìn thấy được các công sự ở Santa Rosita, ông Galilei ạ. Ở đó họ đang ăn trưa trên thuyền. Cá chiên. Thấy mà thèm.

Galilei Bác phải biết rằng thiên văn học giậm chân tại chỗ từ nghìn năm nay vì không có kính thiên văn.

Một ủy viên Hội đồng Ông Galilei ơi!

Sagredo Người ta gọi bác kìa.

Một ủy viên Hội đồng Với kính này nhìn cái gì cũng thấy rõ mồn một. Tôi sẽ phải bảo đám đàn bà nhà tôi đừng có mà lên sân thượng tắm nữa.

Galilei Bác có biết dải Ngân hà từ đâu ra không?

Sagredo Không.

Galilei Tôi biết đấy.

Một ủy viên Hội đồng Thứ này có thể bán được với giá 10 Skudo đấy, ông Galilei ạ. *Galilei nghiêng mình.*

Virginia đưa Ludovico tới gặp cha Bố ơi, anh Ludovico muốn chúc mừng bố.

Ludovico bối rối Xin chúc mừng ông.

Galilei Tôi đã cải tiến cái ống này.

Ludovico Thưa vâng. Tôi có thấy. Ông làm cái vỏ màu đỏ. Ở Hòa Lan thì vỏ màu lục.

Galilei quay sang Sagredo Thậm chí tôi tự hỏi với cái ống này hẳn mình có thể chứng minh một học thuyết nào đấy chứ nhỉ.

Sagredo Bác chó nên nóng vội.

Quản trị viên Thế là số tiền 500 Skudo của ông được chấp thuận rồi đấy, ông Galilei ạ.

Galilei không buồn nhìn quản trị viên, tiếp tục nói với Sagredo Dĩ nhiên tôi rất nghi ngờ mọi kết luận quá hấp tấp.

Đại thống lãnh, mập mạp và giản dị, lại gần Galilei, tìm cách bắt chuyện với vẻ trang trọng song vụng về.

Quản trị viên Thưa ông Galilei, đây là ngài Đại thống lãnh.

Đại thống lãnh bắt tay Galilei.

Galilei Phải rồi, 500 Skudo! Ngài Đại thống lãnh hài lòng chứ ạ?

Đại thống lãnh Rất tiếc là chúng tôi ở nước Cộng hòa lúc nào cũng cần phải có cơ để đòi những người cầm quyền chấp thuận điều gì đấy cho các bậc trí giả của mình.

Quản trị viên Mặt khác, nếu không thì lấy gì để động viên họ, phải thế không, thưa ông Galilei?

Đại thống lãnh mỉm cười Chúng tôi cần có cơ.

Đại thống lãnh và quản trị viên đưa Galilei tới gặp các ủy viên Hội đồng; họ

vây quanh ông. Virginia và Ludovico chậm rãi đi ra chỗ khác.

Virginia Em làm thế có đúng không?

Ludovico Anh thấy đúng.

Virginia Anh làm sao thế?

LudovicoỒ, đâu có chuyện gì. Cái vỏ màu xanh lục có thể cũng tốt không kém.

Virginia Em nghĩ rằng mọi người đều rất hài lòng về bố.

Ludovico Còn anh tin rằng mình bắt đầu hiểu chút ít về khoa học rồi.

4. GALILEI RỜI CỘNG HÒA VENEDIG VỀ SỐNG DƯỚI TRƯỞNG TRIỀU ĐÌNH ĐẠI CÔNG TƯỚNG FLORENZ. NHỮNG PHÁT HIỆN QUA VIỄN KÍNH CỦA ÔNG KHÔNG ĐƯỢC GIỚI BÁC HỌC TẠI ĐÓ CÔNG NHẬN.

Cái cũ: Ta như thế này từ xưa từ xưa.

Cái mới: Anh không đúng nữa,
xin mời anh đi.

*Tại nhà **Galilei** ở Florenz. Bà Sarti dọn phòng làm việc, chuẩn bị buổi tiếp khách. Andrea đang lo thu dọn các bản đồ thiên văn.*

Bà Sarti Kể từ khi chúng tôi định cư sống mãi nguyện ở cái đất Florenz lắm kẻ ngợi ca này thì ngày nào cũng thấy cảnh khom lưng chào và nịnh bợ tăng bốc. Dân cả xứ này kéo tới nhòm vào cái ống kính để ở đây, thế là tôi cứ phải lau chùi nền nhà mãi. Làm sao cũng chẳng được! Máy phát hiện này hay ho ở chỗ nào thì hẳn chỉ có các vị chức sắc lo phần hồn mới biết nổi. Tôi đã từng phục dịch suốt bốn năm cho giám mục Filippo mà chưa hề lau sạch hết bụi trong thư viện ngài. Sách toàn bằng da thuộc, chất cao lên đến trần nhà, nào có phải loại thơ ca vớ vẩn đâu. Còn ngài giám mục do ngồi miệt mài trên mớ chữ nghĩa đó nên chai cả móng và mọc mụn nhọt tính ra cũng đến cả ký lô chứ không ít. Một vị thông thái đến thế hẳn phải thông hiểu mọi sự chứ nhỉ? Hôm nay sắp có đông khách đến tham quan, hẳn lại sẽ lỏng chỏng đến mức mai này tôi không mặt mũi nào nhìn lão bán sữa nữa. Tôi biết rất rõ cần phải làm gì nên đã khuyên ông chủ trước tiên phải bày sẵn bữa ăn tối mời khách, một miếng thịt cừ trông cho thơm tấp, trước khi để họ ghé mắt vào ống kính. Nhưng nhất định không là không! *Bà nhại giọng **Galilei**.* “Tôi đã chuẩn bị sẵn thứ khác cho các ngài ấy rồi.”

Có tiếng gõ cửa dưới nhà.

Bà Sarti nhìn qua lỗ hổng ở cửa sổ Chết thật, Đại công tước đã đến kia rồi! Mà ông **Galilei** vẫn còn đang ở trường đại học! *Bà chạy xuống cầu thang, mở cửa mời*

Cosmo de Medici, Đại công tước vùng Toscana⁽¹⁾, Quan nội quản⁽²⁾ và hai cung nhân.

Cosmo Ta muốn xem ống viễn kính.

Quan nội quản Có lẽ chúa công nên kiên nhẫn chờ đến khi ông Galilei và các vị khác từ trường đại học trở về. Với Bà Sarti. Ông Galilei muốn các nhà thiên văn kiểm chứng những ngôi sao được đặt tên là “sao Medici” ông mới tìm thấy.

Cosmo Họ không tin ống viễn kính, nhất định không. Nó ở đâu?

Bà Sarti Thưa ở trên lầu, trong phòng làm việc ạ.

‘Đại công tước’ tí hon hất hàm, chỉ cầu thang, Bà Sarti gật. Thế là cậu leo lên.

Quan nội quản già lụ khụ Xin chúa công cẩn thận cho! Với Bà Sarti. Phải lên trên đó à? Chỉ vì quan thái bảo bị ốm nên tôi phải tháp tùng.

Bà Sarti Ngài không phải lo có chuyện gì xảy ra cho Đại công tước đâu. Con trai tôi ở trên đó mà.

Cosmo lên tới nơi Xin chào.

Hai cậu bé cúi đầu trịnh trọng chào nhau. Ngừng một lúc. Rồi Andrea trở lại công việc của mình.

Andrea nói giống y thầy Galilei của nó Ở đây lúc nào cũng láo nháo, cứ như là chuồng bò câu vậy.

Cosmo Nhiều khách lắm à?

Andrea Giẫm cả lên chân nhau, trố mắt ngó mà chẳng hiểu gì hết thấy.

Cosmo Thế đấy. Có phải...? Chỉ vào ống viễn kính.

Andrea Phải, chính nó đấy. Nhưng chớ có đụng đến.

Cosmo Còn cái này? Chỉ vào mô hình hệ thống Ptolemaeus bằng gỗ.

Andrea Đó là hệ thống Ptolemaeus.

Cosmo Nó cho thấy mặt trời quay thế nào, phải không nhỉ?

Andrea Phải, người ta bảo thế.

Cosmo ngồi xuống ghế, ôm mô hình trong lòng. Thầy giáo của ta bị ốm nên ta đi sớm được. Ở đây thoải mái nhỉ.

Andrea bôn chôn, uể oải và do dự đi quanh, nghi ngại nhìn cậu bé lạ mặt, rồi cuối cùng nhin không được cảm dỗ, bèn lôi ra từ sau đống bàn đồ một mô hình bằng gỗ thứ hai mô tả hệ thống Kopernikus. Nhưng đúng ra thì nó phải như thế này cơ.

Cosmo Thế này là thế nào?

Andrea chỉ vào mô hình trong lòng Cosmo Người ta ngỡ là thế này, nhưng - chỉ vào mô hình trong tay mình - nó là thế này. Trái đất xoay quanh mặt trời, ngài hiểu không?

Cosmo Người nghĩ thế thật à?

Andrea Dĩ nhiên. Đã được chứng minh rồi mà.

Cosmo Thật à? Ta muốn biết tại sao họ nhất định không chịu để ta gặp ông già. Hôm qua ông còn đến ăn chiều mà.

Andrea Có vẻ như ngài không tin vào hệ thống mới, đúng không?

Cosmo Có chứ!

Andrea đột nhiên chỉ vào mô hình trong lòng Cosmo Trả lại đây, ngay cái này ngài cũng không hiểu đâu!

Cosmo Người cần gì tới hai cái.

Andrea Trả đây. Có phải đồ chơi cho trẻ con đâu.

Cosmo Ta sẵn sàng trả lại cho người, nhưng người phải lễ phép hơn một chút, hiểu không?

Andrea Mày là một thằng đàn, lễ với phép! Đưa đây, không thì có chuyện ngay.

Cosmo Đừng có mà đụng tới, biết chưa!

Hai đứa đánh nhau rồi vạt nhau trên sàn nhà.

Andrea Tao sẽ cho mày biết phải làm thế nào với một mô hình. Đầu hàng đi!

Cosmo Bây giờ thì nó gãy làm hai rồi. Tại mày vịn tay ta.

Andrea Mình sẽ thấy ai đúng, ai sai. Nói: trái đất quay, không thôi tao cú đầu.

Cosmo Không đời nào. Ái, mày là đồ tóc đỏ⁽³⁾! Ta sẽ dạy cho mày biết thế nào là lễ phép.

Andrea Tóc đỏ à? Tao mà là đồ tóc đỏ à?

*Chúng lại vật nhau. Dưới nhà Galilei và vài ông giáo sư đại học vừa đi vào. Theo sau là **Federzoni**.*

Quan nội quán Thưa các ông, một trận cảm xoàng đã khiến quan thái bảo, ngài Suri, không tháp tùng Đại công tước tới đây được.

Nhà thần học Hy vọng không cảm nặng.

Quan nội quán Không đâu.

Galilei *về thất vọng* Đại công tước không tới đây à?

Quan nội quán Chúa công đang ở trên lầu. Tôi không dám làm mất thì giờ của các ông. Triều đình tha thiết được biết ý kiến của trường đại học lừng danh về cái dụng cụ khác thường của ông Galilei và về những ngôi sao mới tuyệt vời.

Họ lên lầu.

Hai đứa nhỏ nằm yên. Chúng đã nghe thấy tiếng lao xao nói chuyện dưới nhà.

Cosmo Họ tới rồi. Để ta đứng lên chứ!

Chúng vội đứng dậy.

Khách khứa *trong khi đi lên lầu* Không, không, mọi chuyện ổn cả. Khoa Y tuyên bố rằng những vụ xảy ra ở khu phố cổ hoàn toàn không phải là bệnh dịch hạch. Những khí độc từ đất bốc lên nhất định phải đông lại khi mà trời trở lạnh như bây giờ. Cái tệ hại nhất trong những trường hợp này bao giờ cũng là sự hoảng loạn. Vào mùa này không có bệnh gì khác ngoài những đợt cảm cúm thông thường. Không có gì để hoài nghi cả. Mọi sự đều ổn hết.

Chào nhau ở trên lầu.

Galilei Thưa ngài Đại công tước, trước sự hiện diện của ngài, tôi rất sung sướng được phép giới thiệu với các vị trong đại học của ngài những điều mới. *Cosmo cúi đầu hết sức trịnh trọng trước mọi người, kể cả trước Andrea.*

Nhà thần học nhìn mô hình *Ptolemaeus* bị gãy trên sàn Hình như có cái gì bị gãy đôi.

Cosmo vội cúi nhặt rồi lễ phép đưa mô hình cho *Andrea*. Trong khi đó *Galilei* len lén cất mô hình kia đi.

Galilei đứng cạnh ống viễn kính Như ngài từng rõ, giới thiên văn học chúng tôi lâu nay gặp nhiều khó khăn trong việc tính toán. Chúng tôi cứ phải sử dụng một hệ thống cổ xưa, tuy thống nhất với triết học nhưng tiếc thay hình như không phù hợp với những dữ kiện ta được biết ngày nay. Theo hệ thống cũ mang tên *Ptolemaeus*, những chuyển động của các tinh tú được xem là vô cùng rối rắm. Chẳng hạn sao Kim phải di chuyển theo quỹ đạo này. Ông vẽ quỹ đạo ngoại luân⁽⁴⁾ của sao Kim theo hệ thống *Ptolemaeus* lên bảng. Thế nhưng dù đã giả thuyết rằng những chuyển động phức tạp đó là đúng, chúng tôi cũng không làm sao tính toán và ước đoán đúng được vị trí các tinh tú. Chúng tôi không tìm thấy các vì sao này ở những điểm mà lẽ ra chúng phải di chuyển đến. Thêm vào đó còn có những chuyển động khác của tinh tú mà hệ thống *Ptolemaeus* không lý giải được. Chẳng hạn những chuyển động tôi vừa khám phá ở các vì sao nhỏ xoay quanh sao Mộc. Xin quý vị hãy vui lòng quan sát các vệ tinh của sao Mộc này, nay mang tên là sao *Medici*, chúng ta bắt đầu chứ ạ?

Andrea chỉ vào cái ghế đặt trước ống viễn kính Mời quý ngài ngồi đây.

Nhà triết học Cảm ơn cậu bé. Tôi e rằng mọi chuyện không đơn giản như thế đâu. Thưa ông *Galilei*, trước khi thử ống viễn kính nổi tiếng của ông chúng tôi xin được thảo luận về một đề tài thú vị: những hành tinh này có hiện hữu không?

Nhà toán học Một cuộc thảo luận hình thức thôi mà.

Galilei Tôi lại nghĩ rằng quý ngài hãy cứ nhìn qua ống viễn kính rồi sẽ tự thấy được thuyết phục hay không.

Andrea Xin mời.

Nhà toán học Dĩ nhiên, dĩ nhiên. Chắc chắn là ông biết rằng theo quan điểm học thuyết cũ thì không thể có sao quay quanh một tâm nào khác hơn là quả đất, cũng không thể có sao nào không có điểm tựa trên bầu trời, phải thế không ạ?

Galilei Vâng.

Nhà triết học Và, hãy bỏ qua khả năng có những ngôi sao như thế, mà xem ra **Nhà toán học** hoài nghi - ông nghiêng mình trước *Nhà toán học* - tôi xin được khiêm cung đặt ra câu hỏi với tư cách một triết gia: những ngôi sao đó có cần

không? Aristotelis divini universum⁽⁵⁾...

Galilei Chúng ta tiếp tục bằng ngôn ngữ bình thường có được không ạ? Bạn tôi, ông **Federzoni**, không hiểu tiếng La tinh.

Nhà triết học Có cần ông ấy hiểu chúng ta không?

Galilei Cần chứ ạ.

Nhà triết học Tôi xin lỗi. Tôi cứ nghĩ ông ấy là thợ mài thấu kính cho ông.

Andrea Ông Federzoni là thợ mài thấu kính và là một nhà bác học.

Nhà triết học Cảm ơn cậu bé. Nếu ông Galilei muốn thế...

Galilei Tôi muốn thế.

Nhà triết học Thế thì biện luận sẽ kém phần hay ho, nhưng đây là nhà của ông. Hình ảnh vũ trụ của Aristoteles thần thánh với những tinh cầu cùng tấu nhạc một cách thần bí, những vòm pha lê, những quỹ đạo của các thiên thể, độ nghiêng quỹ đạo của mặt trời, những bí mật của các bảng về vệ tinh, mục lục sao chổi của nam bán cầu và sự tạo dựng ngôi sáng thiên cầu là một tòa nhà ngăn nắp và xinh đẹp khiến ta phải ngẩn ngại khi làm xáo trộn sự hài hòa ấy.

Galilei Nếu các ngài thấy được qua ống viễn kính này những ngôi sao mà các ngài cho là vừa không thể có, vừa không cần thiết thì sao nào?

Nhà toán học Người ta có thể thử trả lời rằng ống viễn kính của ông cho thấy cái không thể có, nghĩa là nó không nhất thiết là thứ ống viễn kính đáng tin cậy, được không ạ?

Galilei Ngài muốn ám chỉ gì chứ ạ?

Nhà toán học Thưa ông Galilei, tốt nhất ông cứ cho chúng tôi biết lý do khiến ông cho rằng ở tầng cầu cao nhất của bầu trời bất di bất dịch có những ngôi sao có thể tự do chuyển động.

Nhà triết học Lý do, ông Galilei ạ, lý do.

Galilei Lý do ư? Còn lý do gì nữa khi các ngài chỉ cần nhìn vào ngay chính các ngôi sao kia và xem các ghi chép của tôi là đủ rõ rồi? Thưa ngài, tranh luận thế thì quả là vô vị.

Nhà toán học Nếu biết chắc ông không bị kích động thêm nữa thì người ta có

thể dám bảo rằng cái thấy được trong ống viễn kính của ông và cái trên bầu trời là hai thứ khác nhau.

Nhà triết học Ông nói như thế là không được lịch sự lắm đấy.

Federzoni Các vị này cho rằng chúng ta vẽ các sao Medici trên thấu kính!

Galilei Các ngài quy kết chúng tôi lừa bịp ư?

Nhà triết học Làm sao chúng tôi dám thế? Trước sự hiện diện của Đại công tước!

Nhà toán học Cái dụng cụ của ông, người ta muốn gọi là đĩa con hay là đĩa học trò của ông tùy ý, chắc chắn đã được làm hết sức khéo, không nghi ngờ gì nữa!

Nhà triết học Và thưa ông Galilei, chúng tôi hoàn toàn tin chắc rằng ông hoặc bất kỳ ai khác sẽ không dám lấy cái tên tôn kính của dòng họ đang trị vì gán cho những ngôi sao mà sự hiện hữu của chúng còn trong vòng hoài nghi.

Mọi người cúi đầu thật thấp trước Đại công tước.

Cosmo đưa mắt tìm các cung nhân Có gì không ổn với các ngôi sao chẳng?

Cung nhân đứng tuổi với Đại công tước Thưa chúa công, các ngôi sao thì đều ổn cả. Các vị đây chỉ tự hỏi là chúng có thật hay không thôi.

Nghĩ.

Cung nhân trẻ Nghe nói là nhìn qua ống viễn kính này người ta có thể thấy từng cái bánh xe của sao Đại hùng.

Federzoni Đúng thế, và mọi chi tiết của chòm Kim ngưu.

Galilei Các ngài có định xem hay không?

Nhà triết học Có chứ, có chứ.

Nhà toán học Có chứ.

Nghĩ. Đột nhiên Andrea quay người, đi suốt căn phòng như tượng gỗ. Bà Sarti chụp nó lại.

Bà Sarti Con làm sao thế?

Andrea Họ là những kẻ ngu xuẩn. Giật khỏi tay mẹ, chạy đi.

Nhà triết học Một đứa bé tội nghiệp.

Quan nội quán Thưa Đại công tước, thưa các vị, tôi xin phép được nhắc rằng bốn mươi lăm phút nữa buổi khiêu vũ sẽ bắt đầu.

Nhà toán học Việc gì mà phải rào trước đón sau chứ? Sớm hay muộn thì ông **Galilei** cũng sẽ phải làm bạn với thực tế thôi. Những vệ tinh quanh sao Mộc của ông sẽ đâm thủng vỏ trái cầu thôi. Quá dễ hiểu mà.

Federzoni Rồi các vị sẽ ngạc nhiên cho mà xem: không có vỏ trái cầu nào cả.

Nhà triết học Thưa ông, quyển sách học nào cũng trả lời ông rằng có.

Federzoni Thế thì phải làm sách học mới.

Nhà triết học Thưa Đại công tước, các đồng nghiệp kính mến của tôi và tôi dựa trên thẩm quyền của chính ngài Aristoteles thần thánh, chứ không phải của ai thấp kém hơn.

Galilei *gần như khúm núm* Thưa quý ngài, tôn kính thẩm quyền Aristoteles là một chuyện, còn nhận định sự kiện rành rành trước mắt lại là chuyện khác. Quý ngài bảo rằng theo Aristoteles có những vỏ pha lê trong vũ trụ và do đó một số chuyển động không thể có được, vì các tinh tú sẽ phải xuyên thủng các vỏ ấy. Thế nhưng nếu chính quý ngài cũng quan sát thấy những chuyển động đó thì sao đây? Hẳn điều ấy sẽ khiến quý ngài phải công nhận rằng không bao giờ có các vỏ pha lê đó cả? Tôi không tha thiết mong mỏi gì hơn là xin quý ngài hãy tin vào chính mắt mình.

Nhà toán học Ông Galilei thân mến, tôi vẫn giữ thói quen đọc Aristoteles, dù có thể ông cho như thế là lỗi thời, và ông cứ an tâm rằng tôi vẫn tin vào mắt mình.

Galilei Tôi đã quá nhiều lần chứng kiến các vị thuộc mọi phân khoa khác nhắm mắt trước nhiều dữ kiện hiển nhiên và làm như không có chuyện gì xảy ra. Tôi trình những gì đã ghi chép thì họ chỉ mỉm cười, tôi mang ống viễn kính đến để họ tự thẩm định thì họ lại trích dẫn lời Aristoteles. Nhưng ông ta làm gì có ống viễn kính vào thời đó!

Nhà toán học Đã hẳn là không rồi, đương nhiên.

Nhà triết học *cao giọng long trọng* Nếu Aristoteles, vốn là thẩm quyền tối cao không những được giới bác học thời cổ đại mà cả các giáo hoàng công nhận, lại bị đem ra bôi tro trát trấu ở đây thì tôi thấy tiếp tục cuộc bàn cãi này là chuyện thừa thãi vô ích. Tôi từ chối mọi tranh luận nhằm không thực chất. Chấm hết.

Galilei Sự thật là con đẻ của từng thời đại, chứ không phải của kẻ nắm thẩm quyền. Những gì chúng ta chưa hiểu biết hết thì nhiều vô cùng, xin hãy cố làm giảm bớt từng chút những điều chưa hiểu biết ấy! Việc gì mà cứ phải tự cho mình là khôn là giỏi thay vì cố làm bớt cái dốt của mình đi một chút! Tôi thật may mắn có được trong tay dụng cụ mới này, nó cho phép ta ghé mắt nhìn xem được một góc bé xiu của vũ trụ. Quý ngài hãy thử đi!

Nhà triết học Thưa Đại công tước, thưa quý vị, tôi thực tình lo không biết chúng ta sẽ còn đi tới tận đâu nữa.

Galilei Với tư cách nhà nghiên cứu khoa học, tôi nghĩ chúng ta không có nhiệm vụ phải lo trước rằng sự thật sẽ đưa ta đến tận đâu.

Nhà triết học phát câu Ông Galilei ạ, sự thật dĩ nhiên có thể đưa đẩy ta đến bất cứ chốn nào khó ngờ trước được.

Galilei Thưa Đại công tước! Suốt mấy đêm nay trên khắp đất Ý người ta chĩa ống viễn kính lên nhìn sao. Các vệ tinh của sao Mộc không làm giá sữa hạ xuống thật. Thế nhưng từ xưa đến nay chưa ai nhìn thấy chúng, mà chúng thì hiện hữu từ ngàn xưa. Thế là kẻ thường dân sẽ rút ra kết luận rằng trên đời có thể còn bao thứ khác nữa chưa biết, chỉ cần họ chịu mở mắt ra nhìn thôi! Chúa công cần phải lên tiếng xác định với thần dân rằng quả đúng như thế thật. Không phải những chuyển động của vài tinh tú xa vời làm toàn dân xứ Ý chú tâm theo dõi mà chính điều ý thức mới rằng những học thuyết trước giờ được xem như vĩnh cửu bất biến nay bị lung lay, và ai cũng rõ rằng có quá nhiều học thuyết loại đó. Xin quý ngài đừng buộc chúng tôi tiếp tục bảo vệ những học thuyết không còn đứng vững nữa.

Federzoni Quý ngài là các nhà sư phạm, đứng ra có nhiệm vụ làm lung lay mọi học thuyết có sẵn mới phải.

Nhà triết học Tôi yêu cầu ông Galilei đừng để người của mình dám góp lời khuyên răn trong một buổi thảo luận khoa học như thế này.

Galilei Thưa Đại công tước! Công việc của tôi trong Đại công binh xưởng của Venedig đã tạo dịp cho tôi tiếp xúc hằng ngày với họa đồ viên, thợ xây dựng và thợ làm công cụ. Họ từng dạy cho tôi cách tìm giải pháp mới. Do ít kiến thức, họ phần nhiều chỉ dựa vào ngũ quan nên họ thường táo bạo, dám thử nghiệm ngay để xem sẽ đi đến đâu.

Nhà triết học Ôi trời!

Galilei Cũng tương tự các thủy thủ cách đây một thế kỷ đã ra khơi dù không biết

rồi sẽ có bờ bến nào để mà dạt vào được hay không. Hình như ngày nay muốn kiếm những kẻ ham mạo hiểm, như những người xưa kia từng làm lừng danh đất Hy Lạp, ta phải tìm đến các xưởng đóng tàu họa may còn gặp được.

Nhà triết học Theo những gì chúng ta được nghe ở đây thì tôi hết còn nghi ngờ rằng ông Galilei sẽ tìm được trong các xưởng đóng tàu những kẻ hăm mộ mình.

Quan nội quán Thừa Đại công tước, tôi hết sức lo ngại khi thấy buổi mạn đàm vô cùng bổ ích này kéo hơi dài. Đại công tước phải nghỉ ngơi chốc lát trước buổi khiêu vũ chứ.

Được ra hiệu, Đại công tước cúi chào Galilei. Triều đình quen cách ứng xử chóng vánh.

Bà Sarti đón trước Đại công tước, dâng mời một đĩa bánh ngọt Đại công tước dùng thử một cái bánh hình nhẫn chứ ạ? *Cung nhân đứng tuổi dẫn Đại công tước đi ra.*

Galilei chạy theo Quả tình các ngài chỉ cần ghé mắt nhìn vào cái dụng cụ ấy thôi mà!

Quan nội quán Về những điều ông khẳng định thì Đại công tước sẽ không quên hỏi ý kiến nhà thiên văn vĩ đại nhất hiện còn sống của chúng ta, đó là linh mục Christopher Clavius, trưởng thiên văn trường đại học thuộc Tòa thánh ở Rom.

3. 10 THÁNG GIÊNG 1610: NHỜ ỐNG VIỄN KÍNH GALILEI PHÁT HIỆN TRÊN BẦU TRỜI NHỮNG HIỆN TƯỢNG CÓ THỂ CHỨNG MINH HỆ THỐNG KOPERNIKUS. TRƯỚC SỰ CẢNH BÁO CỦA NGƯỜI BẠN VỀ HẬU QUẢ CÓ THỂ XẢY RA DO NHỮNG NGHIÊN CỨU CỦA ÔNG, GALILEI KHẲNG ĐỊNH NIỀM TIN VÀO LÝ TRÍ CỦA CON NGƯỜI.

Ngày 10 tháng Giêng

một nghìn sáu trăm mười

Galileo Galilei thấy

chẳng có thượng giới đâu cả.

Phòng làm việc của Galilei ở Padua. Buổi tối. Galilei và Sagredo - khoác áo măng tô dày - đứng trước ống viễn kính.

Sagredo nhìn qua ống kính, nói khe khẽ Vành hình lưỡi liềm hoàn toàn không đều, nham nhở, lồi lõm. Trên vùng tối, gần cái vành tỏa sáng, có những điểm sáng. Chúng lần lượt hiện ra. Ánh sáng tỏa ra từ những điểm này, lan rộng rồi hòa vào cái vùng sáng lớn hơn.

Galilei Bác nghĩ các điểm sáng này là gì?

Sagredo Không thể nào thể được.

Galilei Có đấy. Chúng là núi đấy.

Sagredo Trên một ngôi sao à?

Galilei Những trái núi không lồ đấy. Mặt trời mọc, dát ánh sáng vàng lên các đỉnh núi, trong khi chung quanh, trên các triền núi là đêm tối. Điều bác vừa thấy

chính là ánh sáng từ những đỉnh cao nhất tỏa xuống các thung lũng.

Sagredo Nhưng thế thì mâu thuẫn với mọi thiên văn học từ hai nghìn năm nay.

Galilei Đúng thế. Cái mà bác thấy thì chưa một ai thấy cả, ngoài tôi ra. Bác là người thứ hai đấy.

Sagredo Nhưng mặt trăng không thể là trái đất với núi non, thung lũng, cũng như trái đất không thể là một ngôi sao được.

Galilei Mặt trăng có thể là trái đất với núi non, thung lũng, còn trái đất có thể là một ngôi sao chứ. Nó là một thiên thể bình thường, một trong hàng nghìn thiên thể. Bác nhìn lần nữa mà xem. Bác có thấy cái phần mờ tối của mặt trăng giờ thành tối hoàn toàn không nào?

Sagredo Không. Bây giờ chú ý kỹ thì tôi thấy trên đó có ánh sáng nhạt, màu tro.

Galilei Theo bác thì cái đó là thứ ánh sáng gì nhỉ?

Sagredo ???

Galilei Ánh sáng của trái đất đấy.

Sagredo Bác lại nói nhăng. Làm sao mà trái đất, một vật thể trọc với núi non, rừng rậm và sông nước, lại tỏa sáng được?

Galilei Như mặt trăng tỏa sáng thôi. Bởi vì hai ngôi sao này được mặt trời chiếu rọi cho nên chúng tỏa sáng. Mặt trăng như thế nào đối với trái đất của chúng ta thì trái đất của chúng ta đối với mặt trăng cũng y như thế. Khi thì nó thấy trái đất của chúng ta như lưỡi liềm, khi là nửa hình tròn, khi tròn đầy, khi không là gì hết.

Sagredo Nếu thế thì không có khác biệt nào giữa mặt trăng và trái đất à?

Galilei Hẳn là không.

Sagredo Không đây mười năm trước có một người bị thiêu ở Rom. Ông ta tên là Giordano Bruno, cũng đã nói những điều y như thế.

Galilei Phải. Và chúng ta thấy rồi đấy. Bác nhìn tiếp đi, bác Sagredo. Cái bác thấy chính là không có khác biệt nào giữa bầu trời và trái đất cả. Hôm nay là ngày 10 tháng Giêng 1610. Loài người ghi vào nhật ký: khai tử thượng giới!

Sagredo Thật đáng sợ.

Galilei Tôi còn phát hiện thêm một điều. Có thể còn đáng ngạc nhiên hơn nữa cơ.

Bà Sarti *bước vào* Có ông quản trị viên.

Viên quản trị ào vào.

Quản trị viên Xin lỗi đã đến vào lúc khuya khoắt thế này. Tôi rất cảm ơn nếu được nói chuyện riêng với ông.

Galilei Ông Sagredo có thể nghe mọi chuyện mà tôi được nghe, ông Priuli ạ.

Quản trị viên Nhưng có thể ông sẽ không được thoải mái khi ông đây biết được chuyện gì đã xảy ra. Chuyện này, tiếc thay, hoàn toàn không ai lại ngờ được.

Galilei Thưa ông, ông Sagredo vốn quen gặp những chuyện không ngờ trước sự có mặt của tôi.

Quản trị viên Tôi e thế thật, tôi e thế thật. *Chỉ vào ống viễn kính.* Đó chính là cái dụng cụ nổi tiếng của ông. Ông có thể vát nó đi được đấy. Nó chẳng đáng gì cả, hoàn toàn không.

Sagredo *bồn chồn bước quanh* Sao thế?

Quản trị viên Ông có biết rằng người ta có thể mua tại mỗi góc đường nước Ý phát minh này của ông - mà ông gọi là thành quả của mười bảy năm nghiên cứu - với vài Skudo, và nó được sản xuất tại Hòa Lan không? Lúc này đây một tàu hàng Hòa Lan đang dỡ xuống bến cảng 500 ống viễn kính!

Galilei Thật thế à?

Quản trị viên Thưa ông, tôi thật không thể hiểu nổi sự thần nhiên của ông.

Sagredo Cái gì làm ông phiền não mới được chứ? Ông nên biết rằng chính với cái dụng cụ này mà trong mấy ngày qua ông Galilei đã có những khám phá làm đảo lộn thế giới thiên thể.

Galilei *cười* Ông Priuli thử ngó qua ống viễn kính mà xem.

Quản trị viên Ông nên biết rằng đối với tôi thì khám phá ra rằng mình là người đã giúp ông Galilei được tăng lương gấp đôi vì cái đồ bỏ đi đó là quá đủ. Hoàn toàn ngẫu nhiên mà các ủy viên Hội đồng nước Cộng hòa - vốn tin rằng cái dụng cụ này

chắc chắn sẽ chỉ được chế tạo tại nước Cộng hòa thôi - khi nhìn qua nó lần đầu lại không thấy ở góc đường gần đó nhất một người bán hàng rong được phóng lớn bảy lần đang bán cũng thứ kính này với giá rẻ mạt.

Galilei cười to.

Sagredo Thưa ông Priuli thân mến, có thể tôi không đánh giá được giá trị bán buôn của dụng cụ này, nhưng giá trị của nó cho triết học thì không lường nổi, rằng...

Quản trị viên Cho triết học! Ông Galilei là nhà toán học, liên quan gì đến triết học chứ? Ông Galilei, ông đã từng phát minh cho thành phố Venedig này một máy bơm nước chạy tốt và hệ thống ống tưới nước của ông cũng thế. Giới dệt vải cũng ca ngợi máy móc của ông; làm sao tôi lại có thể ngờ được chuyện này cơ chứ?

Galilei Xin ông Priuli chớ vội nói thế. Đường biển vẫn luôn còn là xa xôi, không an toàn và tốn kém. Chúng ta thiếu một thứ đồng hồ tin cậy được trên bầu trời. Một thứ bảng chỉ đường cho ngành hàng hải. Bây giờ tôi có cơ sở để cho rằng với ống viễn kính người ta có thể nhận biết rõ rệt một số vì sao có những chuyển động rất đều đặn. Như thế những bản đồ thiên văn mới biết đâu sẽ tiết kiệm cho ngành hàng hải hàng triệu Skudo đấy, ông Priuli ạ.

Quản trị viên Thôi đi ông ơi. Tôi đã nghe ông quá nhiều rồi. Ông đã trả ơn lòng thân thiện của tôi bằng cách biến tôi thành trò cười cho cả thành phố. Người ta sẽ mãi nhớ về tôi là quản trị viên đã mắc lừa một ống viễn kính vô giá trị. Ông tha hồ cười. Ông được thêm 500 Skudo rồi. Nhưng tôi có thể nói với ông rằng, và đây là lời của một kẻ chân thật: tôi kính tởm thế giới này!

Ông ta đi ra, đóng cửa lại.

Galilei Có thể nói rằng khi nổi giận thì ông ta đáng mến. Bác nghe chứ: ông ta kính tởm một thế giới ở đó người ta không buôn bán được.

Sagredo Bác có biết trước về cái dụng cụ chế tại Hòa Lan này không?

Galilei Dĩ nhiên là có nghe nói. Nhưng mà tôi đã thiết kế cho lũ keo kiệt trong Hội đồng nước Cộng hòa một cái tốt gấp đôi. Nhân viên tịch biên của tòa án mà tìm đến căn phòng này thì tôi làm việc thế nào được chứ? Mà con bé cháu Virginia quả tình sắp cần đến quần áo cưới để về nhà chồng, nó không được sáng dạ lắm. Tôi lại thích mua sắm sách nữa chứ, không chỉ về Vật lý và tôi còn thích ăn ngon. Tôi thường nảy ra nhiều ý tưởng khi được ăn ngon. Thật là một kỷ nguyên bằng hoại! Họ trả lương tôi không bằng trả cho một gã đánh xe ngựa chở rượu vang cho họ. Bón Klafter⁽¹⁾ củi cho hai lần giảng dạy về toán. Bây giờ tôi moi được của họ 500

Skudo, nhưng hiện nay tôi vẫn còn thiếu nợ, vài món đã hai mươi năm rồi. Nếu có được năm năm rảnh rang nghiên cứu thì có thể tôi sẽ chứng minh được hết thấy! Tôi còn chỉ cho bác xem vài thứ khác nữa.

Sagredo *ngập ngừng tiến lại ống viễn kính* Tôi cảm thấy có chút gì như lo sợ, bác Galilei ạ.

Galilei Bây giờ tôi chỉ cho bác một trong những đám tinh vân lóng lánh, trắng như sữa của dải Ngân hà. Bác cho tôi biết nó từ đâu mà có nhé!

Sagredo Toàn những sao! Cơ man là sao.

Galilei Riêng chòm sao Orion đã có 500 định tinh rồi. Đó là những vũ trụ, vô vàn vũ trụ khác, những tinh tú xa xôi mà kẻ bị thiêu⁽²⁾ đã nói tới. Ông ta không nhìn thấy chúng nhưng cho rằng chúng hiện hữu!

Sagredo Nhưng dù cho trái đất là một ngôi sao đi nữa thì còn phải lâu lắm mới chứng minh được điều Kopernikus khẳng định rằng nó quay quanh mặt trời. Trong vũ trụ không ngôi sao nào có một ngôi sao khác quay quanh nó. Còn mặt trăng thì vẫn luôn quay quanh trái đất.

Galilei Bác Sagredo này, từ hôm kia tôi đã tự hỏi mình rồi. Kia là sao Mộc. Ông *chỉnh ống viễn kính*. Gần nó có tới bốn ngôi sao nhỏ hơn, chỉ thấy được qua ống kính thôi. Hôm thứ hai tôi có thấy, nhưng không chú ý đặc biệt tới vị trí của chúng. Hôm qua tôi xem lại. Tôi dám thề rằng cả bốn sao đã đổi vị trí. Tôi ghi nhớ các vị trí đó. Bây giờ chúng lại đứng chỗ khác. Cái gì thế này? Hôm qua tôi còn thấy bốn sao cơ mà. *Nhường chỗ*. Bác ngó xem!

Sagredo Tôi thấy có ba sao thôi.

Galilei Sao thứ tư đâu? Biểu đồ đây. Chúng ta phải tính xem chúng có thể đã di động như thế nào.

Họ hồi hộp ngồi xuống bàn, làm việc. Sân khấu trở nên tối, nhưng vẫn thấy được sao Mộc và bốn vệ tinh nơi chân trời hình tròn phía xa. Khi trời trở sáng, họ vẫn còn ngồi đó, trằm áo mắng tồ mùa đông.

Galilei Thế là đã chứng minh rồi. Sao thứ tư chỉ có thể ở sau lưng sao Mộc nên ta không thấy nó. Thế là nay bác có một ngôi sao với một ngôi sao khác quay quanh nó rồi đấy.

Sagredo Còn cái vỏ pha lê mà sao Mộc gắn chặt vào đó thì sao?

Galilei Phải, bây giờ cái vỏ ấy đâu? Sao Mộc gắn chặt vào một cái vỏ thế nào được khi có những sao khác quay quanh nó? Nghĩa là không có chỗ tựa trong bầu trời, nghĩa là không có chỗ để gắn vào trong vũ trụ! Nghĩa là có một mặt trời khác!

Sagredo Bác hãy từ từ. Bác suy nghĩ vội quá.

Galilei Sao, vội à? Bạn ơi, phấn khởi lên! Bạn đã thấy cái chưa một ai thấy cả. Họ có lý!

Sagredo Ai cơ? Những người theo học thuyết Kopernikus à?

Galilei Và người kia⁽³⁾! Cả thế giới chống lại họ, mà họ đúng. Phải cho thằng Andrea xem mới được! *Ông mừng quýnh lên, chạy ra cửa, gọi. Bà Sarti ơi! Bà Sarti!*

Sagredo Bác Galilei, bác nên bình tĩnh!

Galilei Bác Sagredo, bác phải phấn khởi lên chứ! Bà Sarti!

Sagredo *quay óng viễn kính* Bác có thôi gào ầm ĩ như một gã điên không nào?

Galilei Bác có thôi đứng ì như phỗng ở đó không, khi mà chân lý được phát hiện?

Sagredo Tôi không đứng như phỗng, mà tôi đang run vì sợ rằng đó có thể là chân lý.

Galilei Bác nói sao?

Sagredo Bác mất trí rồi ư? Có thật bác không còn biết mình sẽ gặp phải chuyện gì, nếu điều bác thấy là đúng? Để mà gào to khắp đầu đường xó chợ rằng: trái đất là một ngôi sao và không phải trung tâm của vũ trụ.

Galilei Đúng thế, và rằng không phải toàn cái vũ trụ bao la với mọi tinh tú quay chung quanh trái đất nhỏ xíu của chúng ta, như mọi người đã tưởng.

Sagredo Rằng trong cái vũ trụ ấy chỉ có toàn tinh tú thôi! Thế Chúa ở đâu?

Galilei Ý bác muốn nói gì chứ?

Sagredo Chúa! Chúa ở đâu?

Galilei *nổi cáu* Không ở nơi đó! Tương tự như nếu ở nơi đó có sinh vật và những sinh vật nọ đi tìm Chúa ở trên trái đất này thì cũng sẽ không tìm thấy Người

vậy!

Sagredo Thế thì Chúa ở đâu?

Galilei Tôi là nhà thần học à? Tôi là nhà toán học.

Sagredo Nhưng trước hết bác là người. Cho nên tôi hỏi bác: Chúa ở nơi nào trong hệ thống vũ trụ của bác?

Galilei Trong chúng ta hoặc không ở đâu cả.

Sagredo *hét lên* Như người bị thiêu nọ đã nói ư?

Galilei Như người bị thiêu nọ đã nói!

Sagredo Vì thế mà ông ta bị thiêu! Chưa đầy mười năm trước!

Galilei Vì ông ta không chứng minh được điều gì hết thấy. Vì ông ta chỉ khẳng định thôi! Bà Sarti ơi!

Sagredo Bác Galilei, tôi xưa nay biết bác luôn là người khôn ngoan. Trong mười bảy năm ở Padua và ba năm ở Pisa⁽⁴⁾ bác đã kiên nhẫn dạy dỗ hàng trăm học trò hệ thống Ptolemaeus mà Giáo hội đã công bố và Kinh Thánh, chỗ dựa của Giáo hội, đã xác nhận là đúng đắn. Bác cho nó là sai theo thuyết của Kopernikus, nhưng bác vẫn dạy.

Galilei Vì tôi không chứng minh được gì khác.

Sagredo *không tin* Bác cho rằng có khác biệt à?

Galilei Khác nhiều chứ! Bác nghe đây! Tôi tin con người, nghĩa là tôi tin vào lý trí của họ! Thiếu niềm tin này thì tôi sẽ không đủ sức để sáng dậy ra khỏi giường.

Sagredo Vậy thì tôi muốn nói với bác thế này: tôi không tin họ. Bốn mươi năm sống với con người đã thường xuyên dạy tôi rằng con người không đến nỗi với lý trí. Chỉ cho họ thấy cái đuôi sao chổi màu đỏ, gây cho họ một nỗi sợ mơ hồ thì họ sẽ bỏ nhà chạy đến gãy chân ngay. Nhưng nếu nói với họ một câu phải lẽ rồi ra sức chứng minh cho họ thì họ sẽ cười vào mũi bác.

Galilei Điều bác nói sai hoàn toàn và là phỉ báng. Tôi không hiểu nổi làm sao bác, vốn tin những điều như thế, lại có thể yêu khoa học được. Chỉ người chết mới không chịu thay đổi trước lý lẽ.

Sagredo Làm sao bác lại có thể nhầm lẫn sự tinh ranh ghê tởm của họ với lý trí

được chứ!

Galilei Tôi không nói về sự tinh ranh của họ. Tôi biết họ gọi lừa là ngựa khi cần bán, còn ngựa là lừa khi muốn mua. Đó là sự tinh ranh của họ. Buổi chiều trước hôm đi xa một bà lão dứt khoát đặt trước mồm con lừa thêm một bó cỏ, lúc mua hàng dự trữ người chèo thuyền nghĩ đến giông bão và khi trời đứng gió, đưa nhỏ sẵn sàng đội mũ khi chứng minh cho nó thấy được rằng trời có thể mưa, tất cả những người này là hy vọng của tôi, tất cả họ đều chấp nhận lý lẽ. Phải, tôi tin vào sức mạnh nhẹ nhàng mà lý trí chi phối con người. Về lâu về dài họ không cưỡng nổi lý trí. Không ai có thể nhìn tôi buông rơi hòn đá - thả viên đá rơi xuống nền - một hồi rồi nói: viên đá không rơi. Không ai làm nổi như thế cả. Sức lôi cuốn của một điều được minh chứng là rất mạnh. Phần đông chịu theo, về lâu dài thì tất cả. Suy nghĩ là một trong những thú vui lớn nhất của loài người.

Bà Sarti *bước vào* Ông có cần gì không, ông Galilei?

Galilei *lại đứng ghi chép cạnh ống viễn kính, rất vui vẻ* Có, tôi cần cháu Andrea.

Bà Sarti Andrea à? Nó đang ngủ.

Galilei Bà không đánh thức nó dậy được à?

Bà Sarti Ông cần nó có chuyện gì?

Galilei Tôi muốn cho nó xem một chuyện mà nó sẽ thích lắm. Nó nên xem cái này; ngoài hai chúng tôi đây thì chưa ai được thấy cả, từ khi có trái đất.

Bà Sarti Lại thấy gì đó qua ống viễn kính của ông chứ gì?

Galilei Gì đó qua ống viễn kính của tôi, bà Sarti ạ.

Bà Sarti Vì thế mà tôi phải đánh thức nó giữa đêm à? Ông có điên không đấy? Tôi đến nó cần phải ngủ. Tôi không nghĩ tới chuyện đánh thức nó đâu.

Galilei Dứt khoát không?

Bà Sarti Dứt khoát không.

Galilei Bà Sarti, vậy thì có thể bà giúp tôi vậy. Thế này bà ạ, có một câu hỏi nảy sinh mà chúng tôi không thể thống nhất nổi với nhau, có lẽ vì chúng tôi đọc sách quá nhiều. Đó là câu hỏi về bầu trời, liên quan đến tinh tú. Nó như thế này: nên cho rằng sao lớn xoay quanh sao nhỏ hay sao nhỏ xoay quanh sao lớn?

Bà Sarti *ngờ vực* Ông Galilei ạ, tôi thật không biết ông như thế nào nữa. Đó là một câu hỏi nghiêm chỉnh hay ông lại muốn giễu tôi?

Galilei Một câu hỏi nghiêm túc.

Bà Sarti Vậy thì ông có câu trả lời nhanh thôi: tôi dọn bữa ăn cho ông hay ông dọn cho tôi?

Galilei Bà dọn cho tôi. Hôm qua bị cháy khét.

Bà Sarti Tại sao cháy khét? Tại vì đang lúc nấu mà tôi phải đem giày cho ông. Tôi có đem giày cho ông không?

Galilei Chắc là có.

Bà Sarti Bởi vì ông là người có học và trả tiền cho tôi.

Galilei Tôi hiểu. Tôi hiểu, không có gì khó khăn cả. Chào bà Sarti.

Bà Sarti cười vui đi ra.

Galilei Những con người như thế này không hiểu nổi chân lý ư? Họ chớp lấy ngay ấy chứ!

Tiếng chuông lễ sớm bắt đầu rung lên. Virginia mặc măng tô đi vào, tay cầm nón có chụp che gió.

Virginia Bố ạ.

Galilei Sao, đã dậy rồi à?

Virginia Con đi lễ sớm với bà Sarti. Anh Ludovico cũng đi luôn. Đêm qua trời thế nào, hử bố?

Galilei Sáng.

Virginia Cho con ngó được không?

Galilei Để làm gì? *Virginia không biết trả lời sao.* Có phải đồ chơi đâu.

Virginia Thừa bố, vâng.

Galilei Vả lại ông viễn kính là một nỗi thất vọng tràn trề, rồi con sẽ được nghe nói khắp mọi nơi. Ngoài phố chỉ bán có 3 Skudo thôi và đã được phát minh ở Hòa Lan rồi.

Virginia Bố không thấy gì thêm mới trên bầu trời với ống kính này à?

Galilei Không có gì mới cho con cả. Chỉ có vài ba vết đục đục phía trái một ngôi sao lớn, chắc là bố sẽ phải tập trung chú ý vào mấy vết này vậy. Nói với Sagredo. Có thể tôi sẽ lấy tên của Đại công tước xứ Florenz đặt cho nó là “sao Medici⁽⁵⁾”. Lại nói với Virginia. Virginia ạ, chắc con sẽ thích vì có thể chúng ta sẽ dọn đi Florenz. Bố đã viết thư về đó, hỏi xem Đại công tước có cần bố làm nhà toán học trong triều đình⁽⁶⁾ không.

Virginia rạng rỡ Ở triều đình hả bố?

Sagredo Bác Galilei!

Galilei Ông bạn thân mến, tôi cần có nhiều thì giờ rảnh và yên tĩnh. Tôi cần tìm bằng chứng. Và tôi muốn có những xoong thớt. Ở chức vụ này tôi sẽ không phải ra sức nhồi nhét cho học trò học tư về hệ thống Ptolemeaus nữa, mà sẽ có thì giờ, thật nhiều thì giờ để soạn bằng chứng, bởi vì những gì tôi có hiện giờ không đủ. Đó chẳng là gì hết cả, chỉ vài ba thứ chấp vá vụn vặt! Với bấy nhiêu đó tôi không thể nào ra trình bày trước toàn thiên hạ được. Chưa có nổi một bằng chứng duy nhất về một thiên thể nào đó quay quanh mặt trời. Nhưng mà tôi sẽ trưng ra được bằng chứng, bằng chứng cho mọi người, từ bà Sarti lên tới Giáo hoàng. Mối lo ngại duy nhất của tôi là triều đình không chấp nhận.

Virginia Bố ạ, dĩ nhiên người ta sẽ chấp nhận bố với những tinh tú mới và mọi thứ.

Galilei Con đi lễ đi.

Virginia đi ra.

Galilei Tôi hiếm khi viết thư cho các nhân vật có chức có quyền. *Đưa ông Sagredo một lá thư.* Bác nghĩ tôi viết thế này có được không?

Sagredo *đọc to đoạn cuối bức thư Galilei vừa đưa* “Bởi thế tôi không mong mọi gì hơn là được ở gần ngài, vàng thái dương đang lên cao, soi sáng kỷ nguyên mới này.” Đại công tước Florenz mới có chín tuổi mà!

Galilei Chính thế. Tôi thấy rằng bác cho bức thư của tôi là quy lụy quá chứ gì? Tôi tự hỏi nó có đủ quy lụy chưa, chứ đừng quá khách sáo, như thể tôi thiếu lòng trung thành thật sự. Ai đó đã có công chứng minh thuyết của Aristoteles có thể sẽ viết một lá thư ý tứ hơn, chứ tôi thì không. Người như tôi chỉ có thể bò lết để đạt tới một địa vị tạm gọi là xứng đáng. Bác biết rằng tôi coi khinh những kẻ đầu óc tầm

thường, không làm no nôi bao tử mà.

Bà Sarti và Virginia đi qua hai người để dự lễ sớm.

Sagredo Đừng đi Florenz, bác Galilei ạ.

Galilei Tại sao không?

Sagredo Vì ở đó các cha có thống trị.

Galilei Ở triều đình Florenz họ cũng là các nhà trí giả có tiếng tăm.

Sagredo Tay sai cả thôi.

Galilei Tôi sẽ tóm cổ lôi họ đến trước ống viễn kính. Các tu sĩ cũng là người như mình thôi, bác Sagredo ạ. Họ cũng mê mải đi tìm chứng cứ biện minh. Đừng quên điều này: chính Kopernikus từng buộc họ phải tin những con số ông ta đưa ra, còn tôi chỉ đòi hỏi họ phải tin những gì chính mắt họ nhìn thấy. Khi Sự thật ở vào thế yếu không tự bảo vệ được thì Sự thật cũng phải ra mặt tiến công chứ. Tôi sẽ tóm cổ lôi họ, gí mắt họ bắt phải nhìn qua ống kính này.

Sagredo Bác Galilei ạ, tôi thấy bác đang dần bước vào một con đường đáng sợ đấy. Chính vào lúc con người nhận chân Sự thật thì bóng đêm của tai ương phủ chụp xuống ngay. Khoảnh khắc ta tưởng tin cậy được khả năng phán đoán của con người cũng là khoảnh khắc bị lóa mắt làm lẫn. Người đời muốn ám chỉ ai khi nói đến kẻ mắt mở thao láo mà đi? Họ ám chỉ kẻ đi thẳng đến bờ vực thẳm sẽ là nơi chôn mình. Giới nắm quyền làm sao có thể để cho một kẻ biết sự thật sống thong dong, dù đó chỉ là sự thật về những tinh tú ở xa tít mù tắp. Có phải bác định ninh là Đức Giáo hoàng sẽ chịu nghe bác trình bày sự thật nếu bác tuyên bố ngài nhầm, còn ngài không chịu nghe nếu bác nói ngài sai ư? Bác cho rằng ngài sẽ đơn giản ghi vào nhật ký: ngày 10 tháng Giêng năm 1610 - Thượng giới bị dẹp bỏ ư? Sao bác lại nhất quyết muốn đi khỏi Cộng hòa Venedig, với hành trang là sự thật mới khám phá và cái ống viễn kính này, để đưa chân vào bẫy mà giới quý tộc và cố đạo đã giăng sẵn? Trong nghiên cứu khoa học bác luôn ngờ vực thận trọng bao nhiêu thì ngược lại trong mọi sự tạo dịp cho họ tác oai tác quái bác lại càng cả tin như đứa bé con bấy nhiêu. Bác không tin vào Aristoteles nhưng lại tin cậy Đại công tước Florenz. Lúc nãy khi thấy bác ngồi quan sát các tinh tú mới tìm ra tôi cứ tưởng như đang thấy bác quần quai trên giàn thiêu rừng rực lửa, và khi nghe bác nói bác tin vào các chứng cứ, tôi như ngửi thấy mùi thịt người cháy khét lẹt. Tôi say mê khoa học nhưng tôi còn quý bác, người bạn của tôi, hơn nhiều. Bác Galilei ơi, hãy nghe tôi, đừng đi Florenz nữa!

Galilei Họ mà nhận là tôi đi ngay.

Trên màn sân khấu hiện lên trang cuối của bức thư:

“Tôi lấy tên dòng họ Medici cao quý đặt cho những tinh tú mới khám phá ra chính là vì tôi biết rằng người ta thường lấy tên các vị thần và anh hùng đặt cho tinh tú để tỏ lòng thần phục ngưỡng mộ, còn trong trường hợp này, ngược lại, chính cái tên Medici cao quý sẽ bảo đảm cho nhân loại không bao giờ quên các tinh tú kia. Chỉ xin ngài ghi nhớ cho rằng tôi là một trong những đầy tớ trung kiên và thành kính nhất, lấy việc xuất thân là thần dân của ngài làm điều vinh dự vô song.

Bởi thế tôi không mong mỏi gì hơn là được ở gần ngài, vầng thái dương đang lên cao, soi sáng kỷ nguyên mới này.

Galileo Galilei”

5. KỂ CẢ BỆNH DỊCH HẠCH CŨNG KHÔNG LÀM GALILEI CHÙN BƯỚC. ÔNG TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU.

a

Một buổi sáng sớm, Galilei đang cúi xem những ghi chép bên ống viễn kính. Virginia bước vào, tay cầm túi xách - loại dùng khi đi xa.

Galilei Virginia! Có chuyện gì thế, con?

Virginia Tu viện đóng cửa rồi, chúng ta phải về ngay thôi, bố ạ. Ở Arcetri có năm vụ bị dịch hạch.

Galilei gọi Bà Sarti ơi!

Virginia Con đường “phố Chợ” này cũng đã bị chặn lại từ tối hôm qua rồi. Con nghe nói ở khu phố cổ có hai người chết, ba người nằm ngắc ngoải trong nhà thương.

Galilei Thêm một lần nữa họ ém nhem mọi sự cho tới giây phút cuối.

Bà Sarti bước vào Cháu làm gì ở đây?

Virginia Dịch hạch rồi, bà ơi!

Bà Sarti Lạy Chúa! Tôi phải lo thu xếp ngay. *Ngồi xuống.*

Galilei Bà đừng thu xếp gì cả, mà hãy lo coi chừng Virginia với thằng Andrea! Còn tôi phải đi gom bản thảo.

Ông vội vàng chạy lại bàn làm việc, hối hả gom góp giấy tờ. Andrea cũng vừa chạy tới. Bà Sarti khoác áo măng tô cho nó, rồi đi lấy ít khăn trải giường và đồ ăn. Viên nội thị của Đại công tước bước vào.

Nội thị Vì bệnh dịch hoành hành nên Đại công tước đã rời thành phố, đi về hướng Bologna. Nhưng ngài đòi phải tạo điều kiện để ông Galilei cũng được đưa đến nơi an toàn. Trong hai phút nữa sẽ có xe bốn bánh đậu trước cửa.

Bà Sarti nói với Virginia và Andrea Hai đứa ra ngay đi. Đây, cầm theo cái này.

Andrea Nhưng tại sao mới được chứ? Mẹ không cho biết tại sao thì con sẽ không đi đâu.

Bà Sarti Vì dịch hạch, con ạ.

Virginia Chúng cháu đợi bố.

Bà Sarti Ông Galilei xong chưa?

Galilei lấy khăn bàn bọc ống viễn kính Bà đưa Virginia và Andrea lên xe ngựa đi. Tôi ra ngay.

Virginia Không, chúng con không đi nếu không có bố. Bố mà còn thu ghém sách vở nữa thì chẳng bao giờ xong được đâu.

Bà Sarti Xe đến rồi kìa.

Galilei Virginia, nghe bố, nếu các con không lên xe ngồi thì người xà ích sẽ cho xe chạy luôn đấy. Dịch hạch đâu phải chuyện đùa.

Virginia phản kháng trong khi Bà Sarti dẫn cô và Andrea ra Bà giúp bố cháu thu gói sách, không thì bố sẽ không ra đâu.

Bà Sarti từ cửa nhà gọi vào Ông Galilei ơi! Người đánh xe không chịu đợi đâu.

Galilei Bà Sarti ạ, tôi nghĩ tôi không nên đi. Mọi thứ còn lộn xộn lắm, bà nên biết rằng những ghi chép của ba tháng qua sẽ chỉ là giấy lộn đáng vứt đi nếu tôi không tiếp tục làm việc thêm một hay hai tối nữa. Mà bệnh dịch thì đâu đâu cũng có.

Bà Sarti Ông Galilei! Ra ngay đi! Ông điên rồi.

Galilei Bà phải đi trước với Virginia và Andrea. Tôi đi sau.

Bà Sarti Trong một giờ nữa sẽ chẳng còn ai được đi khỏi nơi đây. Ông phải đi thôi! Lắng nghe. Xe chạy kìa! Tôi phải giữ nó lại. Chạy đi.

Galilei đi tới đi lui. Bà Sarti quay lại, mặt nhợt nhạt, thiếu mất cái dĩa.

Galilei Sao bà còn đứng đó? Cái xe với hai đứa nhỏ sẽ chạy mất bây giờ.

Bà Sarti Chúng đi rồi. Người ta phải níu chặt Virginia trên xe đấy. Ở Bologna sẽ

có người lo cho hai đứa. Nhưng lấy ai lo chuyện ăn uống cho ông?

Galilei Chỉ vì chuyện nấu nướng cho tôi mà ở lại thành phố này thì bác đúng là điên!... *Cầm những bản thảo trong tay.* Bà Sarti! Bà đừng nghĩ rằng tôi khùng. Tôi không thể bỏ rơi những kết quả đã quan sát này được. Kẻ thù của tôi lắm quyền nhiều thế, tôi phải thu thập bằng chứng cho một số khẳng định của mình.

Bà Sarti Ông không cần phải xin lỗi. Nhưng như thế là rõ đại.

b

Trước ngôi nhà của Galilei ở Florenz. Galilei bước ra, nhìn xuống dưới dốc đường. Có hai bà sơ đi ngang qua.

Galilei *hỏi họ* Các sơ làm ơn cho biết tôi có thể mua sữa ở đâu được ạ? Sáng nay bà giao sữa không tới, còn bà quản gia của tôi đi mất rồi.

Một bà sơ Chỉ phía dưới phố là còn có tiệm mở thôi.

Bà sơ kia Ông ở trong con đường kia ra à?

Galilei *gật* Chính là con đường nhỏ đó đấy.

Hai bà sơ làm dấu thánh giá, lẩm bẩm kinh “Kính mừng” rồi bỏ chạy. Một người đàn ông đi ngang.

Galilei *hỏi ông này* Có phải ông là người làm bánh vãn giao bánh mì cho chúng tôi không? Ông này gật. Ông có thấy bà quản gia của tôi không? Chắc là bà ấy bỏ đi từ chiều hôm qua. Sáng sớm nay không thấy đâu nữa.

Người đàn ông lắc đầu.

Một cánh cửa sổ đối diện mở ra, một bà nhìn ra ngoài.

Người đàn bà kêu lên Chạy đi ông ơi! Bên nhà đó có bệnh dịch đấy!

Galilei Bà có biết gì về bà quản gia của tôi không?

Người đàn bà Bà quản gia của ông đã ngã quỵ phía trên kia kìa. Chắc bà ấy đã biết mình bị bệnh rồi. Nên bà ấy mới bỏ đi. Chẳng thèm đếm xỉa đến ai! *Đóng cửa sổ lại.*

Có mấy đứa bé đi xuống dốc. Thấy Galilei, chúng vừa chạy vừa la. Galilei quay

đi, hai người lính mặc giáp trụ bằng sắt chạy tới.

Lính Vào trong nhà ngay!

Họ cầm giáo dài đẩy Galilei vào trong nhà rồi đóng sầm cửa lại.

Galilei ở cửa sổ *Mấy chú có thể cho biết chuyện gì đã xảy ra với bà quản gia của tôi không?*

Lính Người ta đem bà ấy ra đồng cỏ rồi.

Người đàn bà lại xuất hiện nơi cửa sổ *Hết cả con đường phía sau bị nhiễm dịch. Tại sao mấy chú không chặn nó lại?*

Hai người lính căng dây chặn ngang đường.

Người đàn bà *Thế này thì cũng không ai vào nhà tôi được nữa! Các chú đâu cần phải chặn ở đây. Ở đây mọi người khỏe mạnh cả. Khoan! Khoan! Nghe tôi nói đã! Chồng tôi còn ngoài phố, thế là ông ấy không vào nhà được nữa rồi! Máy người không khác gì thú vật! Máy người không khác gì thú vật!*

Người ta nghe vẳng tiếng bà kêu khóc. Hai người lính kéo đi. Một bà lão xuất hiện ở một cửa sổ khác.

Galilei *Phía sau chắc là đang cháy.*

Bà lão *Nếu nghi có bệnh dịch hạch thì người ta không chữa cháy nữa đâu. Người ta chỉ còn nghĩ đến dịch hạch thôi.*

Galilei *Họ thờ ơ, cụ ạ! Đó là cả hệ thống chính quyền của họ mà. Họ đồn chúng ta như chặt cái cành chết của cây vả, không còn đậu nổi trái nữa.*

Bà lão *Ông chớ nói thế. Chỉ tại họ bắt lực đẩy thôi.*

Galilei *Cụ ở nhà một mình à?*

Bà lão *Vâng. Con trai tôi có viết một mảnh giấy báo tin. Đội ơn Chúa, nó đã nghe tin từ chiều hôm qua rằng có những ai ở phía sau kia bị chết, nên không về nhà. Ở khu này tối hôm qua có mười một vụ.*

Galilei *Tôi tự trách mình đã không kịp thời bảo bà quản gia đi. Tôi có việc cần làm gấp nên phải nán lại, còn bà ấy đâu có lý do gì để ở lại cơ chứ.*

Bà lão *Chúng tôi cũng đâu có đi được. Ai chịu chứa chúng tôi? Ông chẳng nên*

tự trách làm gì. Tôi có thấy bà ấy. Sáng sớm nay bà ấy ra đi, khoảng gần bảy giờ. Bà ấy bị nhiễm bệnh rồi, nên khi thấy tôi mở cửa lấy bánh mì vào nhà thì bà ấy đi vòng xa để tránh. Hẳn bà ấy không muốn rằng nhà ông bị người ta niêm phong. Nhưng mà họ sẽ biết cả thôi.

Nghe có tiếng rung.

Galilei Tiếng gì thế, hờ cụ?

Bà lão Họ mong dùng tiếng rung để xua đi những đám mây chứa mầm mống dịch hạch đấy.

Galilei cười lớn.

Bà lão Thế mà ông còn cười được!

Một người đàn ông từ trên đi xuống, thấy đường bị chằng dây.

Galilei Này ông kia! Đường bị chặn rồi, mà trong nhà tôi chẳng còn gì ăn cả.

Người đàn ông đã chạy đi.

Galilei Nhưng các người đâu thể nào để mặc tôi chết đói ở đây được! Ông kia ơi! Này ông kia!

Bà lão Có thể rồi họ sẽ mang đồ ăn, thức uống gì tới cho mình. Bằng không thì tôi sẽ để trước cửa nhà ông một bình sữa, nếu như ông không sợ; nhưng phải đợi đến tối đã.

Galilei Này! Này! Có ai nghe tôi gọi không?

Andrea đột nhiên xuất hiện bên sợi dây chằng đường. Mặt mũi tèm lem nước mắt.

Galilei Andrea! Sao cháu lại về đây?

Andrea Cháu về lâu rồi. Cháu gõ cửa mà ông không mở. Người ta bảo cháu, rằng...

Galilei Thế cháu không đi à?

Andrea Có. Nhưng giữa đường cháu nhảy xuống. Chị Virginia đi tiếp. Cháu không vào được à?

Galilei Không, cháu không vào được. Cháu hãy tới nhà dòng của các bà Ursulinerin⁽¹⁾. Có thể mẹ cháu cũng ở đây.

Andrea Cháu đã tới đó, nhưng họ không cho cháu vào gặp mẹ. Mẹ cháu bị nặng lắm.

Galilei Cháu có phải chạy xa lắm không? Cháu đi đã ba ngày rồi còn gì.

Andrea Cũng mất bảy nhiều ngày đấy, ông ạ. Ông đừng giận cháu. Có lần họ đã tóm được cháu.

Galilei *bó tay, không biết phải làm gì* Đừng khóc nữa. Cháu biết không, trong mấy ngày qua ta đã tìm được khá nhiều thứ. Có muốn ta kể cháu nghe không? *Andrea vừa khóc thút thút vừa gật.* Nghe cho kỹ kẻo không hiểu đâu. Cháu còn nhớ ta đã chỉ cho cháu một hành tinh là sao Kim không? Đừng lắng nghe cái âm thanh ấy, chẳng có gì cả đâu. Cháu còn nhớ không? Cháu có biết ta đã trông thấy gì không nào? Sao Kim trông giống như mặt trăng! Ta đã thấy nó khi thì nửa hình cầu, khi hình lưỡi liềm. Cháu nghĩ sao? Với một quả cầu nhỏ và một nguồn sáng ta có thể chỉ cho cháu thấy tất cả. Điều đó chứng tỏ rằng cả hành tinh này cũng không tự phát ra ánh sáng. Nó quay quanh mặt trời, theo một vòng tròn đơn giản, tuyệt chưa?

Andrea *thút thút* Dĩ nhiên, và đúng như thế.

Galilei nói khề Không phải ta giữ mẹ cháu ở lại đâu.

Andrea lặng thinh.

Galilei Dĩ nhiên, nếu ta không ở lại thì đã không xảy ra nông nỗi này.

Andrea Nay thì họ phải tin ông chứ, nhỉ?

Galilei Bây giờ ta đã thu thập đủ bằng chứng rồi. Cháu biết không, sau vụ này ta sẽ đi Rom và chỉ cho họ thấy. *Có hai người đeo khẩu trang, cầm sọt và gậy dài từ phía trên đi xuống. Họ móc bánh mì vào gậy đưa lên cho Galilei rồi đến bà lão ở cửa sổ.*

Bà lão Phía bên kia có một bà với ba đứa con. Mấy chú cũng nhớ đưa cho họ.

Galilei Còn tôi không có gì để uống cả. Trong nhà không có nước. Hai người kia nhún vai. Mai mấy chú có tới không?

Một người *tiếng nói bị hãm lại vì tấm khẩu trang* Hôm nay ai biết được

chuyện của ngày mai?

Galilei Nếu mấy chú tới, mấy chú làm ơn móc đưa lên đây cho tôi một quyển sách mỏng tôi cần để làm việc được không?

Cũng người ấy cười như bị ngạt Làm như thể mọi sự phụ thuộc cả vào một quyển sách. Có bánh mì ăn là mừng rồi đó ông.

Galilei Thằng nhỏ dưới kia là học trò tôi, nó sẽ đợi ở đây, trao sách để mấy chú móc vào gậy đưa lên cho tôi. *Nói với Andrea.* Andrea, đó là tám bản đồ với chu kỳ của sao Thủy mà ta đã phát hành. Cháu chạy tới trường lấy cho ta được không?

Hai người kia đã đi rồi.

Andrea Thưa ông Galilei, được ạ. Để cháu đi lấy cho. *Đi ra.*

Cả Galilei cũng rời khỏi sân khấu. Bà lão bên nhà đối diện đi ra, đặt trước cửa nhà Galilei một bình sữa.

7. NHỮNG TÒA ÁN TÔN GIÁO GHI HỌC THUYẾT CỦA KOPERNIKUS VÀO DANH SÁCH CẤM (NGÀY 5 THÁNG BA 1616)

Galilei là khách ở Rom,
trong dinh một Hồng y.

Người ta mời ông dê béo, rượu nồng,
và chỉ có một ước muốn nhỏ nhoi thôi.

*Tại dinh Hồng y Bellarmin ở Rom đang có buổi khiêu vũ. Ở tiền sảnh, nơi hai tu sĩ giữ chức thư ký đang chơi cờ Vua và ghi chú về khách khứa, Galilei được một nhóm nhỏ các ông các bà đeo mặt nạ hóa trang vỗ tay chào đón. Ông đi với con gái là **Virginia** và hôn phu của cô, Ludovico Marsili.*

Virginia Anh Ludovico ạ, em không nhảy với ai khác đâu.

Ludovico Cái kẹp vai em bị tuột rồi.

Galilei

“Hỡi nàng Thais⁽¹⁾,

Đừng vì ta mà vuốt lại dải yếm kia hơi lệch.

Có những chỗ xộc xệch, dưới sâu hơn, khiến ta và bao người được nhìn thỏa mắt

Dưới ánh nến lung linh

Trong căn phòng, đầy người, chật ních

Họ nghĩ đến những phút giây trong vườn tối đợi chờ.”

Virginia Bố sờ tim con xem.

Galilei đặt tay lên nơi trái tim cô Nó đập.

Virginia Con muốn mình đẹp.

Galilei Con phải đẹp, nếu không họ sẽ nghi ngờ ngay, không tin rằng trái đất quay.

Ludovico Nó đâu có quay. *Galilei cười.* Cả Rom ai ai cũng khéo chuyện về ông thôi. Kể từ tối nay, thưa ông, người ta sẽ quay ra nói về con gái của ông.

Galilei Người ta bảo rằng ở Rom vào mùa xuân con người dễ đẹp. Ngay như ta cũng phải ra dáng một chàng Adonis trẻ đẹp, đầy đà. *Nói với hai người thư ký.* Tôi cần chờ ngài Hồng y ở đây. *Với con gái và hôn phu.* Cứ vui chơi thoải mái đi nhé.

Trước khi ra phòng khiêu vũ ở phía sau, Virginia chạy trở lại.

Virginia Bố ơi, ông thợ làm tóc ở Via del Trionfo ưu tiên tiếp con trước, bắt bốn bà khách phải đợi. Ông ta vừa nghe là biết tên bố ngay. Đi.

Galilei *nói với hai thư ký đang chơi cò* Sao các ông vẫn chơi cò Vua kiêu cũ được nhỉ? Gò ép lắm, chật chội vương vius lắm. Bây giờ người ta chơi kiêu mới là cho mọi quân lớn đi được hết bàn cò. Quân tháp đi như thế này - chỉ - quân giám mục đi thế này, quân đam đi thế này, thế này. Chỗ trống nhiều, tính toán được nhiều nước.

Thư ký một Như thế không tương ứng với số lương ít ỏi của chúng tôi, ông ạ. Chúng tôi chỉ có thể đi như thế này thôi. *Đi một nước ngắn.*

Galilei Ngược lại, ông bạn ạ, ngược lại! Ai sống xa hoa, người ấy được trả cả tiền mua ủng lớn! Phải theo thời chứ các ông. Đừng cứ men bờ biển mãi, cũng phải có lần lên dòng buồm ra khơi xa chứ.

Hồng y già ở cuối màn 6 đi băng ngang sân khấu, có tu sĩ theo hầu, nhìn thấy Galilei, vẫn đi qua, rồi lưỡng lự quay lại chào ông. Galilei ngồi xuống. Từ phòng khiêu vũ có tiếng các thiếu niên ngâm khúc đầu bài thơ nổi tiếng của Lorenzo di Medici về sự vô thường:

“Tôi nhìn thấy hoa hồng tàn lụi

Lá rơi héo úa

Phai màu trên đất lạnh, nên hiểu rằng

Lòng kiêu ngạo của tuổi trẻ mới hão huyền sao!”

Galilei Có phải đây là lễ hội lớn ở Rom không?

Thư ký một Hội hóa trang đầu tiên sau những năm dịch hạch đây. Các dòng họ lớn của Ý đều có mặt ở đây hôm nay: Orsini, Villani, Nuccoli, Soldanieri, Cane, Lecchi, Estensi, Colombini...

Thư ký hai ngắt lời Các Hồng y giáo chủ Bellarmin và Barberini tới kìa.

Các Hồng y Bellarmin và Barberini vào. Họ cầm que gắn mặt nạ con cừu và bỏ câu che trước mặt.

Barberini chỉ Galilei “Mặt trời mọc rồi lặn, rồi trở về lại chỗ cũ.” Salomo⁽²⁾ đã nói, thế còn ông **Galilei** nói sao?

Galilei Thừa Đức giáo chủ, khi còn bé như thế này - *đưa tay làm dấu* - tôi đứng trên thuyền và nói: bờ biển chạy. Ngày nay tôi biết rằng bờ biển đứng yên, còn tàu chạy.

Barberini Khôn lắm, khôn lắm. Hồng y Bellarmin này, cái ta thấy - chẳng hạn như bầu trời quay - không nhất thiết là đúng, hãy lấy ví dụ thuyền và bờ. Còn cái đúng, đó là trái đất quay, thì ta lại không cảm nhận được! Hay. Nhưng mà các nhà thiên văn của chúng ta khó nhai mấy cái vệ tinh sao Mộc của ông này lắm. Đáng buồn là tôi cũng đã từng học chút ít thiên văn, Hồng y Bellarmin ạ. Nó bám miết vào người như bệnh ghê.

Bellarmin Ta phải theo thời đại thôi, Hồng y Barberini ạ. Nếu những bản đồ thiên văn dựa trên giả thuyết mới tạo thuận lợi cho sự đi biển của các thủy thủ của chúng ta thì họ nên dùng các bản đồ ấy. Chúng ta chỉ không bằng lòng những học thuyết khiến Kinh Thánh bị hiểu là sai thôi.

Ông vẫy chào về phía phòng khiêu vũ.

Galilei Nhân nói về Kinh Thánh. Salomo có câu: “Kẻ nào giữ lại thóc cho riêng mình, kẻ ấy sẽ bị nhân dân nguyên rửa.”

Barberini “Bạc hiện giả không phô trương kiến thức của mình.” Cũng của Salomo.

Galilei “Ở đâu có bò thì chuồng phải bản. Nhưng bò khỏe đem lại nhiều lợi nhuận.”

Barberini “Người biết làm chủ lý trí của mình thì giỏi hơn kẻ đánh chiếm được cả một thành phố.”

Galilei “Người bị bẻ gãy ý chí thì có chân tay mà như què quặt.”

Barberini “Có thể nào bước trên than hồng mà chân không phỏng chẳng?” Ông bạn **Galilei** ơi, Rom chào mừng ông. Ông có biết nguồn gốc của Rom không? Truyện kể rằng có hai chú nhỏ được một con chó sói cho bú và che chở. Từ lúc đó trở đi các sói con phải chịu thiếu hụt phần nào sữa. Nhưng bù lại, sói mẹ đem lại cho chúng đủ mọi thứ lạc thú, cả của trần gian lẫn trên trời, từ trò chuyện với Hồng y Bellarmin, người bạn thông thái của tôi, cho tới ba hay bốn vị phu nhân nổi tiếng thế giới; tôi được phép giới thiệu cho ông chứ?

Dẫn Galilei ra phía sau để chỉ cho ông phòng khiêu vũ. Galilei miễn cưỡng đi theo.

Barberini Ông không thích à? **Hắn chỉ muốn bàn về những đề tài nghiêm túc thôi⁽³⁾**. Được. Ông bạn Galilei này, ông có chắc rằng giới thiên văn các ông không phải chỉ muốn làm cho ngành thiên văn thành dễ dàng hơn cho các ông không? *Lại dẫn Galilei đi ngược ra phía trước*. Các ông nghĩ về những quỹ đạo tròn hay ê líp và với vận tốc đều đều, những vận động đơn giản theo đầu óc đơn giản của các ông. Nếu như Chúa cho các tinh tú của Người chạy như thế này thì sao nào? *Dùng ngón tay vẽ trong không trung một quỹ đạo cực kỳ phức tạp với tốc độ luôn thay đổi*. Lúc ấy những tính toán của các ông sẽ ra thế nào?

Galilei Thưa Đức giáo chủ, nếu Chúa tạo dựng ra vũ trụ như thế - ông lặp lại quỹ đạo Barberini vừa vẽ - thì Người cũng sẽ tạo ra đầu óc chúng ta như vậy - vẽ lại cũng quỹ đạo nọ - để cho nó nhận ra ngay chính những quỹ đạo này là những gì đơn giản nhất. Tôi tin tưởng vào lý trí.

Barberini Tôi lại cho lý trí là không đủ. *Hắn im lặng. Hắn quá lịch sự nên không nói trắng rằng theo hắn thì mình - Barberini này - không đủ lý trí.*

Cười rồi trở ra bao lon.

Bellarmin Lý trí, ông bạn ạ, không đủ để nghĩ xa. Chúng ta thấy chung quanh không gì khác hơn là lầm lạc, tội ác và yếu hèn. Chân lý ở đâu?

Galilei *nói câu* Tôi tin tưởng vào lý trí.

Barberini *nói với hai thư ký* Các anh không cần phải ghi chép làm gì, đây chỉ là mạn đàm về khoa học giữa bạn bè với nhau thôi.

Bellarmin Ông hãy thử nghĩ lấy một phút: các vị sáng lập Giáo hội và biết bao vị kế nhiệm đã hao tổn bao tâm trí để đem lại cho cái thế giới như thế này (chẳng phải nó đáng kinh tởm sao?) chút ít ý nghĩa. Ông hãy thử nghĩ về sự tàn bạo của

những kẻ đã ra lệnh dùng roi da quất trên lưng trần của những nông dân cày thuê đất đai của chúng ở vùng Campagna và về sự ngu xuẩn của những nông dân khôn khổ nọ khi đã vạy mà còn quỳ ôm hôn chân chúng.

Galilei Quả là đáng kinh tởm! Trên đường tới Rom tôi đã thấy...

Bellarmin Chúng ta đổ trách nhiệm về ý nghĩa của những sự kiện tương tự (vốn đầy rẫy trong cuộc sống) mà chúng ta không hiểu nổi ấy cho một Đấng tối cao, chúng ta giải thích rằng Người có hậu ý khi để những chuyện đó xảy ra, và mọi sự đều là tiền định cả. Tất cả không nhằm gì khác hơn là để tạo yên bình tuyệt đối trong tâm trí. Nhưng bây giờ ông buộc tội Đấng tối cao nọ là không thấu hiểu các tinh tú chuyển động thế nào. Vậy là khôn ngoan ư?

Galilei *vung tay giải thích* Tôi là một đứa con ngoan đạo của Giáo hội...

Barberini *Góm tay này thật. Hắn muốn tỏ ra hoàn toàn vô tội trong cái việc chứng minh Chúa đã sai be bét trong thiên văn!* Sao, ông bạn thân mến, Chúa đã không nghiên cứu thiên văn đủ kỹ càng trước khi Người viết nên Kinh Thánh chứ gì?

Bellarmin Chẳng lẽ ông không nghĩ rằng Tạo hóa biết rõ về vạn vật mình tạo ra hơn là chính tạo vật sao?

Galilei Nhưng mà thưa các Đức giáo chủ, con người có thể đã hiểu sai không chỉ về vận động của các tinh tú mà cả Kinh Thánh nữa!

Bellarmin Việc phải hiểu Kinh Thánh như thế nào cho đúng đã có các nhà thần học của Giáo hội lo, nhỉ?

Galilei lặng thinh.

Bellarmin Đấy, bây giờ thì ông im lặng. *Ra hiệu cho hai thư ký.* Thưa ông Galilei, tôi hôm qua Ủy ban Thần học Tòa thánh⁽⁴⁾ đã phán quyết rằng thuyết của Kopernikus, theo đó mặt trời cố định và là trung tâm của vũ trụ, còn trái đất không phải trung tâm vũ trụ và vận động là ngu muội, phi lý và tà giáo trong đức tin. Tôi được ủy thác cảnh tỉnh ông hãy nên từ bỏ tư tưởng này. *Ra hiệu cho người thư ký đầu.* Lặp lại điều ta vừa nói.

Thư ký một Đức giáo chủ Hồng y Bellarmin nói với Galileo Galilei - người đã được đề cập ở trên: Ủy ban Thần học Tòa thánh đã phán quyết rằng thuyết của Kopernikus, theo đó mặt trời cố định và là trung tâm của vũ trụ, còn trái đất không phải trung tâm vũ trụ và vận động là ngu muội, phi lý và tà giáo trong đức tin. Tôi được ủy thác cảnh tỉnh ông hãy nên từ bỏ tư tưởng này.

Galilei Thế là thế nào?

Từ phòng khiêu vũ nghe có tiếng đám thiếu niên ngâm một đoạn thơ:

“Ta nói: mùa xuân đẹp qua nhanh. Hãy hái đóa hoa hồng đi, vẫn đang còn là tháng Năm.”

Barberini ra hiệu cho Galilei im lặng trong khi bài thơ chưa chấm dứt.

Họ lắng nghe.

Galilei Nhưng còn các dữ kiện? Theo tôi hiểu thì các nhà thiên văn của Collegium Romanum đã công nhận những điều tôi ghi chép.

Bellarmin Kèm theo bày tỏ sự hài lòng sâu sắc nhất, theo cái cách vinh dự nhất cho ông.

Galilei Nhưng mà những vệ tinh của sao Mộc, những biến tượng⁽⁵⁾ của sao Kim...

Bellarmin Ủy ban Thần học quyết nghị mà không lưu ý tới những chi tiết này.

Galilei Nghĩa là mỗi một nghiên cứu khoa học tiếp theo...

Bellarmin Hoàn toàn được đảm bảo, ông Galilei ạ. Và theo quan điểm của Giáo hội rằng chúng ta không thể biết được, nhưng có thể tìm hiểu. *Lại chào một người khách trong phòng khiêu vũ.* Ông được tự do giải quyết thuyết này dưới dạng giả thuyết toán học. Khoa học là đưa con gái chân chính và đáng yêu nhất của Giáo hội, ông Galilei ạ. Không ai trong chúng tôi lại thật tâm nghĩ rằng ông muốn chôn vùi lòng tin của ông vào Giáo hội.

Galilei nổi giận Lòng tin sẽ biến mất một khi cứ mãi bị lạm dụng.

Barberini Thật thế ư? *Cười phá lên, vỗ vai Galilei__.* Rồi nhìn xoáy vào ông, nói không phải không thân mật. Ông bạn Galilei ạ, đừng nên giận cá chém thớt⁽⁶⁾. Chúng tôi cũng thế. Chúng tôi cần ông, nhiều hơn là ông cần chúng tôi.

Bellarmin Tôi nôn nóng được giới thiệu nhà toán học vĩ đại nhất nước Ý với người được ủy quyền của Ủy ban Thần học Tòa thánh, người hết sức coi trọng ông.

Barberini *nắm cánh tay kia của Galilei. Thế là hấn lại ngoan như cừ non ngay.* Ông bạn ạ, giá như ông cũng hóa trang thành một học giả giáo điều đạo mạo để xuất hiện ở đây thì hay hơn đấy. Chính cái mặt nạ này hôm nay đã cho tôi có

được chút ít tự do. Nhờ hóa trang thế này nên ông có thể được nghe tôi lắm bầm: nếu không có Chúa thì ta phải tạo ra vậy. Nào, chúng ta lại che mặt nạ. Ông Galilei đáng thương không có mặt nạ để che.

Họ kèm hai bên Galilei, dẫn ông vào phòng khiêu vũ.

Thư ký một Anh ghi xong câu chót chưa?

Thư ký hai Đang viết. *Họ cần mãi chép.* Anh có ghi kịp cái câu hán nói rằng hán tin vào lý trí không?

Hồng y Tòa án Tôn giáo bước vào.

Hồng y Tòa án Tôn giáo Buổi trò chuyện có diễn ra không?

Thư ký một *nư máy* Trước hết ông Galilei tới với cô con gái. Hôm nay cô hứa hôn với ông... *Hồng y Tòa án Tôn giáo phẩy tay.* Ông Galilei chỉ ngay cho chúng con cách chơi cờ Vua kiểu mới, các quân được đi trên khắp các ô, trái với mọi luật chơi từ trước tới nay.

Hồng y Tòa án Tôn giáo *lại phẩy tay* Đưa biên bản đây.

Một thư ký trao ông biên bản, Hồng y ngồi xuống đọc lướt. Hai cô gái đeo mặt nạ đi ngang qua sân khấu, họ khụy đầu gối chào Hồng y.

Một cô Ai thế?

Cô kia Hồng y Tòa án Tôn giáo đấy.

Họ cười khúc khích rồi đi ra. Virginia đi vào, nhìn quanh tìm kiếm.

Hồng y Tòa án Tôn giáo *từ góc phòng ông đang ngồi* Thế nào, con gái?

Virginia hơi giật mình vì không trông thấy ông Ô, thưa Đức giáo chủ!

Hồng y Tòa án Tôn giáo vẫn ngồi, chìa tay phải cho cô. Cô tiến lại, quỳ hôn chiếc nhẫn trên tay ông.

Hồng y Tòa án Tôn giáo Một buổi tối tuyệt diệu! Cho phép ta được chúc mừng cô đã hứa hôn. Hôn phu của cô thuộc gia đình quyền quý. Hai vị ở lại Rom với chúng tôi chứ?

Virginia Thưa Đức giáo chủ, trước mắt là không ạ. Có nhiều việc phải chuẩn bị cho lễ cưới.

Hồng y Tòa án Tôn giáo Thế đấy, vậy là cô sẽ theo ông cụ về lại Florenz. Thế thì ta vui lòng lắm. Vì ta nghĩ rằng ông cần cô. Toán học là một kẻ ở chung lạnh lùng, phải thế không? Một tạo vật bằng xương bằng thịt sống trong một khung cảnh như thế thường khác đời lắm. Nếu là một vĩ nhân thì rất dễ đắm mình trong thế giới tinh tú mênh mông.

Virginia *nín thở* Thừa Đức giáo chủ, ngài quả là từ ái. Con thật hầu như không hiểu gì hết về những chuyện này.

Hồng y Tòa án Tôn giáo Không à? *Cười.* Con nhà hàng cá thì không ăn cá, nhỉ? Bố cô hẳn sẽ lấy làm thú vị khi được hay rằng những gì cô biết về thế giới tinh tú là do nghe ta nói. Lật biên bản. Ta đọc trong này thấy rằng những kẻ ủng hộ thuyết mới - mà bố cô, một con người vĩ đại, một trong những người vĩ đại nhất, là người lãnh đạo được cả thế giới công nhận - cho rằng quan điểm hiện có của chúng ta về vai trò của trái đất thân yêu là hơi quá trớn. Từ thời Ptolemaeus, một bậc hiền giả thời cổ đại, cho tới ngày hôm nay người ta đo toàn vũ trụ được Chúa tạo ra, nghĩa là toàn thể khối cầu pha lê mà tâm là trái đất đứng yên, vào khoảng hai mươi nghìn lần đường kính trái đất. Rộng rãi thế nhưng vẫn còn quá nhỏ, quá ư bé nhỏ đối với những kẻ theo thuyết mới. Theo những người này thì, chúng ta nghe nói, nó phình lớn ra không tưởng tượng nổi, còn khoảng cách giữa trái đất và mặt trời, một khoảng cách xưa nay đối với chúng ta vốn đã là lớn lắm, thì lại nhỏ đến thành ra không đáng kể so với khoảng cách giữa trái đất đáng thương của chúng ta với những định tinh gắn trên lớp vỏ ngoài cùng, khiến cho khi tính toán không cần phải lưu ý tới cũng được! Như thế thì chớ nên bảo rằng những kẻ theo thuyết mới là không xa xỉ nhé.

Virginia cười. Hồng y Tòa án Tôn giáo cũng cười.

Hồng y Tòa án Tôn giáo Đúng là mới đây mấy vị trong Ủy ban Thần học Tòa thánh đã gần như bị xúc phạm khi được thấy một bức tranh về vũ trụ như thế ấy, so với nó thì bức tranh vũ trụ hiện có của chúng ta nhỏ xíu, chỉ vừa đủ để quán quanh cái cổ xinh xinh của mấy cô gái. Mấy vị ấy lo ngại rằng trên một chặng đường xa đến thế thì một giám mục, thậm chí một Hồng y cũng lạc dễ như chơi. Thậm chí một Giáo hoàng cũng có thể mất tăm hơi khỏi tầm mắt của Đấng toàn năng. Phải, nghe tức cười, nhưng ta thật sự mừng được biết cô vẫn tiếp tục ở gần bên ông bố vĩ đại của cô, người mà tất cả chúng ta đều rất quý trọng. Ta tự hỏi mình có biết cha xưng tội của cô không...

Virginia Cha Christophorus ở nhà thờ Sankt Ursula ạ.

Hồng y Tòa án Tôn giáo Ừ, ta mừng rằng cô sẽ về cùng với ông bố. Ông sẽ cần đến cô, chắc là cô không thể hình dung nổi đâu, nhưng rồi sẽ như thế thật đấy.

Cô còn trẻ, tràn đầy sức sống; và những kẻ Chúa muốn giao cho một nhiệm vụ cao cả, lớn lao không phải lúc nào cũng đủ sức để mang gánh nặng đó. Trong thế gian không kẻ nào cao cả đến mức không cần ai khác cầu nguyện cho mình. Ấy, ta giữ cô lại thế này thì sẽ làm hôn phu của cô ghen mắt, có thể cả ông bố yêu quý của cô nữa, vì ta kể cho cô đôi điều có thể đã lỗi thời về các tinh tú. Cô ra khiêu vũ ngay đi, nhưng chớ quên cho ta gửi lời chào cha Christophorus nhé.

Virginia cúi rạp người chào rồi vội vàng đi nhanh ra ngoài.

6. 1616: COLLEGIUM ROMANUM - VIỆN NGHIÊN CỨU CỦA VATICAN - CHỨNG THỰC NHỮNG PHÁT HIỆN CỦA GALILEI.

Thế gian mấy khi được thấy
rằng ngay cả các thầy cũng lần mò học.

Clavius, tôi tớ Chúa
xác nhận rằng Galilei đúng.

Một buổi tối trong giảng đường của Collegium Romanum ở Rom. Hàng giáo phẩm cấp cao, tu sĩ, học giả tụ thành nhiều nhóm. Không khí rất vui vẻ phấn khởi. Chỉ riêng Galilei đứng một mình. Trước khi màn này bắt đầu, nghe có tiếng cười oang oang.

Một giám mục to béo *ôm bụng cười* Ôi, thật là ngu dại! Ôi, thật là ngu dại! Tôi muốn một vị nào đó nói cho tôi nghe một câu không thể nào tin được.

Một học giả Chẳng hạn ngài cảm thấy chán ngán cùng cực các bữa ăn, thừa giám mục.

Giám mục to béo Cái đó tin được chứ, tin được chứ. Chỉ điều hợp lý mới không tin được thôi. Bảo rằng có quỷ dữ là điều không tin được. Nhưng bảo rằng trái đất quay như hòn bi trong rãnh nước thì lại tin ngay. Sancta simplicitas⁽¹⁾!

Một tu sĩ đóng kịch Tôi chóng mặt quá. Trái đất quay mòng mòng. Xin giáo sư cho phép tôi được bám vào ông. *Làm ra vẻ loạng choạng rồi vịn vào một học giả.*

Nhà học giả đóng kịch theo Vâng, trái đất hôm nay lại say mềm rồi. *Vịn một người khác.*

Tu sĩ Dừng lại, đừng quay nữa! Bọn ta rơi tuột mất rồi! Dừng lại, ta bảo mà!

Một học giả thứ hai Sao Kim nghiêng quá rồi, tôi chỉ còn thấy có nửa cái móng của thần Vệ nữ⁽²⁾ thôi, cứu tôi với!

Mấy tu sĩ vừa cười vừa ôm lấy nhau, như thể cùng cố cưỡng lại, không để bị

bão tố hất tung khỏi tàu.

Tu sĩ thứ hai Chỉ mong chúng mình đừng bị hất lên mặt trăng thôi! Các huynh ạ, nghe nói mặt trăng có nhiều đỉnh núi nhọn ghê lắm!

Học giả thứ nhất Ghì chân mà chống lại.

Tu sĩ thứ nhất Và đừng ngó xuống dưới. Tôi bị chúng chống mặt⁽³⁾.

Giám mục to béo *có ý nói to về phía Galilei* Không thể được, không thể nào ở trong Collegium Romanum mà chống mặt⁽⁴⁾ được!

Mọi người cười ầm. Hai nhà thiên văn của Collegium đi ra từ một cái cửa. Giảng đường trở nên yên lặng.

Một tu sĩ Các huynh vẫn còn tra cứu à? Thật quá lắm!

Nhà thiên văn thứ nhất *tức giận* Không phải hai chúng tôi!

Nhà thiên văn thứ hai Thế này thì sẽ còn tới đâu nữa? Tôi thật không hiểu nổi huynh Clavius... Nếu bất cứ điều khẳng định nào trong năm mươi năm qua cũng đều được coi là nghiêm túc thì sẽ còn đi tới đâu nữa! Năm 1572, một ngôi sao tỏa sáng ở tầng cầu cao nhất, tầng thứ tám, tầng của các định tinh, nó còn sáng và lớn hơn các ngôi sao bên cạnh, để rồi chưa đầy năm rưỡi sau nó biến mất, thành nạn nhân của sự tiêu vong. Cần phải hỏi rằng: thế thì còn gì là tính vĩnh hằng và bất biến của bầu trời nữa?

Nhà triết học Nếu cứ thả lỏng cho họ, thì họ sẽ đập nát hết thủy bầu trời và các tinh tú của chúng ta.

Nhà thiên văn thứ nhất Ấy đấy, và rồi sẽ còn đi tới đâu! Sau vụ đó năm năm tay Tycho Brahe⁽⁵⁾, người Đan Mạch, đã xác định quỹ đạo của một sao chổi. Nó xuất phát phía trên mặt trăng, xuyên qua lần lượt mọi vỏ cầu là chỗ tựa có tính vật chất cho những thiên thể vận động! Nó không gặp một sức cản nào, ánh sáng của nó không bị lệch đi. Thử hỏi: những cái vỏ ấy ở đâu?

Nhà triết học Dứt khoát là không được! Làm sao mà Christopher Clavius, nhà thiên văn vĩ đại nhất của nước Ý và Giáo hội lại đi thẩm tra những chuyện như thế được!

Giám mục to béo Thật là bêu riếu!

Nhà thiên văn thứ nhất Vậy mà huynh ấy thẩm tra đấy! Huynh ấy ngồi trong

kia và trở mắt ngo qua cái ống ma quỷ nọ!

Nhà thiên văn thứ hai Principiis obsta⁽⁶⁾! Mọi chuyện bắt đầu với việc chúng ta từ hồi nào tới giờ tính toán nhiều thứ theo những bảng của Kopernikus, một tên dị giáo: độ dài của năm này, ngày nhật và nguyệt thực này, vị trí của các thiên thể này.

Một tu sĩ Tôi xin hỏi: giữa việc thấy nguyệt thực ba ngày trễ hơn so với ghi trong lịch và nguy cơ linh hồn không bao giờ được cứu rồi đòi đòi thì nên chọn cái nào hơn?

Một tu sĩ gầy còm *tiến tới trước với quyển Kinh Thánh mở sẵn, ngón tay cuồng tín gí gí vào một chỗ* Kinh Thánh viết gì ở chỗ này? “Mặt trời, hãy đứng yên ở Gibeon, còn mặt trăng hãy đứng yên trên thung lũng Ajalon!”⁽⁷⁾ Nếu mặt trời không quay gì hết như những tay dị giáo này khẳng định thì làm sao nó đứng yên được? Kinh Thánh nói láo à?

Nhà thiên văn thứ nhất Không, vì thế mà chúng tôi bỏ cuộc họp, ra ngoài này.

Nhà thiên văn thứ hai Có những hiện tượng khiến giới thiên văn chúng tôi gặp khó khăn, nhưng chẳng lẽ con người cứ phải hiểu hết mọi chuyện hay sao? *Cả hai đi ra.*

Tu sĩ gầy còm Quê hương của loài người bị họ coi ngang với một hành tinh. Người, vật, cây cỏ và đất cát bị họ nhét vào một cái xe kéo rồi đẩy cho chạy trên một vòng tròn trong bầu trời trống rỗng. Theo họ thì không còn trái đất và bầu trời nữa. Không còn trái đất vì nó là một ngôi sao của bầu trời, không còn bầu trời vì nó từ trái đất mà thành. Nghĩa là không còn khác biệt giữa trên và dưới, giữa vĩnh hằng và vô thường. Chúng ta sẽ chết, điều đó chúng ta biết rồi. Giờ đây họ bảo chúng ta rằng ngay cả thượng giới cũng không còn. Chúa đã phán truyền và Kinh Thánh có viết về mặt trời, mặt trăng, các vì tinh tú và về con người chúng ta trên trái đất. Nhưng bây giờ thì theo những kẻ đó trái đất cũng là một ngôi sao luôn. Chỉ toàn là tinh tú thôi! Rồi sẽ có ngày chúng ta được nghe họ nói: cũng không có người và vật luôn, người cũng là con vật, chỉ toàn thú vật thôi!

Học giả thứ nhất *nói với Galilei* Ông Galilei ơi, ông đánh rơi xuống vật gì rồi kìa.

Galilei *(Trong lúc nhà tu gầy còm nói, ông đã moi viên đá trong túi ra nghịch rồi đánh rơi xuống nền nhà)* *cúi xuống nhặt viên đá* Rơi lên, thưa giám mục, nó rơi lên ạ.

Giám mục to béo quay đi Thật là đồ vô liêm sỉ!

Một Hồng y rất già bước vào, có một tu sĩ đi theo dúi. Người ta cung kính nhường chỗ.

Hồng y già Họ vẫn còn trong đó à? Họ không thể giải quyết cái chuyện con con này nhậm lệ hơn được sao? Linh mục Clavius này rành thiên văn lắm mà! Tôi nghe nói cái ông Galilei này tổng con người ta từ trung tâm vũ trụ ra đâu đó tận ngoài rìa. Thế thì rõ ràng ông ấy là kẻ thù của loài người rồi! Ông ấy phải được đối xử như với kẻ thù thôi. Con người là đỉnh cao của sự sáng thế, là tạo vật cấp cao nhất và được yêu thương nhất của Chúa Trời, đứa bé nào cũng biết như thế cả. Làm sao Chúa Trời lại đặt một kỳ công nhường ấy, một nỗ lực nhường ấy lên một tinh tú nhỏ bé, nằm tách tận một xó và không ngừng chuyển động được chứ? Chẳng lẽ Người lại gửi con trai⁽⁸⁾ mình đến một nơi như thế à? Làm sao lại có những con người bệnh hoạn đến nỗi tin tưởng vào bảng tính toán của những tên nô lệ ấy! Tạo vật nào của Chúa lại chịu chấp nhận những chuyện như thế được?

Giám mục to béo thấp giọng Ông ấy đang có mặt ở đây.

Hồng y già với Galilei Hóa ra là ông đấy? Ông biết không, tôi nhìn không còn rõ mấy nữa, nhưng mà tôi vẫn thấy rằng ông giống đến ngạc nhiên cái người mà hồi đó chúng tôi đã thiêu - hấn tên gì nhỉ?

Tu sĩ theo hầu Xin Đức giáo chủ đừng kích động. Bác sĩ...

Hồng y già đẩy tu sĩ ra, nói với Galilei Ông muốn hạ nhục trái đất, tuy đó là nơi ông sống và được hưởng đủ mọi thứ. Ông bôi nhọ nơi mình ở! Nhưng mà tôi không chịu chấp nhận đâu. *Đẩy tu sĩ ra rồi đi tới đi lui với vẻ tự hào.* Tôi không phải là bất cứ một sinh vật nào, ở bất kỳ một tinh tú nhỏ bé nào quay đâu đó một thời gian ngắn ngủi. Tôi đi trên trái đất cứng, bước vững chắc, nó đứng yên, nó là tâm điểm của vũ trụ, tôi ở nơi tâm điểm và mắt của Đấng sáng tạo đặt vào tôi và chỉ một mình tôi thôi. Các định tinh - gắn vào tám vỏ pha lê - quay quanh tôi cùng với mặt trời khổng lồ được tạo ra để soi sáng quanh tôi. Soi sáng cả tôi nữa, để Chúa thấy tôi. Thế là, rõ ràng và không chối cãi được, mọi thứ đến với tôi: tôi là con người, là nỗ lực của Chúa, là tạo vật ở trung tâm điểm, là hình ảnh của Chúa, vĩnh hằng và... Ông quy xuống.

Tu sĩ theo hầu Đức giáo chủ đã gắng sức quá nhiều! *Chính lúc ấy cửa sau mở ra, nhà thiên văn vĩ đại Clavius dẫn đầu nhóm thiên văn đi vào. Ông im lặng bước nhanh qua phòng, không nhìn sang hai bên; ngay lúc ở cửa, ông đã thì thầm với một tu sĩ.*

Clavius Đúng thế! Ông nói gọn lớn rồi đi ra, theo sau là các nhà thiên văn. Cửa sau để ngỏ. Giảng đường lặng như bãi tha ma. Hồng y già tỉnh lại.

Không ai dám nói cho ông biết.

Tu sĩ theo hầu Phải đưa Đức giáo chủ về thôi.

Người ta dìu ông già ra ngoài. Mọi người hoang mang rời giảng đường. Một tu sĩ nhỏ nhắn trong Ban thẩm tra của Clavius đứng lại bên Galilei.

Tu sĩ nhỏ nhắn kín đáo Thừa ông Galilei, trước khi đi linh mục Clavius có nói: bây giờ thì các nhà thần học hãy ráng mà tìm cách xoay xở để sắp xếp lại vũ trụ cho có trật tự! Ông đã thắng. Đi ra.

Galilei nín tu sĩ nọ lại Lý trí đã thắng! Không phải tôi, mà chính lý trí đã thắng!

Tu sĩ nhỏ nhắn đã đi rồi. Galilei cũng đi ra luôn. Ở cửa ông gặp một nhà tu cao lớn có một nhà thiên văn tháp tùng. Galilei nghiêng người chào. Trước khi đi ra, Galilei thì thầm hỏi người gác cửa.

Người gác cửa thì thầm đáp Đức giáo chủ, Hồng y Tòa án Tôn giáo đây.

Nhà thiên văn đưa Hồng y Tòa án Tôn giáo tới chỗ đặt ống viễn kính.

8. MỘT CUỘC TRÒ CHUYỆN

Galilei đọc bản án lệnh.

Một Tu sĩ trẻ đến thăm

là con một nông dân nghèo

nay muốn biết làm sao thu thập kiến thức.

Trong cung điện sứ thần của Florenz ở Rom, Galilei chăm chú nghe một Tu sĩ nhỏ nhắn, người đã ghé tai ông thuật lại lời phán quyết của nhà thiên văn đặc trách của Giáo hội sau buổi họp của Viện nghiên cứu thuộc Vatican.

Galilei Ông cứ nói đi, mạnh dạn nói đi! Cái áo chùng ông khoác trên người cho ông quyền muốn nói sao cũng được mà.

Tu sĩ Thưa ông Galilei, tôi đã từng học môn toán.

Galilei Điều đó có thể giúp ông khi nào cần thừa nhận rằng hai lần hai đôi khi là bốn!

Tu sĩ Ông Galilei ạ, đã ba đêm rồi tôi không ngủ được. Tôi không biết phải làm thế nào để nội dung bản án lệnh tôi được đọc và các vệ tinh của sao Mộc mà tôi đã nhìn thấy phù hợp với nhau. Nên hôm nay tôi quyết định đi lễ sớm rồi tới tìm ông.

Galilei Để báo cho ta biết rằng sao Mộc không có vệ tinh à?

Tu sĩ Không phải. Mà bởi vì suy nghĩ lung rồi tôi đã thấu hiểu được sự sáng suốt của bản án lệnh. Nó hé cho tôi thấy những hiểm họa tiềm ẩn mà nhân loại sẽ phải hứng chịu trong việc nghiên cứu quá trớn, thế nên tôi đã quyết định đoạn tuyệt với ngành thiên văn. Tuy nhiên tôi rất mong được giải bày với ông những động cơ khả dĩ khiến một nhà thiên văn từ bỏ việc tiếp tục khai triển cái học thuyết được biết kia.

Galilei Xin nói ngay rằng bản thân ta cũng biết rõ những động cơ này.

Tu sĩ Tôi hiểu nổi cay đắng của ông. Ông nghĩ tới những phương tiện gây áp lực nào đấy của Giáo hội.

Galilei Ông cứ việc nói trắng ra là những dụng cụ tra tấn đi.

Tu sĩ Nhưng tôi muốn được kể thêm những động cơ khác. Cho phép tôi nói về gốc gác mình. Tôi là con một nông dân vùng Campagna và lớn lên ở đây. Bố mẹ tôi là những người bình thường, rành rẽ về cây ô liu, ngoài ra mù tịt mọi chuyện. Vì tôi đã quan sát những biến tượng của sao Kim nên giờ đây tôi có thể hình dung ngay trước mắt mình bố mẹ tôi đang cùng ngồi với chị tôi bên bếp lửa, dùng bữa với mấy món làm từ phó mát. Tôi thấy những xà nhà trên đầu bố mẹ tôi thẫm đen khói ám hàng trăm năm nay và tôi thấy rõ những bàn tay già nua chai sạn cầm cái muỗng con. Bố mẹ tôi sống cơ cực, nhưng ngay trong sự bất hạnh cũng tiềm ẩn một trật tự nào đấy. Đó là những chu kỳ khác nhau, từ chu kỳ cày xới đất khô qua chu kỳ bốn mùa trên đồng ô liu, đến chu kỳ đóng thuế. Tai nạn cứ đều đặn thường kỳ xảy ra. Lưng bố tôi không chỉ bị gò ép gập lại có một lần mà cứ mỗi mùa xuân trên đồng ô liu là bị lại thêm một lần nữa, cũng giống như những cữ sinh nở cách quãng đều đặn của mẹ tôi, làm cho bà ngày càng héo hắt không còn chút xuân sắc. Bố mẹ tôi gom sức để đỡ mồ hôi kéo lê những cái sọt ngược dốc con đường lổm chổm đá, để sinh con để cái, cả để ăn nữa, bố mẹ tôi làm được những điều ấy là nhờ cái cảm giác cần phải làm hoài làm mãi chứ không thể khác, cái cảm giác mà các cụ có được khi ngắm nhìn thửa đất, ngắm nhìn những thân cây mỗi năm lại xanh tốt, ngắm nhìn ngôi nhà thờ nhỏ, và nhờ Chủ nhật nào cũng được nghe giảng Kinh Thánh. Người ta cả quyết với bố mẹ tôi rằng Chúa Trời luôn dõi theo các cụ mọi nơi mọi chốn, dò hỏi, thậm chí âu lo, rằng toàn cảnh sân khấu trần thế được dựng lên quanh các cụ là để các cụ, những diễn viên trong các vai lớn nhỏ, có thể chứng tỏ rằng mình vượt qua được mọi thử thách. Bố mẹ tôi sẽ nói sao đây nếu nghe tôi bảo rằng các cụ đang sống trên một khối đá nhỏ - trên một ngôi sao phải nói là chẳng có gì ghê gớm trong vô vàn tinh tú khác, nó chuyển động trong không gian trống rỗng và liên tục xoay quanh một vì sao khác! Thế thì sự nhẫn nại ấy, sự chấp nhận sống khổ ải của bố mẹ tôi đâu còn cần thiết hay hữu ích gì nữa? Kinh Thánh, thứ kinh sách đã giải thích và biện luận tất cả, rằng việc phải đỡ mồ hôi, nhẫn nại, chịu đói khát, phải cung chịu lụy là cần thiết, nếu giờ đây bị xem là đầy rẫy sai lầm, thử hỏi sẽ còn có ích gì? Không, tôi thấy ánh mắt bố mẹ tôi quay đi lảng tránh, tôi thấy bố mẹ tôi buông thìa trên bếp lò, tôi hiểu cảm giác bố mẹ tôi thấy bị phản bội và lường gạt ra sao. Chẳng có ai để mắt nhìn nhỡi đến chúng ta nữa, bố mẹ tôi sẽ nói thế. Chúng ta phải tự lo lấy thân ư, khi giờ đây chúng ta dốt nát, già nua và kiệt lực? Không ai chỉ định cho chúng ta một vai trò nào khác ngoài cái vai trò khốn khổ ở thế gian này, trên một vì sao nhỏ xíu, lệ thuộc hành tinh khác và chẳng có gì quay quanh nó cả ư? Sự khổ ải của chúng ta hết còn mang ý nghĩa gì, đối chỉ là không có gì ăn, chứ không là một thử thách phải vượt qua; cực nhọc chỉ là phải khom lưng và ra sức kéo, chứ nào phải công trạng gì. Tôi thấy ẩn sau bản án lệnh của Ủy ban Thần học Tòa thánh là lòng thương xót như ở tình mẫu tử cao quý, lòng từ thiện thương người bao dung, ông hiểu chứ?

Galilei Lòng từ thiện thương người! Hẳn ý ông muốn nói đến chuyện nay ở đó mọi thứ đã sạch bách rồi, vang đã uống hết trơn rồi và họ khát khô cổ, ấy vậy mà họ vẫn quỳ xuống hôn gấu áo của các thầy tu chứ gì? Tại sao ở đó không còn gì nữa? Có sao trật tự ở đất nước này chỉ là thứ trật tự của một ngăn kéo trống rỗng và chỉ có một sự tất yếu là cứ phải lao lực đến kiệt quệ mà quy chết giữa đồi nho trĩu quả hay bên bờ đồng lúa mì? Người nông dân vùng Campagna của ông gánh chi phí cho cuộc chiến tranh do vị đại diện⁽¹⁾ của Chúa Giêsu lòng lành tiến hành ở Tây Ban Nha và Đức. Vì sao ông ta lấy địa cầu làm trung tâm của vũ trụ? Để cái ngai Giáo hoàng của ông ta có thể chễm chệ ngự ngay tại trung tâm trái đất! Đó là điều họ muốn đạt được đây. Ông nói đúng, vấn đề chính không phải là các hành tinh, mà là nông dân vùng Campagna. Ông đừng có thuyết phục ta về cái đẹp của các hiện tượng mà lúc về già người ta ca tụng! Ông có biết con hàu Margaritifera làm cách nào tạo ra ngọc trai không? Bằng cách tiết ra một chất nhờn bọc quanh vật lạ, chẳng hạn một hạt cát, đã thâm nhập vào thớ thịt nó, nhưng làm thế cũng là tự gây bệnh hiểm nghèo. Suốt quá trình đó nó suýt toi mạng. Ngọc với chẳng ngọc, ta vẫn muốn thấy những con hàu vô bệnh hơn. Đức hạnh không nhất thiết phải đi đôi với thông khổ, ông bạn thân mến ạ. Nếu bố mẹ ông sống sung túc và sung sướng thì họ sẽ vun bồi cho những đức hạnh mà cuộc sống sung túc, hạnh phúc cho phép có được. Hiện tại ta chỉ tìm thấy đức hạnh ở những con người mòn mỏi lao lực trên những cánh đồng cằn cỗi. Thứ đức hạnh đó ta không chấp nhận. Nói cho ông hay, những máy bơm nước mới của ta có thể làm nổi nhiều việc phi thường, gấp bội cái kết quả ít ỏi đến nực cười qua sự lao dịch vượt quá sức người của họ. Chúa phán “Hãy đơm hoa kết quả, hãy sinh sôi nảy nở”, thế nhưng đồng ruộng thì cằn cỗi còn người thì chết như rạ vì chiến tranh. Ta có nên lừa dối bố mẹ ông không đây?

Tu sĩ xúc động Đó là những động cơ vô cùng cao cả buộc chúng tôi phải im lặng, chỉ nhằm giữ cho tâm trí những kẻ bất hạnh được an bình.

Galilei Ông có muốn xem cái đồng hồ hiệu Cellini mà người đánh xe của Hồng y Bellarmin đưa cho ta sáng nay không? Ông bạn ạ, ngài tưởng thưởng việc ta để cho bố mẹ ông được tiếp tục sống với tâm trí an bình đây, ấy là đơn cử một ví dụ thôi; còn các cơ quan quyền lực đả ta rượu vang do những người như bố mẹ ông đổ mồ hôi để ép ra, mồ hôi nhỏ giọt từ gương mặt mà ai cũng biết được tạo ra rập khuôn hình tượng Chúa⁽²⁾. Ta mà có đồng ý cam miệng thì chắc chắn chỉ vì những động cơ thấp hèn thôi: ăn sung mặc sướng, hết bị truy bức, v.v...

Tu sĩ Thưa ông Galilei, tôi là Tu sĩ.

Galilei Nhưng ông cũng là nhà vật lý học. Và ông thấy tận mắt rồi, sao Kim có những biến tượng của nó. Đây, cậu⁽³⁾ nhìn ra ngoài kia mà xem! Ông chỉ ra cửa sổ Cậu có thấy pho tượng thần Priap⁽⁴⁾ nhỏ đặt cạnh suối nước bên cây nguyệt quế

không? Vị thần tà dân tuổi đã hai nghìn này của nhà nông phù trợ hoa viên, chim muông và giới đạo chích. Vị thần này ít nói dối đấy. Thôi được, không nói thêm những chuyện ấy nữa, vì ta cũng là con dân Giáo hội. Nhưng mà nhà tu có biết bài châm biếm thứ tám của Horace⁽⁵⁾ không? Mấy hôm nay ta mang ra đọc lại, cũng giúp lấy lại quân bình ít nhiều. Ông *vớ lấy một tập sách mỏng*. Nhà thơ cho nhân vật Priap này mượn lời, pho tượng nhỏ này hay được bày trong các hoa viên ở Esquilin⁽⁶⁾. Bài châm biếm bắt đầu như sau:

“Một khúc cây vũa, loại gỗ có ích ít nhiều

Kẻ từng học nghề thợ mộc như tôi lấy làm phân vân

Nên khắc thành tượng Priap hay để thành ghế đầu

Cuối cùng chọn lấy vị thần...”

Ông tưởng rằng trong bài thơ Horace hẳn sẽ gạt chiếc ghế ra, thay vào đó bằng cái bàn chữ gì? Thưa ông, quan điểm thẩm mỹ của ta bị tổn thương, khi sao Kim trong vũ trụ ta hình dung không có biến tượng nào cả! Chúng tôi không thể sáng chế một giàn máy để bơm nước từ sông lên, nếu chúng tôi không được phép nghiên cứu guồng máy vĩ đại vận hành các thiên thể ở ngay trước mắt mình. Tổng số độ các góc của một tam giác không thể bị sửa sai tùy tiện theo nhu cầu của bộ máy quản trị Tòa thánh. Ta không thể tính toán quỹ đạo của các vật thể đang bay sao cho cũng đồng thời dùng để lý giải hiện tượng các mụ phù thủy cười cán chổi đằng vân được.

Tu sĩ Thế ông không nghĩ rằng Sự thật, nếu quả đúng là Sự thật, rồi cuối cùng cũng sẽ thắng sao, dù ta có góp phần hay không?

Galilei Không, nhất định là không rồi. Sự thật chỉ thắng thế đến mức độ mà chúng ta tranh được; chiến thắng của lẽ phải chỉ có thể là chiến thắng của những con người tôn trọng lẽ phải. Ông miêu tả bố mẹ ông, những nông dân vùng Campagna, hiền lành như lớp rêu phong trên mái lều của họ! Vậy sao lại có kẻ nghĩ được rằng tổng số độ các góc của tam giác có thể đi ngược với yêu cầu của những con người như thế! Nhưng nếu họ không động não và tập suy nghĩ thì hệ thống tiêu tước hoàn chỉnh nhất cũng thành vô dụng thôi. Thật quá quắt, ta nhìn thấy sự nhẫn nại thánh thiện của bố mẹ ông, nhưng còn cơn giận dữ như trời gầm của họ ở đâu?

Tu sĩ Họ mệt mỏi quá rồi!

Galilei *Quảng một xấp bản thảo cho* Tu sĩ Cậu có phải là nhà vật lý không đấy, hờ cậu nhỏ? Trong đây có bài lý giải do đâu biển cả chuyển động tạo thủy triều lên xuống. Thế nhưng cậu chớ nên đọc, nghe chưa? Ồ kìa, đã đọc rồi à? Thế nghĩa là cậu

là một nhà vật lý chứ gì?

Tu sẽ chúi mũi vào xấp bản thảo.

Galilei nghĩ thầm Quả táo của cây nhận thức⁽⁷⁾ đấy! Hắn đã nuốt ngấu nghiền ngay rồi. Thế là hắn đời đời bị lưu đầy, nhưng hắn không thể không nuốt chửng ngay nó, ôi kẻ tham ăn bất hạnh! Đôi khi ta nghĩ: ta sẵn sàng chịu bị giam hãm trong ngục tối, sâu dưới mặt đất cả chục thước, không một tia sáng nào lọt vào nỗi, đổi lại chỉ để biết được thực chất ánh sáng là gì. Điều kinh khủng nhất là: điều gì ta biết được, ta lại cứ phải nói cho người khác biết. Cứ như kẻ say tình hay say rượu, hay như tên phản bội. Quả là một thói tật đưa đến tai họa. Vấn đề là, ta sẽ còn chịu đựng chỉ gào vào lò sưởi những gì mình phát hiện ra được bao lâu nữa đây!

Tu sẽ chỉ vào một chỗ trong xấp bản thảo Câu này tôi không hiểu.

Galilei Ta giảng cho ngay mà, ngay thôi mà.

10. TRONG THẬP KỶ TIẾP THEO, THUYẾT CỦA GALILEI PHỔ BIẾN RỘNG TRONG DÂN CHÚNG. KHẮP NƠI NHỮNG NGƯỜI VIẾT ĐOẢN VĂN TRÀO PHÚNG VÀ HÁT BA-LÁT LẤY NHỮNG TƯ TƯỞNG MỚI LÀM ĐỀ TÀI. TẠI HỘI HÓA TRANG NĂM 1632, NHIỀU THÀNH PHỐ Ý CHỌN THIÊN VĂN LÀM ĐỀ TÀI CHO CÁC ĐOÀN DIỄN HÀNH CỦA PHƯỜNG HỘI.

Tại một bãi chợ đông người, một số đeo mặt nạ đang đứng chờ xem các đoàn hóa trang diễn hành. Một đôi vợ chồng phường trò về ôm đối dặt một bé gái năm tuổi và bế một trẻ sơ sinh. Cặp vợ chồng kéo theo một cái đẩy, một cái trống và những dụng cụ cần thiết khác.

Người hát ba-lát đánh trống Thưa bà con, cô bác! Trước buổi diễn hành hóa trang lớn của phường hội, chúng tôi xin trình diễn bài hát mới nhất của Florenz, được người ta ca hát ở khắp vùng Bắc Ý mà chúng tôi đã phải tốn kém nhiều để nhập về đây. Tên bài hát là: Học thuyết đáng sợ và ý kiến của nhà vật lý cung đình Galileo Galilei hay là ném trước tương lai. *Hát:*

Khi Đấng toàn năng phán lời khai thiên lập địa

Người ra lệnh cho mặt trời

Đóng vai tỳ nữ bung đèn

Đi quanh trái đất, dâng lên Người.

Vì Người muốn rằng từ nay

Vật nào cũng phải quay quanh vật khác có địa vị cao hơn nó.

Và từ đó vật thấp kém quay quanh vật quan trọng hơn

Vật đứng sau quay quanh vật đứng trước

Trên thượng giới thế nào thì dưới trần gian thế ấy.

Các Hồng y quay quanh Giáo hoàng.

Giám mục quay quanh Hồng y.

Thư ký tòa giám quay quanh giám mục.

Viên chức thành phố quay quanh thư ký tòa giám.

Thợ thủ công quay quanh viên chức thành phố.

Người phục dịch quay quanh thợ thủ công.

Gà, chó, ăn mày quay quanh người phục dịch.

Thưa quý vị, đó là “ordo ordinum”, nghĩa cái “Trật tự cơ bản”, là “regula aeternis”, nghĩa là “Quy luật của các quy luật” như các nhà thần học gọi; nhưng thưa quý vị, chuyện gì đã xảy ra? Hát:

Tiến sĩ Galilei đã đứng lên

(Vứt phăng Kinh Thánh, lôi ra ống viễn kính, nhìn lên bầu trời)

Ông bảo mặt trời: hãy đứng yên!

Bây giờ những creatio dei⁽¹⁾

Hãy quay khác đi.

Này, bây giờ đến phiên bà chủ,

Hãy quay quanh cô người làm đi!

Thế là quá đáng? Thưa quý vị, nào phải chuyện đùa!

Càng ngày kẻ ăn người làm càng trâng tráo hơn!

Điều này quả là đúng: đời hiếm khi có chuyện vui. Nói thật lòng đi:

Ai chẳng mong sẽ được làm chủ lấy mình?

Thưa quý vị, những thuyết như thế này thật không thể được. Hát:

Gã người làm sê lười, ả hầu gái sê hỗn

Con chó sê phát phì

Thằng bé phụ lễ không thềm đi phụ lễ.

Cậu thợ học việc sê bám mãi lấy giường, không thềm đi học.

Không, không, không! Thưa quý vị, chớ đùa với Kinh Thánh!

Dây thông lọng người ta trông vào cổ ta mà không to

thì nó sẽ đứt!

Điều này quả là đúng: đời hiếm khi có chuyện vui. Nói thật lòng đi:

Ai mà chẳng mong được làm chủ lấy mình?

Thưa quý vị, hãy thử nhìn vào tương lai, xem nhà tiên sĩ thông thái Galilei tiên đoán thế nào. Hát:

Có hai bà nội trợ đứng trước quầy bán cá

Phân vân không biết phải làm gì:

Mụ bán cá lôi ra ổ bánh mì

Chén với cá tì tì!

Người thợ xây đào móng

Rồi lấy đá của chủ nhà

Khi nhà đã xây xong

Chính hắn dọn vào đó ở!

Chà, thế có được không? Không, không, không, nào phải chuyện đùa!

Dây thông lọng người ta trông vào cổ ta mà không to thì nó sẽ đứt!

Điều này quả là đúng: đời hiếm khi có chuyện vui? Nói thật lòng đi:

Ai mà chẳng mong được làm chủ lấy mình?

Gã lĩnh canh mặt dày mày dạn đá đít chủ đất

Vợ gã lĩnh canh cho con mình uống sữa

Vốn được dành cho cha cô.

Không, không, không! Thưa quý vị, chớ đùa với Kinh Thánh!

Dây thông lọng người ta trông vào cổ ta mà không to thì nó sẽ đứt!

Điều này quả là đúng: đời hiếm khi có chuyện vui? Nói thật lòng đi:

Ai mà chẳng mong được làm chủ lấy mình?

Người vợ

Mới đây tôi tính làm ăn lẻ

Nên mới bảo chồng:

Em muốn xem thử chuyện gì anh làm được

Có định tính nào làm hay hơn nữa chẳng.

Người hát ba-lát

Không, không, không, không, không, không!

Chăm dứt, ông Galilei ơi, chăm dứt!

Tháo rọ bịt mõm chớ điên thì nó sẽ cắn.

Dĩ nhiên, đúng là: đời hiếm khi có chuyện vui, chuyện gì bắt buộc thì phải làm thôi.

Ai mà chẳng mong được làm chủ lấy mình?

Cả hai

Hỡi các người, những kẻ sống rên rỉ thở than trên trái đất

Hãy vùng lên đi, chớ vội chán đời

Và học của tiến sĩ Galuleh⁽²⁾

Bài học vỡ lòng về hạnh phúc trên đời.

Vì xưa nay phục tùng là thập tự giá con người phải mang!

Ai mà chẳng mong được làm chủ lấy mình?

Người hát ba-lát Thưa quý vị, hãy nhìn phát hiện phi thường của Galileo Galilei: trái đất quay quanh mặt trời!

Anh ta gõ trống liên hồi. Người vợ và đứa con gái tiến ra. Người vợ đội hình vẽ sơ sài của mặt trời, còn đứa con đội một quả bầu - hình ảnh của trái đất - đi vòng quanh mẹ nó. Người bố làm điệu bộ chỉ vào đứa con, như thể nó làm một màn nhào lộn nguy hiểm chết người, mỗi khi nó bước giật từng bước theo nhịp trống. Rồi có tiếng trống từ phía sau.

Một giọng nói kêu lên: Đám rước!

Hai người đàn ông ăn mặc rách rưới, kéo vào một chiếc xe con. Ngựa trên cái ngai kịch cồm là hình nhân “Đại công tước Florenz”, đội vương miện làm bằng giấy cứng, quần áo làm bằng bao bố, đang nhìn qua ống viễn kính. Phía trên cái ngai gắn tám biển “Ngóng tìm nỗi bức dọc”. Rồi bốn người đàn ông mang mặt nạ, khiêng một tấm bạt to. Họ dừng lại rồi hát lên trời một hình nộm, tượng trưng một Hồng y. Một người lùn đứng một bên với tám biển “Kỷ nguyên mới”. Trong đám đông, một người ăn mày chống nạng đứng lên, vừa nhảy múa vừa động nạng xuống đất cho đến khi ngã lăn ra. Một hình nộm Galileo Galilei lớn hơn người thật được đưa vào, cúi chào khán giả. Đi trước hình nộm là một đứa bé cầm quyển Kinh Thánh khổng lồ đã mở ra, các trang giấy bị gạch chéo.

Người hát ba-lát Galileo Galilei, người hủy diệt Kinh Thánh!

Đám đông cười rộ.

9. SAU TÁM NĂM IM LẶNG, ĐƯỢC CỔ VŨ BẰNG SỰ LÊN NGÔI CỦA GIÁO HOÀNG MỚI - VỐN LÀ MỘT NHÀ KHOA HỌC - GALILEI LẠI TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU TRÊN LÃNH VỰC BỊ CẤM: VẾT ĐEN MẶT TRỜI. (I)

Sự thật ông nhét trong bị.

Miệng ông như ngậm hột thị.

Im suốt tám năm, rồi thấy quá lâu.

Sự thật ời, lại thẳng đường mà tiến.

Trong nhà của Galilei ở Florenz. Các học trò của Galilei: Federzoni, tu sĩ nhỏ nhắn và Andrea, nay là một thanh niên, tụ lại để nghe giảng kèm với thí nghiệm. Galilei đứng đọc một quyển sách. Virginia và Bà Sarti may áo cô dâu.

Virginia May áo về nhà chồng là một công việc thích thú. Cái này là để cho một cái bàn dài, anh Ludovico rất thích tiếp bạn bè. Phải may cho cẩn thận mới được, mẹ anh ấy để ý từng đường kim mũi chỉ đấy. Bà cụ không tán thành những quyển sách của bố cháu. Cha Christophorus cũng thế.

Bà Sarti Mấy năm nay ông có còn viết sách nào nữa đâu.

Virginia Cháu tin rằng bố đã thấy mình nhầm. Ở Rom, một tu sĩ cấp cao đã cắt nghĩa cho cháu nhiều chuyện về thiên văn. Ông bảo các khoảng cách là quá xa.

Andrea trong lúc viết lên bảng phản việc trong ngày “Chiều thứ năm. Vật thể nổi.” Lại nước đá, chậu nước, cân, đinh sắt, Aristoteles.

Cậu đi lấy những vật dụng.

Những người kia xem lại sách. Filippo Mucius, một học giả đứng tuổi, tới.

Ông ta có vẻ hoang mang.

Mucius Bà có thể nói giúp để ông Galilei tiếp tôi không? Ông đã kết tội tôi mà

không nghe tôi giải bày.

Bà Sarti Nhưng ông ấy không muốn tiếp ông đâu.

Mucius Chúa sẽ thưởng công bà, nếu bà yêu cầu ông tiếp tôi. Tôi cần phải nói chuyện với ông ấy.

Virginia *lại cầu thang Bô!*

Galilei Cái gì thế?

Virginia Có ông **Mucius**!

Galilei *hùng hổ ngược lên, đi lại cầu thang, các học trò theo sau:* Ông muốn gì?

Mucius Thưa ông Galilei, tôi xin phép được giải thích những chỗ trong quyển sách của tôi, có vẻ như kết án thuyết của Kopernikus về việc trái đất quay. Tôi đã...

Galilei Ông muốn giải thích chuyện gì? Quan điểm của ông phù hợp với bản án lệnh năm 1616 của Ủy ban Thần học Tòa thánh mà. Ông hoàn toàn đúng. Ông quả có học toán với tôi, nhưng điều đó không cho chúng tôi quyền được nghe ông nói rằng hai lần hai là bốn. Ông hoàn toàn có quyền nói rằng viên sỏi này - *móc túi lấy một viên sỏi ném xuống hành lang* - vừa mới bay lên mái nhà.

Mucius Ông Galilei, tôi...

Galilei Xin đừng nói gì tới những khó khăn! Trước đây, tôi đâu có để cho bệnh dịch hạch cản trở việc tiếp tục ghi chép của mình.

Mucius Thưa ông Galilei, bệnh dịch hạch không phải là điều tệ hại nhất.

Galilei Tôi nói cho ông biết: Người không biết sự thật chỉ là người dốt. Nhưng kẻ nào biết sự thật mà gọi đó là dối trá thì đấy là kẻ gây tội ác! Hãy ra khỏi nhà tôi!

Mucius *nói không thành tiếng* Ông nói đúng.

Đi ra.

Galilei trở vào phòng làm việc.

Federzoni Kề ra thật đáng tiếc. Hẳn không phải là một người tài giỏi và hẳn sẽ chẳng ai trọng vọng gì, nếu như hẳn không phải là học trò của thầy. Nhưng bây giờ dĩ nhiên họ nói: hẳn đã học hết những gì chân truyền của ông Galilei rồi và hẳn đã

phải thừa nhận những điều đó là sai.

Bà Sarti Tội nghiệp ông ấy.

Virginia Bố mền ông ấy lắm.

Bà Sarti Virginia này, tôi muốn nói với cô về chuyện đám cưới. Cô còn quá trẻ, sớm mất mẹ, còn bố cô thì mãi lo thả các thỏi nước đá vào chậu nước. Dầu sao tôi cũng sẽ không khuyên cô hỏi ông bất cứ điều gì về chuyện vợ chồng của cô. Ông sẽ nói suốt cả tuần lễ, trong bữa ăn và khi có mặt đám thanh niên, những chuyện nhảm nhí nhất, vì ông không biết xấu hổ là gì, chưa hề. Tôi không muốn nói tới những chuyện ấy mà về chuyện tương lai cô sẽ ra sao. Tôi cũng không thể biết gì cả, vì tôi đâu có được học hành. Trong chuyện quan trọng như thế này người ta không thể cứ nhắm mắt bưng liều. Tôi thành thật nghĩ rằng cô nên tìm đến một nhà chiêm tinh chính cống của trường đại học, để ông xem tử vi cho thì cô mới biết số mình như thế nào chứ. Sao cô lại cười?

Virginia Vì cháu đã đi xem rồi.

Bà Sarti *nôn nóng muốn biết Ông ấy nói sao?*

Virginia Cháu phải thận trọng suốt ba tháng, vì lúc ấy mặt trời ở cung Kim Ngưu, nhưng rồi sao của cháu sẽ mọc ở điểm vô cùng tốt và mây sẽ tẽ ra. Nếu cháu lúc nào cũng chăm chú vào sao Mộc thì cháu có thể đi đâu cũng được, vì tuổi cháu thuộc chòm Kim Ngưu.

Bà Sarti Thế còn Ludovico?

Virginia Anh ấy thuộc cung Sư tử. *Ngừng một lúc ngắn.* Người ta bảo như thế thì anh ấy ham thích nhục dục.

Nghĩ.

Virginia Cháu nghe tiếng bước chân quen quen. Bước chân của ông Viện trưởng Gaffone.

Ông Gaffone, Viện trưởng đại học, vào.

Gaffone Tôi chỉ mang tới một quyển sách thôi, có thể bố cô sẽ thích. Xin cô chớ quấy rầy ông cụ làm gì. Không hiểu sao, nhưng tôi có cảm tưởng là mỗi một phút lấy mất của con người vĩ đại này cũng là lấy mất của nước Ý. Trao quyển sách dâng hoàng vào tận tay cô rồi tôi sẽ rón rén ra về.

Ông đi ra. Virginia đưa sách cho Federzoni.

Galilei Sách về chuyện gì thế?

Federzoni Con không rõ. *Đánh vần.* “De maculis in sole⁽²⁾”_.

Andrea “Về các vết mặt trời.” Lại thêm một quyển nữa!

Federzoni bực bội đưa sách cho cậu.

Andrea Hãy nghe lời đề tặng này! “Kính tặng Galileo Galilei, người có thâm quyền vĩ đại nhất còn tại thế về Vật lý.”

Galilei lại chú tâm vào quyển sách của ông.

Andrea Tôi có được đọc luận thuyết của ông Fabrizzius ở Hòa Lan về vết mặt trời. Ông ta cho rằng đó là những chùm sao bay giữa trái đất và mặt trời.

Tu sĩ Thừa thầy Galilei, không đáng tin, phải không ạ?

Galilei không đáp.

Andrea Ở Paris và Prag người ta tin rằng đó là hơi bốc lên từ mặt trời.

Federzoni Hừm.

Andrea Federzoni không tin.

Federzoni Làm ơn đừng kéo tôi vào. Tôi chỉ “Hừm” thôi mà. Tôi là thợ mài thấu kính, tôi mài thấu kính để các anh nhìn qua đó mà quan sát bầu trời. Những gì các anh thấy không phải là vết, mà là “maculis”. Việc gì tôi phải hoài nghi chứ? Tôi còn phải nói bao nhiêu lần nữa rằng mình không đọc nổi những sách viết bằng tiếng La tinh_.

Y bực tức vung vẩy cái tay đang cầm cân. Một đĩa cân rơi xuống đất. Galilei bước tới, lặng lẽ nhặt lên.

Tu sĩ Kẻ hay thắc mắc sẽ rất sung sướng khi tìm được giải đáp, nên tôi thường hay tự đặt ra câu hỏi: tại sao.

Andrea Đã hai tuần nay cứ ngày Chủ nhật có nắng đẹp là tôi đều leo lên gác xép, nằm dưới lớp ván trần. Mặt trời chiếu tia sáng rất mảnh qua những kẽ nứt rất nhỏ ở lớp ván. Lúc ấy ta có thể thu được ảnh ngược của mặt trời lên một tờ giấy. Tôi đã thấy một cái vết, nhỏ bằng con ruồi, nhòa như đám mây. Nó chuyển dịch. Tại sao

chúng ta không tìm hiểu những vật này, thưa thầy Galilei?

Galilei Vì chúng ta đang làm việc về các vật thể nổi.

Andrea Mẹ con có một giỏ đầy thư. Cả châu Âu muốn biết ý kiến của thầy. Uy tín của thầy cao đến độ thầy không thể im lặng được nữa.

Galilei Rom đã để cho uy tín của ta lên cao bởi vì ta chịu im lặng.

Federzoni Nhưng bây giờ thầy không thể im lặng được nữa.

Galilei Ta lại không thể để cho người ta nướng trên lửa như quay đùi heo.

Andrea Thầy cho rằng đung vào vấn đề vật mặt trời là có thể bị thiêu sao?

Galilei không đáp.

Andrea Thôi được, chúng ta làm việc với nước đá vậy, như thế sẽ không phương hại đến thầy.

Galilei Chí phải. **Andrea**, luận đề của chúng ta như thế nào?

Andrea Về vấn đề nổi thì chúng ta cho rằng không tùy thuộc hình dạng vật thể, mà ở chỗ nó nhẹ hay nặng hơn nước.

Galilei Còn Aristoteles nói sao?

Tu sĩ “Discus latus platique...”

Galilei Dịch ra, dịch ra!

Tu sĩ “Một miếng nước đá mỏng và phẳng có thể nổi trên mặt nước, còn một cái đinh sắt lại chìm.”

Galilei Theo Aristoteles thì tại sao miếng nước đá không chìm?

Tu sĩ Vì nó to và phẳng nên không thể tẽ nước ra được.

Galilei Hay. Ông lấy một cục nước đá, bỏ vào chậu nước. Bây giờ ta dùng sức ấn nó xuống đáy chậu. Ta buông tay. Chuyện gì xảy ra?

Tu sĩ Nó lại nổi lên.

Galilei Đúng thế, Fulganzio. Có vẻ như nó tẽ nước khi nổi lên.

Tu sĩ Nhưng sao nó lại nổi được chứ? Đá nặng hơn nước, đá là nước đặc lại.

Galilei Nếu đá là nước loãng thì sao?

Andrea Nó phải nhẹ hơn nước, nếu không thì không thể nổi được.

Galilei À đây.

Andrea Cũng như đinh sắt không thể nổi được. Mọi vật nhẹ hơn nước đều nổi, mọi vật nặng hơn nước đều chìm. Đã được chứng minh.

Galilei Andrea, cậu phải tập suy nghĩ cho chín chắn. Đưa ta cái đinh sắt. Một tờ giấy nữa. Sắt nặng hơn nước chứ gì?

Andrea Dạ.

Galilei để cái đinh lên tờ giấy rồi thả nhẹ trên mặt nước. Nghi.

Galilei Chuyện gì xảy ra?

Federzoni Cái đinh nổi! Ông thánh Aristoteles ơi, họ chẳng chịu kiểm chứng bao giờ!

Mọi người cười.

Galilei Một nguyên do chính khiến khoa học bị nghèo nàn phần lớn là do quá giàu sự tưởng tượng. Mục đích của nó không phải là mở cửa cho sự thông thái vô bờ bến, mà là đặt một giới hạn cho sự nhầm lẫn không bến bờ. Các anh ghi chép lại đi.

Virginia Có chuyện gì thế nhỉ?

Bà Sarti Mỗi khi họ cười là tôi đều sợ. Tôi tự hỏi không biết họ cười chuyện gì?

Virginia Bố cháu bảo: các nhà thần học có tiếng chuông đổ, còn các nhà vật lý có tiếng cười.

Bà Sarti Nhưng tôi rất mừng là ít ra ông không hay nhìn qua ống viễn kính nữa. Thế còn nguy hơn.

Virginia Bây giờ bố chỉ còn bỏ đá cục vào nước, thì không thể xảy ra chuyện nguy hiểm được.

Bà Sarti Tôi không biết nữa.

Ludovico Marsili bước vào, ăn mặc quần áo đi đường xa, theo sau là người hầu

khuôn hành lý. Virginia chạy lại ôm anh.

Virginia Sao anh không viết thư cho em, báo tin anh đến?

Ludovico Chẳng qua vì anh đang ở gần đây, nghiên cứu về đôi nhò của nhà ở Bucciole, nên không thể nào không đến được.

Galilei *như cận thị* Ai đấy?

Virginia Anh Ludovico.

Tu sĩ Thầy không thấy anh ấy sao?

Galilei Thấy chứ, Ludovico mà. Tiến lại phía anh ta. Lũ ngựa hồi này ra sao?

Ludovico Thưa, chúng khỏe cả.

Galilei Bà Sarti ời, chúng ta uống mừng. Bà lấy cho một bình rượu vang Sizilien, loại lâu năm!

Bà Sarti với Andrea đi ra.

Ludovico *nói với Virginia* Em trông xanh quá. Cuộc sống ở vùng quê sẽ tốt cho sức khỏe của em. Mẹ mong gặp em vào tháng Chín này đây.

Virginia Đợi một chút, em cho anh xem áo cưới! *Chạy đi.*

Galilei Anh ngồi xuống đi.

Ludovico Thưa, con nghe nói bác có tới hơn một nghìn sinh viên theo học ở đại học. Hiện thời bác làm về đề tài gì ạ?

Galilei Chuyện hằng ngày ấy mà. Anh có đi qua Rom à?

Ludovico Dạ. Con nói ngay kéo quên: mẹ con chúc mừng bác đã có thái độ đáng khâm phục trước sự đua nhau khảo sát vết mặt trời của người Hòa Lan mới đây.

Galilei *khô khan* Rất cảm ơn.

Bà Sarti và Andrea bùng vang và ly tách vào. Mọi người ngồi quanh bàn.

Ludovico Trong tháng Hai ở Rom lại có một đề tài để ngày ngày thiên hạ bàn tán. Linh mục Christopher Clavius tỏ ý lo ngại rằng qua vấn đề vết mặt trời mà vỏ kịch trái đất quay quanh mặt trời sẽ trở lại từ đầu.

Andrea Đừng có lo.

Galilei Còn tin gì mới nữa từ thành phố của Tòa thánh, trừ việc họ hy vọng ta phạm tội mới?

Ludovico Bác hẳn đã biết rằng Đức Thánh Cha đang hấp hối chứ ạ?

Tu sĩ Ô!

Galilei Ai được coi là người kế vị?

Ludovico Phần lớn người ta nói đến Barberini.

Galilei Barberini.

Andrea Thầy Galilei biết ông Barberini.

Tu sĩ Hồng y Barberini là một nhà toán học.

Federzoni Một nhà khoa học lên ngôi Giáo hoàng!

Nghĩ.

Galilei Thế đấy, bây giờ họ cần những người như Barberini, những người biết đôi chút về toán! Vậy là có thay đổi rồi đấy. Federzoni, mong rằng chúng ta còn được sống cái thời mà khi nói rằng hai lần hai là bốn, chúng ta không cần phải ngó dáo dác như quân trộm cướp. Nói với Ludovico. Ta thấy rượu vang này ngon. Còn anh thấy sao?

Ludovico Rượu ngon.

Galilei Ta biết đôi nho này. Dóc và toàn đá, trái nho gần như xanh màu da trời. Ta thích loại vang này.

Ludovico Thừa vâng.

Galilei Trong rượu có chứa ít bóng râm. Nó gần như là ngọt, “gần” thôi nhé. Andrea, dọn mấy thứ nước đá cục, chậu nước với đỉnh này đi. Ta coi trọng miếng ngon. Ta không còn kiên nhẫn nổi với những tâm hồn hèn nhát mà lại nói về sự yếu đuối. Ta nói: thưởng thức là cả một công phu.

Tu sĩ Thầy tính thế nào?

Federzoni Chúng ta bắt đầu lại với màn trái đất quay quanh mặt trời.

Andrea *ngân nga*

“Kính Thánh dạy rằng trái đất đứng yên.

Các nhà tiên sĩ chứng minh rằng xưa nay nó vẫn đứng yên.

Đức Thánh Cha tóm tắt họ

Nhéo thật đau. Họ bèn kêu: trái đất có quay thật.”

Andrea, Federzoni và tu sĩ chạy vội tới dọn dẹp bàn thí nghiệm.

Andrea Có thể chúng tôi sẽ khám phá ra được rằng mặt trời cũng quay. Anh có thấy thú vị không, Marsili?

Ludovico Lấy đâu ra phần khích chứ?

Bà Sarti Ông không định sẽ lại nhúng tay vào cái thứ ma quỷ này chứ, ông Galilei?

Galilei Ludovico này, ta hiểu vì sao mẹ anh bảo anh đến gặp ta. Barberini đang lên mà! Hiểu biết sẽ trở thành nỗi say mê và nghiên cứu trở thành niềm hoan lạc. Clavius nói đúng, ta quan tâm đến những vết mặt trời này. Vang của ta có ngon không, Ludovico?

Ludovico Thì con đã nói rồi.

Galilei Anh thấy ngon thật chứ?

Ludovico *miễn cưỡng* Con thấy ngon.

Galilei Anh có dám đi xa tới mức uống vang hay lấy con gái của một người mà không đòi người ấy phải từ bỏ nghề nghiệp của y không? Nghề thiên văn của ta liên quan gì đến con gái ta? Những biến tượng của sao Kim không làm mờ con gái ta đổi khác.

Bà Sarti Ông đừng có ăn nói thô tục như thế. Tôi gọi Virginia ngay bây giờ.

Ludovico *giữ bà lại* Trong những gia đình như gia đình con thì chuyện kết thành vợ chồng không chỉ dựa trên quan điểm giới tính.

Galilei Phải chăng người ta đã ngăn cản anh tám năm trời, không cho cưới con gái ta trong lúc ta phải qua thời gian thử thách?

Ludovico Vợ con cũng sẽ phải gây ấn tượng tốt ở nhà thờ làng con chứ.

Galilei Anh muốn nói rằng các nông dân của nhà anh có trả tiền thuê đất hay không là còn tùy ở sự thánh thiện của nữ chủ nhân chứ gì?

Ludovico Có thể nói như thế.

Galilei Andrea, Fulganzio, lấy cái gương bằng đồng thau và cái dù! Để khỏi hại mắt, ta rọi hình mặt trời lên đó; phương pháp của cậu đấy, Andrea.

Andrea và tu sĩ đi lấy gương và dù.

Ludovico Hồi đó ở Rom bác đã ký cam kết rằng sẽ không còn nhúng tay vào chuyện trái đất quay quanh mặt trời này nữa mà.

Galilei Cái chuyện đó! Hồi đó chúng ta có một Giáo hoàng lạc hậu!

Bà Sarti Sao ông lại nói hồi đó! Đức Thánh Cha đã chết đâu!

Galilei Sắp rồi, sắp rồi! Đặt một cái lưới làm bằng những tờ giấy hình vuông lên cái dù. Chúng ta phải làm cho có phương pháp. Sau đó chúng ta sẽ trả lời những thư kia, phải không nào, Andrea?

Bà Sarti “Sắp rồi!” Nước đá thì ông ấy cân tới cân lui cả năm chục lần, còn khi có chuyện gì xảy ra hợp ý thì ông ấy tin ngay!

Dù được dựng lên.

Ludovico Nếu như Đức Thánh Cha qua đời, bác Galilei ạ, thì Giáo hoàng kế vị - dù là ai và yêu thích khoa học mấy chẳng nữa - cũng sẽ phải để ý xem những gia đình quý tộc nhất nước này thương yêu ngài đến đâu.

Tu sĩ Anh Ludovico ạ, Chúa đã tạo ra thế giới tự nhiên, Chúa đã tạo ra não bộ con người thì Chúa cũng sẽ cho phép ngành Vật lý nghiên cứu thôi.

Bà Sarti Bác Galileo này, bây giờ thì tôi phải nói với bác vài điều. Tôi thấy con trai tôi rơi vào tội lỗi vì những “thí nghiệm”, những “lý thuyết” và những “quan sát” này mà tôi không làm gì được cả. Bác đã kháng cự lại giới có quyền thế và họ đã một lần cảnh cáo bác rồi. Những vị Hồng y cấp cao nhất đã nói với bác như với một con ngựa đau ốm. Cũng đỡ được một thời gian dài, nhưng hai tháng trước, sau lễ Đức bà Vô nhiễm nguyên tội, tôi lại bắt gặp bác lén lút trở lại cái trò “quan sát”. Trên gác xép! Tôi không nói gì nhiều, nhưng tôi biết tỏng. Tôi đã chạy đi, cúng thánh Giu-xe một cây nến. Tôi chịu không nổi nữa rồi. Khi chỉ có bác và tôi thì bác

tỏ ra hiểu biết và bảo tôi rằng là bác biết, bác phải thận trọng vì chuyện này nguy hiểm, thế mà rồi thí nghiệm luôn hai ngày. Bác vẫn chứng nào tật ấy như xưa kia. Nếu tôi không được cứu rồi linh hồn vì đã đứng về phía một kẻ dị giáo thì đó là chuyện của tôi, nhưng bác không có quyền chà đạp đôi chân to tướng lên hạnh phúc của con gái bác!

Galilei *cau có* Đưa ông viễn kính đây!

Ludovico Giuseppe, khuôn hành lý ra xe. *Người hầu đi ra.*

Bà Sarti Thế này thì cô ấy không chịu nổi đâu. Anh liệu mà tự nói với cô ấy!

Chạy đi, tay còn cầm cái bình.

Ludovico Như con thấy thì bác đã chuẩn bị xong. Thưa bác Galilei, mỗi năm mẹ con và con sống chín tháng trên trang trại ở Campagna; hai mẹ con con có thể làm chứng rằng các nông dân của nhà con không thấy lo lắng trước luận thuyết của bác về vệ tinh của sao Mộc, vì công việc đồng áng của họ quá vất vả. Tuy nhiên có thể họ sẽ hoang mang khi được biết rằng những công kích tầm phào vào các học thuyết thiêng liêng của Giáo hội cho đến nay vẫn không bị trừng phạt. Bác đừng nên quên rằng trong hoàn cảnh như thú vật của họ, những con người đáng thương này có thể làm đảo lộn tất cả mọi sự. Họ đúng là súc vật, bác không thể nào hình dung nổi đâu. Chỉ cần nghe đồn có một cây táo mọc ra trái lê là họ bỏ ngay công việc đồng áng để mà kháo nhau về chuyện nọ.

Galilei *tò mò* Thế à?

Ludovico Họ đúng là thú vật thật đấy. Khi họ tới trang trại để phàn nàn về một chuyện con con thì mẹ con buộc phải ra lệnh lấy roi da quật một con chó trước mặt họ, chỉ có thế mới nhắc họ nhớ đến kỷ luật, trật tự và lễ độ được. Bác Galilei, thỉnh thoảng bác ngồi xe ngựa nhìn xuống cánh đồng ngô mơn mớn, bác lơ đãng ăn ô liu và phó mát mà không biết rằng phải tốn bao công sức để trồng tỉa, coi sóc!

Galilei Này cậu, ta không lơ đãng khi ăn ô liu. Cộc cằn. Cậu chỉ làm mất thì giờ của ta. *Gọi với ra.* Xong dù chưa?

Andrea Xong rồi. Thầy ra chứ ạ?

Galilei Cậu Marsili này, nhà cậu đâu chỉ có đánh chó để khép họ vào kỷ luật, đúng không?

Ludovico Bác Galilei, bác có một khối óc tuyệt vời. Thật đáng tiếc.

Tu sĩ *sừng sốt* Anh ấy đe dọa thầy.

Galilei Phải, ta có thể cảnh tỉnh nông dân nhà hán khiến họ có những tư tưởng mới, cả người làm và những kẻ quản lý nữa.

Federzoni Thầy làm cách nào chứ? Chẳng ai trong bọn họ đọc nổi tiếng La tinh cả.

Galilei Ta có thể viết bằng thứ ngôn ngữ của người dân, cho số đông, thay vì viết bằng tiếng La tinh cho một số ít. Cho những tư tưởng mới, chúng ta cần những con người làm việc với hai bàn tay. Còn ai mong muốn hơn họ được biết cái gì là nguyên nhân của sự vật chứ? Những kẻ chỉ thấy bánh mì trên bàn không muốn biết bánh được làm như thế nào; lũ đó thích cảm ơn Chúa hơn là thợ làm bánh. Còn những người làm ra cái bánh sẽ hiểu rằng không có gì vận động cả, nếu nó không được làm cho chuyển động. Fulganzio ạ, cô chị của anh đứng ở máy ép ô liu chắc sẽ không tròn mắt ngạc nhiên đâu, mà có lẽ sẽ cười khi nghe nói rằng mặt trời không phải là cái khiên bằng vàng của giới quý tộc, mà là một đòn bẩy: trái đất quay vì mặt trời làm cho nó quay.

Ludovico Bác sẽ mãi mãi là nô lệ cho sự đam mê của mình. Nhờ bác xin lỗi Virginia hộ con; con nghĩ tốt hơn cả không nên gặp nàng lúc này.

Galilei Cửa hội môn luôn luôn để sẵn cho anh đó.

Ludovico Con xin kiêu. *Đi ra.*

Andrea Chúng tôi gửi lời chào đến toàn thể gia đình Marsili!

Federzoni Là những kẻ ra lệnh cho trái đất đứng yên để lâu đài của họ không sụp đổ.

Andrea Và các gia đình Cenzi, Villani!

Federzoni Cả gia đình Cervilli nữa!

Andrea Gia đình Lecchi luôn!

Federzoni Rồi cả gia đình Pirleoni nữa!

Andrea Là những kẻ chỉ chịu hôn chân Giáo hoàng nếu ông chà đạp người dân!

Tu sĩ *cũng ra ngòi chỗ để dụng cụ* Giáo hoàng mới sẽ là người có đầu óc tiên bộ.

Galilei Hãy dấn thân vào việc quan sát những vệt mặt trời mà chúng ta quan

tâm này, với tinh thần sẵn sàng chấp nhận nguy hiểm cho chính bản thân, chứ không trông cậy quá nhiều vào sự che chở của một Giáo hoàng mới.

Andrea ngắt lời Nhưng với tất cả sự tin tưởng rằng sẽ xua tan được những thứ bóng sao của ông Fabrizius và những hơi mặt trời của Paris và Prag, cũng như chứng minh được rằng mặt trời quay.

Galilei Đê, với ít nhiều tin tưởng, chứng minh được mặt trời quay. Ý định của ta không phải là chứng minh rằng cho tới nay ta có lý, mà là tìm cho ra liệu ta có lý hay không. Vậy thì: các bạn, những kẻ dấn thân vào cuộc quan sát, hãy để hy vọng vươn lên. Có thể đó là hơi, có thể là vệt, nhưng trước khi cho rằng chúng là vệt, điều rất hợp ý chúng ta mong đợi, thì chúng ta nên cho chúng là đuôi cá. Phải, một lần nữa chúng ta sẽ xét lại tất cả. Và chúng ta sẽ không tiến bằng đôi hài bảy dặm mà bằng tốc độ của ốc sên. Những gì tìm thấy hôm nay thì ngày mai sẽ bị gạch đi và chỉ được viết trở lại trên bảng khi chúng ta lại tìm thấy một lần nữa. Những gì chúng ta mong tìm được thì, sau khi tìm thấy, sẽ được quan sát với sự hoài nghi cao độ. Chúng ta hãy bắt tay vào quan sát mặt trời với quyết tâm sắt đá chứng minh cho được rằng trái đất đứng yên! Chỉ sau khi đã thất bại, thất bại hoàn toàn và tuyệt vọng, găm nhăm vết thương trong tình trạng bi thảm nhất, lúc đó chúng ta mới bắt đầu hỏi rằng biết đâu chúng ta có lý, rằng trái đất quay thật! Nháy mắt. Nếu mọi giả thuyết khác với giả thuyết này đều trôi tuột khỏi bàn tay của chúng ta thì những kẻ không nghiên cứu mà cứ phán đoán hòng được thương xót. Gỡ khăn che ông viễn kính ra và hướng nó vào mặt trời!

Ông chỉnh tám gương bằng đồng thau.

Tu sĩ Con biết rằng thầy đã bắt đầu với việc này từ trước đây rồi. Con biết, khi thầy không nhận ra anh Marsili.

Họ im lặng bắt đầu việc theo dõi. Khi hình của quả cầu lửa hiện trên cái dù thì
Virginia, trong áo cô dâu, chạy tới.

Virginia Bố đã đuổi anh ấy đi!

Cô ngắt xiu. Andrea và tu sĩ chạy vội lại bên cô.

Galilei Bố biết việc bố làm.

II. 1633: TÒA ÁN TÔN GIÁO RA LỆNH GỌI NHÀ NGHIÊN CỨU NỔI TIẾNG THẾ GIỚI VỀ ROM.

Dưới thấp thì nóng, trên cao thì mát.

Đường phố thì ồn, cung đình thì yên.

*Tại tiền sảnh, nơi cầu thang lâu đài dòng họ Medici ở Florenz. **Galilei** và cô con gái chờ được Đại công tước tiếp kiến.*

Virginia Lâu quá!

Galilei Ừ.

Virginia Cái người theo bố con mình tới đây lại xuất hiện. *Cô chỉ vào một người đi ngang qua mà không nhìn họ.*

Galilei *mắt lòa nặng* Bố không biết y.

Virginia Nhưng mấy ngày qua con rất thường thấy y. Con thấy ón y làm sao.

Galilei Vớ vẩn. Chúng ta đang ở Florenz, chứ không phải giữa lũ cướp của đảo Corse.

Virginia Ông Viện trưởng Gaffone tới kìa.

Galilei Bố ón lão quá. Cái lão dốt nát này sẽ lại kéo bố vào cuộc trò chuyện đông dài cả giờ mát.

Ông Gaffone, Viện trưởng đại học, đi xuống cầu thang. Nhìn thấy Galilei, ông ta giật mình thấy rõ; ông ta cố gượng quay đầu, cứng người đi thẳng, không gật đầu chào.

Galilei Lão sao thế? Mắt bố hôm nay lại đau. Lão có chào không đấy?

Virginia Không. Trong sách bố viết gì thế? Có thể nào họ cho bố là dị giáo không?

Galilei Con phát phờ quá nhiều ở nhà thờ đấy. Dậy sớm rồi đi lễ miết thì da dẻ

con đến tàn tạ mất. Con cầu nguyện cho bố, chứ gì?

Virginia Kia là ông Vanni, thợ đúc mà bố đã thiết kế cho giàn nấu sắt. Bố đừng quên cảm ơn ông về món chim sẻ nhé.

Ông nọ xuống tới chân cầu thang.

Vanni Ông Galilei, món chim sẻ tôi gửi biếu ông có ngon không?

Galilei Tuyệt vời, ông Vanni ạ, xin cảm ơn một lần nữa.

Vanni Ở trên kia họ đang bàn tán về ông. Họ bảo ông phải chịu trách nhiệm về những quyển sách mỏng trào phúng chống Kinh Thánh mới đây được bán khắp hang cùng ngõ hẻm.

Galilei Tôi chẳng biết gì về những quyển sách mỏng trào phúng này. Kinh Thánh và các trường ca của Homer là những sách tôi thích đọc nhất.

Vanni Ngay cả nếu không phải như lời ông nói thì tôi vẫn muốn nhân dịp này bảo đảm với ông rằng giới công nghiệp chúng tôi đứng về phía ông. Tôi không phải người hiểu nhiều về sự chuyển động của các tinh tú, song với tôi thì ông là người đấu tranh cho tự do được dạy những điều mới. Cứ lấy ví dụ cái máy xới đất ở Đức mà ông đã tả cho tôi. Chỉ riêng năm ngoái ở Luân Đôn đã xuất bản năm quyển sách về nông nghiệp. Còn ở đây nếu có được chỉ một quyển thôi về kênh đào ở Hòa Lan là chúng tôi đã cảm ơn lắm rồi. Chính những nhóm người gây khó khăn cho ông đã không cho phép các thầy thuốc ở Bologna mổ xẻ xác người để nghiên cứu⁽¹⁾ đấy.

Galilei Tiếng nói của ông sẽ đem lại kết quả, ông Vanni ạ.

Vanni Tôi hy vọng thế. Ông có biết là ở bên Amsterdam và Luân Đôn có chợ buôn bán tiền không? Có cả trường dạy nghề nữa. Rồi nhiều báo đăng tin tức ra đều đặn. Còn ở đây thì đến cả tự do làm ăn cũng không có. Họ chống lại ngành đúc vì cho rằng đồng đảo thợ thuyền ở một chỗ dễ sinh chuyện thương luân bại lý! Cơ nghiệp của tôi gắn liền với những người như ông, ông Galilei ạ. Nếu họ có ý định làm gì hại ông thì xin ông nhớ cho rằng ông có bạn bè trong mọi ngành nghề. Thưa ông, các thành phố miền Bắc nước Ý đứng sau lưng ông.

Galilei Theo chỗ tôi được biết thì không ai có ý định làm gì tôi cả.

Vanni Không à?

Galilei Không.

Vanni Theo ý tôi thì nếu ở Venedig ông sẽ không có gì phải lo lắng cả. Ở đây ít áo chùng thâm⁽²⁾. Ông có thể ở đó mà đấu tranh. Ông Galilei ạ, tôi có sẵn xe và ngựa đây.

Galilei Tôi không thể coi mình là kẻ ty nạn được. Tôi quen sống thoải mái rồi.

Vanni Tất nhiên. Nhưng qua những gì tôi nghe được trên kia thì vụ này gấp lắm đây. Tôi có cảm tưởng ngay chính lúc này họ không muốn có ông ở Florenz.

Galilei Vớ vẩn. Đại công tước là học trò tôi, ngoài ra chính Giáo hoàng sẽ nghiêm khắc bác bỏ mọi ý định buộc tội tôi vì một lý do nào đó.

Vanni Thưa ông **Galilei**, xem ra ông không phân biệt được giữa bạn và thù.

Galilei Tôi phân biệt được giữa quyền lực và bất lực. *Lỗ mãng bỏ đi.*

Vanni Thôi vậy. Chúc ông may mắn. Đi ra.

Galilei *quay lại với Virginia ở cái đất này* bất cứ người nào có điều chi phàn nàn đều coi bố như người phát ngôn của hắn, nhất là tại những nơi không lợi lộc gì cho bố. Bố có viết một quyển sách về cơ học vũ trụ, chỉ có thể. Từ đó làm ra hay không làm ra được gì thì chẳng liên quan chi đến bố cả.

Virginia *nói to* Nếu người ta được biết ở hội hóa trang mới đây bố đã kết án như thế nào những gì xảy ra khắp nơi.

Galilei Phải. Cho gấu ăn mật ong thì có khi mất cả tay, nếu con thú quá đói⁽³⁾!

Virginia *nói khẽ* Đại công tước có cho đòi bố tới hôm nay không?

Galilei Không, nhưng bố có nhờ thông báo. Ngài muốn có quyển sách và đã trả tiền rồi. Con ra hỏi viên chức kia và khiếu nại rằng người ta đã để bố con mình phải đợi lâu.

Virginia *lại hỏi viên chức - kẻ đã xuất hiện ở đầu màn 11 này đi theo cô.* Thưa ông Mincio, Đại công tước có được báo rằng bố tôi mong được gặp ngài không ạ?

Viên chức Làm sao tôi biết được?

Virginia Thế không phải là trả lời.

Viên chức Không à?

Virginia Ông nên lịch sự.

Viên chức quay đi, ngáp, mắt nhìn người nọ.

Virginia *về chỗ cũ Ông ấy bảo là Đại công tước còn bạn.*

Galilei *Bố nghe con nói hai tiếng “lịch sự”. Có chuyện gì thế?*

Virginia *Con cảm ơn ông ta đã lịch sự cho biết tin thôi mà, đâu có gì khác. Bố không gửi sách ở đây được à? Chỉ mất thì giờ của bố thôi.*

Galilei *Bố bắt đầu tự hỏi thì giờ của bố còn giá trị bao nhiêu. Có thể bố sẽ nhận lời mời của bác Sagredo về Padua vài ba tuần. Sức khỏe của bố không còn tốt nữa.*

Virginia *Thiếu sách thì bố đâu thể nào sống được.*

Galilei *Có thể chở theo xe chút ít vang Sizilien, một hai két.*

Virginia *Bố vẫn luôn bảo rằng vang chở đi đường xa sẽ mất ngon mà. Triều đình còn nợ bố ba tháng lương. Họ không gửi tới đó cho bố đâu.*

Galilei *Ừ nhỉ.*

Hồng y Tòa án Tôn giáo xuống cầu thang.

Virginia *Hồng y Tòa án Tôn giáo, bố ạ.*

Khi đi ngang, ông ta cúi thấp chào Galilei.

Virginia *Hồng y Tòa án Tôn giáo muốn gì ở Florenz vậy bố?*

Galilei *Bố không biết. Cách cư xử của ông không phải là thiếu sự kính trọng. Bố biết mình đã làm gì khi về Florenz và im lặng bấy nhiêu năm. Họ đã hết sức ca ngợi bố thì bây giờ bố như thế nào họ phải chấp nhận bố như thế.*

Viên chức *hô Ngài Đại công tước!*

Cosmo de Medici xuống cầu thang. Galilei đi tới phía ông ta. Cosmo hơi lúng túng.

Galilei *Tôi muốn mang dâng ngài quyển “Đối thoại về hai hệ thống vũ trụ chính...”*

Cosmo *Ra thế, ra thế. Mắt ông đạo này ra sao?*

Galilei *Thưa ngài, không được tốt. Nếu ngài cho phép, tôi có quyển sách...*

Cosmo Tình trạng của mắt ông khiến tôi lo ngại. Lo ngại thật đấy. Nó chứng tỏ rằng có lẽ ông hơi quá siêng năng trong việc sử dụng cái ống viễn kính tuyệt vời của ông đấy nhỉ?

Ông ta đi tiếp, không nhận quyền sách.

Galilei Đại công tước không nhận sách, phải không con?

Virginia Bố ơi, con thấy sợ.

Galilei *giọng thấp và đanh* Đừng để lộ cảm xúc. Chúng ta không về nhà mà lại chỗ người thợ cắt kính Volpi. Bố đã hẹn với ông ta luôn luôn để sẵn ở chái quán rượu một chiếc xe với những thùng vang không, để đưa bố ra khỏi thành phố.

Virginia Bố đã biết...

Galilei Đừng quay lại.

Hai bố con định đi.

Một viên chức cấp cao bước xuống cầu thang Ông Galilei, tôi được ủy nhiệm thông báo để ông biết rằng triều đình Florenz không thể cưỡng lại ý Tòa án Tôn giáo muốn thẩm vấn ông ở Rom lâu hơn được nữa. Ông Galilei, xe của Tòa án Tôn giáo đang chờ ông.

12. GIÁO HOÀNG

Tại phòng khách của Vatican.

Giáo hoàng Urban VIII (Hong y Barberini trước kia) tiếp Hồng y Tòa án Tôn giáo. Trong lúc tiếp kiến thì Giáo hoàng được giúp sửa soạn trang phục. Bên ngoài có nhiều tiếng chân kêu loạt soạt.

Giáo hoàng *lớn tiếng* Không được! Không được!

Hồng y Tòa án Tôn giáo Họ là những vị tiền sĩ của tất cả các khoa của trường đại học, những đại diện của mọi dòng tu và của tất cả giới tu sĩ, họ là những người tin với niềm tin con trẻ vào lời của Chúa đã được ghi trong Kinh Thánh và họ tụ về đây để được nghe sự xác nhận của Đức Thánh Cha về đức tin của họ. Ngài nói thế có nghĩa là ngài muốn thông báo với họ rằng Kinh Thánh không còn là chân lý nữa hay sao?

Giáo hoàng Ta không để cho bàn tính bị đập vỡ được. Không!

Hồng y Tòa án Tôn giáo Bọn kia bảo rằng đó là do cái bàn tính, chứ không phải do tinh thần chống đối hay hoài nghi của chúng. Nhưng đâu phải tại cái bàn tính. Mà chính là một sự náo động khủng khiếp đã đến với thế giới này. Đó là sự náo động của chính đầu óc bọn chúng, và chúng đã truyền cái đầu óc nổi loạn này tới quả đất xưa nay vốn yên lành. Chúng kêu rằng: những con số đã buộc chúng tôi phải tuyên bố điều này, điều kia đấy chứ! Nhưng những con số của chúng từ đâu ra? Ai cũng biết là từ sự hoài nghi mà ra. Bọn này hoài nghi tất cả. Chẳng lẽ chúng ta nên xây dựng xã hội loài người dựa trên hoài nghi chứ không còn trên lòng tin nữa hay sao? “Ông là chủ tôi, nhưng tôi hoài nghi không biết như thế có phải là tốt hay không.” “Đây là nhà ông và vợ của ông, nhưng tôi hoài nghi không biết đó có phải nhà và vợ tôi?” Mặt khác, Đức Thánh Cha yêu thích nghệ thuật, nhờ thế mà chúng ta có những sưu tập quý như những lời miệt thị đọc được trên các tường nhà ở Rom: “Những gì bọn man di còn để lại cho Rom thì lại bị dòng họ Barberini cướp mất.” Còn ở nước ngoài thì sao? Chúa muốn đặt cho Đức Thánh Cha nhiều thử thách nặng nề. Những kẻ thiển cận không hiểu đường lối của ngài đối với nước Tây Ban Nha⁽¹⁾ và họ lấy làm tiếc vì đã xảy ra sự thù địch với hoàng đế Đức. Từ một thập kỷ rưỡi nay nước Đức là một máy nghiền thịt⁽²⁾ và người ta vừa giày vò nhau vừa trích dẫn Kinh Thánh. Giờ đây cộng đồng Cơ Đốc, dưới nạn dịch hạch, chiến tranh và cải cách⁽³⁾, co lại thành vài nhúm nhỏ thì ở châu Âu có tin đồn rằng ngài bí mật liên kết với nước Thụy Điển⁽⁴⁾ của phái Luther⁽⁵⁾ để làm suy yếu vị hoàng đế theo

đạo Thiên Chúa. Rồi thì lũ toán học sâu bọ này chĩa ống viễn kính lên trời và tuyên bố với thế giới rằng ngay cả ở đây, trong lãnh vực duy nhất mà người ta chưa tranh chấp với ngài, ngài cũng không biết gì mấy. Ta có thể tự hỏi: mỗi quan tâm bỗng nhiên có ở một môn khoa học bên lề như thiên văn học ấy là gì? Những ngôi sao ấy quay như thế nào thì có gì là quan trọng chứ? Nhưng không một ai trên khắp nước Ý, cho chí những tên phu ngựa - qua thí dụ xấu xa của cái lão người Florenz⁽⁶⁾ - cái lũ đã tán nhảm về những biến tượng của sao Kim, lại không đồng thời nghĩ ngay đến nhiều điều mà ở trường học và những nơi khác được coi là không thể thay đổi và rất phiền toái. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu tất cả bọn này, xác thật thì yếu đuối và dễ quá trớn, chỉ còn tin vào lý trí của riêng mình, cái lý trí mà lão điên khùng nọ tuyên bố là duy nhất có thẩm quyền? Một khi đã nghi ngờ không biết mặt trời có đứng yên ở Gibeon⁽⁷⁾ không thì họ muốn chĩa sự nghi ngờ bản thủ vào các bài kinh đọc trong nhà thờ vào những giờ thánh lễ! Từ khi vượt được đại dương - tôi không có gì phản đối cả - họ đặt sự tin tưởng vào một quả cầu bằng đồng thau họ gọi là la bàn, chứ không còn ở Chúa nữa. Hồi trẻ, lão Galilei này đã viết về máy móc. Với máy móc họ muốn làm nên phép lạ. Phép lạ gì? Đẳng nào họ cũng không cần đến Chúa nữa, nhưng phép lạ gì mới được chứ? Chẳng hạn không còn người trên, kẻ dưới nữa. Họ không cần nữa. Aristoteles, mà họ coi là đồ chó chết, đã nói - và họ trích - như sau: khi con thoi tự dật và đàn Zither⁽⁸⁾ tự chơi thì tất nhiên người cai không cần thợ phụ, ông chủ không cần đầy tớ. Họ cho rằng đã đến lúc như thế rồi. Con người xấu xa này biết mình làm gì khi lão viết những thuyết về thiên văn bằng phương ngữ của mụ bán cá và gã bán len thay vì bằng tiếng La tinh.

Giáo hoàng Thế thì quá bậy; để rồi ta sẽ bảo lão.

Hồng y Tòa án Tôn giáo Lão xúi giục người này, mua chuộc người kia. Những thành phố cảng ở Bắc Ý không ngừng đòi hỏi ngày một cấp bách hơn những bản đồ thiên văn của Galilei cho tàu bè của họ. Ta sẽ phải nhượng bộ họ thôi, vì đây là nhu cầu sinh tử.

Giáo hoàng Nhưng những bản đồ thiên văn này lại dựa trên những khẳng định tà giáo của lão. Đó chính là những chuyển động của một số ngôi sao nhất định, mà điều này không thể có được nếu ta bác bỏ thuyết của lão. Không thể vừa kết án thuyết của lão vừa dùng các bản đồ thiên văn ấy được.

Hồng y Tòa án Tôn giáo Thưa, tại sao lại không? Ta không thể làm khác được.

Giáo hoàng Tiếng chân sột soạt này làm ta khó chịu quá đi mất. Xin lỗi, vì ta cứ phải lắng tai nghe.

Hồng y Tòa án Tôn giáo Có thể những tiếng chân sột soạt này nói được với ngài nhiều điều hơn là tôi, thưa Đức Thánh Cha. Ta có nên bảo họ ra về với mỗi hoài nghi trong lòng không?

Giáo hoàng Dẫu sao thì lão cũng là nhà vật lý vĩ đại nhất thời đại chúng ta, là ánh sáng của nước Ý, chứ không phải một tay đấng trí bất kỳ nào. Lão có lắm bạn bè. Ở Versailles. Ở triều đình Wien⁽⁹⁾. Họ sẽ gọi Tòa thánh là hố xí của những thành kiến thối tha. Chớ có đụng đến lão!

Hồng y Tòa án Tôn giáo Với lão thì không cần phải ra tay nhiều đâu. Lão là con người tham ăn, tục uống. Lão sẽ chịu thua ngay.

Giáo hoàng Lão hưởng thụ hơn bất cứ người nào ta từng gặp. Lão ham thích thú vui thể xác. Lão không thể từ chối thứ rượu vang lâu năm hay không nghe một tư tưởng mới được. Nhưng ta không muốn có sự kết án những dữ kiện vật lý có thể kiểm chứng, không muốn có những tiếng hô kiểu “Đây là Giáo hội!” hay “Đây là lý trí!” Ta đã cho phép lão phát hành quyển sách, nếu kết luận của nó phản ánh quan điểm rằng lời tối hậu không phải là của khoa học, mà của lòng tin. Lão đã giữ đúng như thế.

Hồng y Tòa án Tôn giáo Lão giữ đúng ư? Trong quyển sách này một người dốt nát, dĩ nhiên tượng trưng cho quan điểm của Aristoteles, tranh luận với một người khôn, tất nhiên thể hiện quan điểm của Galilei. Ý kiến kết luận, Đức Thánh Cha đoán thử xem, ai nói?

Giáo hoàng Lại thêm chuyện gì nữa đây? Ai trình bày quan điểm của chúng ta?

Hồng y Tòa án Tôn giáo Không phải là nhân vật khôn.

Giáo hoàng Thật là láo xược. Những tiếng chân thành thịch ngoài hành lang kia khiến ta chịu hết nổi. Chẳng lẽ cả thế giới kéo về đây à?

Hồng y Tòa án Tôn giáo Không phải tất cả, mà thành phần tinh túy nhất.

Nghĩ. Lúc này Giáo hoàng đã đầy đủ y phục.

Giáo hoàng Quá lắm là cho lão thấy những dụng cụ⁽¹⁰⁾ thôi đấy nhé.

Hồng y Tòa án Tôn giáo Thưa Đức Thánh Cha, thế cũng đủ. Ông Galilei rành dụng cụ lắm mà.

13. NGÀY 22 THÁNG SÁU 1633, TRƯỚC TÒA ÁN TÔN GIÁO GALILEO GALILEI CHỐI BỎ THUYẾT CỦA MÌNH VỀ SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT.

Vào một ngày tháng Sáu - qua nhanh

Cái ngày quan trọng với tôi và anh

Lý trí bước ra từ cõi u minh

Đứng suốt một ngày trước cửa.

Trong cung điện sứ thần của Florenz ở Rom.

Các học trò của Galilei chờ tin. Tu sĩ nhỏ nhắn và Federzoni chơi cò Vua kiêu mới, với những nước đi trên nhiều ô. Virginia quỳ trong một góc, đọc kinh Kính mừng.

Tu sĩ Giáo hoàng không tiếp thầy. Thế là không còn thảo luận khoa học gì nữa giữa ngài và thầy.

Federzoni Đó là hy vọng cuối cùng của thầy. Quả đúng như lời Giáo hoàng, khi ông còn là Hồng y Barberini, đã nói với thầy nhiều năm trước ở Rom: chúng tôi cần ông. Bây giờ thì họ bắt được thầy rồi.

Andrea Họ sẽ giết thầy mất. Quyền Discorsi⁽¹⁾ sẽ không hoàn thành được.

Federzoni *kín đáo nhìn Andrea* Cậu nghĩ thế à?

Andrea Thầy sẽ không bao giờ chối bỏ.

Nghĩ.

Tu sĩ Nửa đêm thức giấc, người ta thường cứ băn khoăn về một ý nghĩ không đâu. Chẳng hạn tối hôm qua tôi cứ nghĩ hoài: lẽ ra thầy không bao giờ nên đi khỏi nước Cộng hòa⁽²⁾.

Andrea Nhưng ở đó thầy không có thì giờ để viết sách.

Federzoni Còn ở Florenz thì thầy không phổ biến sách được.

Nghĩ.

Tu sĩ Tôi còn nghĩ không biết họ có cho thầy giữ viên sỏi thầy luôn mang theo trong người không. Đó là viên sỏi thầy dùng để chứng minh.

Federzoni Chỗ thầy bị đem tới không được mang theo túi.

Andrea *kêu lên* Họ không dám làm gì thầy đâu! Ngay cả nếu họ làm gì thầy, thầy cũng sẽ không chối bỏ. “Người không biết sự thật chỉ là người dốt. Nhưng kẻ nào biết sự thật mà gọi đó là dối trá thì đấy là kẻ gây tội ác.”

Federzoni Tôi cũng không tin; nếu thầy chối bỏ thì tôi không muốn sống nữa. Nhưng mà họ nắm quyền lực trong tay.

Andrea Người ta không thể giải quyết mọi chuyện bằng bạo lực.

Federzoni Có thể không.

Tu sĩ *nói khẽ* Thầy bị giam 23 ngày trong ngục tối rồi. Hôm qua là ngày thăm vấn quy mô. Hôm nay là ngày nghị án. *Vì nghe có tiếng Andrea nên Tu sĩ nói to hơn.* Hồi đó, hai ngày sau bản án lệnh, tôi đến đây thăm thầy; chúng tôi ngồi đằng kia, thầy chỉ tôi xem pho tượng Priap nhỏ bé ở đồng hồ mặt trời trong vườn - từ đây các anh có thể nhìn thấy pho tượng đó đấy - và thầy so sánh công trình của thầy với một bài thơ của Horace mà người ta không thể sửa đổi gì hết. Thầy nói về mỹ quan của thầy đã khiến thầy tìm chân lý. Rồi thầy đọc câu phương châm: ‘hieme et aestate, et prope et procul, usque dum vivam et ultra’⁽³⁾. Ý thầy muốn nói về Chân lý.

Andrea *nói với Tu sĩ* Thế anh có kể cho anh Federzoni nghe chưa, rằng thầy đứng ở Collegium Romanum như thế nào, khi bọn họ kiểm tra ống viễn kính của thầy? Kể đi! *Tu sĩ lắc đầu.* Thái độ của thầy vẫn như thường ngày. Thầy đặt tay lên đùi, uồn bụng, nói: Thưa quý vị, tôi yêu cầu hãy dùng lý trí để phán đoán.

Vừa cười vừa nhái Galilei. Nghĩ.

Andrea *nói về Virginia* Cô ấy cầu nguyện để xin thầy chối bỏ đấy.

Federzoni Cứ để cho cô cầu nguyện. Cô hết sức hoang mang từ khi họ nói chuyện với cô. Họ đã gọi cả cha xưng tội của cô từ Florenz tới đây.

Người đã theo dõi bố con cô Virginia tại cung điện Đại công tước Florenz (màn

11) bước vào.

Người theo dõi Ông Galilei sắp tới đây. Chắc là ông sẽ cần một cái giường đây.

Federzoni Người ta thả ông à?

Người theo dõi Người ta chờ đợi rằng tại buổi nghị án của Tòa án Tôn giáo vào lúc năm giờ ông Galilei sẽ tuyên bố chối bỏ. Nhà thờ Sankt Markus sẽ rung chuông lớn và lời chối bỏ sẽ được công bố.

Andrea Tôi không tin.

Người theo dõi Vì có đông người tụ họp trên đường phố nên ông Galilei sẽ được đưa tới công vườn ở đây, phía sau dinh. Đi ra.

Andrea *chợt lớn tiếng* mặt trăng là một trái đất và không tự phát ra ánh sáng. Cũng như thế, sao Kim không tự có ánh sáng, nó giống như trái đất và quay quanh mặt trời. Có bốn vệ tinh quay quanh sao Mộc, sao này nằm ở độ cao của các định tinh và không gắn vào một vỏ nào cả. Mặt trời là trung tâm của vũ trụ, đứng yên ở vị trí của nó, còn trái đất không phải là trung tâm vũ trụ và chuyển động. Chính thầy là người đã chỉ cho chúng ta thấy những điều này.

Tu sĩ Với bạo lực người ta không thể biến những gì đã được nhìn thấy thành không nhìn thấy.

Im lặng.

Federzoni *nhìn đồng hồ mặt trời ngoài vườn* Năm giờ rồi.

Virginia đọc kinh to hơn.

Andrea Các anh ạ, tôi không thể chờ được nữa! Họ chặt đầu Chân lý!

Andrea bịt tai lại, nhà tu cũng thế. Nhưng tiếng chuông nhà thờ không rung. Sau một lúc, căn phòng chỉ còn những tiếng lẩm bẩm cầu nguyện của Virginia. Federzoni lắc đầu ra hiệu không có gì. Hai người kia mới buông tay xuống.

Federzoni *khàn khàn* Không thấy gì cả. Đã quá năm giờ được ba phút rồi.

Andrea Thầy chống lại.

Tu sĩ nhỏ người Thầy không chối bỏ!

Federzoni Không! Ôi, chúng ta là những kẻ sung sướng!

Họ ôm nhau. Họ quá sức hạnh phúc.

Andrea Nghĩa là: bạo lực không ăn thua! Không phải bạo lực giải quyết được mọi chuyện! Nghĩa là: sự ngu xuẩn đã bị đánh bại, nó không phải là bất khả xâm phạm! Nghĩa là: con người không sợ chết!

Federzoni Bây giờ thật sự bắt đầu thời đại của sự hiểu biết. Bây giờ là giờ phút sự hiểu biết chào đời. Thử tưởng tượng nếu như thầy chối bỏ thì sao!

Tu sĩ Tôi không nói đó thôi, chứ hồi nãy tôi lo lắm. Tôi vốn yếu lòng tin!

Andrea Còn tôi thì tôi biết trước.

Federzoni Nếu thầy chối bỏ thì chẳng khác gì đang buổi sáng chợt biến thành đêm tối.

Andrea Chẳng khác gì ngọn núi bảo rằng: ta là dòng sông.

Tu sĩ *quỳ xuống, khóc* Lạy Chúa, con tạ ơn Người!

Andrea Nhưng hôm nay mọi sự đã đổi thay! Con người bị chà đạp ngẩng đầu nói: từ nay ta có thể sống cho ra sống được rồi. Chỉ cần một người đứng lên nói “Không” là bao nhiêu điều đạt được!

Chính lúc đó chuông nhà thờ Sankt Markus bắt đầu đổ. Mọi người lặng đi.

Virginia *đứng lên* Tiếng chuông nhà thờ Sankt Markus! Bô không bị kết án!

Từ ngoài đường phố nghe có tiếng người đọc lời chối bỏ của Galilei.

Tiếng đọc “Tôi, Galileo Galilei, giáo sư toán và vật lý ở Florenz, chối bỏ điều tôi đã dạy rằng mặt trời là trung tâm vũ trụ và đứng yên ở vị trí của nó, còn trái đất không phải trung tâm và chuyển động. Với trái tim thành khẩn và lòng tin không giả trá tôi chối bỏ, thống mạ và nguyên rửa hết thảy những sai lầm tà giáo này, cũng như bất cứ sai lầm và tư tưởng nào khác ngược với Giáo hội thiêng liêng.”

Trời trở tối.

Khi trời sáng lại, vẫn còn nghe tiếng chuông đổ, rồi ngưng. Virginia đi ra ngoài. Các học trò của Galilei vẫn còn đó.

Federzoni Thầy chưa từng trả công tương xứng cho việc làm của mi. Mi không mua được một cái quần, cũng không tự ra sách nổi. Mi đã chịu thiệt thòi, vì “làm việc cho khoa học”!

Andrea nói to Khốn khổ cho cái đất nước không có anh hùng!

Galilei bước vào, ông thay đổi đến hầu như không nhận ra nỗi qua vụ án. Ông có nghe câu Andrea vừa nói. Ông đứng ở cửa một lúc, chờ được chào đón. Nhưng không có ai chào đón, vì các học trò lùi tránh ông, nên ông chậm chạp bước tới trước - không được vững vì mắt kém. Tìm được một cái ghế đầu, ông ngồi xuống.

Andrea Tôi không thể nào nhìn mặt ông ấy. Bảo ông ấy đi đi.

Federzoni Bình tĩnh nào.

Andrea quát Galilei Ông chỉ biết ăn với nhậu thôi! Biết ông có cứu nỗi thân mình không đấy? Ngồi xuống. Tôi buồn nôn.

Galilei điềm tĩnh Cho cậu ta ly nước!

Tu sĩ ra ngoài lấy cho Andrea ly nước. Những người kia không ngó ngàng gì tới Galilei. Ông vẫn ngồi trên ghế, lắng nghe. Từ xa lại nghe có tiếng người đọc lời chối bỏ.

Andrea Tôi có thể đi đứng được rồi. Các anh đỡ tôi một chút.

Họ dìu Andrea ra cửa. Chính lúc đó Galilei lên tiếng.

Galilei Không. Khốn khổ cho cái đất nước cần có anh hùng.

Màn hạ. Có tiếng đọc:

Không phải là rõ ràng ư, rằng một con ngựa rơi từ độ cao ba hay bốn Elle⁽⁴⁾ xuống đất có thể gãy chân, trong khi một con chó không hề hấn gì, một con mèo cũng thế ngay cả ở độ cao từ tám đến mười Elle, con dế từ đỉnh một ngọn tháp, còn con kiến, ngay cả nếu nó rơi từ mặt trăng? Các con vật nhỏ tương đối cứng cáp và khỏe hơn những con lớn như thế nào thì những cây nhỏ cũng tương tự so với cây lớn: một cây sồi cao hai trăm Elle không thể nào mang nổi cành với tỷ lệ y như ở cây sồi nhỏ hơn, thiên nhiên không thể để cho con ngựa thành lớn khổng lồ gấp hai mươi lần hay mười lần, trừ phi thay đổi tỷ lệ của chân cẳng, đặc biệt là của xương, chúng phải to hơn nhiều so với tỷ lệ về độ lớn. Giả thuyết thông thường rằng cổ máy to và máy nhỏ bền như nhau hẳn là nhầm lẫn.

Galilei “Mạn đàm”

14. 1633-1642. GALILEO GALILEI SỐNG TRONG MỘT NGÔI NHÀ Ở VÙNG QUÊ GẦN FLORENZ. ÔNG LÀ NGƯỜI TÙ CỦA TÒA ÁN GIÁO HỘI CHO TỚI KHI NHẮM MẮT. QUYỀN “DISCORSI”.

Một nghìn sáu trăm ba mươi ba đến

một nghìn sáu trăm bốn bốn

Galileo Galilei là tù nhân của Giáo hội

cho tới lúc là đời.

Một căn phòng lớn với bàn, ghế da và quả địa cầu.

Galilei, đã già và lòa, cẩn trọng làm thí nghiệm với một quả bóng gỗ nhỏ trên một đường ray cong bằng gỗ, một tu sĩ ngồi canh ở phòng ngoài. Có tiếng gõ cửa. Tu sĩ mở cửa, một nông dân bước vào, cầm hai con ngỗng đã vặt lông. Virginia từ bếp đi vào. Lúc này cô khoảng 40 tuổi.

Nông dân Có người nhờ tôi giao hai con ngỗng này.

Virginia Của ai thế? Tôi đâu có đặt mua ngỗng.

Nông dân Họ dặn tôi phải nói thế này: của một người trên đường đi qua đây.

Đi ra.

*Virginia ngạc nhiên nhìn cặp ngỗng. Tu sĩ cầm hai con ngỗng từ tay cô, nghi ngờ khám xét. Rồi y thản nhiên đưa lại cho cô, cô nắm cổ chúng đi vào phòng lớn gặp **Galilei**.*

Virginia Có người đi qua đây nhờ đem đến món quà này.

Galilei Gì thế?

Virginia Bố không nhìn ra à?

Galilei Không. *Xích lại.* Ngỗng. Người ấy có cho biết tên không?

Virginia Không ạ.

Galilei *cầm một con từ tay cô Nặng.* Bố vẫn có thể ăn thêm một chút món này.

Virginia Chẳng lẽ bố đã lại đói rồi à, bố mới vừa ăn tối đây mà. Mất bố lại bị sao thế? Lẽ ra ngồi ở bàn bố cũng phải trông thấy được chứ.

Galilei Tại con đứng trong bóng tối.

Virginia Con đâu có đứng trong bóng tối.

Cô mang ngỗng ra.

Galilei Con nhớ cho bách lý hương và táo vào nhé.

Virginia *nói với tu sĩ* Ta phải cho mời bác sĩ mắt mới được. Ngồi ở bàn mà bố tôi không trông thấy cặp ngỗng.

Tu sĩ Tôi phải được phép giám mục Carpula đã. Bố cô lại tự tay viết à?

Virginia Không. Bố tôi đọc cho tôi chép, ông biết mà. Ông đã có các trang 131 và 132, đó là những trang cuối cùng đấy.

Tu sĩ Bố cô khôn như cáo già.

Virginia Bố tôi chẳng làm gì phạm quy định cả. Bố tôi thành thật hỏi cái. Tôi vẫn để ý coi chừng mà. *Đưa tu sĩ đôi ngỗng.* Ông bảo nhà bếp chiên gan ngỗng với một quả táo và một củ hành. *Vào lại phòng lớn.* Nào, bây giờ bố hãy nghĩ đến cặp mắt của mình, ngừng thí nghiệm với quả bóng và đọc tiếp cho con viết thêm một chút bức thư hàng tuần ta phải gửi cho tổng giám mục.

Galilei Bố thấy không được khỏe. Đọc cho bố vài bài thơ của Horace đi.

Virginia Mới vài tuần trước giám mục Carpula - người mà chúng ta hàm ơn nhiều, gần đây nhất là chuyện rau tươi - có nói với con rằng đức tổng giám mục lần nào cũng hỏi ông xem bố có thích những câu hỏi và trích dẫn ngài gửi bố không. *Cô ngồi xuống sẵn sàng viết những gì ông đọc.*

Galilei Tối đâu rồi?

Virginia Đoạn bốn: về tuyên bố của Tòa thánh đối với tình trạng náo động tại Công binh xưởng ở Venedig tôi nhất trí với thái độ của Hồng y Spolettis đối với

những thợ làm dây thừng nổi loạn...

Galilei Phải. *Đọc tiếp...* tôi nhất trí với thái độ của Hồng y Spolettis đối với những thợ làm dây thừng nổi loạn, đó là nên nhân danh lòng từ thiện Cơ Đốc giáo mà phân phối xúp cho họ hơn là trả họ thêm tiền cho dây thừng dùng trên tàu bè và dây chuông. Bởi vì củng cố lòng tin của họ thay vì dấy thêm lòng tham có lẽ sáng suốt hơn. Thánh tông đồ Paulus nói: lòng từ thiện bao giờ cũng thắng. - Con thấy sao?

Virginia Tuyệt, bố ạ.

Galilei Con không nghĩ rằng người ta có thể đọc thấy trong đó sự mỉa mai chứ?

Virginia Không đâu, tổng giám mục sẽ hài lòng lắm. Ngài rất khéo xử thế.

Galilei Bố tin vào xét đoán của con. Tiếp đến là chuyện gì?

Virginia Một câu nói nổi tiếng: “Khi tôi yếu ớt chính là lúc tôi mạnh.”

Galilei Miễn bình luận.

Virginia Tại sao không ạ?

Galilei Tiếp đến là chuyện gì?

Virginia “Các anh em cần hiểu rằng, yêu thương Chúa Cứu thế hơn mọi sự hiểu biết nhiều.” Thư thánh Paulus gửi những người Epheser III, 19⁽¹⁾.

Galilei Tôi đặc biệt cảm ơn ngài về câu trích tuyệt diệu từ những bức thư gửi người Epheser. Được nó gợi ý, tôi còn tìm thấy thêm trong quyển Imitatio⁽²⁾, quyển sách không ai có thể mô phỏng, đoạn như sau. *Ông đọc thuộc lòng.* “Đấng tối cao mà ngôn từ vĩnh hằng⁽³⁾ nói đến nằm ngoài mọi mối hoài nghi”. Tôi mạn phép nhân dịp này trình bày chuyện của mình được chứ ạ? Tôi vẫn còn bị buộc tội đã trước tác một quyển sách về các thiên thể bằng thứ ngôn ngữ của chợ búa. Khi làm việc này tôi không hề có ý định đề nghị hay hoan nghênh việc trước tác những tác phẩm về những đối tượng quan trọng hơn nhiều, thí dụ thần học, bằng thứ tiếng lóng của những người bán mì. Người ta ủng hộ việc dùng tiếng La tinh để cử hành thánh lễ, viện cớ rằng khi được quảng bá khắp nơi thì ngôn ngữ này giúp mọi dân tộc tham dự thánh lễ theo cùng một cách. Luận cứ này theo tôi là không được thích đáng, vì những kẻ chuyên nhạo báng sẽ phản bác ngay rằng chẳng có dân tộc nào hiểu nổi văn bản bằng thứ ngôn ngữ ấy. Về phần mình, tôi sẵn sàng khước từ kiểu diễn giải giản lược những vấn đề thiêng liêng. Tiếng La tinh trên bục giảng nhà thờ, vốn che chở chân lý vĩnh cửu của Giáo hội trước con mắt hiếu kỳ của kẻ dốt nát, sẽ

tạo được tin cậy nếu thốt ra với khẩu âm địa phương từ miệng các cha cố xuất thân từ các tầng lớp thấp. - Thôi, gạch bỏ đi.

Virginia Gạch hết à, bố?

Galilei Tất cả, sau những người bán mì.

Có tiếng gõ cửa. Virginia ra phòng ngoài. Tu sẽ mở cửa. Đó là Andrea Sarti, giờ đã trung niên.

Andrea Xin chào chị. Tôi đang chuẩn bị rời nước Ý, để đi Hòa Lan làm việc về khoa học. Tôi được người quen yêu cầu ghé thăm ông trên đường qua đây, để có thể kể cho họ tin tức về ông.

Virginia Tôi không rõ bố tôi có muốn gặp cậu không. Cậu chưa hề tới đây bao giờ.

Andrea Chị cứ hỏi ông xem. *Galilei nhận ra giọng nói. Ông ngồi bất động. Virginia vào chỗ ông.*

Galilei Phải Andrea không?

Virginia Dạ. Con bảo cậu ta đi về nhé?

Galilei sau một lúc. Dẫn hắn vào đây.

Virginia dẫn Andrea vào.

Virginia với tu sẽ Cậu này vô hại. Ngày trước là học trò nhưng bây giờ là đối địch của bố tôi.

Galilei Virginia, để mình bố tiếp Andrea.

Virginia Con muốn nghe xem cậu kể chuyện gì. *Ngồi xuống.*

Andrea lạnh nhạt Ông khỏe không ạ?

Galilei Xích lại gần đây. Anh hiện làm gì? Kể ta nghe công việc của anh. Ta nghe nói là về Thủy động học.

Andrea Ông Fabrizious ở Hòa Lan ủy thác tôi hỏi thăm sức khỏe của ông.

Nghỉ.

Galilei Ta khỏe thôi. Người ta rất quan tâm tới ta.

Andrea Tôi rất mừng có thể báo lại là ông khỏe.

Galilei Fabrizio sẽ mừng khi được nghe tin như thế. Và anh có thể thông báo cho ông ta biết rằng ta sống khá tiện nghi. Do hồi cải sâu sắc nên ta được hưởng nhiều chiều cổ của hàng giáo phẩm cấp cao, khiến ta có thể được phép nghiên cứu khoa học trong phạm vi khiêm tốn, dưới sự kiểm tra về tinh thần.

Andrea Thừa vâng. Chúng tôi cũng được nghe rằng Giáo hội hài lòng về ông. Sự quy phục hoàn toàn của ông đã có kết quả. Người ta cả quyết rằng hàng giáo phẩm cấp cao hài lòng thấy từ ngày ông quy phục, ở nước Ý không một tác phẩm nào với những khẳng định mới được xuất bản nữa.

Galilei *lắng tai nghe ngóng* Tiếc thay vẫn còn những nước nằm ngoài sự chăm sóc của Giáo hội⁽⁴⁾. Ta e rằng những thuyết đã bị kết án vẫn tiếp tục được phổ biến ở những nước đó.

Andrea Vì ông đã chối bỏ nên ở những nước đó cũng có những bước lùi khiến Giáo hội rất hả dạ.

Galilei Thật ư? *Nghĩ*. Không có gì cả của Descartes_ sao? Không có gì từ Paris à?

Andrea Có chứ. Nhưng nghe tin ông chối bỏ, Descartes đã nhét vào ngăn tủ bản luận văn của mình về bản chất của ánh sáng.

Nghĩ lâu.

Galilei Ta lấy làm lo lắng cho một số bạn hữu khoa học đã bị ta lôi kéo vào con đường lầm lạc. Có phải nhờ ta chối bỏ mà họ trở về với lẽ phải không?

Andrea Để có thể làm việc khoa học, tôi định sẽ đi Hòa Lan. Ở đó người ta chỉ cho phép con bò làm những gì mà Jupiter tự cho phép mình làm.

Galilei Ta hiểu.

Andrea Federzoni lại làm nghề mài thấu kính tại một cửa hiệu ở Mailand⁽⁵⁾.

Galilei cười Anh ta không biết tiếng La tinh.

Nghĩ.

Andrea Fulganzio, nhà tu sĩ nhỏ nhắn của chúng ta, đã không còn nghiên cứu khoa học nữa mà quay về lại trong lòng Giáo hội.

Galilei Ủ. Nghi.

Galilei Hàng giáo phẩm cấp cao cũng trông chờ tâm trí ta lành mạnh trở lại. Ta mau lành hơn chờ đợi nhiều.

Andrea Thế ạ.

Virginia Tạ ơn Chúa.

Galilei *xăng giọng* Virginia, ra ngó chừng cặp ngỗng!

Virginia giận dữ đi ra. Khi cô đi ngang, tu sĩ đón hỏi.

Tu sĩ Tôi thấy không ưa tay này.

Virginia Hấn vô hại mà. Ông nghe thấy đó. Vừa đi vừa nói. Chúng tôi nhận được phó mát dê mới làm.

Tu sĩ theo cô ra ngoài.

Andrea Tôi sẽ phải đi suốt đêm để sáng sớm mai có thể qua được biên giới. Tôi xin kiếu được chứ ạ?

Galilei Ta không biết tại sao anh đến đây, Sarti. Để làm cho ta rối trí ư? Từ ngày đến đây, ta sống mà lúc nào cũng phải thận trọng coi chừng chính mình. Ta tự biết mình hay rơi vào thói tật cũ.

Andrea Thưa ông Galilei, tôi không muốn ông bị kích động.

Galilei Barberini gọi đó là bệnh ghê. Chính ông ta cũng không khỏi hẳn được bệnh này. Ta đã viết trở lại.

Andrea Thế ạ?

Galilei Ta đã viết xong quyển “Discorsi” rồi.

Andrea Sao ạ? Quyển “Mạn đàm về hai bộ môn cơ học và luật rơi”? Ông viết ở đây?

GalileiỒ, họ cho ta giấy bút. Hàng giáo phẩm của ta không phải thứ ngu si. Họ biết rõ có tật không phải ngày một ngày hai mà có thể dứt bỏ được. Họ tránh cho ta những hậu quả không hay bằng cách cho vào tủ khóa lại, cất kỹ từng trang một.

Andrea Lạy Chúa!

Galilei Anh nói sao?

Andrea Họ để ông làm chuyện đã tròng xe cát! Họ cung cấp cho ông giấy bút để ông mãn nguyện mà không chống đối. Biết ý đồ của họ như thế mà sao ông vẫn cứ viết?

Galilei Ấy, ta là nô lệ thói quen của mình mà.

Andrea Quyền “Discorsi” nằm trong tay các tu sĩ! Còn Amsterdam, Luân Đôn và Prag mỗi mắt chờ!

Galilei Ta có thể nghe được tiếng Fabrizious ngồi an toàn ở Amsterdam, than thở, nài xin, đem chính mình ra để thế chân hầu có được quyền này.

Andrea Hai bộ môn này coi như là mất!

Galilei Ông ta và một số người khác nhất định sẽ nhảy nhồm lên khi được biết rằng ta đã liệu, chịu mất nốt chút thanh thoi nhỏ nhoi, tận dụng ít ánh sáng còn sót của những đêm trời sáng để chép trong suốt sáu tháng một bản sao - có thể nói là ta lén lút sao chép của chính ta.

Andrea Ông có một bản sao à?

Galilei Cho đến nay tính kiêu căng của ta đã không để cho ta hủy nó.

Andrea Thế nó đâu rồi ạ?

Galilei “Nếu con mắt làm cho anh khó chịu thì hãy móc nó vất đi.” Người viết câu này biết rõ hơn ta thế nào là sống trong tiện nghi, thoải mái. Ta cũng biết rằng giao bản sao này là điên rồ hết mức, nhưng vì ta không làm sao mà dứt ra, chừa, đừng nghiên cứu khoa học nữa, thì bọn các anh sở hữu nó cũng tốt thôi. Bản sao cất giấu trong quả địa cầu. Nếu anh định mang nó sang Hòa Lan thì dĩ nhiên anh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đấy. Có bị hỏi thì anh phải nói là mua của một người vào được nơi giữ bản chính của Ủy ban Thần học Tòa thánh.

Andrea đi tới chỗ để quả địa cầu, lấy ra tập bản sao.

Andrea Tập “Discorsi” đây rồi! *Lật xem bản thảo.* Đọc “Ý định của tôi là xây dựng một môn khoa học rất mới, về một đối tượng rất cũ, đó là sự chuyển động. Qua thí nghiệm tôi đã phát hiện ra một vài tính chất rất đáng được biết của nó.”

Galilei Ta phải làm chút gì đó với thời giờ của ta chứ.

Andrea Nó sẽ xây dựng nên một ngành vật lý mới.

Galilei Nhớ giấu nó trong áo.

Andrea Chúng con cứ nghĩ là thầy đã đầu hàng rồi! Hồi đó con là kẻ lớn tiếng nhất phản đối thầy!

Galilei Phải thế thôi. Ta đã dạy anh khoa học mà ta lại chối bỏ chân lý.

Andrea Chuyện này làm thay đổi tất cả. Tất cả.

Galilei Sao cơ?

Andrea Thầy đã cất giấu chân lý. Trước kẻ thù. Ngay cả trên lãnh vực đạo đức học thầy cũng đi trước người khác cả hàng thế kỷ.

Galilei Anh hãy giải thích rõ cho ta nghe.

Andrea Hồi đó chúng con nói với người dân bình thường rằng: thầy chúng tôi thà chịu chết chứ không bao giờ chịu chối bỏ - Rồi thầy trở về, thầy nói: ta đã chối bỏ, nhưng họ cho ta sống - Chúng con nói: tay thầy đã lấm bẩn rồi - Thầy bảo: thà lấm bẩn còn hơn trắng tay.

Galilei Thà lấm bẩn còn hơn trắng tay. Nghe rất thực tế. Nghe đúng là khẩu khí của ta. Khoa học mới, đạo đức học mới.

Andrea Lẽ ra con phải biết rõ thầy hơn tất cả các anh kia! Ngày thầy bán ống viễn kính do người khác sáng chế cho Hội đồng nước Cộng hòa Venedig thì con mười một tuổi. Con đã thấy thầy dùng nó làm nên những việc bất tử. Khi thầy cúi đầu trước đấng nhỏ⁽⁶⁾ ở Florenz thì bạn bè của thầy lắc đầu: khoa học đã có khán giả. Thầy vẫn luôn cười nhạo các anh hùng: “Ta chán ngấy những kẻ ưa chịu đau khổ.” Thầy cũng nói: “Bất hạnh là do tính toán thiếu chính xác” và “Khi có nhiều cản trở thì có thể đường ngắn nhất nối hai điểm là một đường cong.”

Galilei Ta nhớ.

Andrea Rồi năm 1633 khi thầy bằng lòng chối bỏ một điểm nổi tiếng trong thuyết của thầy thì lẽ ra con phải biết rằng thầy chỉ lùi bước trước một trận độ sức tuyệt vọng về chính trị để tiếp tục theo đuổi công việc khoa học mới là công việc chính yếu.

Galilei Công việc này là...

Andrea ... tìm hiểu những tính chất của chuyển động, căn nguyên vận hành những máy móc thừa khả năng làm trái đất thành nơi con người có thể sinh sống

được, khiến có đem bầu trời đi đâu đó cũng không sao.

Galilei Ra thế.

Andrea Nhờ thế thầy đã có được thì giờ rảnh rang để trước tác một công trình khoa học mà chỉ riêng thầy làm nổi. Nếu như thầy chịu chết trong ánh hào quang trên giàn hỏa thiêu thì bọn người kia sẽ là kẻ chiến thắng.

Galilei Họ là kẻ chiến thắng. Và không có một công trình khoa học nào chỉ một người viết nổi.

Andrea Vậy vì sao thầy đã chối bỏ?

Galilei Ta chối bỏ vì sợ thân thể bị đau đớn.

Andrea Không đúng!

Galilei Họ đã cho ta xem những dụng cụ tra tấn.

Andrea Như vậy đó không phải là kế hoạch của thầy ư?

Galilei Không.

Nghĩ.

Andrea nói to Khoa học chỉ có một yêu cầu: đóng góp khoa học.

Galilei Ta đã góp phần của mình rồi. Xin chào đón vào chốn bùn nhơ, hỡi người anh em ruột thịt trong lĩnh vực khoa học, người anh em họ trong sự phản bội. Bạn ăn cá không? Ta có cá đây. Không phải cá hồi mà là ta bốc mùi. Ta bán tống bán tháo cả, còn bạn là khách mua. Ôi, hể thấy sách, cái món hàng rất đổi thiêng liêng, thì mắt không thể không nhìn được! Sẽ thêm đến nhỏ dãi và mọi lời nguyện rửa đều tắt ngấm. Cái mụ điểm Scharlachene⁽⁷⁾ trứ danh thành Babylon, cái con thú giết người, cứ giăng chân ra là mọi chuyện đổi khác hết! Xin Chúa ban phước cho cái xã hội bán buôn mặc cả, đổi trắng thay đen, run sợ trước cái chết này của chúng ta!

Andrea Đã là người thì ai chẳng sợ chết! Sự yếu đuối của con người đâu liên quan gì đến khoa học.

Galilei Không à? Anh Sarti thân mến này, ngay cả trong tình trạng hiện tại ta vẫn thấy đủ khả năng chỉ dẫn anh vài điều liên quan đến khoa học mà anh dốc lòng phụng sự.

Nghĩ ngẩn.

Galilei hai tay chấp trước bụng như đang giảng bài Trong những giờ rảnh rỗi ta vốn có nhiều, ta đã kiểm lại trường hợp của mình và suy ngẫm xem thế giới khoa học - mà ta không còn thuộc về đó nữa - sẽ đánh giá ra sao. Ngay một người buôn bán len, ngoài việc mua rẻ bán đắt, cũng phải lo sao để cho việc buôn bán len được suôn sẻ. Theo đó thì, ta nghĩ, sự đeo đuổi ngành khoa học đòi hỏi sự dũng cảm đặc biệt. Khoa học gắn liền với sự hiểu biết, qua hoài nghi mà đạt được hiểu biết. Khoa học nỗ lực đạt được sự hiểu biết trên mọi lãnh vực cho mọi người và biến mọi người thành những kẻ hoài nghi. Nhưng phần lớn người dân bị các lãnh chúa, chủ đất và cố đạo kìm hãm trong màn sương dày đặc của mê tín và những luận thuyết cũ rích che giấu dã tâm của chúng. Sự thống khổ của số đông thì xưa như quả đất và người dân được nghe dạy từ những bực giảng nhà thờ và trường học rằng nó sẽ mãi vững như núi, không xóa bỏ được. Đông đảo người dân tán thành quan điểm của chúng ta về sự hoài nghi. Họ tức khắc giành lấy ống viễn kính từ tay chúng ta, chĩa vào lũ lãnh chúa, chúa đất, cố đạo là những kẻ đầy dọa họ. Cái lũ ích kỷ và hung bạo này thêm khát được khai thác thành quả của khoa học, nhưng chúng đồng thời cảm thấy đôi mắt lạnh lùng của khoa học chiếu rọi vào nỗi thống khổ đã có tự nghìn năm, nó do chính con người tạo ra và rõ ràng có thể xóa bỏ bằng cách tiêu diệt lũ ích kỷ và hung bạo họ. Cho nên chúng ra sức đe dọa và mua chuộc chúng ta, mà những kẻ yếu đuối thật không dễ gì cưỡng lại nổi. Nhưng có thể nào chúng ta bỏ rơi đông đảo người dân mà vẫn là nhà khoa học được không? Những chuyển động của các thiên thể đã ngày một rõ rệt thêm, nhưng những toan tính của đám cai trị thì đối với người dân vẫn luôn còn là không lường nổi. Do hoài nghi mà cuộc đấu tranh về sự có thể đo được bầu trời đã thắng, do lòng tin mà cuộc đấu tranh về sữa bò của bà nội trợ ở Rom vẫn mãi thua. Khoa học, anh Sarti ạ, đều liên hệ đến hai cuộc đấu tranh này. Một loài người cứ mãi vấp ngã trong màn sương dày đặc của mê tín và các luận thuyết cũ rích, quá u mê không thể phát huy hết sức mạnh của mình thì không đủ khả năng để phát huy sức mạnh của thiên nhiên mà những nhà khoa học các anh khám phá ra. Các anh làm việc vì mục đích gì? Ta cho rằng mục tiêu duy nhất của khoa học là làm cho đời sống của con người đỡ cơ cực. Nếu nhà khoa học, do bị bọn cầm quyền ích kỷ dọa dẫm, hài lòng với việc thu thập thật nhiều kiến thức chỉ để hiểu biết thì khoa học sẽ thành què quặt và máy móc của các anh có thể sẽ chỉ gây ra những khốn khổ mới mà thôi. Nếu như thế, các anh có thể khám phá ra mọi điều có thể khám phá được, nhưng tiến bộ của các anh sẽ chỉ là sự tiến bộ xa lìa con người. Một ngày kia, sự ngăn cách giữa các anh và con người sẽ lớn đến nỗi tiếng reo mừng của các anh về một thành quả mới nào đó sẽ được một tiếng thét kinh hoàng đồng thanh đáp lại. Là một nhà khoa học, ta đã có một cơ hội độc nhất vô nhị. Trong thời gian ta hoạt động khoa học ngành thiên văn đã tới tận các chợ búa. Trong hoàn cảnh đặc biệt như thế thì sự kiên định của một người có thể gây ra những chấn động lớn. Nếu hỏi đó ta kiên định thì có thể các nhà khoa học tự nhiên sẽ phải nghĩ ra một kiểu gì đó tương tự như lời thề Hippokrat_ của các thầy thuốc,

tuyên thệ rằng chỉ sử dụng khoa học vì hạnh phúc con người! Bây giờ thì nhiều lắm người ta chỉ có thể hy vọng có được một thế hệ những kẻ phát minh tí hon để thuê trong mọi chuyện. Thêm vào đó, anh Sarti ạ, ta còn tin chắc rằng ta chưa hề thật sự gặp nguy hiểm. Nhiều năm dài ta cũng mạnh ngang với những kẻ có quyền thế. Và ta đã cung cấp cho họ hiểu biết của ta để họ dùng, không dùng hay lạm dụng tùy mục đích của họ.

Virginia bung thố vào, đứng lại.

Galilei Ta đã phản bội nghề nghiệp của mình. Một kẻ đã hành động như ta không thể được chứa chấp trong hàng ngũ những nhà khoa học.

Virginia Nhưng mà bố được nhận vào hàng ngũ những kẻ ngoan đạo.

Cô để thố lên bàn rồi đi ra.

Galilei Chí lý. Ta phải ăn mới được.

Andrea chìa tay, định bắt tay từ biệt ông. Galilei thấy nhưng không bắt.

Galilei Bây giờ chính anh cũng dạy học. Chẳng lẽ anh còn dám bắt tay một người như ta sao? *Lại bàn.* Có người đi qua đây gửi tặng ta cặp ngỗng. Ta vẫn còn mê ăn.

Andrea Thầy không còn cho rằng một kỷ nguyên mới đã mở ra ư?

Galilei Có chứ. Hãy giữ mình. Khi đi qua nước Đức thì nhớ giấu sự thật dưới cái áo⁽⁸⁾.

Andrea không từ biệt nói Con không biết phải có ý kiến thế nào về sự đánh giá của thầy đối với người mà thầy trò ta vừa đề cập tới. Nhưng con không nghĩ rằng điều phân tích đáng sợ của thầy có giá trị chung quyết.

Galilei Cảm ơn anh. Ông bắt đầu ăn.

Virginia đi với Andrea ra ngoài Chúng tôi không thích tiếp những người quen cũ. Họ chỉ làm bố tôi thêm kích động.

Andrea đi. Virginia quay vào phòng.

Galilei Con có đoán được ai gửi tặng ngỗng không?

Virginia Không phải Andrea.

Galilei Có lẽ. Tối nay trời thế nào?

Virginia *lại cửa sổ* Sáng.

15. NĂM 1637, QUYỀN “DISCORSI” CỦA GALILEI VƯỢT BIÊN GIỚI Ý.

Người ơi, hãy tâm niệm màn chung cuộc

Kiến thức trôn được qua biên giới.

Chúng tôi - hấn và tôi - những kẻ

khát khao hiểu biết

Phải ở lại phía bên này.

Xin hãy bảo toàn ánh sáng của khoa học

Sử dụng nhưng chớ bao giờ lạm dụng

Kéo một ngày kia nó thành cơn bão lửa

Thieu rụi hết thảy chúng ta

Không trừ một ai.

Sáng sớm tại một thành phố nhỏ ở biên giới nước Ý. Có vài đứa trẻ chơi đùa ở chỗ đặt thanh chắn. Andrea ngồi đọc bản thảo của Galilei trên một cái hòm nhỏ cạnh người đánh xe, chờ các nhân viên biên phòng kiểm tra giấy tờ. Chiếc xe đậu phía bên kia thanh chắn.

Lũ trẻ ca hát

Maria ngồi trên tảng đá

Nó mặc cái áo màu hồng

Cái áo hồng lấm lem.

Nhưng tới mùa đông lạnh lẽo

Cái áo trùm kín nó

Lấm lem không phải là rách nát.

Nhân viên biên phòng Vì lý do gì ông rời nước Ý?

Andrea Vì tôi là học giả.

Nhân viên biên phòng *nói với người thư ký* Viết vào chỗ “lý do xuất ngoại”: học giả. Với Andrea. Tôi phải khám hành lý của ông. Khám.

Đứa trẻ một *với Andrea* Ông đừng ngồi chỗ này. Nó chỉ vào cái lều sau lưng Andrea. Trong kia có mũ phù thủy đấy.

Đứa trẻ hai Bà cụ Marina nhất định không phải là phù thủy.

Đứa trẻ một Mày có muốn tao bẻ tay không?

Đứa trẻ ba Mụ ấy là phù thủy. Đêm đêm mụ bay trên trời.

Đứa trẻ một Nếu không là phù thủy, tại sao không ai trong thành phố chịu bán gì cho mụ, kể cả một xoong sữa?

Đứa trẻ hai Làm sao mà bà ấy bay trên trời được chứ? Không có ai bay được. *Với Andrea.* Người ta bay được không, ông?

Đứa trẻ một *nói về đứa trẻ hai* Đây là Giuseppe. Nó chẳng biết gì hết, vì nó không có quần cho ra quần nên không được đi học.

Nhân viên biên phòng Ông đang đọc quyển gì đấy?

Andrea *không ngẩng lên* Quyển này là của triết gia vĩ đại Aristoteles.

Nhân viên biên phòng *ngghi ngờ* Là người như thế nào?

Andrea Ông ta chết lâu rồi.

Lũ trẻ đi quanh Andrea, vừa đi vừa làm như đang đọc sách để nhạo báng.

Nhân viên biên phòng *với thư ký* Tìm xem trong quyển này có viết gì về tôn giáo không.

Thư ký lật xem Không thấy gì hết.

Nhân viên biên phòng Cái trò lục soát này chẳng kết quả gì mấy. Đâu có ai đại gì bày ngay trước mắt mình thứ họ muốn giấu chứ. Với Andrea. Ông phải ký nhận rằng chúng tôi đã kiểm tra hết mọi thứ. *Andrea chần chừ đứng lên, rồi theo nhân viên nọ vào trong, vừa đi vừa đọc.*

Đứa trẻ ba *chỉ cái hòm, nói với người thư ký* Còn cái kia nữa, ông thấy không?

Thư ký Bộ hời này không có à?

Đứa trẻ ba Ma quỷ đem đặt ở đó đấy. Đó là cái hòm.

Đứa trẻ hai Không phải, đó là của người lạ kia.

Đứa trẻ ba Cháu không tới đó đâu. Mụ đã bỏ bùa mấy con ngựa của ông đánh xe Passi đấy. Chính cháu ngó qua cái lỗ hồng bảo tuyết làm thùng trên nóc nhà và nghe thấy chúng nó ho.

Thư ký *đã tới gần cái hòm rồi, dùng dằng rồi quay lui.* Của ma quỷ à? Thôi, mình đâu thể nào kiểm soát hết được. Súc đâu cho xuê?

Andrea trở lại với một bình sữa, ngồi trên hòm, đọc tiếp.

Nhân viên biên phòng cầm giấy tờ vào, đứng sau lưng Andrea. Đóng các hòm lại. Ta xong hết chưa?

Thư ký Xong rồi.

Đứa trẻ hai *với Andrea* Ông là học giả, vậy ông hãy nói: con người có bay trên trời được không?

Andrea Đợi một chút.

Nhân viên biên phòng Ông đi qua được rồi đấy.

Người đánh xe chắt hành lý lên xe. Andrea xách hòm, định đi.

Nhân viên biên phòng Khoan! Hòm gì thế?

Andrea *chìa quyển sách* Hòm sách ấy mà.

Đứa trẻ một Cái hòm bị mụ phù thủy bỏ bùa đấy.

Nhân viên biên phòng Vớ vẩn. Làm sao mụ bỏ bùa một cái hòm được?

Đứa trẻ ba Nếu có ma quỷ giúp!

Nhân viên biên phòng cười Không có chuyện đó ở đây. *Với thư ký.* Mở ra.

Mở hòm.

Nhân viên biên phòng *ngao ngán* Bao nhiêu quyển?

Andrea Ba mươi bốn.

Nhân viên biên phòng *với thư ký* Anh cần bao lâu?

Thư ký bắt đầu lục hòm chiếu lệ Tất cả đều là sách in. Thế là ông anh sẽ hết cả thì giờ ăn sáng; nếu phải khám hết chỗ sách này thì bao giờ tôi mới chạy tới gã đánh xe Passi để xiết từ tiền đầu giá nhà hăn món thuế qua đường hăn còn nợ đây?

Nhân viên biên phòng Ừ, ta phải thu món tiền đó đã. *Lấy chân đá nhẹ đóng sách.* Đóng sách này có quái gì mà khám cho mất công! Với người đánh xe. Thôi cho đi!

Người đánh xe khiêng hòm, cùng với Andrea đi qua biên giới. Sang tới bên kia Andrea cất tập bản thảo của Galilei vào túi xách.

Đứa trẻ ba *chỉ vào cái bình Andrea để lại* Kìa!

Đứa trẻ một Còn cái hòm biến mất! Thấy chưa, có phải ma quỷ làm phép không?

Andrea quay lại Không phải đâu, ta làm đấy. Em phải học mở mắt nhìn. Sữa và bình ta đã trả tiền rồi. Để cho bà lão. Phải, còn Giuseppe, ta chưa trả lời câu hỏi của em. Người ta không thể cưỡi gậy mà bay được. Ít nhất có lẽ gậy phải gắn máy móc. Nhưng một cái máy như thế hiện chưa có. Có thể không bao giờ có, vì con người ta quá nặng. Nhưng tất nhiên không ai nói trước được. Giuseppe ạ, chúng ta còn biết quá ít. Chúng ta thực sự mới chỉ bắt đầu biết mà thôi.

GALILEI TRONG LỊCH SỬ

Ngày Galileo Galilei chào đời tại Pisa, 15/02/1564 - gần 21 năm sau khi Nikolaus Kopernikus nhắm mắt và ba ngày trước khi Michelangelo từ trần - chưa có một dấu hiệu nào cho thấy sẽ nổ ra một cuộc đấu tranh không chỉ làm rung chuyển giới khoa học về mô hình mới của vũ trụ gắn liền với tên tuổi lừng danh của Kopernikus - tiền bối của Galilei. Mãi năm 1610, gần cuối thời gian dạy học ở trường đại học Padua của Cộng hòa Venedig, Galilei mới công bố trong bài viết của ông mang tựa đề Sidereus Nuncius (Người đưa tin về tinh tú) những phát hiện chân động: ông viễn kính phóng lớn hai mươi lần không những đã cho ông thấy được mặt trái đất và mặt trăng giống nhau, dải Ngân hà là tích tụ của vô vàn tinh tú, mà ông còn thấy và xác định hết sức chính xác vị trí và quỹ đạo bốn vệ tinh của sao Mộc (Jupiter). Qua đó, giả thuyết của Aristoteles rằng hành tinh là thiên thể gắn chặt vào các lớp vỏ pha lê lần vị trí độc tôn của trái đất do Aristoteles và trường phái của ông đề xướng bị rung động: trái đất cũng chỉ là một trong vô vàn hành tinh; sự “tinh tú hóa” trái đất bắt đầu từ đây. Ngay trong tháng Mười hai năm 1610, Christopher Clavius, một trong những thành viên uy tín nhất của Collegium Romanum xác nhận những điều Galilei đã quan sát. Tuy nhiên sự chống đối đã hình thành trong giới tu sĩ và những người theo trường phái Aristoteles. Năm năm sau, do có kẻ tố giác, Ủy ban Thần học Tòa thánh, cơ quan tối cao thuộc Tòa án Tôn giáo, đã đưa nhà toán học và thiên văn học này ra xét xử. Vô số buổi tiếp xúc của Galilei ở Rom cũng không ngăn cản được các nhà thần học trong Ủy ban này cho rằng những câu được xem là cơ bản của học thuyết Kopernikus là “ngu muội về mặt triết học và dị giáo về bản chất”. Hồng y Bellarmine khuyên cáo Galilei từ bỏ quan điểm trái đất quay quanh mặt trời. Tuy học thuyết Kopernikus không bị cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban Thần học Tòa thánh cấm vì tội tà giáo, nhưng hội nghị của Ủy ban ngày 5.3.1616 đã đưa quyền “De revolutionibus orbium coelestium”⁽¹⁾ của nhà thiên văn này vào danh sách những tác phẩm bị cấm. Tuy các bài viết của Galilei không trực tiếp bị cấm đoán và Hồng y Bellarmine đã xác nhận bằng văn bản rằng ông không phải rút lại hay chối bỏ, nhưng vụ xét xử này đã khiến ông và việc ông làm bị hạ nhục nặng nề. Năm 1623, khi Hồng y Maffeo Barberini, một con người cởi mở - cả với khoa học - được bầu làm Giáo hoàng Urban VIII thì Galilei lại nhen nhúm hy vọng. Năm 1624, sau nhiều lần được Giáo hoàng tiếp kiến, Galilei có cảm tưởng rằng Barberini sẽ không phản đối việc nghiên cứu mô hình vũ trụ Kopernikus, nếu chỉ coi mô hình này là giả thuyết.

Cho nên năm sau đó Galilei bắt tay vào việc trình bày cách giải thích hai hệ thống vũ trụ mà ông đã dự tính từ lâu. Để tránh đụng chạm với án lệnh của Ủy ban

Thần học Tòa thánh, Galilei đã chọn thể đối thoại hầu giữ cho sự quan sát vẫn mang tính giả thuyết. Trong quyển *Dialogo sopra i due massimi sistemi del mondo, tolemaico e copernicano* (Đối thoại về hai hệ thống vũ trụ chính, của Ptolemaeus và Kopernikus), ông để cho Salviati cùng với Sagredo và Simplicio⁽²⁾, một người khờ khạo nệ cổ theo trường phái Aristoteles tranh luận trong bốn ngày về bằng chứng cho học thuyết Kopernikus. Giáo hoàng Urban VIII đích thân cho ông được phép in quyển này với một vài điều kiện, nhưng ngay sau khi quyển sách ra đời thì giấy phép in liền bị thu hồi. Cuối cùng, Giáo hoàng nhượng bộ đòi hỏi của nhiều kẻ âm mưu hại ông, nhất là trong giới tu sĩ dòng Tên ở Rom, cho mở phiên tòa xét xử Galilei. Cuối năm 1632, ông bị gọi về Rom dù sức khỏe suy yếu; ở đây sau một thời gian dài châu chực, ông bị truy tố, bị giam giữ và đưa ra trước Tòa án Tôn giáo. Trong cáo trạng có cả những tội rất khôi hài, nhất là một biên bản vào năm 1616 - có lẽ giả mạo - rằng ngay từ thời đó Galilei đã bị cấm không được trình bày dưới mọi hình thức về hệ thống Kopernikus. Rõ ràng bản án dành cho ông đã được quyết định sẵn ngay từ đầu. Quyển *Dialogo* bị cấm, Galilei bị bỏ tù và buộc phải quỳ gối nguyên rửa và chối bỏ “với sự thành khẩn và lòng tin chân thành những sai lầm và dị giáo đã được đề cập cũng như mọi sai lầm khác ngược với Giáo lý đã được nêu ra cùng sự tin theo những giáo phái khác⁽³⁾.” Lời chối bỏ của Galilei được phổ biến khắp các nước theo đạo Thiên Chúa, ông trở nên suy nhược, phải cố sức mới gượng dậy nổi. Ít lâu sau Giáo hoàng cho phép ông trở về ngôi biệt thự ở Arcetri sống cuộc đời bị quản thúc và không được tiếp khách. Tuy nhiên sự canh chừng không quá gắt gao, do đó ông lại quan hệ được về mặt khoa học qua đường bưu điện, trước hết là với các nước châu Âu khác. Nhờ thế mà năm 1635, ở Strassburg, đã phát hành bản dịch tiếng La tinh quyển *Dialogo*. Trong khi đó ông soạn quyển *Discorsi*, cũng dưới hình thức đối thoại, bàn về “sự chuyển động quán tính, mặt nghiêng, định luật rơi, sự rung của con lắc và đạn đạo hình parabol cũng như những vấn đề tương tự dưới quan điểm thống nhất của một lý thuyết toán học”.

Vất vả lắm ông mới hoàn thành được bản thảo, vì đầu năm 1637 ông lòa mắt trái, cuối năm đó lòa nốt mắt phải. Tuy nhiên ông vẫn sắp xếp để nó được công bố. Năm 1638 quyển sách được xuất bản ở Leyden, Hòa Lan, với ghi chú rằng việc phổ biến này là trái với ý muốn của tác giả. Ngay cả sau khi bị lòa hoàn toàn, ông vẫn tiếp tục nghiên cứu và quan hệ thư từ rộng rãi với sự giúp đỡ của bà Evangelista Torricellis và ông Viviani - người sau này viết tiểu sử ông. Nhưng tình trạng sức khỏe của ông xấu rõ rệt. Ngày 08/01/1642, ông từ trần trong ngôi nhà của mình ở Arcetri, với tư cách một người vẫn còn bị quản thúc.

Mãi đến năm 1835, những tác phẩm của Kopernikus, Kepler⁽⁴⁾ và quyển *Dialogo* mới không còn bị liệt kê trong danh sách những quyển bị cấm lưu hành. Năm 1979, Giáo hoàng Johannes Paul II, trong diễn văn kỷ niệm 100 năm ngày sinh Albert

Einstein, mới phục hồi danh dự cho ông.

(Leben des Galilei, Interpretation von Wolfgang Hallet - Cuộc đời Galilei, diễn giảng của Wolfgang Hallet - Nxb Oldenburg, München, 1991).

BAT

(...)⁽¹⁾ “Cuộc đời Galilei” là một trong những vở kịch quan trọng và sâu sắc nhất, song cũng chứa đựng nhiều mâu thuẫn nhất của Bertolt Brecht. Không phải ngẫu nhiên mà Brecht - khi xây dựng cốt truyện nhà vật lý Galilei và sự chối bỏ của ông - đã hầu như không dùng tới kỹ thuật biện chứng - sử thi⁽²⁾, chính vì thế mà về sau Brecht coi thể loại của vở kịch này là bước lùi âm thầm trở lại với những nguyên tắc kịch nghệ cổ điển.

Song, điều quan trọng hơn là mâu thuẫn giữa bố cục ban đầu của vở kịch với cải biên sau này của ông. Kịch bản đầu tiên chú ý cho thấy việc khuất phục là một mưu mẹo khéo léo nhằm phục vụ chân lý. Galilei chối bỏ để có thể được yên thân trước những kẻ truy bức ông, hầu có thể tiếp tục nghiên cứu. Galilei hoàn toàn không bận tâm tới việc lúc đầu bị các học trò hiểu lầm.

Kịch bản nguyên thủy kết thúc dưới hình thức này và được trình diễn lần đầu năm 1943 ở Zürich. Nhưng rồi Brecht chứng kiến việc chế tạo và thả bom nguyên tử. Ông liền cải biên nhân vật Galilei. Qua đó Brecht chờ đợi người đọc và khán giả kết án nhà vật lý đã chối bỏ, đã đầu hàng - tuy Galilei không nhất thiết phải làm như thế. Trong kịch bản mới này, Galilei tự lên án mình: ai đã hành động như ông sẽ không còn xứng đáng đứng trong đội ngũ các nhà khoa học nữa. Ông tự nhận đã trở thành kẻ phản bội chính mình.

Dù thoát tiên Brecht chú ý xây dựng nhân vật nhà vật lý đã chối bỏ của mình thế nào chăng nữa thì vẫn dứt khoát một điều: Brecht muốn cuối cùng người ta phải hiểu việc chối bỏ của “người hùng phản diện” mang nhiều nét tích cực này là phản bội khoa học, và đây chính là lời cảnh tỉnh những nhà vật lý của thế kỷ 20. Brecht thêm vào màn 14 của bản cải biên lời tự biện giải của Galilei khi đối thoại với người học trò cũ Andrea, mong dùng kỹ xảo này khiến khán giả sững sốt trước thái độ của nhà khoa học đã “rời bỏ hàng ngũ” là lạ lùng. Ông ta lên giọng giảng bài: “Ta cho rằng mục tiêu duy nhất của khoa học là làm cho đời sống con người đỡ cơ cực. Nếu nhà khoa học, do bị bọn cầm quyền ích kỷ dọa dẫm, hài lòng với việc thu thập thật nhiều kiến thức chỉ để hiểu biết thì khoa học sẽ thành què quặt và máy móc của các anh có thể sẽ chỉ gây ra những khó khăn mới mà thôi.” Ai mâu thuẫn với những nguyên tắc này, nghĩa là trốn tránh trách nhiệm của hậu quả việc mình nghiên cứu hoặc chối bỏ những nghiên cứu của mình thì không xứng đáng đứng trong đội ngũ các nhà khoa học nữa. Những điều Galileo Galilei thốt ra phù hợp với sự phân tích mà nhà soạn kịch Brecht cho rằng đã rút ra được qua tìm hiểu vụ án Galilei. Trong màn 13 về sự chối bỏ của Galilei, Andrea nói - có lẽ cũng nói lên suy nghĩ của tác giả

vở kịch: “Nhưng hôm nay mọi sự đã đổi thay! Con người bị chà đạp ngẩng đầu nói: từ nay ta có thể sống cho ra sống được rồi. Chỉ cần một người đứng lên nói ‘Không’ là bao nhiêu điều đạt được!”

Với Brecht thì tuy Galilei là một người hùng phản diện, nhưng vẫn là người hùng. Cách hành xử tiêu cực của Galilei gọi cho ta thấy có nhiều cách hành xử tích cực khác mà ông quả thực chưa hề hoài nghi. Nhà vật lý có thể làm được gương tốt, vậy hãy làm gương tốt đi. Việc ông ta đứng lên nói “không” là điều quan trọng. Nhà vật lý không chịu chối bỏ hay - trong thời đại của nhà viết kịch Brecht - từ khước đem nghiên cứu phục vụ sự hủy diệt nhân loại là hành động có ý nghĩa, do đó cần thiết. Tuy nhiên trong những năm cuối đời - dù vẫn giữ vững lập trường cơ bản - Brecht có thận trọng hơn trong việc đánh giá trường hợp Galilei. Trong ghi chú về vở kịch - công bố trong di cảo - thì cuối lời bạt với nội dung lý thuyết viết cho kịch bản trình diễn ở Mỹ (hè 1947) có đề cập đến hoàn cảnh các nhà vật lý Mỹ, mà trước nhất hẳn là Robert Oppenheimer⁽³⁾: “Những nhà vật lý tiếng tăm từ bỏ chẳng khác trốn chạy việc phục vụ chính phủ hiếu chiến của họ; một trong những người tầm tiếng nhất nhận một chân nhà giáo, phí hoài thì giờ dạy những điều cơ bản sơ đẳng, chỉ để khỏi phải làm việc cho những cơ quan nọ. Việc khám phá ra được điều gì mới mẻ đã trở thành nhục nhã.” Ở đây đã phảng phất những dấu hiệu về diễn biến tư tưởng mà Dürrenmatt⁽⁴⁾ sẽ tiếp tục khai triển: vượt qua và đối nghịch với nhân vật Galilei của Brecht.

Nếu khám phá ra được điều gì đó lại là nhục nhã thì yêu cầu của nhân vật Galilei, rằng nhà khoa học tự nhiên phải phục vụ nhân đạo, không thể đáp ứng được theo cách thức truyền thống. Ta thấy: vở kịch ẩn dụ của Brecht - nó tự vượt khỏi tay ông và tác giả cứ phải không ngừng cố nắm lại - vừa để cho cách hành xử tích cực, anh hùng triển khai do được khơi dậy qua quan sát nhân vật có những cách hành xử tiêu cực Galilei (ở đây Brecht sử dụng những phương cách tương tự như ở nhân vật “Bà mẹ dũng cảm” có cách hành xử tiêu cực) vừa để nảy sinh cái khả năng mà mãi sau này mới được Dürrenmatt suy nghĩ rít ráo, đó là trong thế giới và xã hội hôm nay các nhà vật lý không thể đóng vai trò người hùng, dù tích cực hay tiêu cực, được nữa.

Chính điều này đã sẵn có trong “Cuộc đời Galilei” và là một trong những mâu thuẫn đáng chú ý nhất của nhân vật bi thảm này. “Khốn khổ thay cái đất nước không có anh hùng!” Andrea đã gào lên như thế do phần nộ và tuyệt vọng về sự chối bỏ của người thầy. Galilei trả lời: “Không. Khốn khổ thay cái đất nước cần có anh hùng.” Câu này có trong dự thảo ban đầu của vở kịch - coi việc chối bỏ là sự thỏa hiệp chấp nhận được, để có thể tiếp tục nghiên cứu.

(...) Trong vở “Mạn đàm của những người tị nạn”⁽⁵⁾ nhân vật Ziffel đã nhận xét:

“Sống trong một đất nước không có sự hài hước đã là chịu không nổi, nhưng sống trong một đất nước cần phải có sự hài hước thì lại càng chịu không nổi.” Ở đây Brecht, một kẻ phải sống lưu vong, đã thốt ra từ chính kinh nghiệm sống trong Đế chế thứ ba⁽⁶⁾. Khôn khổ thay cái đất nước cần có hài hước để người dân có thể tiếp tục sống, nếu không thì sẽ không thể sống nổi cuộc sống bình nhật, vì ở đó người ta bị đòi hỏi phải có chủ nghĩa anh hùng. Ở một chỗ khác, tư tưởng Bertolt Brecht vượt hẳn khỏi khuôn khổ được dự kiến cho vở kịch “Cuộc đời Galilei”. Trong những ghi chú về vở kịch tìm thấy trong di cảo, tác giả đã biện luận qua vài câu rất đáng chú ý tại sao vở kịch không phải là bi kịch, dù có bố cục tương ứng⁽⁷⁾. Vở kịch mở đầu với lời nhà vật lý vĩ đại Ý chào mừng một kỷ nguyên mới, nhưng lại kết thúc với sự cự tuyệt của ông đối với chính kỷ nguyên mới này. “Theo những nguyên tắc phổ quát trong xây dựng bố cục một vở kịch thì đoạn cuối phải trầm trọng hơn. Nhưng vở kịch này lại không bố cục theo những nguyên tắc ấy.” Đó là một câu quan trọng. Brecht chống lại việc nói về bi kịch của Galilei cũng như về chủ nghĩa anh hùng của nhân vật này. Điều quyết định là tính khách quan lịch sử vào thời điểm kỷ nguyên mới bắt đầu. Galilei thất bại trong thời đại đó không có nghĩa là hiện tượng này⁽⁸⁾ thất bại trong thời đại mới.

Nhưng nếu suy điều này cho đến cùng thì một luận điểm cơ bản khác của Brecht cần được đặt lại, theo đó cách hành xử mẫu mực của các nhà khoa học luôn luôn là cần thiết về mặt lịch sử và tất yếu về mặt khoa học. Nếu nhà học giả thất bại trước thời điểm lịch sử và khoa học, như trường hợp Galilei, liệu thời đại mới có vẫn vượt qua được cản trở hay không? Hình như Brecht cho rằng lịch sử đã xác nhận điều này. Quan niệm của Brecht rằng vì nhà khoa học ở Pisa đã chối bỏ nên khoa học ngày càng bị cô lập, tách rời khỏi quần chúng - như Brecht đã viết trong phác thảo lời nói đầu cho vở “Cuộc đời Galilei” - không phải là một luận cứ thực sự vững chắc. Quá trình hình thành xã hội dân quyền⁽⁹⁾ lúc đó đã thắng thế, dù Galilei có chối bỏ hay không. Ngay cả nếu những luận điểm của Brecht có thể là đúng đắn trong thời đại Galilei, cái thời đại dẫu sao cũng mang dấu ấn của sự giải phóng cá nhân, thì trong thế kỷ 20 câu hỏi về ý nghĩa ngụ ngôn-mô phạm của những luận điểm này vẫn chưa được giải đáp. Brecht tin rằng con người hoàn toàn có thể hành xử với ý thức trách nhiệm, không chỉ trong thời đại Galilei mà ngay cả trong đời của ông. Tuy vậy, chính ông cũng từng tỏ ý rằng anh hùng tính là một khái niệm mơ hồ, dễ hiểu lầm và khẳng định vở kịch về Galilei không phải là một bi kịch.

(Trích “Nachwort” của giáo sư văn học sử, nhà phê bình văn học nổi tiếng Hans Mayer (1907 - 2001) trong “Bertolt Brecht Stücke 1935-1945” - các Vở kịch của Brecht 1935-1945, Nxb Deutscher Bücherbund, Stuttgart - Hamburg, không đề năm phát hành).

NIÊN BIỂU Bertolt Brecht

1898: Brecht sinh ngày 10 tháng Hai tại Augsburg, con của một giám đốc nhà máy giấy.

1916: Đỗ tú tài. Theo học Y khoa.

1918: Lính quân y trong một bệnh xá dã chiến.

1922: Trình diễn lần đầu vở Tiếng trống trong đêm tại nhà hát kịch sân khấu nhỏ Munich, được giải Kleist.

1923: Phụ trách kịch nghệ tại nhà hát kịch sân khấu nhỏ Munich.

1924: Rời về Berlin, phụ trách kịch nghệ cho Deutsches Theater.

1926: Trình diễn lần đầu vở Đàn ông là đàn ông tại Darmstadt.

1927: Cộng tác chuyển truyện Schweyk của nhà văn Tiệp Khắc Hasek sang thể kịch.

1928: Trình diễn lần đầu vở Nhạc kịch ba xu tại nhà hát Schiffbauerdamm, Berlin.

1930: Trình diễn lần đầu vở Bước thăng trầm của thành phố Mahagonny tại Leipzig. Vở Thánh nữ Johanna của các lò sát sinh.

1932: Trình diễn lần đầu vở Người mẹ (theo tiểu thuyết của Maxim Gorki) tại Berlin.

1933: Tháng Hai, Brecht và gia đình chạy sang Đan Mạch, trốn chính quyền Quốc xã.

1934: Vở Tiểu thuyết ba xu.

1935: Bị Quốc xã Đức tước quyền công dân.

1936: Cùng với Lion Feuchtwanger và Willi Bredel xuất bản tại Matxcova tạp chí văn học Das Wort (Lời) - đến 1939.

1937: Vở Những khẩu súng của bà Carrar.

1938: Vở Nỗi kinh hoàng và thống khổ của đệ tam đế chế; phác thảo vở Bà mẹ dũng cảm.

1939: Di cư qua Thụy Điển; hoàn thành vở Bà mẹ dũng cảm và những người con.

1940: Chạy sang Phần Lan.

1941: Vở Bước thăng tiến không ngừng của Arturo Ui. Trốn khỏi Phần Lan, qua Liên Xô rồi sang Mỹ (California). Trình diễn lần đầu vở Bà mẹ dũng cảm và những người con tại nhà hát Zürich (Thụy Sĩ).

1943: Vở Chàng Schweyk trong Thế chiến thứ hai. Trình diễn lần đầu vở Người hảo tâm thành Tứ Xuyên và Cuộc đời Galilei tại nhà hát Zürich.

1945: Vở Vòng phẫn Kapkazar.

1947: Brecht phải điều trần trước tiểu ban McCarthy về những hoạt động thiên tả của ông. Trở về châu Âu. Tạm định cư tại Thụy Sĩ.

1948: Rời về (Đông) Berlin.

1949: Tháng Chín, thành lập nhà hát Berliner Ensembles.

1956: Brecht từ trần vì bệnh tim ngày 14 tháng Tám tại (Đông) Berlin.

NIÊN BIỂU Galileo Galilei

1564: Galilei sinh ngày 15 tháng Hai tại Pisa. Bố ông buôn vải vóc, còn là nhạc sĩ.

1574: Gia đình rời về Florenz. Galilei học tại đây đến năm 1578.

1579: Theo học trường Dòng Santa Maria di Vallombrosa gần Florenz.

1581: Theo học Y khoa tại đại học Pisa. Học tư thêm về toán.

1583: Phát kiến tính “dao động đều của quả lắc” (trương truyền trong Nhà thờ lớn tại Pisa).

1585: Bỏ học, trở về nhà bố mẹ tại Florenz.

1586: Thiết kế một cân thủy tĩnh và viết một tiểu luận về trọng tâm các vật rắn.

1587: Lần đầu tiên tới Rom, gặp Christopher Clavius (1537-1612), tu sĩ dòng Tên người Đức, nhà thiên văn nổi tiếng của Giáo hội, người sẽ chủ trì việc thẩm định những phát kiến thiên văn sau này của Galilei.

1589: Giáo sư toán tại đại học Pisa.

1590: Galilei làm thí nghiệm về sự rơi (trương truyền tại ngôi tháp nghiêng ở Pisa), viết một tiểu luận về sự chuyển động và lời bình quyển Almagest của Ptolemaeus.

1592: Giáo sư toán đại học Padua.

1593: Viết cho sinh viên một tiểu luận về tĩnh học của những máy móc đơn giản (viết hoàn thiện năm 1599). Ngoài ra Galilei còn viết một tiểu luận về các công sự của quân đội.

1597: Thiết kế “Com pa tỷ lệ” (một loại thước tính). Viết một tiểu luận về hệ thống Ptolemaes. Trao đổi thư từ với nhà thiên văn học Đức Johannes Kepler.

1600: Sinh con gái Virginia (1601 thêm con gái Livia, năm 1606 sinh con trai Vincenzo).

1604: Thử nghiệm một máy đưa nước lên cao. Lần đầu tiên đề cập tới định luật rơi.

1605: Công bố một tiểu luận về ngôi sao mới quan sát được vào năm 1604.

1609: Chứng minh được định luật rơi. Thiết kế một kính viễn vọng dùng được trong thiên văn.

1610: Công bố Sidereus Nuncius (Tin tức về các ngôi sao mới). Galilei xin việc trong cung đình Đại công quốc tại Florenz. Được nhận làm nhà toán học thứ nhất và triết gia của đại công tước, hưởng lương mà không phải dạy học. Phát hiện tuần (hay biến tượng) của sao Kim.

1611: Tới Rom lần thứ hai. Collegium Romanum (Viện nghiên cứu của Vatican) do Christopher Clavius chủ trì xác nhận những phát hiện của Galilei. Trở thành viện sĩ Viện Hàn lâm Accademia dei Lincei. Tham dự một buổi thảo luận về các vật nổi ở Florenz, tại đây Galilei quen Hồng y Barberini - sau trở thành Giáo hoàng Urban VIII.

1612: Công bố một bài viết về các vật nổi.

1613: Công bố những thư trao đổi về vật mặt trời. Galilei đứng dứt khoát về phía hệ thống Kopernikus.

1614: Tháng Mười hai, tại Florenz, tu sĩ Tommaso Caccini Dòng Dominique, công khai thuyết giáo chống Galilei.

1615: Tu sĩ Niccolo Lorini Dòng Dominique tố cáo Galilei với Tòa án Tôn giáo tại Rom, dựa trên bức thư Galilei gửi Benedetto Castelli năm 1613 về quan hệ giữa tôn giáo và khoa học.

1616: Tòa thánh ban lệnh cấm thuyết Kopernikus.

1619: Galilei dự buổi thảo luận về ba ngôi sao chổi xuất hiện năm 1618. Ông kịch liệt đả phá hình ảnh vũ trụ của Tycho Brahe mà các tu sĩ dòng Tên hết lòng cổ vũ.

1623: Công bố bản luận chiến Il saggiaiore (Cái cân vàng hoặc Kẻ cân vàng) chống lại lòng tin vào giới uy quyền trong việc nghiên cứu tự nhiên. Quyền sách được đề tặng Giáo hoàng mới Urban VIII.

1624: Lại tới Rom, được Giáo hoàng tiếp đón đầy trọng thị. Nhưng Galilei không thuyết phục được Urban VIII rút lại lệnh cấm năm 1616.

1625: Galilei nghiên cứu về thủy triều, khởi thảo quyển Dialogo (tiếng Ý).

1630: Hoàn tất Dialogo. Tháng Năm, Galilei tới Rom, xin phép xuất bản quyển

này.

1631: Tháng Mười hai, Cộng hòa Venedig mời Galilei nhận lại chức giáo sư đại học Padua ngày trước. Ông từ chối.

1632: Tháng Hai, được Giáo hội cho phép in, quyển Dialogo ra mắt tại Florenz; tháng Tám, bị cấm bán. Tháng Mười, Galilei bị triệu về Rom.

1633: Tháng Hai, Galilei tới Rom. Sau bốn lần thẩm vấn, ngày 22 tháng Sáu Tòa án Tôn giáo tuyên án: cấm quyển Dialogo, Galilei phải chối bỏ những phát kiến và bị quản thúc chung thân.

1634: Cái chết của cô con gái Virginia khiến ông khủng hoảng.

1635: Galilei bí mật thương lượng chân giáo sư tại đại học Amsterdam. Tại Leyden (Hà Lan), phát hành quyển Dialogo được dịch ra tiếng La tinh.

1636: Galilei đề nghị cung cấp cho Nghị viện Hà Lan cách xác định kinh độ trên biển cả.

1637: Galilei phát hiện tính bình động (chuyển động con lắc) của mặt trăng. Ông mù mắt bên trái, ít lâu sau tới mắt bên phải.

1638: Quyển Discorsi được phát hành tại Leyden. Để bảo vệ Galilei, sách chú dẫn rằng tác giả không biết về việc công bố này.

1638/39: Galilei đọc những điều viết thêm cho quyển Discorsi.

1641: Galilei đọc những điều viết thêm cho quyển Dialogo.

1642: Ngày 8 tháng Một, Galilei từ trần tại Arcetri.

1835: Quyển Dialogo được rút khỏi danh sách cấm.

1879: Giáo hoàng Paul II cho điều tra lại vụ án Galilei.

1992: Giáo hội phục hồi hoàn toàn cho ông.

Cực tây của hòn đảo.

Đó là “phá hủy những cột trụ mà hiệp ước với Alexander được khắc trên đó”. Arrian diễn đạt đoạn này có phần lỏng lẻo: hiệp ước, như trong trường hợp của Tenedos (xem phần sau trong quyển này), chắc chắn được ký kết giữa “Alexander và những người Hy Lạp”, chẳng hạn người Mitylene là thành viên của Liên minh Corinth.

Được gọi theo tên của một người Sparta, người chịu trách nhiệm chủ yếu trong việc đàm phán hòa bình năm 386. Hiệp ước này cũng thường được gọi (một cách chính đáng) là Hiệp ước Hòa bình của Hoàng đế, vì hoàng đế Ba Tư đã giành quyền kiểm soát các thành bang Hy Lạp ở Tiểu Á, trong khi điều khoản lại quy định rằng tất cả những thành bang ở Hy Lạp nên có quyền tự trị, ngăn chặn việc sản sinh nên bất kỳ một đế chế thù địch nào.

Thymondas đã mang số lính này, di chuyển bằng đường biển, tới Tripolus và từ đó, nhập vào lực lượng của Darius tại Sochi. Họ đã chiến đấu tại bờ Issus. Sự rút lui hiệu quả của đội quân này đã phá hủy bất kỳ cơ hội tấn công thành công nào của hải quân.

Alexander đã quyết định giải tán hạm đội, một lực lượng mà chắc chắn sẽ khiến ngài phải tốn nhiều tiền bạc để duy trì, vào thời điểm Memnon qua đời.

Trong thời đại của Alexander, điều này ám chỉ Đế chế Ba Tư.

Phrygia nhỏ hơn. Vùng Phrygia lớn hơn (sau này là Galatia) do Antigonos cai trị (xem Quyển một).

Có lẽ đây là một thủ lĩnh địa phương. Sau đó không nghe được thông tin nào khác về nhân vật này.

Ngày nay là Golek-Boghaz, con đường chính băng qua dãy Taurus, giữa Cappadocia và Cilicia. Xem Xenophon Anabasis 1.2.20-1.

Trái ngược với cách đối xử của ngài với Philotas khoảng bốn năm sau (xem Quyển ba).

“Cổng thành Syrian” (còn được gọi là cổng thành “Assyria” trong phần sau) là con đường Beilan, băng qua dãy Amanus, phía đông nam của Alexandretta.

Chẳng hạn kiểu viết chữ hình nêm.

Nguyên văn: “Sardanapalus, son of Anakyndaraxes, built in one day Tarsus and Anchialus. O stranger, eat, drink, and play, for everything else in the life of a man is not worth this”. Từ “play” ở đây còn được hiểu là ám chỉ việc làm tình. (ND)

Về Orontobates, xem Quyển ba.

Chắc chắn lòng biết ơn này là vì sự hồi phục của Alexander sau trận sốt tại Tarsus.

Theo Aeschines, Against Ctesiphon 164, Demosthenes cũng đưa ra một tường thuật tương tự trong thời gian này.

Từ Cilicia, có hai con đường đi tới những vùng đất phía đông, băng qua Cổng thành Syrian gần Alexandretta và Cổng thành Amanian (Đường Bogtche) ở phía bắc, đi tới Euphrates ở Apamea. Alexander hoặc không được báo cáo về đường đi hoặc đã nghĩ rằng nó không quan trọng; chắc chắn tin tức về việc Darius chặn đường là một bất ngờ đối với ngài. Plutarch (Alexander tr.20) viết rằng “hai lực lượng đã không đụng độ nhau trong đêm”, thực tế, khi Darius hành quân về phía bắc từ Sochi, họ đã bị chia tách bởi sự rộng lớn của dãy Amanus.

Tại Cunaxa, cách Babylon khoảng 72 kilômét.

Xem thêm, ngoài các sử gia viết về Alexander, Polybius 12.17-22, người chỉ trích ghi chép của Callisthenes về trận chiến. Callisthenes cho biết chiều rộng của đồng bằng khoảng 14

stade [stade là đơn vị đo khoảng cách của Hy Lạp cổ đại, 1 stade bằng khoảng 183 mét]. Về những binh lính này, xem Strabo 14.3.18. Fuller cho rằng hầu hết những binh lính này là bộ binh hạng nhẹ.

Plutarch đưa ra số liệu tương tự. Diodorus và Justin 400.000, và Curtius 250.000. Tất cả những số liệu này đều là không tưởng, nhưng giờ đây chúng ta không thể tìm được số liệu chính xác.

Những người Macedonia này là ai? Nếu đó là một đơn vị Macedonia, có lẽ họ là “các lính trinh sát”. Chúng ta có thể đoán rằng từ “Macedonia” là để thay thế cho một từ khác, chẳng hạn như Paeonia. Cả hai đơn vị này đều được nhắc tới ở đoạn sau.

Anabasis 1.8.21, 22.

Đây không phải là hai đội Chiến hữu vừa được nhắc tới, mà theo Curtius (3.11.2) là “hai đơn vị kỵ binh” được nhắc tới cùng với quân Agrianes ở trên. Họ chắc chắn là lính đánh thuê.

Chỉ huy một tiểu đoàn bộ binh hạng nặng.

Plutarch, Curtius và Diodorus thống nhất về số thương vong, nhưng số liệu về phía quân Ba Tư thì không đáng tin. Số thương vong của Macedonia do Curtius (3.11.27) đưa ra là 450 người bị giết và 4.500 người bị thương.

Về một vài chi tiết, xem Plutarch, Alexander 20.11-13. Như Fuller lưu ý, Damascus cách Sochi hơn 300 kilômét về phía nam là một địa điểm nổi bật để lựa chọn.

Năm 333 TCN.

Việc Alexander bị thương nhẹ là chính xác. Tuy nhiên, Chares đã khẳng định rằng vết thương này là do chính Darius gây ra, điều mà Plutarch (Alexander 20.9) cho là bịa đặt và đã trích dẫn lá thư của Alexander để bác bỏ.

Điều này có nghĩa là họ đã nhận được không ít hơn 150 ta-lăng, một số tiền khá lớn nếu người ta biết rằng khoản lợi tức của Athens năm 431, bao gồm cả đồ cống nạp từ các thành bang lệ thuộc, chỉ vào khoảng 1.000 ta-lăng.

Plutarch (Alexander 22.5) trích dẫn một lá thư do Alexander viết cho Parmenio, trong đó ngài khẳng định không bao giờ tơ tưởng tới vợ của Darius.

Nhiều kỵ binh Ba Tư trốn tới Cappadocia, nơi họ liên kết với các binh lính địa phương trong nỗ lực giành lại Phrygia nhưng sau đó đã bị Antigonos đánh bại. (Curtius 4.1.34-5, ở đây “Lydia” bị nhầm sang “Phrygia”).

Lính đánh thuê Hy Lạp.

Diodorus (17.48.2-5) và Curtius (4.1.27-33) đưa ra nhiều chi tiết hơn về những sự kiện ở Ai Cập. Vì họ chỉ nhắc tới Amyntas và 4.000 lính đánh thuê, có thể lực lượng đã bị chia nhỏ. Có thể có 4.000 lính khác phục vụ cho Agis, vua Sparta; tương truyền vị vua này đã thuê 8.000 lính trốn chạy từ Issus. Xem E. Badian, JHS 1963, 25-6.

Không hề nao núng khi nghe tin thất bại của Darius tại Issus, Agis tiếp tục chuẩn bị cho cuộc chiến, và vào mùa xuân năm 331, ông “đã hô hào hợp nhất những người Hy Lạp để đấu tranh vì tự do của họ” (Diodorus 17.62.6). Sau những thành công ban đầu, cuối cùng Agis bại trận dưới tay Antipater tại Megalopolis vào mùa thu năm 331. Về bằng chứng, xem Diodorus 17.48.1-2; 62.6-63.4; 73.5-6; Curtius 6.1; và, về ghi chép gần đây về Agis, xem E. Badian, Hermes 1967, từ tr.170.

Diodorus (17.39.2) thuật lại một câu chuyện lạ lùng rằng Alexander đã giấu lá thư của Darius

và thay thế bằng một lá thư khác “phù hợp hơn với các quyền lợi” mà ngài đặt ra trước các chiến hữu để bảo đảm việc bác bỏ đàm phán hòa bình. G. T. Griffith (Proc. Camb. Phil. Soc. 1968, từ tr.33) cho rằng lá thư trong trước tác của Arrian là giả mạo. Chẳng hạn, ông chỉ ra rằng, Darius không đưa ra những gợi ý về tài chính hoặc lãnh thổ (như ông đã nêu trong các lá thư trong trước tác của Diodorus 17.39 và Curtius 4.1.7), và rằng việc đưa ra vấn đề tội ác chiến tranh là một hành động sai lầm ở vị trí của Darius. Về những tranh luận khác của Griffith, xem hai chú thích tiếp theo.

Chúng ta không biết được gì về liên minh giữa Philip và Artaxerxes trong một thời kỳ được ghi chép tương đối chi tiết. Chẳng hạn, Demosthenes không hề nhắc tới điều này.

Artaxerxes III (Ochus) đã cai trị từ năm 359-338, còn con trai ông, Arses, cai trị từ năm 338 tới năm 336. Darius nhắc tới cuộc xâm lược Tiểu Á của quân Macedonia vào mùa xuân năm 336. Cuộc chiến đó không phải là vô lý, vì chính Ba Tư đã hỗ trợ Perinthus tấn công Philip vào năm 340; tuy nhiên, Philip đã trở thành kẻ xâm lược vào năm 342 khi liên minh với Hermias của Atarneus và hẳn Darius muốn nhắc tới chi tiết này.

Không có bằng chứng nào cho việc này.

Alexander (hoặc Arrian) đã nhầm lẫn. Bagoas đã đầu độc Arses cùng các con của ông, và giành ngai vàng của Ba Tư cho Darius. Sau này, khi ông ta toan tính đầu độc Darius, nhà vua đã giành lại ưu thế về phía mình. Xem Diodorus 17.5.3-6.

Aeschines (Against Ctesiphon 239) khẳng định rằng Darius đã gửi 300 ta-lăng cho người Athens nhưng họ đã từ chối và Demosthenes đã bỏ túi 70 ta-lăng trong số đó.

Liệu Alexander có bị ảnh hưởng bởi việc ông nội của ngài, Amyntas III, đã nhận anh trai của Iphicrates làm con nuôi? Aeschines, On the Legation 28. Việc Iphicrates hỗ trợ về quân sự cho Alexander là không chắc chắn.

Tại Sidon, Alexander đã phế truất Strato, người ủng hộ Ba Tư và chỉ định vua Abdalonymus thay thế vị trí của Strato. (Curtius 4.3.4.)

Trên thực tế, “Heracles” này là thần Melcarh của người Tyria (thần Baal của Syria).

Diodorus (17.40.3) nhấn mạnh lòng trung thành của họ đối với Darius. Người ta nói rằng Alexander đã phải làm lễ hiến tế ở một ngôi đền nằm ngoài thành phố. Những lý do của Alexander về việc dùng vũ lực này đã được ra trong bài diễn văn bên dưới.

Hòn đảo cách bờ biển gần 1 kilômét. Theo Diodorus (17.40), mũi đất rộng khoảng 60 mét. Những tảng đá được lấy từ thành Tyre cũ và các khúc gỗ được lấy từ núi Libanus.

Đơn vị đo chiều sâu, 1 sải bằng 1,82 mét. (ND)

Đây là bước ngoặt của cuộc vây thành.

Antilibanus là ngọn núi phía đông trong số hai dãy núi vây quanh thung lũng Coele-Syria; dùng từ Ả Rập có phần không chính xác. Những người bản địa đã giết khoảng 30 lính Macedonia, những người đi kiếm gỗ để làm bè và pháo đài. (Curtius 4.2.18; 4.3.1)

Vua của Salamis, một trong chín thành phố trụ cột của Syprus.

Cả hai thành phố đều nằm ở bờ biển phía nam của Cyprus.

Agenor, cha của Cadmus, được cho là người đã thành lập cả Tyre và Sidon.

Cuộc vây thành kéo dài bảy tháng, từ tháng Một tới tháng Tám năm 332.

Theo Diodorus (20.14), những người Carthage đã dâng một phần mười ngân khố của họ cho thần Melcarth, và cử các sứ thần tham dự lễ hội hằng năm ở Tyre. Tương truyền, họ đã hứa

giúp đỡ những người Tyre vào giai đoạn đầu của cuộc vây thành, nhưng sau đó không thể thực hiện lời hứa vì cuộc chiến với Syracuse (Curtius 4.2.10; 4.3.19).

Diodorus (17.46.4) đưa ra con số 13.000 tù nhân, nhưng ông cũng lưu ý rằng 2.000 người đã bị tra tấn. Curtius (4.4.15) bổ sung (số liệu này chưa được xác thực) rằng có 15.000 người đã trốn thoát an toàn, do người Sidon đã góp phần vào đợt đột kích cuối cùng. Liệu có phải là một sự trùng hợp khi tổng số của các số liệu này là khoảng 30.000 người?

Diodorus (17.39.1) và Curtius (4.11.1) thuật lại (có thể là thiếu chính xác) rằng Darius đã cử sứ thần cùng với những điều khoản tương tự ngay trước trận Gaugamela. Về câu chuyện phức tạp của các sứ mệnh, xem thêm C. B. Welles trong phiên bản Loeb [trong thư viện cổ điển Loeb] của Diodorus.

Plutarch (Alexander 25.4) thuật lại rằng con chim sau đó vướng vào những sợi dây buộc máy lăng đá và bị mắc kẹt ở đó, Curtius (4.6.11) kể rằng con chim bị kẹt trong một pháo đài vì dính phải nhựa đường và lưu huỳnh. Do đó, có thể đoán được tại sao Aristander lại tiên đoán Alexander sẽ hạ được thành.

Curtius kể rằng Alexander đã tránh được một vụ ám sát của một người Ả Rập ngay trước khi ngài bị thương.

Furlong: đơn vị đo chiều dài, 1 furlong bằng 1/8 dặm Anh, tức khoảng 201 mét. (ND)

Thông tin về công sự cao khoảng 17 mét có thể đã được sửa chữa, vì trong bản thảo ghi là “khoảng 76 mét”.

Chúng ta không cần tin vào câu chuyện (Curtius 4.6.29) cho rằng Alexander đã kéo lê Batis, trong khi ông ta vẫn còn sống, khắp tường thành phía sau chiến xa của ngài như Achilles đã kéo lê xác của Hector khắp thành Troy (Homer, Iliad). Cuộc vây thành kéo dài hai tháng (tháng Chín đến tháng Mười năm 332), và số người bảo vệ thành bị giết lên tới 10.000 người. Thống đốc cũ, Sabaces, đã bị giết tại Issus. Theo Curtius (4.7.4), Mazaces đã giao lại kho tàng lên tới 800 ta-lăng.

Một pháo đài vững chắc, cửa ngõ vào Ai Cập, nơi những người Ai Cập đã vài lần đương đầu với quân xâm lược.

Apis chính là thần Ptah của Memphis. Alexander tôn trọng tôn giáo này của người Ai Cập (và của những dân tộc khác mà ngài chinh phục) và đã được tôn làm Pharaoh tại Thebes. Trái lại, Cambyses đã xúc phạm thần Apis (Herodotus 3.27-8).

Nữ thần của tình mẹ, phép thuật và sự sinh sản. (ND)

Đây là thành phố đầu tiên và vĩ đại nhất trong nhiều thành phố mà Alexander sáng lập, được kiến thiết (không giống như phần lớn các thành phố) để trở thành trung tâm thương mại lớn. Plutarch (Alexander 26.4) đồng ý với Arrian rằng việc sáng lập thành phố diễn ra trước khi Alexander tới thăm Siwah, nhưng cũng có những ghi chép khác (tiêu biểu như trước tác của Curtius, Diodorus và Justin) cho rằng sự kiện này diễn ra sau chuyến viếng thăm. Về các tranh luận thiên về ý kiến sau, xem C. B. Welles, *Historia* 11 (1962), từ tr.271.

Đoạn này có thể hiểu là Alexander muốn phác thảo lại sơ đồ các chốt phòng vệ, trong khi lúc đó lại không có phần hoặc các phương tiện khác để vẽ lại. (ND)

Xem Quyển hai.

Tướng quân người Athens, người đã tự nguyện xin quy hàng vào năm 335; lần cuối cùng nhân vật này được nhắc đến là vào mùa xuân năm sau đó, khi ông trao vương miện bằng vàng cho

Alexander tại Sigeium. Xem Quyền một.

Mặc dù sắc lệnh của Alexander cho người Chios (Tod 192) vào khoảng một năm trước đó đã tuyên bố rằng Hội đồng của Liên minh Corinth nên xét xử những kẻ phản bội.

Đền thờ của thần Ammon, một vị thần mà người Hy Lạp biết đến trong hơn một thế kỷ và được họ coi tương đương với thần Zeus, được đặt ở ốc đảo Siwah cách Thebes khoảng 644 kilômét. Chuyến viếng thăm này đã được nhiều sử gia mô tả, cụ thể Diodorus 17.49-51, Curtius 4.7.5-30, Plutarch Alexander 26-27 và Strabo 17.1.43 (dựa theo Callisthenes).

Người anh hùng trong Thần thoại Hy Lạp, đã giết quái vật tóc rắn Medusa Gorgon. (ND)

Tác giả của bình luận đầy hoài nghi này (cũng được Curtius đưa ra) có thể là Ptolemy, người không đồng ý với việc Alexander tin rằng ngài có nguồn gốc thần thánh. Được tôn làm Pharaoh tại Thebes, Alexander, cũng giống như mọi Pharaoh khác, đều tự coi mình là con của thần Ammon.

Mersa Matruh. Ở đây, Alexander đã gặp các sứ thần đến từ Cyrene, những người đã thương thuyết với ngài về hiệp ước hòa bình và liên minh (Diodorus 17.49.2).

Về miêu tả ốc đảo Siwah và đền thờ thần Ammon, xem Diodorus 17.50, Curtius 4.7.16, và đặc biệt là H. W. Parke, *The Oracles of Zeus*, (Oxford, 1967) từ tr.196.

Arrian có thể đang nhắc tới triều đại của Ptolemy, ám chỉ nguồn gốc văn hóa Hy Lạp cổ đại.

“Ngón tay” có thể là đơn vị đo lường nhỏ nhất, khoảng 1,8 centimet.

Chắc hẳn vị trưởng tư tế đã chào Alexander (với vai trò một Pharaoh) là “con trai của thần Ammon” (hoặc “con trai của thần Zeus”) và vị hoàng đế trẻ tuổi đã một mình bước vào đền thờ. Nếu đúng như vậy, những lời tiên tri do Plutarch, Diodorus và Curtius thuật lại về việc Alexander là hậu duệ của thần Ammon và ngài sẽ trở thành người thống trị thế giới đều đáng ngờ, trừ phi chúng ta giả định rằng các vị tư tế hoặc chính Alexander, sau đó, đã loan báo thông tin này. Callisthenes rõ ràng đã viết về dòng dõi thần thánh của Alexander (chẳng hạn, xem Plutarch Alexander 33.1) với sự đồng thuận của Alexander. Plutarch (Alexander 28) và Arrian (7.29) coi việc này là một thủ thuật phi chính trị, làm kinh sợ những người còn đang bối rối, trong khi chắc chắn rằng, điều này ít nhiều cho thấy niềm tin của Alexander về việc ngài thực sự là con trai của thần Ammon.

Naucratis là căn cứ của người Milesia và là một thành phố Hy Lạp. Về lá thư của Alexander gửi Cleomenes, xem Quyền bảy.

Trong xã hội La Mã cổ đại, hệ thống đẳng cấp được phân chia theo dòng dõi và sự giàu có. Hai đẳng cấp cao nhất là tầng lớp nguyên lão và hiệp sĩ (equites/knight). Các nguyên lão thường là tầng lớp thống trị truyền thống, nổi lên thông qua con đường chính trị, còn các hiệp sĩ nổi lên thông qua con đường binh nghiệp. (ND)

Tin tức đầu tiên về cuộc nổi loạn của Agis (xem Quyền hai).

Nhiệm vụ của Philoxenus có thể bao gồm cả việc thu “phần đóng góp” của các thành phố Hy Lạp ở Tiểu Á chừng nào họ vẫn còn tiếp tục phải đóng thuế. Sau này, Philoxenus có quyền (hoặc tự cho là mình có quyền) can thiệp vào các thành phố này. Về thảo luận gần đây nhất về danh hiệu và nhiệm vụ của ông, xem Badian, Ehrenberg Studies, từ tr.55. Việc ông có phải là nhân vật Philoxenus được nhắc tới trong phần sau hay không vẫn còn là điều chưa chắc chắn.

Không giống như những lần kết hôn khác của vua Philip, lần kết hôn này với một nữ quý tộc người Macedonia đã đe dọa vị trí của Olympias và Alexander, và cảnh tượng đáng xấu hổ tại

tiệc cưới đó đã dẫn tới việc hai mẹ con Alexander phải trốn khỏi Macedonia. Sau khi trở về từ Illyria vào cuối năm, Alexander đã nỗ lực kết thân với Pixodarus, người cai trị Caria, điều này đã dẫn tới việc trục xuất những người bạn của ngài. Xem Chương 9, Chương 10 cuốn Alexander của Plutarch.

Chú (và anh rể) của Alexander Đại đế. Ông đã hỗ trợ Tarentine tấn công người Lucania và Bruttium, nhưng đã bị đánh bại và bị giết vào năm 331/330.

Thay thế Asander, anh trai của Parmenio, mặc dù ông đã góp phần đánh bại Orontobates (xem Quyển hai); xem E. Badian, Transactions of the American Philological Association 91 (1960) 329.

331 TCN. Về các sự kiện diễn ra vài tháng sau đó, xem E. W. Marden, The Campaign of Gaugamela (Liverpool, 1964).

Một loại chiến xa thời cổ đại, bao gồm một cỗ xe ngựa có các lưỡi dao sắc hình lưỡi liềm được gắn vào mỗi đầu của trục xe. Lưỡi dao có chiều dài khoảng 1 mét, được sử dụng như một vũ khí. (ND)

Chỉ có Curtius (4.12.13) đưa ra số liệu hợp lý, 200.000 người cho bộ binh Ba Tư, nhưng dù có một vài học giả chấp nhận số liệu này, cũng không có bằng chứng nào cho thấy nó được đưa ra dựa trên nguồn cứ liệu đáng tin. Curtius cho rằng số kỵ binh là khoảng 45.000 người. Marsden (tr.31-37) ước lượng số đó khoảng 34.000 người.

Khazir, một nhánh của sông Lycus. Trận chiến có thể đã diễn ra ở gần Tell Gomel, phía bắc con đường hoàng gia Ba Tư đi từ Nineveh tới Arbela (Erbil); xem Marsden, tr.20.

Ngoài những nguy cơ phải đối mặt trong một cuộc tấn công ban đêm (xem Thucydides 7.43-4; Xenophon, Anabasis 3.4.35), Alexander hiểu rõ giá trị của việc lan truyền tin tức nếu đánh bại quân Ba Tư trong điều kiện đó. Darius có thể tuyên bố rằng tại Issus, ông ta đã thất bại vì thiếu không gian (xem Quyển một); còn ở lần này, Alexander không có ý định để Darius có thể viện dẫn bất kỳ lý do nào nhằm biện hộ cho sự yếu kém của ông ta.

Mệnh lệnh viết tay này không tiết lộ số lượng binh lính trong lực lượng Ba Tư.

Họ đã bị ép buộc phải chuyển tới Trung Á.

Những chiến xa cũng không hề được sử dụng hiệu quả tại Cunaxa (Xenophon, Anabasis 1.8.19-20)

Vì việc người đưa tin có thể bắt kịp Alexander nếu ngài đang ráo riết truy đuổi Darius là một chuyện khó tin, câu hỏi được đặt ra là: “Lúc đó Alexander đang ở đâu?” G. T. Griffith, JHS 1947, 87, cho rằng ngài đã quay lại ngay để hỗ trợ cánh trái đang bị đe dọa, còn Marsden, từ tr.58, cho rằng Alexander đã di chuyển sang cánh trái để bao vây trung quân và cánh phải của quân Ba Tư.

Những người Ấn Độ và Ba Tư này không phải “một vài kỵ binh Ấn Độ và Ba Tư” đã được nhắc tới ở đoạn trước. Những người sau là một nhóm nhỏ, và không thể cướp bóc doanh trại của Macedonia ở cách đó vài kilômét rồi trở về đối đầu với Alexander trong khoảng thời gian đó.

Lần đầu tiên là tại Issus (xem Quyển một).

Chắc hẳn là một số liệu thấp hơn thực tế. Curtius (4.16.26) đưa ra con số 300 người, Diodorus (17.61.3) đưa ra con số 500 người, cùng với “rất nhiều người bị thương.”

Số liệu của Diodorus (90.000) và Curtius (40.000) là hợp lý hơn.

Nguyệt thực (xem phần trước trong quyển này) đã diễn ra vào đêm ngày 20/21 tháng Chín và trận chiến diễn ra vào ngày 1 tháng Mười, nghĩa là vào ngày thứ 26 của tháng Boedromion theo lịch Athens. (Plutarch, Alexander 31.4; Camillus 19.5).

Alexander cho rằng việc chiếm cứ Babylon và Susa quan trọng hơn về mặt chính trị so với việc truy đuổi một đội quân bại trận khắp một vùng đất có địa thế hiểm trở.

Tên một vị vua Ba Tư. (ND)

Điện thờ thần Bel (Marduk) đã không được xây dựng lại trước khi Alexander quay trở lại Babylon vào năm 323. (xem Quyển bảy)

Mazaeus là người phương Đông đầu tiên được chỉ định giữ chức thống đốc. Liệu đây có phải là một phần thưởng cho đóng góp của ông tại Gaugamela (xem Tarn (Alexander 2.109), trích Curtius 5.1.18), hoặc vì ông đã giao nộp Babylon?

Arrian dùng từ “Chaldaean” là để chỉ những vị tư tế của thần Marduk.

Harmodius và Aristogeiton (mất năm 514 TCN): là hai người Athens đã giết chết bạo chúa Hipparchus. Những người này được dân Athens tôn kính vì đã khôi phục nền tự do cho họ. (ND)

Sau này, Arrian nói rằng (xem Quyển bảy) các bức tượng này đã được gửi trở lại Athens vào năm 323. Về Harmodius và Aristogeiton, xem Quyển bốn.

Demeter và Persephone.

Arrian đã nhầm lẫn. Thống đốc Abulites đã gửi con trai ông là Oxathres cho Alexander. Ông vẫn giữ vị trí của mình.

Từ Hy Lạp được dịch thành “thống đốc” là “Hyparchos”, một từ có thể dùng để chỉ nhiều vị trí; xem Tarn, Alexander 2.173. “Menes là... một vị tướng, chịu trách nhiệm về một phần rất quan trọng trong thông tin liên lạc” (Tarn, 2.177).

Gần 15.000 người tất cả, tính cả 6.000 bộ binh Macedonia và 500 kỵ binh Macedonia. Chi tiết, xem Diodorus 16.65.1, Curtius 5.1.40-2.

Fuller (tr.227) so sánh với khoản thuế mà người Anh phải trả cho các thành viên bộ lạc ở biên giới Tây Bắc Ấn Độ.

Mục đích của Alexander là ngăn không cho Ariobarzanes di chuyển lượng của cải khổng lồ ra khỏi Persepolis.

Khoản tiền này, theo Diodorus (17.71) và Curtius (5.6.9), là khoảng 120.000 ta-lăng, còn theo Plutarch (Alexander 37) và Strabo (15.3.9) là 40.000 ta-lăng.

Pasargadae là thủ phủ cũ của Ba Tư, do Cyrus sáng lập. Quân Macedonia đã chiếm được 6.000 ta-lăng ở đây.

Đây là phiên bản chính thức, liên quan tới tính liên-Hy Lạp của cuộc viễn chinh. Plutarch (Alexander 38), Diodorus (17.72) và Curtius (5.7) nói rằng việc đốt phá cung điện là ý của Thais, một gái điếm hạng sang người Athens trong tiệc rượu. Theo biên niên sử chính xác của Curtius, việc này diễn ra vào giữa tháng Năm, vào cuối khoảng thời gian bốn tháng Alexander lưu lại Persepolis. Về việc phá hủy Persepolis, xem các tranh minh họa xuất sắc trong Mortimer Wheeler, *Flames over Persepolis*, hoặc Jean-Louis Huot, *Persia* (London, 1965) trong các seri *Archaeologia Mundi*.

Ecbatana chính là Hamadan thời hiện đại. Cổng Caspian, con đường chính từ Media băng qua những ngọn núi Elburz tới Hyrcania và Parthia, cách Teheran khoảng 64 kilômét về phía tây.

Lúc này Alexander cho rằng cuộc chiến Liên minh đã tới hồi kết.

Số tài sản được tập kết tại Ecbatana, tương truyền, lên tới 180.000 ta-lăng (Diodorus 17.80; Strabo 15.3.9).

Parmenio vẫn còn ở Ecbatana cho tới khi ông mất. Mệnh lệnh của ông có thể đã được hủy bỏ. 6.000 bộ binh Macedonia dường như đã tái nhập vào lực lượng của Alexander tại Susia ở Aria (xem phần sau trong quyển này).

Rhagae (Rei) nằm cách Teheran khoảng 8 kilômét về phía đông nam, cách cổng Caspia không ít hơn 70 kilômét.

Darius bị giết gần Damghan hoặc Shahrud. Alexander đã hành quân khoảng 338 hoặc 402 kilômét từ Cổng Caspian trong khoảng hơn một tuần vào giữa mùa hè, rong ruổi khắp một đất nước mà phần lớn là sa mạc.

Về các lăng mộ hoàng gia, xem Diodorus 17.71.2.

Năm 330 TCN.

Barsine, thường được gọi là Stateira. Về việc nàng kết hôn với Alexander, xem Quyển bảy.

Biển Caspian tuy được gọi là biển, nhưng thực chất là một cái hồ. Đây là hồ nước lớn nhất thế giới. Nước hồ mặn như nước biển và các sinh vật sống ở đây cũng là các sinh vật biển. (ND)

Ngày nay là Asterabad.

Có thể là Meshed.

Còn được gọi là Zariaspa (Strabo 11.11.2), và là Balkh thời hiện đại.

Arrian cũng gọi vùng đất này là Drangiana, xem phần trước trong quyển này. Vùng này nằm ở phía tây Arachotia.

Tại Phrada, sau này được gọi Prophthasia, âm mưu phản loạn đã bị phát hiện. Về âm mưu của Philotas, xem Plutarch, Alexander 48-9, Diodorus 17.79.1-80.2, Curtius 6.7-11, tất cả những sử gia này đều nói Philotas đã bị tra tấn để lấy lời khai.

Theo Plutarch, Alexander đã được Antigone, tình nhân của Philotas, cho biết về âm mưu phản loạn.

Trên thực tế, không có bằng chứng nào chống lại Philotas, ngoại trừ việc ông đã hai lần không sắp xếp cho một người Macedonia tên là Cebalinus tiếp kiến Alexander trong khi ông ta khẳng định có thông tin quan trọng cần báo lên hoàng đế. Việc này được suy diễn thành nó có liên quan tới âm mưu chống lại Alexander.

Hoặc bị ném đá cho tới chết (Curtius 6.11.38).

Chi tiết, xem Curtius 7.2.11-35.

Xem Quyển một. Ky binh Thessaly được đặt dưới quyền chỉ huy của Parmenio, kỵ binh Pharsalus tương đương với Kỵ binh Hoàng gia của Alexander (xem phần trước trong quyển này).

Về việc xét xử Amyntas, xem Curtius 7.1.10-2.10.

Cleitus “Đen”, người đã cứu mạng Alexander tại Granicus.

Khi nhắc tới “Caucasus của Ấn Độ”, Arrian muốn nhắc tới Các ngọn núi ở Ấn Độ [Hindu Kush]; xem phần sau trong quyển này, và Strabo 11.8.1. Thành phố thường được biết tới với tên gọi “Alexanderia gần dãy Caucasus”, có lẽ được sáng lập ở Begram, cách Kabul khoảng 40 kilômét về phía đông bắc.

Cây silphium thuộc họ thì là, được dùng nhiều ở vùng bờ biển Cyrenaica (Lybia ngày nay).

Tương truyền loại cây này được sử dụng như một phương thuốc tránh thai của người cổ đại.
(ND)

Loài cây này xuất hiện trên đồng tiền Cyrene.

Về Tanais, xem phần sau trong quyển này.

Về Bactra, xem phần trước trong quyển này. Những thị trấn khác giờ là Kunduz và Tashkurgan. Alexander đã băng qua Hindu Kush qua đèo Khawak, có độ cao 3.536 mét.

Arrian đã nhầm lẫn. Ông không biết rằng dòng Oxus (Amu Darya) đổ vào biển Aral.

Lập lại cách bày binh bố trận ở Danube năm 335 (xem Quyển một).

Hiện nay là Samarcand.

Orexartes là tên Aristobulus gọi dòng Jaxartes (Syr Darya), dòng sông cũng giống như sông Oxus, đổ vào biển Aral.

Dòng Tanais mà Herodotus gọi (4.45.57) là sông Don và hồ Maeotis chính là biển Azov. Alexander và những người theo ngài đã đồng nhất dòng Jaxartes với dòng Tanais (Plutarch, Alexander 45.5), và Strabo (11.7.4) cho rằng việc đồng nhất đó là một phần của “âm mưu” khẳng định rằng Alexander đã chinh phục được toàn bộ châu Á. Gadeira hiện nay được gọi là Cadiz. Giống như nhiều sử gia cổ đại khác, Arrian coi Libya là một phần của lục địa Á châu. Iliad 13.6.

“Alexandria xa nhất” chính là Chojend ngày nay.

Arrian đã không nhắc tới việc chiếm đóng bảy chốt biên phòng này.

Nhiều khả năng Alexander đã suy nghĩ lạc quan về việc sắp đặt một sự hòa giải chung.

Chojend, đã được nhắc tới trước đó.

Xem Herodotus 4.122-142.

Curtius 7.7.24-29 thuật lại rằng Aristander đã thay đổi lời tiên tri và tuyên bố rằng chưa bao giờ lễ hiến tế lại thuận lợi như vậy.

Về các cuộc hành quân chống người Scythia, xem Fuller, tr.236-41.

Khoảng 1.000 người, theo Curtius (7.6.10).

Curtius (4.7.30-9) đồng ý với Aristobulus rằng quân Macedonia đã rơi vào ổ phục kích, mặc dù ghi chép của ông có nhiều khác biệt so với ghi chép của Arrian. Có tới 2.000 người trong tổng số 3.000 bộ binh, 300 người trong tổng số 800 kỵ binh thiệt mạng.

Hiện nay là Zarafshan.

Năm 329/328 TCN.

Về chuyến khởi hành từ Nautaka một năm sau đó, xem phần sau trong quyển này.

Arrian viết thiếu chính xác. Menes được cử đi từ Susa vào cuối năm 331, Epocillus được cử đi từ Ecbatana vài tháng sau đó (xem Quyển ba).

Nói chung, người ta cho rằng tên Bessus ở đây là để chỉ Bessus, kẻ giết vua Darius, được nhắc tới ngay trước đó. Dòng sửa lại có thể là “Asclepiodorus, xatrap của Syria, và Menes, “thống đốc”” (xem Tarn, Alexander 2.179-80). Từ Hy Lạp mang nghĩa “thống đốc” cũng là “Hyparchos”; xem Quyển ba. Chi tiết về quân tiếp viện, tổng số là 19.000 người, xem Curtius 7.10.11-12.

Về hình thức cắt xẻo “dã man” này, xem Herodotus 3.154.

Trong cuốn Alexander, Plutarch nói rằng Alexander đã chấp nhận và sử dụng trang phục pha trộn của Ba Tư và Media, tránh những yếu tố “dã man” của trang phục Media. Sau này, Arrian

(xem Quyển bảy) cho rằng việc này là do động cơ chính trị.

Việc này diễn ra tại Markanda vào mùa thu năm 328. Về một số ghi chép khác biệt về nơi diễn ra, xem Plutarch, Alexander 50-2 và Curtius 8.1.20-2.12. Những phiên bản khác biệt này đã được T.S Brown phân tích trong AJP 1949, từ tr.236.

Tương truyền, họ đều là con của Leda, nhưng lại có hai ông bố khác nhau: Castor là đứa con trai phạm tục của Tyndareus – vua Sparta, và Polydeuces là đứa con trai thần thánh của thần Zeus – người đã dụ dỗ và cưỡng hiếp Leda. Truyền thuyết về họ có nhiều dị bản, cũng có dị bản kể rằng cặp song sinh này được sinh ra từ một quả trứng, cùng với một cặp song sinh khác là chị em Helen và Clytemnestra. (ND)

Triết gia này sinh ra ở Abdera thuộc Thrace và là thầy dạy triết học Khắc kỷ của Pyrrhon. Quan điểm của ông thường xuyên mâu thuẫn với quan điểm của Callisthenes; xem Plutarch, Alexander 52-3.

Mối quan hệ giữa thần Công lý và thần Zeus đã được thuật lại từ rất lâu đời, ít nhất là trong thơ ca của Hesiod (*Works and Days*, từ tr.256); Sophocles, *Oedipus at Colonus*, từ tr.138; Anaxarchus phân tích thần thoại cổ xưa theo hướng phù hợp với quan điểm của ông ta.

Rất có thể nỗ lực của Alexander đưa nghi lễ phủ phục (*proskynesis*) vào trong triều đình, cũng giống như việc ngài sử dụng trang phục của người Ba Tư, là vì mong muốn người Macedonia và người Ba Tư có thể chung sống hòa thuận với nhau. Luận bàn sâu nhất về vấn đề này là bài báo của J.P.V.D. Balsdon trong *Historia* 1950, từ tr.371. Xem thêm T. S. Brown, AJP 1950, từ tr.242.

Về vấn đề này, xem Plutarch, Alexander 2-3.

Hipparchus đã bị giết vào năm 514 và Hippias đã bị trục xuất khỏi Athens vào năm 510; xem Thucydides 6.54-9.

Người Ba Tư không cho rằng những vị hoàng đế của họ là những vị thần, mặc dù người Hy Lạp coi việc thực hiện nghi lễ phủ phục là một hành động thờ cúng; xem Herodotus 7.136.

Thân mẫu của Alexander, Olympias, là con gái của Neoptolemus, vua của Epirus, vốn là hậu duệ của vị tổ tiên trùng tên với ông là Neoptolemus, con trai của Achilles, cháu trai của Aeacus.

Xem Herodotus 1.204-14 và 4.83-144.

Theo Curtius (8.5.22), đó là Polyperchon, người đã chế nhạo người Ba Tư.

Đây là phiên bản được viên thị thần hoàng gia Chares thuật lại (Plutarch, Alexander 54.4-6).

Hoàng đế Ba Tư thường hôn lên môi “họ hàng” của mình (Xenophon, *Cyropaideia* 1.4.27, 2.2.31; Herodotus 1.134).

Plutarch (Alexander 55.1-2) thuật lại rằng Hephaestion xác nhận rằng Callisthenes đã tán thành việc thực hiện nghi lễ *proskynesis* rồi sau đó đã phá bỏ cam kết này, và những kẻ xu nịnh Alexander lại càng khiến Callisthenes trở thành cái gai trong mắt ngài.

Xem thêm Curtius 8.6.2-6.

Việc này diễn ra ở Bactra vào đầu năm 327. Curtius (8.6.8-8.23) cũng đã thuật lại việc này một cách chi tiết. Ông đưa ra một danh sách có một chút khác biệt về những kẻ dính líu tới vụ này và cũng khác biệt về một số chi tiết so với Arrian.

Và theo Curtius.

Plutarch (Alexander 55.6) trích một lá thư Alexander viết cho các tướng lĩnh của ngài là

Craterus, Attalus, và Alcetas, những người đang tham gia chiến dịch ở Pareitacene, trong đó ngài nói rằng chỉ có Những cận thần trẻ tuổi dính líu tới âm mưu ám sát ngài. Về độ tin cậy của lá thư này, xem CQ 1955, từ tr.219.

Curtius (8.7) cũng đi theo truyền thống này.

Plutarch (Alexander 55.7) xác nhận đây là cách mà những người này bị giết chết. Curtius (8.8.20) thuật lại rằng họ bị tra tấn.

Plutarch thuật lại cả hai dị bản. Hơn nữa, sử gia này còn cho rằng, theo lời Chares kể lại, Callisthenes đã bị giam giữ trong suốt bảy tháng cho tới khi ông qua đời.

Về dịp tiếp kiến đầu tiên, xem phần trước trong quyển này.

Người Chorasmia cư trú ở khu vực nằm giữa vùng Caspian và biển Aral.

Tên gọi thời cổ đại của biển Marmara, bắt nguồn từ từ “pro” nghĩa là trước, còn “pontos” nghĩa là biển Đen. Sở dĩ có tên gọi này là vì người Hy Lạp phải đi thuyền qua biển này để tới được biển Đen. Propontis là biển nằm sâu trong đất liền, nối liền biển Đen và biển Aegean. (ND)

Đây là lần đầu tiên nhắc tới dầu trong văn học Hy Lạp.

Massagetae là một tộc người Scythian, sống ở phía đông Caspian, những người đã đánh bại và giết Cyrus Đại đế (Herodotus 1.201-16).

Vì hành động anh hùng của Aristonicus, Alexander đã cho dựng một bức tượng đồng hình ông tại Delphi, với một tay ôm đàn lia, một tay nâng cao cây giáo (Plutarch, Moraliatr.334).

Curtius (6.5.4) thuật lại rằng Artabazus đã 95 tuổi vào năm 330, nhưng điều này hoặc là một sự phóng đại hoặc là chúng ta nên đoán chừng rằng độ tuổi của Artabazus là khoảng từ 55 đến 95. Alexander đã có ý định để Cleitus kế nhiệm Artabazus, nhưng ông đã qua đời trước khi đảm nhiệm vị trí này.

Những điều này không được biết tới, trừ phi, như đã nói từ trước, báo cáo về việc họ đã tới Bactra vào mùa đông trước (xem Quyển ba) là một sự nhầm lẫn và lúc này đi cùng với họ là Arsames và Barzans.

Curtius (7.11) cũng mô tả việc chiếm Pháo đài đá, mà ông gọi là Pháo đài đá của Ariamazes. Curtius thuật lại, với một sự phóng đại lộ liễu, rằng pháo đài có chiều cao 5486 mét. Sự kiện này diễn ra vào năm 327 TCN.

Tương đương với một ta-lăng.

Cho dù tình cảm của Alexander đối với Roxane có hay không thì chắc chắn rằng ngài đã hy vọng dùng cuộc hôn nhân này để chiếm được cảm tình của các quý tộc Bactria.

Về cách hành xử của Alexander với hoàng gia Ba Tư, xem Quyển hai. Vợ của Darius, Stateira, đã mất khi sinh con vào đầu năm 332 TCN (Plutarch, Alexander 30).

Được Curtius (4.10.25-34) và Plutarch (Alexander 30) thuật lại.

Nghĩa là Ahura Mazda. Theo Plutarch, chính xác hơn là Darius đã gọi tên các vị thần tổ tiên của ông.

Người Pareitacae sống giữa lưu vực hai con sông Oxus và Jaxartes. Curtius (8.2.19) gọi họ là người Chorienes Sisimithres.

Năm 327.

Hiện nay là sông Kabul.

Người cai trị một thành phố lớn của Taxila, nằm ở phía tây bắc của Rawalpindi, và lãnh thổ

nằm giữa sông Ấn và sông Hydaspes. Taxiles là tên hiệu của ông, tên riêng của ông là Omphis (Ambhi); xem Curtius 8.12.14.

Tại Ohind, cách Attock 26 kilômét.

Hiện nay là lãnh thổ của Bajaur và Swat. Alexander đang tiến về phía dòng sông Ấn, phía trên Attock.

“Có thể là Nawagai, thủ phủ hiện tại của Bajaur” (Fuller, tr.126).

Leonnatus chịu trách nhiệm về tiểu đoàn bộ binh của Attalus và lính đánh giáo của Balacrus, Ptolemy quản lý tiểu đoàn bộ binh của Philotas, và đơn vị của Philip có thể là một đội quân khinh giáp (xem Tarn, Alexander 2.144).

Khu vực này chưa được xác định.

Diodorus (17.84) cho rằng hành động bội bạc này là do Alexander, người đã tấn công đám lính đánh thuê mà không hề có sự kích động nào; xem Plutarch Alexander 59.3-4.

Diodorus và Curtius (8.10.22) thuật lại rằng Nữ hoàng Cleophis xinh đẹp đã được phục hồi tước vị. Có người (Curtius) còn cho rằng Alexander đã có một đứa con trai với nữ hoàng.

Lần lượt là Bir-kot và Ude-gram, theo Ngài Aurel Stein, On Alexander's Track to the Indus (London, 1929), 43, từ tr.59.

Được Stein xác định vào năm 1926 là Pir-Sar, một đỉnh núi có chiều cao trên 2.134 mét, cách sông Ấn khoảng 120 kilômét về phía bắc Attock. Xem Fuller, tr.248-54.

Về truyền thuyết này, xem Diodorus 17.85.2 và Curtius 8.11.2. Arrian thuật lại những truyền thuyết khác về Heracles trong phần sau của quyển này.

Fuller đã chỉ ra tầm quan trọng về chiến thuật của Pháo đài đá và ảnh hưởng của việc hạ được pháo đài đối với những tộc người Ấn Độ lân cận.

Có lẽ là Charsadda, thủ phủ của Gandhara.

Người cai trị của Kashmir.

Arrian có phần sa đà khi nói về thành phố Nysa, địa điểm chiến lược cho việc vượt sông Ấn, nhằm làm rõ thái độ đối với truyền thuyết kể về vị vua trong vùng đất thần thoại này của Ấn Độ. Nysa dường như nằm ở thung lũng Kabul, có thể là gần Jalalabad. Chuyến viếng thăm thành phố này của Alexander đã được Curtius (8.10.7-18) thuật lại ngay sau những sự kiện mà Arrian đã nhắc tới tại 4.23.

Theo thần thoại Hy Lạp, Dionysus vốn là “con rơi” của thần Zeus và Semele. Tương truyền, Semele chỉ là một người phàm nhưng có nhan sắc tuyệt trần. Thần Zeus tìm đến với Semele trong hình dạng của một người đàn ông bình thường và hai người rất yêu nhau. Khi Semele mang thai Dionysus, bà nghe theo lời xúi bẩy của Hera – vợ của thần Zeus, xin thần Zeus xuất hiện trước mắt nàng trong hình dạng của một vị thần. Thần Zeus đáp ứng yêu cầu của nàng, và Semele chết ngay tức khắc, do người phàm không thể sống sót nếu nhìn thẳng vào thần Zeus. Bào thai Dionysus được Zeus giữ lại, khâu vào bắp đùi, và đủ ngày đủ tháng thì Zeus rạch đùi, “đẻ” ra vị thần Rượu nho. (ND)

Cây thường xuân là một trong những biểu tượng của thần Dionysus. (ND)

Bacchus là tên của thần Dionysus bằng tiếng La Mã. (ND)

Trong nguyên văn, những sĩ quan này đã kêu những tiếng “Euoi, Euoi”, là những tiếng kêu say mê và sung sướng trong những lễ hội vinh danh thần Dionysus cổ xưa. (ND)

Eratosthenes (276-195/194 TCN): là một người Hy Lạp xuất sắc trong nhiều lĩnh vực: toán

học, địa lý, thiên văn học, thơ ca, v.v... (ND)

Nhà thông thái vĩ đại của thế kỉ thứ III TCN, người đứng đầu thư viện Alexandria từ năm 246, người đã bị những kẻ ghen tị gọi là công dân hạng hai. Thành tựu lớn nhất của ông là cuốn Geography, cuốn sách đã được Strabo sử dụng rộng rãi.

Chúng ta có thể so sánh với những điều Strabo nói trong phần đầu của Quyển 15, cuốn Geography, đặc biệt là trong Chương 7-9. Ông là người hoài nghi hơn Arrian rất nhiều. Xem thêm các bình luận của Arrian trong cuốn Indica (1.7; 5.10-13) của ông.

Taxila, cách Rawalpindi khoảng 32 kilômét về hướng tây bắc.

Trên thực tế, sông Ấn bắt nguồn từ dãy Himalaya.

Lần lượt là các dòng Jhelum, Chenab, Ravi và Beas. Punjab là “mảnh đất của Năm dòng sông”.

Ctesias, một người Cnidos, là ngự y của Artaxerxes (404-359). Ông đã viết một cuốn lịch sử về Ba Tư và một cuốn sách về Ấn Độ mà hiện nay chỉ còn lại một vài đoạn trích ngắn. Ctesias là người nổi tiếng về chuyện cường điệu. Xem Aristotle, History of Animals 8.27. Sông Ấn không có nơi nào rộng hơn 4 kilômét.

Xem Herodotus 3.102, 4.13; Strabo 15.1.44.

Xem Xenophone, Cyropaideia 7.5.67.

Những điều này sẽ được Arrian đề cập tới trong cuốn sách khác của ông là The History of Indica (Indica). Trước tác này vẫn còn tồn tại cho tới ngày nay.

Trước tác đã bị thất lạc này đã được Arrian sử dụng triệt để trong Indica. Về chuyến hải hành, xem các chương 17-43.

Megasthenes (350-290 TCN): một nhà dân tộc học, nhà thám hiểm thời Hy Lạp cổ đại. Ông cũng có một tác phẩm tên là Indica. (ND)

Biển Azov và biển Caspian.

Đây là quan điểm phổ biến trong thời cổ đại. Herodotus và Aristotle (Meteorology 2.1.10) biết điều này, nhưng sau đó Patrocles, người đã được cử đi để khám phá vùng biển Caspian vào khoảng năm 284/283, báo cáo rằng vùng biển này thực chất chỉ là vịnh. Quan điểm này đã được Eratosthenes thừa nhận và được phổ biến, cùng với một vài phản đối cho tới tận thế kỷ XIV. Về chuyến thám hiểm của Alexander, xem Quyển bảy.

Sandracottus là Chandragupta, người sáng lập ra triều đại Mauryan, người đã trục xuất những người Macedonia khỏi Punjab sau khi Alexander qua đời và đã cai trị phần lớn Ấn Độ, kể cả lãnh thổ phía Tây sông Ấn mà Seleucus đã nhượng lại cho ông vào năm 304. Megasthenes là sứ giả của Seleucus và trước tác của ông đã hình thành nên kiến thức nền tảng của Hy Lạp về Ấn Độ; xem Strabo, Quyển 15 và Indica của Arrian.

Cybele, phần núi Dindymus ở Phrygia đã được thánh hóa.

Xem Herodotus 2.5, và 2.10-34.

Theo thần thoại Hy Lạp, Menelaus là vua của Sparta trong thời kì Mycenae và là chồng của nàng Helen. (ND)

Odyssey 4.477, 581.

Arrian đã nêu tên của những dòng sông này trong cuốn Indica (4.8-12) của ông.

Herodotus 7.33-6; 4.83, 97.

Vua của Pauravas, vương quốc nằm giữa lưu vực sông Hydaspes và Acesines.

Địa điểm hạ trại của Alexander và nơi ngài vượt sông không được biết tới. Dự đoán có vẻ khả quan nhất là do Ngài Aurel Stein đưa ra. Ông cho rằng Alexander đã dừng quân hạ trại tại Haranpur và đã vượt sông tại Jalalpur. Thảo luận về nhiều giả thuyết, xem Fuller, tr.181-5. Về các cuộc hành quân tấn công Porus, xem Diodorus 17.87-89; Curtius 8.13-14; Plutarch, Alexander 60.

Arrian đã nhầm lẫn. Quả thực, trong phần sau, ông thuật lại rằng cuộc chiến nổ ra vào tháng Năm. Theo Nearchus (Strabo 15.1.18; Arrian, Indica 6.5), vào hạ chí, tức là vào khoảng 21 tháng Bảy, Alexander đã hạ trại bên dòng Acesines.

Tương đương với những tiểu đoàn bộ binh của họ (Tarn, Alexander 2.191).

Seleucus Nicator đã lập nên triều đại Seleucid, triều đại đã cai trị phần lớn lãnh thổ châu Á mà Alexander đã chinh phục.

Ghi chép của Arrian là không chính xác. Tarn (Alexander 2.191-2) cho rằng Ptolemy đã viết: “Alexander đã đặt trung đoàn vệ quân Hoàng gia và những trung đoàn vệ quân khác dưới quyền chỉ huy của Seleucus, và kề cận với họ là những tiểu đoàn phalanx, tùy theo từng ngày mà lựa chọn ưu tiên các trung đoàn vệ quân hay các tiểu đoàn bộ binh.”

Những đơn vị bộ binh được liệt kê trước đó có tổng số khoảng hơn 6.000 người. Vì Arrian viết rằng các con thuyền đều cố gắng chở được càng nhiều lính bộ binh càng tốt nên có lẽ toàn bộ số lính bộ binh không được chuyển qua sông trong thời điểm này.

Điều lạ lùng là Alexander hy vọng đánh bại toàn bộ lực lượng của Porus chỉ bằng kỵ binh của ngài. Ghi chép của Plutarch (Alexander 60.7) cơ bản dựa trên lá thư của Alexander lại viết rằng hoàng đế đã dự tính về khả năng kỵ binh Ấn Độ tấn công.

Đôi khi lời bình luận về Aristobulus dường như là của chính Arrian chứ không phải của Ptolemy. Do đó, đoạn văn này không phải là bằng chứng cho thấy Ptolemy viết sau Aristobulus.

Theo Plutarch (Alexander 60.8), con trai của Porus đã mang theo 1.000 kỵ binh và 60 chiến xa. Ông đồng ý với Arrian rằng quân Ấn Độ đã thiệt hại 400 kỵ binh và toàn bộ chiến xa. Curtius (8.14.2) cho rằng anh trai của Porus đã được cử đi cùng với 1.000 kỵ binh và 100 chiến xa.

Curtius (8.13.6) đồng ý với số liệu của Arrian về số lượng bộ binh và chiến xa, nhưng khác về số voi chiến (85 voi chiến). Ông đã không hề nhắc tới kỵ binh. Diodorus (17.87.2) đưa ra số lượng là 50.000 bộ binh, 3.000 kỵ binh, trên 1.000 chiến xa và 130 voi chiến; trong khi số liệu của Plutarch (Alexander 62.1) là 20.000 bộ binh và 2.000 kỵ binh.

Diodorus (17.89.1-3), sử gia duy nhất ngoài Arrian nhắc tới số thương vong, đưa ra con số 12.000 quân Ấn Độ thiệt mạng và 9.000 người bị bắt giữ; về phía Macedonia, thiệt hại 280 quân kỵ và trên 700 quân bộ.

Diodorus (17.88.4) đồng ý với Arrian rằng Porus cao khoảng 5 cubit, nghĩa là khoảng 2,3 mét theo đơn vị cubit của Athens. Tuy nhiên, Tarn (Alexander 2.170) cho rằng đơn vị cubit của người Macedonia chỉ khoảng 36 centimet. Nếu như vậy, Porus chỉ cao khoảng 1,8 mét.

Xem Diodorus 17.89.6; Curtius 8.14.45; Plutarch, Alexander 60.15.

326 TCN. Diodorus (17.87.1) đã nhầm lẫn khi nói rằng cuộc chiến nổ ra khi Chremes làm quan chấp chính, nghĩa là vào tháng Bảy năm 326 – tháng Sáu năm 325.

Plutarch (Alexander 61) nói rằng phần lớn những sử gia cho rằng Bucephalus chết vì vết

thương, nhưng Onesicritus thuật lại rằng con thần mã này chết vì tuổi già vào năm nó 30 tuổi. Chúng tôi không cho rằng độ tuổi của Bucephalus tương đương với tuổi của Alexander hoặc Alexander không thể “thuần hóa” con ngựa này cho tới khi nó 16 tuổi. Bucephalus có thể đã sống tới năm 30 tuổi, và Alexander đã cưỡi nó khi nó khoảng 7 hoặc 8 tuổi. Về miêu tả công cuộc thuần hóa Bucephalus, xem Plutarch, Alexander 6.

Nghĩa là ở khu vực nằm giữa Susa và Persepolis. Plutarch (Alexander 44.3-4) cho rằng sự việc này diễn ra ở Hyrcania, Diodorus (17.76.5) và Curtius (6.5.18) cho rằng vụ việc xảy ra ở khu vực của người Mardia, tới phía tây Hyrcania.

Diodorus (17.89.6) nhắc tới một cuộc dừng chân kéo dài 30 ngày.

Arrian đã nhắc tới trước đó về sự xuất hiện của các sứ thần của Abisares, người cai trị Kashmir.

Strabo (15.1.30) cho rằng vị Porus này chính là cháu của Porus, vua Paurava.

Vì Nicanor đã được chỉ định làm thống đốc của lãnh thổ phía tây Sông Ấn (xem Quyền bốn) và lần gần nhất Sisicottus được nhắc đến là với vai trò thủ lĩnh của một pháo đài gần Aornus (xem Quyền bốn), có thể Sisicottus là cấp dưới của vị xatrap đã bị sát hại, Nicanor.

Trong Indica (3.10), Arrian đã viết là điểm giao với sông Ấn có bề rộng khoảng 6 kilômét, nhưng đó là sau khi nó nối với dòng Hydaspes và Hydraotes.

Cả Sangala lẫn Pimprama (được nhắc tới sau đó) đều không xác định được; dĩ nhiên chúng đều nằm trong địa hạt Amritsar. Tộc người Malli và Oxydracae sinh sống ở khu vực xa hơn về phía nam.

Người Hy Lạp chia đêm thành ba canh, người La Mã chia thành bốn canh. Ở đây Arrian viết theo người La Mã.

Eumenes, người Cardia vùng Thrace, là thư ký của Philip. Sau khi Alexander qua đời, ông coi giữ vùng Cappadocia và Paphlagonia, và đóng một vai trò quan trọng trong cuộc chiến của Những người kế vị cho tới khi chết dưới tay Antigonus vào năm 316. Cả Cornelius Nepos và Plutarch đều viết tiểu sử về ông. Đây là lần duy nhất trong cuộc viễn chinh Eumenes được nhắc đến với vai trò là chỉ huy quân sự.

Strabo (15.1.27) cho rằng quân Macedonia đã chịu tổn thất nặng nề sau trận mưa dữ dội. Trận mưa này đã đổ xuống từ khi họ rời Hydaspes; xem Diodorus 17.94.3. Về chuyện dịch bệnh, xem thêm Diodorus 17.93-5; Curtius 9.2.1-3.19 (cùng với các bài diễn văn của Alexander và Coenus); Plutarch, Alexander 62.

Tarn (Alexander 2.287) nghi ngờ rằng bài diễn văn của Alexander có thể chỉ là một tác phẩm chấp vá, vì nó không tách biệt rõ ràng với lời đáp của Coenus và Coenus đã ở lại Acesines (xem Quyền bốn), nơi ông qua đời ít lâu sau đó. Nhưng Coenus đã được sắp xếp để gửi các nhu yếu phẩm, và giống như Porus, ông chắc chắn đã hợp nhất với lực lượng của Alexander. Ông đã mất tại Hydaspes. Tuy nhiên, bài diễn văn có những câu nói mà tính xác thực của chúng vẫn còn bị nghi ngờ; xem Tarn.

Hiểu biết về sông Ganges của Alexander là khá đầy đủ, nhưng điều nghi vấn là Alexander vẫn cho rằng biển Đông ở gần đó, như Aristotle có thể đã dạy ngài. Dù trong hoàn cảnh nào, Nearchus đã viết rằng hành trình đi qua các vùng đồng bằng của Ấn Độ đã mất bốn tháng (Strabo 15.1.12).

Quan điểm cho rằng biển Hyrcanian (Caspian) là vịnh không phải là của Alexander mà là từ

địa lý học của Eratosthenes (và Arrian). (Xem phần trước trong quyển này).

Xem Xenophon, *Anabasis* 1.7.4.

Ở đây, có thể có nhầm lẫn. Lính Thessaly đã được cho về quê từ lúc ở Ecbatana chứ không phải ở Bactra.

Đầu năm 325, khi tin đồn lan tới Bactria rằng Alexander đã bị giết ở Malli, 3.000 lính đánh thuê đã nổi loạn và cuối cùng bỏ chạy về Hy Lạp (Curtius 9.7.1-11). Ngay sau cái chết của Alexander, một cuộc nổi loạn có quy mô lớn hơn của lính đánh thuê đã nổ ra ở Bactria (Diodorus 18.4.8; 7.1-9).

Carthage là tên gọi một thành phố cổ, thuộc xứ Tunisia ngày nay. (ND)

Diodorus (17.95.1) và Curtius (9.3.19) cũng xác nhận việc xây dựng 12 điện thờ cho 12 vị thần Olympia. Theo Diodorus, điện thờ có chiều cao 23 mét. Không dấu tích nào của các điện thờ này còn sót lại, nhưng vì các dòng sông của Ấn Độ đã thay đổi rất nhiều sau thời đại của Alexander nên điều này không có gì đáng ngạc nhiên. Diodorus, Curtius và Plutarch (Alexander 62) còn bổ sung rằng Alexander cũng đã hạ lệnh xây dựng nơi ăn ngủ cho binh lính và chuồng ngựa cho ngựa chiến lớn hơn mức bình thường nhằm gây ấn tượng với hậu thế. Điều này không được nhắc tới trước đó.

Xem Quyển năm.

Các sử gia nhìn chung đều xác nhận lá thư là có thật, nhưng rất khó có thể xác định ai là người biết về việc gạch xóa trong đó.

Curtius (9.3.20) cho rằng Coenus qua đời tại Acesines, nhưng vì ông và Diodorus đã nhầm lẫn khi cho rằng Alexander đã quay trở lại dòng sông này để gặp hạm đội của ngài nên chẳng có lý do gì để nghi ngờ Arrian. Về Coenus, xem Badian, JHS 1961, từ tr.20, mặc dù chúng ta không cần phải giả định rằng cái chết của Coenus là vì lý do khác chứ không chết một cách tự nhiên.

Theo Nearchus (Arrian, *Indica* 19.5), tổng số có 120.000 lính, bao gồm cả “những người dã man”.

Địa điểm này không được xác định. Diodorus (17.91.4) và Curtius (9.1.24) đã nhầm lẫn khi cho rằng vương quốc của Sopeithe nằm ở phía đông Cathaei, giữa hai dòng sông là Hydraotes và Hyphasis. Xem Strabo 15.1.30.

Xem Arrian, *Indica* 18.9-10. Strabo (15.1.28) nhận xét rằng Onesicritus xứng đáng là hoa tiêu chính trong số tất cả những hoa tiêu của Alexander, và rằng ông ta vượt trội hơn tất cả những người đi theo Alexander trong việc kể những câu chuyện kỳ lạ.

Trong *Indica*, Arrian đã đưa ra tổng số 800 tàu thuyền, hiển nhiên là từ số liệu của Nearchus. Diodorus và Curtius đưa ra con số là 1.000 tàu thuyền.

Nearchus (*Indica* 18.11) nói rằng Alexander đã làm lễ hiến tế các vị thần tổ tiên của ngài theo chỉ dẫn của các nhà tiên tri, đó là các vị thần: Poseidon, Amphitrite, các nữ thần Nereid, thần Biển cả và ba thần sông. Theo Aristobulus (Strabo 15.1.17), Alexander đã bắt đầu lên đường “một vài ngày trước khi chòm Thất tinh xuất hiện”, nghĩa là khoảng đầu tháng Mười một năm 326.

Xem *Indica* 7.8-9.

Theo Curtius, lực lượng người Malli và Oxydracae khoảng 90.000 bộ binh, 10.000 kỵ binh và 900 chiến xa. Diodorus cho rằng lực lượng này gồm 80.000 bộ binh, 10.000 kỵ binh và

700 chiến xa. Arrian chỉ nhắc tới 50.000 quân Malli (xem phần sau trong quyển này).

Diodorus (17.97.2) so sánh cuộc vượt sông này với cuộc chiến của Achilles trên sông Scamander (Iliad 21.228).

Sa mạc Sanda-Bar.

Fuller chỉ ra rằng những “thị trấn” này chính là nhiều ngôi làng Ấn Độ hiện nay – “được hình thành từ nhiều túp lều đắp bằng đất bùn, chúng tạo nên một bức tường bảo vệ theo vòng tròn có chiều cao và độ dày không lớn lắm.”

Xem Curtius 9.4.26.

Strabo (16.1.3) đưa ra một ghi chép tương tự. Ông đã giải thích tại sao Gaugamela (có nghĩa là “nơi chặn thả lạc đà”) lại mang cái tên này.

Curtius (9.5.14) nhắc tới Timaeus và Aristonus cũng như Peucestas và Leonnatus, Plutarch (Moralia 327b, 344d) nhắc tới Ptolemy và Limnaeus. Peucestas và Leonnatus sau đó cũng được nhận vương miện bằng vàng vì họ đã góp phần cứu mạng Alexander.

Curtius (9.5.21) chỉ trích Cleitarchus và Timagenes vì đã thuật lại rằng Ptolemy có mặt trong trận chiến này. Trong cuốn History, chính Ptolemy đã thuật lại rằng thời điểm đó ông đang thực hiện một nhiệm vụ viễn chinh khác. Ptolemy nhận được danh hiệu “Vị cứu tinh” từ người Rhodian vào năm 304 vì đã giúp đỡ họ trong suốt cuộc vây thành Rhodes của Demetrius.

Curtius (9.6.6) nói rằng Craterus đã phê bình Alexander nhân danh các sĩ quan cấp cao, và đã nhận được sự ủng hộ của Ptolemy cũng như những người khác.

Một đoạn thuộc một trong những vở bi kịch đã bị thất lạc của Aeschylus.

Curtius (9.8.9) cho rằng tên của vị thống đốc cũ là Terioltes và ông ta đã qua đời.

Về mô tả vùng đất này của Onesicritus, xem Strabo 15.1.34.

Diodorus (17.102.5) và Curtius (9.8.11-13) ghi chép rằng Oxycanus, người mà họ gọi là Porticanus, đã qua đời; các tù binh đã bị đem bán và những thị trấn trong vương quốc của ông đều đã bị phá hủy.

Theo Diodorus và Curtius (người sử dụng trước tác của Cleitarchus làm cứ liệu chính), trong vùng này có 80.000 lính Ấn Độ đã bị giết và nhiều người đã bị bắt làm tù binh.

Xem Arrian, Indica, Chương 11. Strabo (15.1.59) đưa ra một mô tả tốt hơn về những người Bà La Môn, dựa vào ghi chép của Megasthenes.

Nghĩa là Drangiana. Craterus có thể đã di chuyển thông qua con đường của các thủ lĩnh Hồi giáo.

Chính là điểm cao nhất của đồng bằng sông Ấn trong thời đại của Alexander. Nó thường được biết đến với tên gọi Hyderabad hoặc Bahmanabad. Alexander đã tới đó vào khoảng giữa tháng Bảy năm 325.

Gió mùa tây nam.

Theo Plutarch (Alexander 66.1), Alexander gọi hòn đảo này là Scillustis, còn những người khác gọi nó là Psiltucis.

Những lễ hiến tế này, giống với những lễ tế được thực hiện vào đầu cuộc hành trình xuôi dòng sông Ấn (xem Quyển năm), là lễ tạ ơn của Alexander vì chuyến đi thành công của ngài.

Xem Indica 20.10. Wilcken, Alexander 196, coi việc hiến tế và rót rượu cúng là lễ tạ ơn mà Alexander thực hiện vì đã chạm tới “cực hạn của thế giới” cũng như là một lời cầu nguyện cho tương lai. Điều này dường như xuất hiện rất nhiều trong văn bản của Arrian. Chuyến hải

hành của Nearchus đã được miêu tả trong Indica, chương 21-43.

Đó là số liệu của Nearchus; Aristobulus cho rằng các cửa sông Ấn cách đó khoảng 200 kilômét (Strabo 15.1.33). Nhánh sông phía đông của sông Ấn thời điểm đó được cho là đổ về phía đầm lầy Rann of Kutch.

Khoảng đầu tháng Mười một.

Nearchus đã rời Pattala vào khoảng ngày 21 tháng Chín năm 325, nhưng đã phải đợi ở nhánh sông phía đông của sông Ấn suốt 24 ngày cho tới khi gió mùa Đông Bắc xuất hiện (Indica 21). Sông Hab, không phải là sông Purali. Về phát hiện này và đường hành quân của Alexander nói chung, xem Ngài Aurel Stein, Geographical Journal 1943. 193-227.

Về những động lực thúc đẩy Alexander hành quân qua Gedrosia, hiện nay là Makran, xem phần sau trong quyển này.

Các sư đoàn được đặt dưới quyền chỉ huy của Leonnatus, Ptolemy và Alexander (Diodorus 17.104.6). Diodorus chắc chắn đã phóng đại khi viết rằng “hàng nghìn người” đã bị giết.

Vị trí của Rhambacia chưa được xác định. Diodorus (17.104.8) nói rằng Alexandria mới nằm ở bờ biển, nhưng Stein (tr. 215) cho rằng thị trấn mới nằm ở khu vực nội địa, gần Bela hiện tại.

Arrian sử dụng từ “Oreitae” và “Oria” một cách tùy tiện.

Một loài cây nhỏ, có gai, có mùi thơm mát rất dễ chịu. Nhựa của cây mật nhỉ lạp có thể sử dụng như một loại nước hoa, làm thuốc, hoặc để xúc cho người chết. (ND)

Loài cây này, mà từ nó người ta tạo ra được một loại dầu thường được nhắc tới trong Kinh thánh, mọc nhiều đến nỗi người Macedonia sử dụng để lót giường ngủ (Strabo 15.2.3).

Xem thêm Strabo 15.2.6-7.

Đó là những người Ichthyophagi. Họ được Arrian mô tả chi tiết hơn trong cuốn Indica (chương 29). Xem Strabo 15.2.2; Diodorus 17.105.3-5; Curtius 9.10.8-10; Plutarch, Alexander 66.6.

Một thị trấn ở Thrace cạnh biển Đen, được những người khai khẩn đất mới từ Miletus xây dựng.

Bampur, nằm cạnh một con sông cùng tên, gần biên giới Carmania. Thời điểm mà Alexander hành quân tới đây có thể là vào cuối tháng Mười một năm 325.

Theo truyền thuyết, Semiramis là hoàng hậu của vua Ninus và là người kế tục ngai vàng của ngài, trở thành nữ hoàng của người Assyria. (ND)

Sự kinh địch của Alexander với Hercules và Perseus cũng là một động lực khiến ngài đi tới Siwah. Arrian (Indica 9) nhận xét rằng những người Ấn Độ phủ nhận việc từng có một người khác (ngoại trừ Hercules và Dionysus) đã xâm lược Ấn Độ trước Alexander; xem Strabo 15.1.6.

Chúng ta có thể loại bỏ tuyên bố của Plutarch (Alexander 66.4) rằng Alexander mang theo 120.000 bộ binh và 15.000 kỵ binh. Nearchus (Arrian, Indica 19.5) đáng tin hơn khi thuật lại rằng Alexander đã mang theo 120.000 binh lính khi bắt đầu cuộc hải hành xuôi dòng Hydaspes. Từ số liệu này, chúng ta có thể trừ đi số thương vong ở Ấn Độ, số binh lính được gửi trở lại cùng với Craterus, số người được để lại Ấn Độ và số binh lính cùng với Leonnatus ở lại lãnh thổ của người Oreitae. Ước tính số lính mà Alexander mang theo có thể trong khoảng từ 8-10.000 người (Tarn, Alexander 1.107) – chắc chắn là một số lượng quá thấp – tới 60-70.000 người (H. Strasburger, Hermes 1952, từ tr.486). Trong bất cứ trường

hợp nào, chúng ta đều không biết rõ tỷ lệ sống sót sau cuộc hành quân đó là bao nhiêu.

Plutarch (Alexander 42.7) nói rằng sự việc diễn ra trong cuộc truy đuổi Darius, Curtius (7.5.10) cho rằng nơi xảy ra sự việc này là ở Sogdiana gần sông Oxus.

Chòm Tiểu Hùng Tinh có Sao Bắc Đẩu; Đại Hùng Tinh còn được gọi là chòm Gấu Lớn, hoặc Cái Cày, mà từ đó, người ta có thể tìm thấy Sao Bắc Đẩu.

Apollophanes đã bị giết ngay sau chuyến khởi hành của Alexander trong một cuộc đại chiến chống lại người Oreitae (Arrian, Indica 23.5). Có thể nhiệm vụ của Apollophanes là cung cấp các nhu yếu phẩm cho quân đội của Alexander.

Việc này đã không được thực hiện vào thời điểm mà Alexander qua đời, tức là khoảng 18 tháng sau đó.

Curtius (10.1.1) còn thêm vào Agathon. Ông thuật lại rằng cả bốn người này đều bị giam giữ và 600 người đi theo họ bị xử tử. Mặc dù Curtius không nói gì hơn về số phận của bốn sĩ quan này nhưng chắc hẳn họ đều bị tử hình. Về “thời gian cai trị kinh hoàng” của các xatrap của Alexander trong thời gian này, xem E. Badian, JHS 1961, từ tr.16.

Điều này không được xác minh nhờ vào lá thư của Alexander gửi Cleomenes (xem Quyền bầy).

Theo Diodorus (17.105.7) và Curtius (9.10.17), Alexander đã chỉ thị cho Phrataphernes và Stasanor cung cấp thực phẩm cho quân đội. Phrataphernes chắc hẳn đã bị nhầm sang Pharismanes; ở đây không thấy nhắc tới việc Phrataphernes đã tới nơi và tái hợp với lực lượng của Alexander.

Xem những mô tả tỉ mỉ trong Curtius (9.10. từ tr.24), Plutarch (Alexander 67) và Diodorus (17.106.1). Câu chuyện có thể liên quan tới lễ hội được nhắc tới ở đoạn sau.

Arrian đã mô tả sinh động buổi gặp gỡ của Nearchus với Alexander tại Harmozeia (Hormuz) trong Indica (chương 33-6). Diodorus (17.106) cho rằng họ đã gặp nhau ở một thị trấn ven biển có tên là Salmus.

Chính là cuốn Indica, chương 18-43.

Đó là vào đầu tháng Mười hai năm 325.

Tức Aria.

Orxines là hậu duệ của Cyrus (Curtius 10.1.22).

Lăng mộ này ngày nay được biết tới như là lăng mộ của thân mẫu vua Solomon. Nó thường xuyên được mô phỏng lại, xem Jean-Louis Huot, Persia (London, 1965).

Các Magus thuộc giai cấp thầy tu người Media. Bên cạnh nhiệm vụ canh giữ lăng mộ của Cyrus, họ còn là người giải thích các giấc mơ và khi một người Ba Tư muốn thực hiện lễ hiến tế, họ cũng phải nhờ tới một Magus. Xem Herodotus 1.120.132.

Cyrus Đại đế là con trai của Cambyses I và là cha của Cambyses II. (ND)

Chính là Persepolis; xem phần trước.

Curtius (10.1.22-38) kể một câu chuyện khác. Theo sử gia này, Orxines vô tội và cái chết của ông là do Alexander nghe theo lời sàm tấu của hoạn quan Bagoas, kẻ đã nhận hối lộ của các nguyên cáo để đưa ra chứng cứ sai lầm. E. Badian (CQ 1985, từ tr.147) cho rằng dị bản này có phần chuẩn xác hơn.

Tuy nhiên, quân Macedonia lại lấy làm tức giận trước lối sống ngày càng theo lối phương Đông của Peucestas (xem Quyền bầy).

Xem Curtius 10.1.17-19 và Plutarch, Alexander 68.1. Trong số những kế hoạch (Hypomnemata) còn lại sau cái chết của Alexander có một cuộc viễn chinh tấn công Carthage, Bắc Phi, Tây Ban Nha, và bờ biển nước Ý tới Sicily (Diodorus 18.4.4). Tranh luận về tính xác thực của những kế hoạch này, xem E. Badian, Harvard Studies in Classical Philology 1968, từ tr.183. Châu Á, ở đây thường bao gồm cả châu Phi.

Một câu chuyện tương tự về Calanus cũng được Plutarch nhắc đến (Alexander 65.6).

Diogenes là một triết gia Khắc kỷ nổi tiếng, người dành phần lớn cuộc đời mình để sống tha hương ở Athens. Mặc dù ông có thể đã gặp Alexander tại Corinth vào năm 336, giai thoại này, cũng giống như các giai thoại khác trong đó triết gia luôn khôn ngoan hơn hoàng đế, có thể là hư cấu. Trong trước tác của Plutarch (Alexander 14) và những sử gia khác – không ít hơn 22 lần nhắc tới câu nhận xét của Alexander: “Nếu ta không phải là Alexander, ta muốn là Diogenes.”

Arrian dường như đã dựa vào ghi chép của Aristobulus đã được Strabo (15.1.61) đưa ra.

Strabo (15.1.63-5) giữ được một phiên bản đầy đủ hơn về ghi chép của Onesicritus, người đã được cử tới thăm các triết gia Ấn Độ. Các học thuyết của họ là “học thuyết theo trường phái triết học Khắc kỷ”. (T. S. Brown, Onesicritus 45).

Plutarch (Alexander 65.5-6) nói rằng tên của triết gia này là Sphines, nhưng những người Hy Lạp khác gọi ông là Calanus bởi ông sử dụng lời chào là “Cale” theo tiếng Ấn Độ thay vì từ “Chaire” theo tiếng Hy Lạp.

Theo Strabo (15.1.68), Calanus mất ở Pasargadae, nhưng Diodorus (17.107.1) lại cho rằng ông mất ở vùng biên giới giữa Ba Tư và Susiane. Câu chuyện này rất phổ biến trong thời xưa; xem M. Hadas, Hellenistic Culture, từ tr.178.

Arrian, Indica 10.

Xem Plutarch, Alexander 69.8, và Strabo 15.1.68. Chares và Onesicritus thuật lại rằng Calanus đã lao mình vào ngọn lửa.

Atropates là thống đốc của Media. Abulites và Oxathres lần lượt cai trị Susiane và Paraetacene (xem Quyển ba). Theo Plutarch (Alexander 68.7), nhà vua đã phóng cây sarissa hay cây thương vào người Oxathres.

Xem Curtius 10.1.39. Về việc xử tử các thống đốc trong giai đoạn này, xem E. Badian, JHS 1961, 16.

Barsine là tên chính thức. Còn thông thường, cô được gọi là Stateira.

Nhờ việc kết hôn với các cô gái dòng dõi quý tộc, Alexander đã tự kết nối ngài với các nhánh của hoàng gia Ba Tư. Artaxerxes III Ochus đã cai trị Ba Tư từ năm 359 tới 338 TCN.

Chares, viên thị thần hoàng gia, người đã mô tả chi tiết các lễ hội, đã đưa ra con số là 92 chú rể; xem Athenaeus 12.538b-539a. Về mục đích của Alexander, xem Wilcken, Alexander 208. Xem Diodorus 17.109-1-2; Curtius 10.2.9-11; Plutarch, Alexander 70.3. Plutarch và Curtius đều đưa ra con số là 9.870 ta-lăng, trong khi Diodorus nói rằng số này “ít hơn 10.000 ta-lăng”.

Xem Arrian, Indica 23.5; Curtius 9.10.19.

Curtius (8.5.1) xác định thời điểm gây dựng lực lượng này là vào khoảng năm 327; tương tự với Plutarch (Alexander 47.6). Diodorus (17.108) cho rằng sự kiện này xảy ra sau cuộc binh biến ở Hyphasis.

Xem thêm Phụ lục A.

Có một sự sửa chữa nhỏ trong văn bản (xem E. Badian, JHS 1965, 161). Ở đây nên hiểu là “đạo quân kỵ binh thứ mười lăm hầu hết là lính phương Đông, nên sức mạnh của toàn kỵ binh được gia tăng nhờ vào lượng binh lính nước ngoài được thêm vào.”

Sau khi nối với dòng Coprates, dòng sông này được biết tới với tên gọi Pasitigris, mà vào thời của Alexander nó đổ vào vịnh Ba Tư. Nearchus đã giòng buồm ngược dòng Pasitigris tới khu vực lân cận của Susa; xem Arrian, Indica 42. Dòng Pasitigris ngày nay đổ vào sông Shatt-al-Arab, như một hợp lưu của dòng Euphrates và Tigris. Trong thời cổ đại, hai dòng sông này đều đổ vào vịnh Ba Tư qua những cửa sông khác nhau, như Arrian đã thuật lại.

Xem Strabo 16.1.9-10; Herodotus 1.193. Strabo (16.1.11) mô tả, dựa trên cứ liệu của Aristobulus, cách Alexander cải thiện được việc tưới tiêu của vùng này.

Xem Strabo 16.1.9.

Curtius (10.2.12-30) và Diodorus (17.109), người đã bị bắt giữ sau bài diễn văn của Alexander, nói rằng Alexander đã tự tay bắt những kẻ cầm đầu cuộc nổi loạn. Về sự kiện này, xem Plutarch, Alexander 71.

Những mỏ vàng mỏ bạc tại núi Pangaeum gần Philippi được cho là đã mang lại hơn 1.000 talent mỗi năm cho vị hoàng đế này (Diodorus 16.8.6).

Vào năm 346 TCN.

Chắc chắn, Alexander muốn nhắc tới đóng góp của mình trong trận Chaeroneia vào năm 338; xem Plutarch, Alexander 9.2-4; Diodorus 16.86.

Demosthenes (Halonnesus 12) cho rằng đó là thời gian người Macedonia phải nộp cống vật cho Athens. Người Thebes dưới sự chỉ huy của Pelopidas đã dàn xếp ổn thỏa các sự vụ với người Macedonia vào năm 368. Philip đã đóng vai trò là con tin tại Thebes vào các năm 368-365 TCN.

Về những sự kiện sau trận Chaeroneia, xem Wilcken, Alexander, từ tr.41.

Xem Curtius 10.2.24; Plutarch, Alexander 15.2. Về vấn đề tài chính của Alexander, xem A. R. Bellinger, Essays on the Coinage of Alexander the Great (New York, 1963) tr.35.

Về sự xa hoa của các tướng lĩnh dưới quyền Alexander, xem Plutarch, Alexander 42; Athenaeus 12.539; Aelian, Varia Historia 9.3.

Plutarch đã liệt kê những vết thương của Alexander trong Moralia 327a-b và 341a-c.

Chắc chắn đây là một sự phóng đại. Chúng ta chỉ được nghe về lễ kỷ niệm tại Susa (xem Quyền ba).

Nhưng dường như chỉ có 25 Chiến hữu hy sinh trong trận Granicus được đúc tượng. Plutarch (Alexander 71.9) nói rằng Alexander đã trợ cấp một khoản tiền cho con cái của những người đã hy sinh trong cuộc viễn chinh.

“Người thân/họ hàng” [Kinsman] là một danh hiệu mà vua Ba Tư ban cho những người đứng đầu đất nước này. Curtius (3.3.14) cho rằng số lượng những người này lên tới 15.000 người. Về nộ hôn theo phong tục, xem Quyền bốn.

Tên gọi sau là dành cho vệ quân (hypaspists). Diodorus (17.57.2) sử dụng tên gọi Những tám khiên bạc cho vệ quân trong trận Gaugamela. Xem Tarn, Alexander 2.151-2.

Đây rõ ràng là một sự phóng đại, trừ phi “những người Macedonia” được hiểu là các sĩ quan người Macedonia.

Dạ yến này được tổ chức để kỷ niệm sự hòa giải giữa Alexander và những người đồng hương Macedonia cũng như (hy vọng là) giữa người Macedonia và người Ba Tư. E. Badian (Historia 1958, từ tr.428) đã bác bỏ ý kiến của Tarn (Alexander 2. từ tr.434) rằng Alexander đã cầu nguyện cho “sự đoàn kết của toàn nhân loại.” Về bài tụng ca sau dạ yến, xem Xenophon, Symposium 2.2.1.

Theo mong muốn của Alexander; xem phần trước trong quyển này.

Xem Diodorus 17.114.1; Plutarch, Alexander 47.9-10; Curtius 6.8.2. Craterus được cho là (Plutarch, Eumenes 6.3) sĩ quan được binh lính Macedonia quý mến hơn cả vì sự chống đối của ông với cung cách ngày một phương Đông hóa của Alexander.

Nghĩa là thay thế Antipater, trở thành người ủy quyền của Alexander trong việc lãnh đạo Liên minh Corinth.

Vào thời điểm Alexander qua đời, khoảng chín tháng sau, Craterus vẫn chưa đi quá vùng Cilicia.

Về mối bất hòa giữa Antipater và Olympias, xem Diodorus 17.118.1, Plutarch, Alexander 40.11-13; Curtius 10.10.14. Về mối quan hệ giữa Alexander và Antipater, xem E. Badian, JHS 1961, từ tr.36 và G. T. Griffith, Proceedings of the African Classical Associations 1965, từ tr.12.

Có một trang bị mất kể từ đầu (*)

Xem Plutarch, Eumenes 2.

Từ Opis tới Ecbatana (Hamadan).

Về ngựa Nesaea, xem Herodotus 7.40.2; Strabo 11.13.7. Diodorus (17.110.6) đưa ra số liệu có chút khác biệt; số lượng ngựa trước kia được chăn thả ở đồng bằng Nesaea là 160.000 con và chỉ còn khoảng 60.000 con khi Alexander đặt chân tới vùng này.

Nhiều sử gia thuật lại rằng Nữ hoàng Amazon đã tới thăm Alexander tại Hyrcania hoặc khu vực gần Jaxartes; Diodorus 17.77.1, Curtius 6.5.24-32, gọi nữ hoàng là Thalestris. Plutarch (Alexander 46) đã đưa ra một danh sách dài các sử gia chấp nhận hoặc phủ nhận câu chuyện này.

Xenophon có nhắc tới trang bị vũ khí của nữ tộc Amazon trong Anabasis (4.4.16) nhưng điều đó không có nghĩa là ông đã gặp bất cứ ai trong số họ.

Không một sử gia cổ đại nào nghi ngờ sự tồn tại của nữ tộc Amazon trong quá khứ, kể cả người hoài nghi nhất là Strabo (11.5.3).

Xem Plutarch, Theseus 27.

Trận chiến thứ hai là trận Marathon vào năm 490. Cả hai bức tranh đều do Micon, một người nổi danh vào khoảng năm 460, vẽ và được trưng bày tại Stoa Poikile ở Athens. Xem Pausanias 1.15, 8.11; Aristophanes, Lysistrata 678. Chúng ta có thể hiểu rằng “Cimon” ở đây nghĩa là “Micon”, cho dù rất có thể đây là sai sót của Arrian.

Xem Herodotus 4.110-17; 9.27.

Xem Lysias, Epitaphios 1; Isocrates, Panegyricus 19; Plato, Menexenus 239B.

Xem Plutarch, Alexander 72.1; Diodorus 17.110.7-8.

Xem Plutarch, sdd.

Về sự ganh đua của Alexander với Achilles, và về mối quan hệ của ngài với Hephaestion, xem Quyển một. Về sự tiếc thương của Achilles trước cái chết của Patroclus, xem Homer,

Illiad 23.141, 152.

Xem Herodotus 7.35. Theo sử gia Herodotus, trong cuộc chiến của Xerxes Đại đế chống lại người Hy Lạp, vị vua này đã cho xây dựng một cây cầu từ cây lanh và cây cối để vượt qua eo biển Hellespont. Khi cây cầu sắp được hoàn thành thì một cơn bão dữ dội kéo tới khiến nó bị phá hủy hoàn toàn. Vô cùng tức giận vì điều này, Xerxes đã ra lệnh chém đầu các kỹ sư xây cầu và thậm chí còn “trừng phạt” eo biển Hellespont bằng cách dùng roi quất vào mặt nước 300 lần, vừa đánh vừa lớn tiếng đọc các tuyên cáo sỉ nhục. (ND)

Trung tâm của việc thờ cúng Asclepius thuộc vùng Argolid.

Ở phần trước, Arrian thuật lại rằng sự việc này là có thật.

Plutarch cũng kể rằng giàn thiêu đó có giá 10.000 ta-lăng, nhưng Diodorus lại nói là 12.000 ta-lăng. Về mô tả chi tiết “giàn thiêu”, xem Diodorus 17.115. Plutarch cho rằng đó là “một lăng mộ”, và hiển nhiên nó được xây dựng để vinh danh Hephaestion; xem Wilcken, Alexander 234-6.

Xem Diodorus 17.114.4-5; Plutarch, Alexander 72.3; 75.3; Eumenes 2; Pelopidas 34.2; Aelian, Varia Historia 7-8.

Xem phần trước trong quyển này. Ghi chép về cuộc tranh cãi của hai sĩ quan này đã bị mất.

Cuộc chinh phạt kéo dài 40 ngày. Plutarch (Alexander 72.4) cho rằng những người Cossaea đã bị thảm sát như là một “lễ hiến tế” dâng lên Hephaestion. Tuy nhiên, trong cuốn Indica (40.6-8), Arrian nói rằng Alexander đã thành lập nhiều thành phố để khuyến khích người Cossaea định cư và chung sống hòa bình; xem Diodorus 17.111.6.

Diodorus (17.113.1-2) đưa ra một danh sách tương tự nhưng không giống hoàn toàn.

Công trình của hai sử gia này hiện đã bị thất lạc. Aristus, thuộc vùng Salamis của Cyprus, đã mô tả lăng mộ của Cyrus (Strabo 15.3-8), và có thể đồng nhất với mô tả được tin tưởng của Antiochus II. Cleitarchus (trong Pliny, Natural History 3.57) cũng thuật lại rằng những người La Mã đã gửi sứ thần tới tiếp kiến Alexander.

Quan điểm này về biển Caspian, xem Quyển năm. Alexander chắc chắn đã được Aristotle kể rằng Caspian không phải là vịnh, nhưng việc khám phá ra vịnh Ba Tư đã khiến ngài nghi ngờ điều này.

Về đoạn này, xem Tarn, Alexander 2.11.

Các vị tư tế của Bel (Marduk).

Euripides (480-406 TCN): nhà bi kịch nổi tiếng thời Hy Lạp cổ đại. (ND)

Trích từ một vở bi kịch đã thất truyền. Câu này thường được trích dẫn mà không hề nhắc tới tác giả nhưng Plutarch (Moralia 432c) cho rằng nó là của Euripides.

Xem Herodotus 1.32; Plutarch, Solon 27.

Xem Strabo 16.1.5. Herodotus (1.181) mô tả đền thờ, và nói rằng nó vẫn còn tồn tại cho tới thời của ông (xem chú thích của How và Well cho đoạn này). Về mệnh lệnh khôi phục đền thờ của Alexander, xem Quyển ba. Diodorus (17.112.2) thuật lại một cách lạ lùng rằng các vị tư tế đã nói với Alexander rằng ngài có thể thoát khỏi nguy hiểm nhờ vào việc tái xây dựng đền thờ.

Xem Quyển ba. Về câu chuyện này, xem thêm Plutarch, Alexander 73.3-5; Appian, Civil Wars 2.639.

Xem Cicero, On Divination 1.119, 2.32.

Perdicas bị chính binh lính của mình giết hại tại Memphis vào năm 321 (Diodorus 18.36). Còn trận Ipsus diễn ra tại Phrygia vào mùa hè năm 301.

Xem Plutarch, Alexander 69.7; Cicero, On Divination 1.47.

Vì lúc đó là mùa xuân năm 323, thời điểm này có vẻ muộn hơn so với sự kiện Hy Lạp gửi các sứ thần tới chúc mừng Alexander. Diodorus (17.113.3-4) cho rằng những sứ thần của Hy Lạp xuất hiện vào thời điểm đó với nhiều mục đích khác nhau, bao gồm cả việc đưa ra những tranh luận chống lại việc triệu hồi những người bị trục xuất khỏi thành bang của họ, như Alexander đã yêu cầu. Về mệnh lệnh này, xem Diodorus 18.8.2 (17.109.1), Curtius 10.2.4; Tod, các trang 201, 202.

Xem các quyền trước.

Ở đây Arrian dựa vào trước tác của Aristobulus; xem Strabo 16.1.11.

Tương đương với cụm từ trong nguyên tác, nghĩa là “chủ yếu nhằm chống lại những người Ả Rập.”

Strabo (16.1.11) sử dụng trước tác của Aristobulus làm cứ liệu chính cho những tuyên bố cho rằng những người Ả Rập đã không hề cử sứ thần tới tiếp kiến Alexander và vị hoàng đế trẻ tuổi “đang nuôi tham vọng trở thành chúa tể của toàn thế giới”. Arrian dĩ nhiên chấp nhận quan điểm này của Alexander.

Xem Herodotus 3.8 (cùng với chú thích của How và Wells).

Mặc dù không ghi rõ nguồn ở đây, nhưng trong đoạn này nguồn cứ liệu chính của Arrian vẫn là trước tác của Aristobulus (Strabo, Sdd).

Một hòn đảo thuộc quần đảo Sporades, phía Tây Samos, hiện nay được gọi là Nikaria. Về câu chuyện của Daedalus và Icarus, xem Ovid, Metamorphoses 2.21-96.

Hiện tại là Bahrein.

Báo cáo về chuyến hải hành này đã được Theophrastus sử dụng trong các tác phẩm về thực vật của ông.

Đó là bán đảo Ras Mussandam (Maketa), mà Nearchus đã nhìn thấy từ Hormuz.

Arrian, Indica 32.

Nhánh sông này đổ vào vịnh Ba Tư gần Teredon.

Strabo 16.1.9-11.

Khoảng một năm trước đó (tháng Tư/Năm năm 324) Alexander đã thành lập thị trấn Alexandria (sau này là Charax) giữa hai cửa sông của sông Tigris và sông Eulaeus; xem Pliny, Natural History 6.138.

Diodorus (17.116.5-7) viết là “một trong những người chèo thuyền”. Ông không nói gì về số phận của người này.

Menidas được nhắc tới gần nhất là vào mùa đông năm 328/327, khi ông được cử đi từ Nautaca tới Macedonia để mang viện quân tới (xem Quyền bốn).

Điểm quan trọng là những sứ thần này đội trên đầu những vòng hoa theo nghi lễ. Điều này cho thấy họ là các theoi, những đại diện của thần linh và khẳng định nguồn gốc thần thánh của Alexander. Plutarch (Moralia 219e) và Aelian (Varia Historia 2.19) nhắc tới việc chính Alexander đã yêu cầu họ thừa nhận ngài là một vị thần. Về vấn đề gây tranh cãi này, xem J. P. V. D. Balson, Historia 1950, từ tr.383 và tốt hơn nữa là xem Wilcken, Alexander tr.209-215.

Xtator là một đơn vị tiền tệ Hy Lạp cổ. (ND)

Đồng xtator được nhắc tới ở đây có thể là xtator bạc, tương đương với một đồng tetradrachm của Athens, và một lính “muời-xtator” nhận được 40 dracma mỗi tháng. Lính “lương-đúp” có thể nhận được 60 dracma, còn lính thường thì nhận được 30 dracma mỗi tháng. Theo một ghi chép rời rạc, số tiền phải trả hằng ngày cho một Hypaspist trong lực lượng viễn chinh là 1 dracma.

Về thông điệp của các sứ thần, xem tr. 372. Plutarch (Alexander 72.2) đồng ý với Arrian, tuy nhiên Diodorus (17.115.6) thuật lại rằng thần Ammon cho phép vinh danh Hephaestion như một vị thần.

Về việc bổ nhiệm ban đầu của Cleomenes, xem Quyển ba. Cleomenes được Alexander bổ nhiệm làm thống đốc (xatrap) của Ai Cập. Đây chính là người đã khiến nạn đói ở Hy Lạp (330-26) thêm trầm trọng bằng cách độc quyền xuất khẩu ngũ cốc từ Ai Cập và bán chúng với giá cao; ngoài ra Cleomenes còn chiếm đoạt một lượng lớn tài sản của các tư tế (Ngụy Aristotle, *Oeconomica* 2.33; Ngụy Demosthenes 56.7). Cleomenes sau này bị khép vào tội chết dưới tay của Ptolemy, người đã giành được Ai Cập bằng cách chia rẽ các địa hạt sau khi Alexander qua đời.

Pharos nằm cách bờ biển khoảng 1,6 kilômét, cách châu thổ sông Nile khoảng 32 kilômét về phía tây. Alexander đã nối hòn đảo này với đất liền bằng đê chắn sóng, và nhờ đó xây dựng hai cảng biển cho Alexandria. Ngọn hải đăng do Ptolemy II xây dựng. Xem mô tả của Strabo về thành phố, 17.1.6-10.

Về tính xác thực của lá thư này, xem CQ 1953, từ tr.157.

Plutarch (Alexander 73) nói rằng đó là một người Messenia tên là Dionysius. Cả ông và Diodorus (17.116) đều nói rằng đó là một tù nhân đang chịu án treo, nên việc giam giữ anh ta có phần lời lung. Người ta cho rằng hành động của tù nhân này hoặc là tự phát hoặc là do thần linh dẫn động.

Plutarch và Diodorus nói rằng người đàn ông này đã bị khép tội chết.

Trong cuộc viễn chinh tấn công người Ả Rập tiếp theo.

Xem Plutarch, Alexander 75.4, Diodorus 17.117.1.

Plutarch (Alexander 76) đưa ra một bản khác về nhật ký hoàng gia mà ông khẳng định phần lớn là trích dẫn nguyên văn. Bản của Plutarch chỉ khác một vài chi tiết so với bản mà Arrian đưa ra. Aelian (*Varia Historia* 3.23) đưa ra một bản thứ ba được cho là của Eumenes, người giữ Nhật ký. Bản này có ít điểm giống với hai bản trước. Về vấn đề liệu Nhật ký này có phải là một cứ liệu đáng tin về những ngày cuối cùng của Alexander hay không, xem Pearson, *Historia* 3 (1954/55), từ tr.429, và A. E. Samuel, *Historia* 1965.

Về cuộc viễn chinh tấn công Ả Rập.

Demophon và Cleomenes đều là các nhà tiên tri người Hy Lạp, những người còn lại đều là những người Macedonia lỗi lạc, Attalus là chỉ huy một tiểu đoàn và là anh rể của Perdikkas.

Thông thường, người ta cho rằng Sarapis (hoặc Serapis) là tên hiệu của Ptolemy I và vị thần có tên Separis chắc hẳn là một vị thần có tên gọi tương tự hoặc có quyền năng giống như thần Bel (Marduk). Về Sarapis, xem W. W. Tarn (*Historia* 1962 từ tr.238). Tuy nhiên, cũng có nhiều tranh luận cho rằng Alexander đã sáng lập nên giáo phái Sarapis, mà ngày nay vẫn tồn tại ở Ai Cập, và sau đó mang giáo phái này tới phương Đông cùng với ngài.

Cụm từ này cũng có thể có nghĩa là “người mạnh nhất”. Xem Diodorus (17.117.4-5) và

Curtius (10.5.4-5), người thuật lại rằng Alexander đã đưa nhẫn của ngài cho Perdiccas.

Xem Diodorus 17.118; Curtius 10.10.14; Plutarch, Alexander 77.2.

Không thứ nào trong số này có thể chứa thuốc độc. Người ta thường kể lại rằng đó là nước sông Styx, con sông bắt nguồn ở gần Nonacris ở phía bắc Arcadia; xem Pliny, Natural History 30.149; Pausanias 8.17.6. Nói chung, giả thuyết về việc Alexander bị đầu độc không đáng tin lắm. Tuy nhiên, có thể tham khảo tài liệu R. D. Milns, Alexander the Great (London, 1968) 255-8, người cho rằng thuốc độc là mã tiền với liều lượng thấp.

Về “chiếc cốc của Hercules”, xem Diodorus 17.117.1-2 (cùng với chú thích của Welles trong phiên bản Loeb). Plutarch (Alexander 75.5) đã hoàn toàn phủ nhận câu chuyện này.

Theo lịch hiện đại, Alexander mất vào ngày 10 tháng Sáu năm 323 TCN.

Về các ví dụ cho việc này, xem Plutarch, Alexander 39.

Plutarch (Alexander 28.6) cũng cho rằng đây là những động lực thúc đẩy Alexander khẳng định ngài là con trai của thần Zeus. Tuy nhiên, hãy xem CQ 1953, từ tr.151 về tầm quan trọng của lá thư Alexander đã gửi cho người Athens mà Plutarch đã trích dẫn trong cùng một chương.

Arrian trước đó đã bình luận về thói nghiện rượu của Alexander.

Xem những câu chuyện đã được Plutarch (Alexander 2) kể lại.

JHS 83 (1963), 27-46. Câu trích dẫn nằm ở tr. 29.

Như G. T. Griffith đã nhấn mạnh trong “A Note on the Hipparchies of Alexander” trong JHS 83 (1963), 68-74, tại tr.71.

Trong Greek, Roman and Byzantine Studies 7 (1966), 159-166.

Trong JHS 85 (1965), tr.160-161.

Vào khoảng thế kỷ thứ III SCN, có một tác phẩm đã tập hợp các truyền thuyết, huyền thoại xung quanh các cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế với nhan đề là Alexander Romance, trong đó có một số câu chuyện ghi tên tác giả là Callisthenes. Tuy nhiên, sử gia này đã chết khi Alexander còn chưa qua đời nên ông không thể có một ghi chép đầy đủ về cuộc đời của Alexander. Tác giả khuyết danh của cuốn Alexander Romance, bởi vậy, thường được gọi là Ngụy Callisthenes. (ND)

Sự kiện sáng lập Alexandria thường được đặt trước chuyến viếng thăm Siwah theo cứ liệu của Arrian. Tuy nhiên, xem thêm C. B. Welles, Historia 1962, từ tr.276.

Theo Curtius (5.6.12), việc đốt cung điện diễn ra sau cuộc viễn chinh tấn công Mardi, sự kiện bắt đầu vào khoảng ngày 6 tháng Tư và kéo dài khoảng 30 ngày.

Xem D. M. Lewis trong Classical Review 1969, tr. 272.

Những chú thích của người dịch (ND) và người biên tập (BT) sẽ được ghi chú rõ. Những chú thích khác là chú thích của bản dịch tiếng Anh.

Epictetus (50-120 SCN): triết gia vĩ đại thuộc trường phái Khắc kỷ [Stoicism]. Triết lý này đề cao sự tri túc [contentment – nghĩa là biết đủ]. Tri túc đem đến một đời sống lặng lẽ, bình yên, không có gì đáng để bận tâm phiền não. Sự bình an tâm hồn là điều đáng quý trọng hơn cả. Niềm an lạc ấy được tìm thấy thông qua sự tự kiểm chế [self-control] hay tự chủ [self-mastery]; đó là khả năng chế ngự lòng ham muốn và làm chủ bản thân, không để mình buông thả theo dục vọng. (ND)

Hoàng đế Hadrian (76-138 SCN): Hoàng đế La Mã trị vì từ năm 117 cho đến khi ông qua đời

vào năm 138 SCN. (ND)

Hội đồng Areopagus còn được gọi là Hội đồng Công tố hay Hội đồng Quý tộc, là hội đồng tư pháp và lập pháp cao nhất của Athens thời cổ đại. (ND)

Cuốn sách này được viết bằng tiếng Hy Lạp. Đây là lời tựa của bản dịch tiếng Anh do Aubrey de Selincourt chuyển ngữ.

Hoàng đế Marcus Aurelius (121-180 SCN): hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 161 cho tới khi ông qua đời vào năm 180. Cuốn sách nổi tiếng được nhắc đến ở đây là cuốn Meditation (tạm dịch: Suy ngẫm), một trong những tác phẩm được đánh giá là kinh điển của triết học Khắc kỷ. (ND)

Appian (95-165 SCN): sử gia người Hy Lạp của La Mã. Ông là tác giả của cuốn Roman History (tạm dịch: Lịch sử La Mã) gồm 24 quyển được viết bằng tiếng Hy Lạp. (ND)

Pausanias (nổi danh vào khoảng 143-176 SCN): nhà địa lý người Hy Lạp. (ND)

Galen (129-200/ 217-216 SCN): thầy thuốc, nhà văn, nhà triết học nổi tiếng người La Mã gốc Hy Lạp. Ông có viết một tác phẩm nhỏ mang tên That the Best Physician is also a Philosopher (tạm dịch: Thầy thuốc giỏi cũng là một nhà triết học). Học thuyết của ông đã chi phối và gây ảnh hưởng tới y học châu Âu từ thời Trung cổ cho đến giữa thế kỷ XVII. (ND)

Lucian (125/120- sau 180 SCN): một nhà trào phúng, nhà hùng biện và viết luận bằng tiếng Hy Lạp. (ND)

Ý nói việc Arrian và một số nhà văn cùng thời với ông cố gắng mô phỏng ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại của ba, bốn trăm năm trước. (ND)

Phương ngữ Hy Lạp cổ đại được sử dụng ở vùng Attica, Athens và Ionia. (ND)

Thomas North (1535-1604): dịch giả người Anh. Ông là người đã dịch cuốn Parallel Lives (tạm dịch: Những cuộc đời song hành) của Plutarch sang tiếng Anh. (ND)

Percy Bysshe Shelley (1792-1822): nhà thơ, nhà triết học Anh, một trong những nhà thơ lớn nhất của thế kỷ XIX. Ông là người đã dịch tác phẩm Symposium của Plato sang tiếng Anh. (ND)

Philip A. Stader (Greek, Roman and Byzantine Studies 8, 1967, từ tr.155) đã chỉ ra rằng Xenophon không chỉ là tên hiệu, mà còn là một phần trong tên của nhà sử học.

Arrian được bầu làm quan chấp chính vào năm 129 hoặc 130 SCN, và trong thời đại của ông, thông thường người được bổ nhiệm giữ vị trí này phải vào khoảng 42 tuổi; xem JRS55 (1965), tr.142.

Nữ thần Nông nghiệp, một trong mười hai vị thần trên đỉnh Olympus. (ND)

Còn được gọi là nữ thần Persephone, con gái của thần Zeus và nữ thần nông nghiệp Demeter. (ND)

Ám chỉ triều đại Flavia, một triều đại La Mã kéo dài từ năm 69 đến năm 96 SCN. Những hoàng đế Flavia bao gồm Vespasian (trị vì từ năm 69-79 SCN), và hai con trai của ông là Titus (trị vì từ năm 79-81 SCN) và Domitian (trị vì từ năm 81-96 SCN). (ND)

Chúng ta không rõ tại sao Arrian lại chọn theo học triết gia Epictetus tại Athens. Trong một bài báo quan trọng về vai trò thống đốc của Arrian đăng trên tờ English Historical Review năm 1896 (được in lại trong cuốn Essays của ông, F. Haverfield biên tập, Oxford, 1906), Giáo sư H. F. Pelham cho rằng Arrian chắc hẳn chịu ảnh hưởng của truyền thống bên dòng họ ngoại, “gen” Arrian, một dòng họ nổi tiếng về Chủ nghĩa Khắc kỷ La Mã. Giáo sư ước đoán

rằng tên hiệu Arrianus là ngậm chỉ họ của người mẹ, một kiểu thường thấy vào thế kỷ thứ I và thứ II SCN.

Trong một lá thư gửi Lucius Gellius, Arrian đưa ra lý do cho việc xuất bản những lời giảng dạy của thầy mình. Chúng ta biết rằng vị Gellius này là một công dân nổi tiếng của thành Corinth, L. Gellius Menander, người cùng với con trai mình, L. Gellius Iustus, đã cho xây dựng một văn bia vinh danh Arrian tại Corinth; xem G. W. Bowersock trong *Greek, Roman and Byzantine Studies* 8 (1967), tr. 279-280.

Trích dẫn này được lấy từ trang 218, dòng thứ 3, trong một bài báo của Pelham.

Dion (408-305 TCN): bạo chúa vùng Syracuse, thuộc Sicily. (ND)

Timoleon (411-337 TCN): tướng lĩnh, chính trị gia người Hy Lạp. (ND)

Điều này khiến Arrian còn được gọi là “Xenophon thứ hai”. Bản thân ông thường tự nhận mình là “Alexander giữa các nhà văn”. (ND)

Quyển thứ 17 của Diodorus đã được C. Bradford Welles dịch (cùng với những chú thích bổ ích) trong bộ sách của Thư viện sách kinh điển Loeb (*The Loeb Classical Library*), cuốn sách của Curtius cũng đã được J. C. Rolfe dịch trong cùng bộ này, và Justin (cùng Cornelius Nepos và Eutropius) ở Thư viện của Bohn. Tác phẩm về Alexander của Plutarch là tác phẩm thường xuyên được chuyển ngữ, bản dịch gần đây nhất của cuốn này là của dịch giả Ian Scott-Kilvert, có tên *The Age of Alexander* (Penguin Books).

Những tác giả này là đối tượng nghiên cứu chi tiết của Lionel Pearson trong cuốn *The Lost Histories of Alexander the Great* (New York, 1960).

Callisthenes được coi là sử gia chính thức của Alexander cho tới khi ông bị thất sủng và bị hành hình vì tội mưu phản. (ND)

Về phần này, xem thêm nghiên cứu của tôi, *Plutarch Alexander: A Commentary* (Oxford, 1969), lx-lxii.

Xem thêm phân tích thuyết phục của C. B. Welles trong bài “The reliability of Plotemy as an historian”, *Miscellanae...* A. Rostagni (Turin, 1963), từ tr.101. Curtius, người đã đọc cuốn sách của Ptolemy, có thể đã nhắc tới khía cạnh này về tác phẩm của Ptolemy khi ông mô tả Ptolemy (9.5.21) là một người đàn ông “chắc chắn không có khuynh hướng nói giảm nhẹ sự vẻ vang của riêng mình”.

R. M. Errington, “Bias in Plotemy’s History of Alexander”, *CQ*, 1969, từ tr.233, đưa ra một vài ví dụ về việc Ptolemy kể sai sự thật. Errington nhận định rằng Aristonous bị tước đoạt đi niềm vinh dự là đã cứu sống Alexander, nhưng ông lại không thừa nhận quan điểm phổ biến cho rằng Ptolemy đã “phớt lờ” những chiến thắng vang dội của Antigonous trước những kẻ sống sót ở Issus, vì sự kình địch của Ptolemy với Antigonous chỉ xuất hiện sau năm 314.

Proskynesis là hành động cúi chào hoặc quỳ lạy. Đây là phong tục của người Ba Tư, nhằm thể hiện lòng kính trọng với những người có địa vị cao hơn. Nghi lễ này không được người Hy Lạp chấp thuận vì họ cho rằng việc quỳ lạy là nghi lễ chỉ dành cho thần linh. Sự bất đồng quan điểm này đã dẫn tới âm mưu sát hại Alexander Đại đế, mà những người chủ mưu được cho là Philotas và Callisthenes. (ND)

Strabo (63/64 TCN-24 SCN): sử gia, nhà địa lý và nhà triết học Hy Lạp. (ND)

Quintus Curtius Rufus: một sử gia La Mã, viết dưới triều đại của hoàng đế Claudius (41-54 SCN) hoặc Vespasian (69-79 SCN). Tác phẩm còn lại duy nhất của ông là *Historiae*

Alexandri Magni, một tiểu sử bằng tiếng Latinh về Alexander Đại đế gồm mười quyển. Trong đó, hai quyển đầu đã bị thất lạc. (ND)

Polypius (200-118 TCN): sử gia Hy Lạp. (ND)

Xem P. A. Brunt, “Persian Accounts of Alexander’s Campaigns” trong CQ, 1962, từ tr.141. Trích dẫn này được lấy trong tr.141.

Bessus (mất vào mùa hè năm 329 TCN): xatrap (tương đương với chức thống đốc hoặc phó vương) vùng Bactria, sau tự xưng là Vua của các vị vua Ba Tư. Năm 329 TCN, Bessus bị bắt. Alexander Đại đế đã trừng phạt ông bằng cách ra lệnh cắt bỏ tai và mũi của Bessus, hình phạt dành cho những kẻ nổi loạn chống lại nhà vua theo tập tục của người Ba Tư. (ND)

Ốc đảo Siwah nằm trong vùng sa mạc phía đông Ai Cập là nơi có đền thờ thần Ammon. Tương truyền rằng vào tháng Hai năm 332, Alexander đã tới đây để hỏi ý kiến các nhà tiên tri của Ammon. Không ai biết vị hoàng đế này đã hỏi gì và được trả lời ra sao, nhưng từ sau chuyến đi này, Alexander bắt đầu tự coi mình là con trai của thần Ammon. (ND)

Liên quan đến những chi tiết về binh lính của Alexander, xem thêm Trung tướng J. F. C. Fuller, *The Generalship of Alexander the Great* (London, 1958); E. W. Marsden, *The Campaign of Gaugamela* (Liverpool, 1964), Phụ lục I và II; A. R. Burn, “The Generalship of Alexander”, trong *Greece and Rome* 1965, tr.140-54.

Sarissa (hoặc sarisa) là một cây giáo dài khoảng 4-7 mét được sử dụng trong chiến tranh Hy Lạp cổ đại. Vũ khí này được vua Philip, cha của Alexander Đại đế, đưa vào đội hình phalanx truyền thống của Macedonia. (ND)

Xem G. T. Griffith, *Proceedings of the Cambridge Philological Association*, 4 (1956/7), từ tr.3.

Gukhas theo tiếng Nepal nghĩa là chiến binh. Họ nổi tiếng vì sự thiện chiến và lòng trung thành. (ND)

P. A. Brunt, “Alexander’s Macedonian Cavalry”, trong *JHS* 83 (1963), tr.27-46, thảo luận về nhiều vấn đề liên quan tới đội kỵ binh của Alexander.

R. D. Milns đã chứng minh trong *Greek, Roman and Byzantine Studies* 7 (1966), tr.159-166.

Về các trung đoàn (Hipparchy), xem Phụ lục A.

Tên một dãy núi nằm giữa Afghanistan và Pakistan. Tên gọi Hindu Kush có nguồn gốc từ tiếng Ả rập, có nghĩa là “Các ngọn núi Ấn Độ”. (ND)

E. Badian trong *JHS* (1965), tr.161.

Một cấp bậc quân sự thời cổ đại, chỉ người chỉ huy một đội quân gồm 1.000 người. (ND)

JHS 83 (1963), tr.39.

Về Ptolemy và Aristobulus, xem phần Dẫn nhập.

Vua Philip bị ám sát vào mùa hè năm 336 TCN. Kẻ ám sát nhà vua là một quý tộc trẻ tuổi tên là Pausanias, người nhiều năm trước đó đã bị Attalus, cha một thứ phi của Philip, xúc phạm. Tương truyền rằng, một trong những lý do khiến Pausanias ra tay ám sát vị hoàng đế của mình là Pausanias lấy làm oán hận việc Philip không cho phép anh ta chống lại Attalus. Alexander và mẹ ông, Olympias, lúc đó đã xa cách với vua Philip, bị nghi ngờ dính líu tới vụ việc này, dù những người anh em của Alexander ở vùng Lyncestis đã bị hành hình vì tội đồng lõa, và sau này Alexander đã buộc tội vua Ba Tư vì đã khoe khoang rằng ông ta đã mua chuộc Pausanias. Về chi tiết, xem Diodorus 16.93-4; Aristotle Politics 1311b2. E. Badian, Phoenix

17 (1963) từ tr.244, cung cấp những thảo luận tốt nhất gần đây. Ngoài ra, xem thêm A. B. Bosworth, CQ 1971, từ tr.93.

Trong tác phẩm Alexander (3.5), Plutarch đưa ra ngày sinh của Alexander là vào khoảng 20 tháng Bảy năm 356 TCN.

Tóm tắt của Arrian quá ngắn gọn nên dễ gây hiểu lầm. Theo ghi chép của Diodorus (17.3-4), Alexander, khi đương đầu với tình trạng bất ổn ở Hy Lạp, đã giành được sự thừa nhận vị trí của ông như là “người lãnh đạo” của Liên minh Corinth từ Liên minh Thessaly và Liên minh Amphictyonic tại Delphi, cũng như từ những quốc gia riêng lẻ ở bên trong và bên ngoài vùng Peloponnese. Cuối cùng, ông đã tổ chức được một cuộc gặp gỡ những người đại diện tại Corinth và được chỉ định là “Tổng chỉ huy” của Liên minh.

Tường thuật về cuộc chinh phạt này, xem Fuller từ tr.219. Những người Triballia sống ở phía nam sông Danube, một khu vực hiện tại thuộc Plevan.

Như trong nhiều bản ghi chép dùng cụm từ “những thương gia” (trader), Alexander có thể đã gặp một đoàn lái buôn có vũ trang.

Không phải Philotas, con trai của Parmenio, thủ lĩnh của kỵ binh Liên minh. Nhân vật này được nhắc tới ở phần sau.

Arrian miêu tả (từ đông sang tây) những tộc người sống dọc bờ bắc của sông Danube trong thế kỷ thứ II TCN, chứ không phải trong thời đại của Alexander. Ông đã từng phục vụ ở biên giới Danube, (Indica 4.15). Người Getae là những người Thrace mà người La Mã gọi là người Daci. Cuối cùng, họ bị khuất phục bởi người Trajan vào thế kỷ thứ II SCN. Lãnh thổ của họ được gộp vào khu vực của Dacia. Herodotus thuật lại rằng họ tin rằng những người đã khuất không hề mất đi mà tham dự vào nhóm các vị thần Salmoxis.

Alexander rõ ràng đã không chỉ lên kế hoạch cho một cuộc viễn chinh trừng phạt mà đã lên kế hoạch để thiết lập dòng Danube như là đường biên giới phía bắc cho lãnh thổ của ngài.

Đây là lần đầu tiên Arrian sử dụng từ “pothos”, “khao khát, hấp dẫn”, một từ mà ông và các sử gia về Alexander Đại đế sử dụng để mô tả khao khát chinh phục, khám phá điều chưa biết và điều bí ẩn. Victor Ehrenberg, Alexander and the Greeks, từ tr.52, cho rằng từ này được chính Alexander sử dụng. Tuy nhiên, ông lại cho rằng đoạn văn này là một ngoại lệ.

Các vị vua của Macedonia tin rằng họ chính là hậu duệ của Heracles.

Khoảng gần 50 năm trước khi người Celtic xâm lược Macedonia và Hy Lạp.

Cleitus đã quy phục Philip vào năm 349. Người Taulanti và Autariates đều là những tộc người Illyria, người Taulanti sống gần Epidamnus (Durazzo), người Autariates sống ở vùng lãnh thổ xa hơn về phía bắc, ở biên giới Paeonia.

Cyna là em gái cùng cha khác mẹ với Alexander, con gái của vua Philip và một phụ nữ người Illyria. Về số vợ của Philip, xem Athenaeus 13.557c.

Erigon là một nhánh sông của Axios (Vardar), giờ là Tzerna. Pelium là pháo đài biên giới của Macedonia đặt ở phía nam hồ Lychnitis.

Diodorus (17.8-14) đưa ra một ghi chép chi tiết hơn về những sự kiện diễn ra ở Thebes, ít ưu ái Alexander hơn nhiều.

Từ năm 338, Cadmeia, thành lũy của Thebes, đã bị một đơn vị đồn trú của Macedonia chiếm đóng. Timolaus là thủ lĩnh của một nhóm Macedonia (Demosthenes, On the Crown 295). Về Amyntas, có lẽ nên đọc Anemoitas, người mà Demosthenes nhắc tới cùng với Timolaus như là

một kẻ phản bội người Thebes.

Từ “tự trị” (autonomy) không có trong bản thảo, nhưng cần thiết phải cho từ này vào. “Tự do ngôn luận” đã được đề cập tới (nhưng từ “tự trị” dường như được ưa thích hơn). “Tự do” và “tự trị” luôn đi cùng với nhau, và các thành bang Hy Lạp rõ ràng muốn bảo vệ những quyền này trong “Hiến chương” của Liên minh Corinth (xem Ngụy Demosthenes 17.8). (Ngụy Demosthenes là tên thông thường để ám chỉ tác giả khuyết danh của một số bài diễn văn được gán cho nhà hùng biện Demosthenes.)

Người ta thuật lại rằng ở Athens, Demosthenes đã đem đến một người lính, người khẳng khẳng định rằng Alexander đã bỏ mạng trong một trận chiến mà cũng trong trận đó, anh ta đã bị thương.

Onchestus nằm trên đường bờ biển L. Copais, cách Thebes khoảng gần 10 kilômét về hướng đông bắc. Khoảng cách từ Pelium tới Onchestus không ít hơn 400 kilômét. “Những công thành” mà Arrian nhắc tới là chỉ con đường tới Thermopylae.

Diodorus và Plutarch đã khẳng định việc Alexander trì hoãn tấn công Thebes. Plutarch thuật lại (Alexander 11.7) rằng ngài đã yêu cầu giao nộp những thủ lĩnh chống đối người Macedonia, Phoenix và Prothytes, và hứa rằng sẽ tha thứ cho những người này. Tuy nhiên, ngài chỉ nhận được một sự lãng mạ.

Theo Diodorus (17.12.3), Perdicas hành động theo mệnh lệnh của Alexander.

Khoảng 6.000 người Thebes đã bị giết và hơn 30.000 người bị bắt làm tù binh. Số tiền thu được từ việc bán các tù binh này là khoảng 440 ta-lăng (Diodorus 17.14; Plutarch, Alexander 11.12).

Cuộc viễn chinh Sicily là cuộc viễn chinh quân sự của người Athens tới Sicily vào khoảng năm 415 TCN tới năm 413 TCN, và đã chuốc lấy thất bại thảm hại. Cuộc viễn chinh này còn được gọi là thảm họa Sicily.

Không thể tính toán một cách chính xác những thiệt hại của người Athens trong cuộc viễn chinh Sicily (415-13) vì chúng ta không rõ trong số các thủy thủ đoàn của hơn 200 thuyền chiến ba tầng chèo, hơn 40.000 con người, có bao nhiêu người là người Athens. Tuy nhiên, ít nhất cũng có 4.000 kỵ binh, bộ binh hạng nặng và hạng nhẹ người Athens đã bỏ mạng. Về lực lượng lính đánh thuê ở Sicily, xem các đoạn văn của Thucydides được N. G. L. Hammond trích dẫn trong *History of Greece* 390, chú thích 1. Người Ba Tư đã bước vào cuộc chiến năm 412 và dân Athens đã chống cự kiên trì cho tới mùa xuân năm 404.

Thất bại tại Aegospotami (tháng Tám năm 405) đã khiến việc quy phục Athens trở nên bất khả. Những điều kiện quy phục bao gồm “phá hủy Trường Thành và các công sự Peiraeus, giao lại hạm đội 12 tàu chiến, bỏ quyền kiểm soát hoàn toàn, triệu hồi những người lưu đày, và tuân phục Sparta trong mọi vấn đề về chính sách ngoại giao” (Hammond, tr.418). Có thể xác định niên đại cho việc khôi phục sức mạnh trên biển của người Athens từ tháng Tám năm 394, khi Conon đánh bại hạm đội Sparta tại Cnidus. Việc tái xây dựng Trường Thành, được bắt đầu ngay trước thời điểm này, đã được hoàn thành vào khoảng năm 391. Cả hai việc này phần nhiều đều nhờ vào sự trợ giúp của người Ba Tư.

Liên minh của người Boeotia dưới sự lãnh đạo của Thebes đã đánh bại Sparta tại Leuctra vào năm 371 và tại Mantinea vào năm 362. Cuộc xâm lược Sparta diễn ra vào năm 369. Về các sự kiện này, xem Xenophon, *History of Greece* 6.4.4-15, 7.5.18-27; và 7.1.15-22.

Cả ba thị trấn này đều bị ép quy phục trong suốt cuộc Chiến tranh Peloponnesia. Sau một thời gian vây thành kéo dài, Plataea quy phục Sparta vào năm 427, Melos và Scione quy phục Athens lần lượt vào các năm 415 và 421. Trong các trường hợp này, đàn ông đều bị giết, còn phụ nữ và trẻ em bị bán làm nô lệ.

Quân Thebes đã đột kích Plataea vào tháng Ba năm 431, nhưng đã buộc phải rút lui khỏi thị trấn. Gần Plataea, vào năm 479, người Hy Lạp đã đánh bại quân Ba Tư do Mardonius chỉ huy và khiến họ phải rút quân khỏi Hy Lạp. Thebes đã được sử dụng như một căn cứ quân sự của Ba Tư và một đạo quân Thebes cũng đã chiến đấu bên phe Ba Tư. Vào cuối cuộc Chiến tranh Peloponnesia, Erianthus người Thebes đã đề nghị phá hủy Athens và đem giết bỏ hoặc bán làm nô lệ các công dân của thành bang này. Sparta, với thế lực của mình, đã bác bỏ đề nghị này.

Diodorus (17.10) đã nhắc tới nhiều điếm báo xấu.

Trách nhiệm đạo đức thuộc về Alexander, mặc dù chắc chắn ngài đã đệ trình quyết định của mình cho các đồng minh. Cuộc nổi loạn đã gây ra mối bất hòa trong Hiệp ước Hòa bình và Alexander (với vai trò một thống lĩnh) đã kêu gọi các binh lính Đồng minh mặc dù chỉ có các khu vực lân cận Thebes gửi quân tới – bao gồm người Plataea, Phocia, Thespieae và Orchomenus. Nhưng Alexander không sai khi nhận ra rằng hình phạt dành cho Thebes khiến nhiều kẻ thù của thành bang này cảm thấy nhiều ân oán cũ đã được giải quyết. Ngài chắc hẳn cũng mong muốn lấy số phận của Thebes làm lời cảnh báo chết chóc cho bất kỳ thành bang nào có ý định nổi loạn chống lại ngài.

Sau Chaeroneia, Philip có ý định xây dựng lại Plataea và Orchomenus, những thị trấn bị Thebes phá hủy hai lần vào năm 373 và năm 364, nhưng rõ ràng việc này đã không được thực hiện.

Một nghi lễ của Hy Lạp cổ đại. Trong nghi lễ này, người ta sử dụng rượu và các kỹ thuật thôi miên để đưa con người về trạng thái bản năng nhất. (ND)

Nghi lễ Huyền bí vinh danh thần Demeter được tổ chức tại Eleusis từ ngày 15 tới ngày 23 tháng Boedromion theo lịch Athens, tương ứng với tháng Chín/tháng Mười.

Theo Plutarch (Demosthenes 23.3), những sử gia đáng tin nhất đưa ra tám cái tên, mặc dù những người khác thường nhắc tới 10 người. Những tên tuổi được lưu lại này cũng không hoàn toàn thống nhất. Tất cả những sử gia mà Arrian nhắc tới đều là các nhà hùng biện, ngoại trừ các tướng quân Chares, Charidemus và Ephialtes. Arrian có lẽ đã tính tới những cống hiến của Demosthenes về lăng mộ của Pausanias, vụ ám sát Philip (Aeschines 3.160), và trao đổi thư từ của ông với tướng quân Macedonia, Attalus, người đã cùng với Parmenio mở chiến dịch tấn công Ba Tư vào đầu năm 336.

Những người khác cũng rời khỏi Athens. Chares gặp Alexander tại Sigeum vào năm 334, trong khi Ephialtes và Thrasybulus (những cái tên mà người ta nghĩ rằng đã bị bỏ qua trong danh sách của Arrian) chiến đấu bên phe Ba Tư tại Halicarnassus (Diodorus 17.25.6).

Vua của Macedonia từ năm 413 tới năm 399 TCN. Ông nổi tiếng là người bảo trợ cho văn học và nghệ thuật, chính dưới triều đại của ông, Euripides đã dành những năm cuối đời để viết cuốn Bacchae.

Các nữ thần thơ ca. (ND)

Một thể loại thơ được trình bày rất oai nghiêm và trang trọng. (ND)

Hiện tượng này, xảy ra do sự hóa đặc hơi ẩm, thường được nhắc tới trong văn học cổ điển. Người ta nói rằng hiện tượng này xảy ra vào đúng thời điểm Alexander tới Thebes. Aristander là nhà tiên tri mà Alexander (cũng có thể là cả Philip) tin nhiệm nhất, là người được Arrian nhắc tới thường xuyên với những lời tiên đoán vô cùng chính xác. Các cư dân của Telmissus ở Caria đã được nhắc tới khá sớm, vào khoảng giữa thế kỉ thứ VI, do khả năng tiên đoán của họ (Herodotus 1.78).

Antipater nhận lệnh ở lại cùng với 12.000 bộ binh và 1.500 kỵ binh. Những số liệu của Arrian cũng đã được Diodorus khẳng định (17.17) khi ông đưa một danh sách các lực lượng của Alexander sau khi vượt eo biển tới lục địa Á châu: 32.000 bộ binh và 5.100 kỵ binh. Những số liệu cao hơn cho bộ binh (43.000; 40.000) được các sử gia khác đưa ra, có thể bao gồm 10.000 binh lính, những người đã ở châu Á vào năm 335, mặc dù phần lớn lực lượng này, trong khoảng thời gian đó, đã rút lui. Người ta không tìm thấy lời giải thích thỏa đáng nào cho các số liệu đưa ra số lượng kỵ binh ít hơn. Về vấn đề này, gần đây nhất, xem P. A. Brunt, JHS 1963, từ tr.33, và E. W. Marsden, *The Campaign of Gaugamela* (Liverpool, 1964), từ tr.24.

Một eo biển hẹp thuộc tây bắc Thổ Nhĩ Kỳ, nối liền biển Aegean và biển Marmara. (ND)
Homer, *Iliad* 2.701; Herodotus 9.116.

Phía tây bắc của thành Troy, gần Mũi đất Sigeium.

Diodorus (17.17.2), thuật lại rằng Alexander, trước khi đặt chân lên bờ, đã quẳng cây thương của ngài xuống để khẳng định lục địa Á châu là phần thưởng của cuộc chiến. Nếu điều này là sự thật, nó chứng tỏ rằng Alexander đã quyết tâm chinh phục Đế chế Ba Tư.

Tám khiên này đã được Peucestas mang theo trong cuộc tấn công vào thành lũy của thị trấn Malli.

Con trai của Achilles và là người sáng lập triều đại Moloosian. Alexander khẳng định mình thuộc dòng dõi của Neoptolemus, thông qua mẹ ngài là Omphias.

Hephaestion là người bạn thân thiết nhất của Alexander từ thuở thiếu niên. Việc đội vòng hoa tại lăng mộ của Achilles và Patroclus tượng trưng cho mối quan hệ giữa hai người. Chính vì điều này, khi Hephaestion qua đời, Alexander đã vô cùng đau khổ.

Hiero và Gelo đã cai trị Syracuse và Thero Acragas (Agrigentum) vào đầu thế kỉ thứ V. Những thành tựu của họ đã được Pindar và Bacchylides vinh danh.

Trong *Anabasis* của Xenophon, số phận của Clearchus được thuật lại trong Quyển hai.

Chỉ huy của quân đánh thuê người Hy Lạp. (ND)

Memnon không chỉ là một tướng lĩnh [condottiere] của quân đánh thuê mà còn là một trong những người thuộc giai cấp thống trị của Ba Tư, và là người đã kết hôn với em gái của Artabazus. Vào năm 335, Memnon đã ngăn chặn thành công mũi tiến quân của quân Macedonia tới Tiểu Á, và cũng trong thời gian này, ông đã tán thành cuộc chiến xâm lược châu Âu (Diod, 17.18.12). Về những hành động sau đó và cái chết của Memnon, xem Quyển hai. Có lẽ một phần động cơ thúc đẩy các xatrap từ chối kế hoạch của Memnon là do lòng ghen tị của họ đối với ông.

Không có gì làm Alexander hài lòng hơn là quyết định chiến đấu của người Ba Tư. Ngài hiểu được chiến thắng sẽ có tác động như thế nào đối với các thành bang Hy Lạp ở Tiểu Á, và hy vọng rằng các thủ lĩnh Ba Tư không có lời biện hộ nào cho điều mà ngài coi là thất bại rõ

ràng của họ. Đây là ví dụ đầu tiên trong số nhiều ví dụ cho việc Alexander từ chối lời khuyên của lão tướng Parmenio, một vài ví dụ trong số này, ít nhất, có thể là do trí tưởng tượng của Callisthenes, với vai trò là sử gia chính thức của Alexander, để làm giảm nhẹ những lời chê trách Alexander vì đã xử tử Parmenio trong một vụ nổi loạn sau này.

Do đó, việc này đã tước bỏ cơ hội tấn công của kỵ binh và bộ binh (một lực lượng khoảng 20.000 người). Lý do cho sai lầm ngớ ngẩn này không được nêu rõ.

Vụ thảm sát này là một sai lầm, vì theo thỏa thuận với Liên minh Corinth, số tù binh Hy Lạp phải được gửi đi lao động khổ sai. Ngay từ giai đoạn đầu khi vây thành Miletus, Alexander đã nhận ra điều này và cho phép 300 lính đánh thuê, những người có ý định chống trả đến cùng, được tuyển mộ vào đội quân của ngài.

Nhà tạc tượng Hy Lạp nổi tiếng. Cùng với Scopas và Praxiteles, ông được coi là một trong những nhà điêu khắc vĩ đại nhất của Hy Lạp cổ đại. (ND)

Arrian dường như đã nhầm lẫn. Theo Velleius (1.11.4), những bức tượng này đã được Metellus Macedonicus chuyển tới La Mã vào năm 148.

Những số liệu về tổn thất của quân Macedonia thấp một cách đáng ngờ, vì họ thường không tính đến lính đánh thuê.

Theo quan điểm của một nhóm nhỏ trong số những người Hy Lạp đã tham gia trận chiến, lời khắc (cùng với việc bỏ qua, không hề nhắc gì tới người Macedonia) chắc hẳn được coi như một sự tuyên truyền hướng tới các đồng minh Hy Lạp. Alexander đã nhấn mạnh sự vắng mặt của người Sparta.

Zeleia là một thành phố Hy Lạp, nhưng có thể đoán rằng họ cũng phải chịu các khoản thuế tương đương với các cư dân khác trong vùng. Về sự phát triển trong chính sách ngoại giao hướng tới các thành phố Hy Lạp của Alexander, xem E. Badian, "Alexander the Great and the Greeks of Asia", trong *Ancient Society and Institutions. Studies Presented to Victor Ehrenberg*, Oxford, 1966, từ tr.37.

Như sắp xếp của Alexander đã cho thấy, những người này được đối xử giống như trước kia, không ưu ái hơn cũng không tệ bạc hơn.

Một phần của Troad.

Alexander đã đề nghị xây dựng một điện thờ mới – điện thờ cũ đã bị đốt cháy hoàn toàn vào đêm ngài ra đời – nhưng những người Ephesian đã từ chối. Lưu ý rằng đồ cống nạp không được hoàn lại.

Việc thiết lập các nền dân chủ không phụ thuộc vào thiên kiến của Alexander đối với chính quyền dân sự (thực sự thì tại sao Alexander lại thích chính quyền kiểu này hơn?) mà là vì người Ba Tư đã hỗ trợ các tập đoàn chính trị đầu sỏ.

Miletus cách cửa sông Maeander khoảng 16 kilômét.

Alexander chắc chắn không hề tin tưởng lòng trung thành của các đồng minh Hy Lạp. Ngài đã giữ lại hai mươi tàu thuyền của Athens mà thủy thủ đoàn của chúng được coi như những con tin.

Về một số ghi chép khác biệt về cuộc vây thành, đặc biệt là những giai đoạn cuối, xem Diodorus 17.23-27.

Myndus nằm ở cực tây của bán đảo, nơi có thị trấn Halicarnassus.

Theo Diodorus, nhân vật này đã bị giết khi chiến đấu bên phe Macedonia.

Hecatomnus, người cai trị Caria, đã để lại ba người con trai: Mausolus, Hidrieus, Pixodarus và hai người con gái: Artemisia và Ada. Artemisia kết hôn với Mausolus, còn Ada kết hôn với Hidrieus, và họ thừa kế ngai vàng của Hecatomnus.

Sự kháng cự duy nhất diễn ra ở Marmara, nơi cư dân đã quyết định đốt bỏ thị trấn (Diodorus 17.28).

Milyas là tên cũ của Lycia, nhưng tên Lycia được sử dụng để chỉ vùng đất cao, mở rộng về phía đông bắc tới tận Pisidia.

Cả hai đều bị xử tử.

Hellespontine Phrygia. Alexander đã giao vùng này cho Calas.

Plutarch (Alexander 17.6) nhận xét rằng nhiều sử gia đã tìm thấy trong sự kiện này cơ hội nói về cách hành xử “ấn tượng và khoa trương”, và viết về “cú đánh may mắn của định mệnh”. Sử gia này trích một lá thư mà trong đó, Alexander không nói bất cứ điều gì về sự việc kỳ lạ này, nhưng Callisthenes chắc chắn đã viết về điều này, dĩ nhiên là với sự chấp thuận của Alexander.

Badian (Ehrenberg Studies, 65, chú thích 50) bình luận rằng 50 ta-lăng là một số tiền quá lớn mà một thành phố Hy Lạp phải cống nạp và yêu cầu này cho thấy nhu cầu về tiền bạc của Alexander trong thời gian đó.

Thị trấn này là Termessus, nhưng có thể Arrian đã nhầm lẫn.

Bất chấp những đóng góp lớn của Antigonus trong việc giữ vững phòng tuyến Phrygia cho Alexander Đại đế – Curtius (4.1.35) chỉ nhắc tới ba chiến thắng của ông trước quân Ba Tư sau trận Issus – trong Anabasis, chỉ có duy nhất một lần sử gia này nhắc tới Antigonus “một mắt”, cha của Demetrius Người vây thành. Tarn (Alexander 2.110) cho rằng sự im lặng này là do Ptolemy là kẻ thù của Antigonus trong Cuộc chiến của Những người kế vị.

Họ đã được thả vào đầu năm 331, sau khi Alexander trở về từ Ai Cập.

1. David Hume (1711–1776): Nhà triết học, sử học và kinh tế học người Xcốtlen. Các tác phẩm chủ yếu của ông là Luận thuyết về bản chất của loài người (A Treatise of Human Nature), Nghiên cứu về sự nhận thức của con người (An Enquiry Concerning Human Understanding), Luận văn về kinh tế chính trị (A discourse on political economy).

2. Thành phố Philadelphia thuộc tiểu bang Pennsylvania nằm giữa vùng đất New England, căn cứ phe của Hamilton và thành phố Richmond, thủ phủ tiểu bang Virginia, căn cứ phe Cộng hòa của Madison và Jefferson.

1. Sau này, Ngân hàng Quốc gia như Hamilton đề xuất hết hạn hiệu lực sau đó 20 năm, đúng vào nhiệm kỳ đầu tiên Madison giữ chức Tổng thống Mỹ, năm 1811. Nhưng sang nhiệm kỳ thứ hai, chính Madison lại yêu cầu Quốc hội Mỹ thành lập Ngân hàng thứ 2, thực hiện đúng những chức năng như ngân hàng thứ 1 mà Madison từng bác bỏ.

2. 'Quan điểm về tính hợp hiến của Ngân hàng quốc gia': Opinion as to the Constitutionalality of the Bank of the United States.

3. Ngân hàng Quốc gia (The First Bank of The United States), thành lập năm 1791 và chấm dứt sự tồn tại năm 1811. Năm 1816, một ngân hàng Trung ương khác được thiết lập (The Second Bank of The United States), tồn tại đến năm 1836. Qua nhiều biến động, ngân hàng quốc gia tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, năm 1913, Đạo luật dự trữ Quốc gia được phê chuẩn thiết lập hệ thống Dự trữ Liên bang (FED) bao gồm 12 ngân hàng khu vực do một

ban lãnh đạo điều hành do chính Tổng thống bổ nhiệm như ngày nay nhằm đối phó với tình hình khó khăn về kinh tế và tài chính.

1. William Howe (1729-1814): Hiệp sĩ và Đại tướng, là viên tướng Anh có binh nghiệp sáng chói. Năm 1759-1780, ông được bầu vào Nghị viện Anh, phản đối việc đàn áp các thuộc địa Mỹ, nhưng tuân lệnh Vua George III sang làm Tổng tư lệnh quân đội Anh tại Mỹ, thất bại tại trận Germantown (tháng 10/1777), Howe xin từ chức.

2. Horatio Gates (1727-1806): Sinh tại Anh rồi tham gia quân đội Anh, có mặt trong nhiều trận đánh với quân Pháp và người Da Đỏ tại các thuộc địa Mỹ. Khi cuộc Cách mạng Mỹ bùng nổ, ông tham gia phe thuộc địa chống Anh, có công lao lớn trong trận Saratoga. Năm 1780, Gates được giao chỉ huy đội quân miền Nam nhưng bị thất bại ở Camden, S.C. rồi bị cách chức. Vợ và con trai duy nhất của ông đều chết trong chiến tranh.

3. John Burgoyne (1722-1792) : Có mặt trong cuộc chiến tranh 7 năm, được bầu vào Nghị viện năm 1761. Năm 1776, Burgoyne từ Canada đánh chiếm New York nhưng thất bại, bị tướng Horatio Gates bắt tại trận Saratoga năm 1777. Khi trở lại Anh, ông bị chỉ trích dữ dội nên chuyển sang lĩnh vực văn học và xã hội, sau này trở thành một nhà viết kịch lớn.

4. George Clinton (1739-1812): Luật sư, đại biểu Quốc hội New York, đại biểu Đại hội các thuộc địa lần 2, Thống đốc tiểu bang New York (1777). Sau này, Clinton kịch liệt chống bản Hiến pháp Mỹ vì e sợ mất quyền hành. Trong những năm 1790, Clinton đứng về phe Cộng hoà-Dân chủ. Năm 1804, ông là phó Tổng thống cho Thomas Jefferson. Thất bại trong cuộc đua Tổng thống năm 1808, ông lại chấp nhận làm Phó Tổng thống cho James Madison. Ông là địch thủ trong suốt nhiều năm của Hamilton.

5. Benjamin Franklin (1706-1790) : Nhà ngoại giao, chính khách, học giả, nhà khoa học, nhà báo nổi tiếng ở cả Mỹ và châu Âu. Năm 1775, ông là lãnh tụ của Đại hội các thuộc địa khoá 1; tham gia uỷ ban soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập; Chủ tịch Hội nghị Lập hiến của Pennsylvania. Những năm 1776-79, là một trong ba đặc sứ ký kết hiệp định liên minh với Pháp; cùng John Jay và John Adams đàm phán Hiệp ước Paris (1783) chấm dứt chiến tranh. Năm 1785, là Chủ tịch Hội đồng Hành pháp Tối cao Pennsylvania; tham dự Hội nghị Lập hiến và có đóng góp to lớn.

6. Henry Clinton (1738-1795): Trung tướng, Hiệp sĩ, từng tham gia Nghị viện Anh. Trong cuộc chiến tranh, Clinton là phó Tư lệnh quân đội Anh tại Mỹ cho tướng William Howe. Năm 1778, ông thay Howe làm Tổng tư lệnh quân Anh nhưng gặp nhiều thất bại nên từ chức năm 1781.

7. Tướng Charles Cornwallis (1738-1805): Hầu tước, Đại tướng, ông tham gia hoạt động chính trị và giữ nhiều chức vụ quan trọng. Ông giành nhiều chiến thắng lớn trước quân Mỹ nhưng bị đánh bại tại trận quyết định ở Yorktown, và đầu hàng ngày 19/10/1781. Sau này, ông là Công sứ tại Phổ, Toàn quyền tại Ấn Độ (1786-1793). Năm 1795, được bổ nhiệm vào Nội các Anh; giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng; Tổng trấn Aix-la-Chapelle (1798).

8. Benedict Arnold (1741-1801): Arnold tham gia quân đội Lục địa, được phong chức Thiếu tướng năm 1776. Arnold phản bội lại quân Mỹ trao nộp vùng West Point cho quân Anh. Vụ việc bại lộ nhưng Arnold may mắn trốn thoát.

9. Hầu tước, Đại tướng, ông tham gia hoạt động chính trị và giữ nhiều chức vụ quan trọng. Ông giành nhiều chiến thắng lớn trước quân Mỹ nhưng bị đánh bại tại trận quyết định ở

Yorktown, và đầu hàng ngày 19/10/1781. Sau này, ông là Công sứ tại Phổ, Toàn quyền tại Ấn Độ (1786-1793). Năm 1795, được bổ nhiệm vào Nội các Anh; giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng; Tổng trấn Aix-la-Chapelle (1798). Benedict Arnold (1741-1801): Arnold tham gia quân đội Lục địa, được phong chức Thiếu tướng năm 1776. Arnold phản bội lại quân Mỹ trao nộp vùng West Point cho quân Anh. Vụ việc bại lộ nhưng Arnold may mắn trốn thoát.

1. Bộ luật Các điều khoản Hợp bang: The Articles of Confederation, chủ yếu do John Dickinson soạn thảo, có hiệu lực từ năm 1781 đến năm 1789, khi chính quyền Washington được thành lập theo bản Hiến pháp mới cho đến ngày nay.

2. Robert Morris (1734-1806): Một trong những nhà lãnh đạo quan trọng của Cách mạng Mỹ, tham gia Đại hội các thuộc địa Khoá 1 và 2, từng ký tên vào bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776. Ông làm Giám sát Tài chính cho Hợp bang (1781-84) và có nhiều đóng góp to lớn cho nền tài chính của cuộc Cách mạng; tham gia hội nghị Annapolis và Hội nghị Lập hiến; là Thượng nghị sĩ Liên bang (1789-95). Cuối đời do buôn bán thất bại nên ông bị phá sản và suýt phải vào tù.

1. Adam Smith (1723-1790): Nhà triết học và kinh tế học người Anh nổi tiếng với tác phẩm 'Sự giàu có của các quốc gia' (1776).

1. Francis Bacon (1561-1626): Hiệp sĩ, luật sư, chính khách đồng thời là nhà triết học lớn người Anh nổi tiếng với các tác phẩm 'Lợi ích của việc học' (The Advancement of Learning, 1605 và 'Những bài luận văn' (Essays) rất nổi tiếng.

2. Gaius Julius Caesar (100 BC-44 BC): Thống chế, chính khách La Mã, là Tổng tài từ 58-56 (B.C), lập nhiều chiến công lớn, chinh phục xứ Gaules, sau này bị ám sát. Ông cũng là một sử gia lớn với nhiều tác phẩm viết về chiến tranh như 'Bình luận về cuộc chiến tranh với người Gaules' và 'Cuộc nội chiến La Mã'.

3. Venable (1758-1811): Hạ nghị sĩ rồi là Thượng nghị sĩ phe Cộng hoà, Chủ tịch Ngân hàng Virginia.

4. Muhlenberg (1750-1801), đại biểu Đại hội các thuộc địa (1779-1780); Chủ tịch Hạ viện Pennsylvania (1780-1783); Chủ tịch Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp ở Pennsylvania (1787); Chủ tịch Hạ viện Liên bang Mỹ (1789-1791; 1793-1795).

1. Gouverneur Morris (1752-1816): Đại biểu Đại hội các thuộc địa khoá 2. Ông là một trong những đại biểu trẻ nhất và xuất chúng nhất và có nhiều đóng góp lớn cho cuộc Cách mạng Mỹ. Morris có vai trò nổi bật trong Hội nghị Lập hiến, tích cực ủng hộ chủ nghĩa quốc gia, chính ông là người chấp bút viết bản Hiến pháp. Sau này, Morris là Công sứ tại Pháp và là Thượng nghị sĩ, bạn thân và đảng viên Liên bang nhiệt thành ủng hộ các chính sách của Hamilton.

2. Edmund Randolph (1753-1813): từng là tùy tùng của Washington rồi tham gia chính quyền tiểu bang Virginia, đại biểu Đại hội các thuộc địa. Dưới chính quyền Washington, Edmund Randolph giữ chức Tổng chương lý Liên bang, rồi thay Thomas Jefferson làm Ngoại trưởng (1794-95). Trong cuộc xung đột Jefferson-Hamilton, ông cố gắng giữ quan điểm trung lập.

3. Hamilton đề xuất rằng cả nước Mỹ sẽ chia thành một số quận bầu cử nhất định bằng nhau không phân biệt biên giới tiểu bang để bầu chọn Thượng nghị sĩ một cách cân bằng.

4. Hội nghị Lập hiến họp theo cách thức đề ra những giải pháp rồi các đại biểu bỏ phiếu thông qua hay cần sửa đổi từng điểm một, nhưng mỗi bang chỉ có một phiếu bầu chung cho các đại biểu. Vấn đề được thông qua nếu có đa số các bang bỏ phiếu thuận, chứ không phải

căn cứ theo số lượng đại biểu bỏ phiếu thuận. Vì vậy, Hamilton luôn ở thế thiếu số so với Yates và Lansing, nên phiếu của ông hầu như chẳng có tác dụng gì.

5. Yates là Thẩm phán toà án tối cao New York còn Lansing là luật sư và là Thị trưởng thành phố Albany. Việc xử án khi đó được tiến hành tại một vài thời điểm nhất định, chứ không phải tổ chức liên tục trong năm. .sup

1. Napoleon Bonaparte (1769-1821): Là một trong những nhà quân sự xuất sắc nhất thế giới, tự lên ngôi Hoàng đế Pháp năm 1804, từng có tham vọng xây dựng một Vương quốc châu Âu.

2. William Pitt (1759-1806), Thủ tướng Anh trẻ nhất trong lịch sử, nhận chức năm 1783 khi mới 24 tuổi.

3. Charles Maurice de Talleyrand (1754-1838): Có vai trò lớn trong cuộc Cách mạng Pháp, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp dưới thời Napoleon, chính trị gia xuất sắc, đại diện cho Pháp tại Hội nghị Vienna (1814-1815).

1. Đảng Cộng hoà (Republic Party) do Thomas Jefferson sáng lập, là đảng của những nhà tiểu nông, chủ đồn điền tập trung chủ yếu ở các bang miền Trung Tây, và miền Nam nước Mỹ, giành quyền lực từ năm 1801 đến 1815. Sau nhiều biến động, ngày nay là Đảng Dân chủ Mỹ. Thường được gọi là Đảng Cộng hòa - Dân chủ để phân biệt với Đảng Cộng hoà ngày nay thành lập năm 1854 trên cơ sở đảng Liên bang trước đây. Đảng Dân chủ là đảng của cựu Tổng thống Bill Clinton.

2. Khi mới thành lập, 13 tiểu bang của nước Mỹ rất khác nhau về đặc điểm kinh tế và xã hội. Trong khi các bang miền Bắc có nền kinh tế và ngành thương mại khá phát triển thì các bang miền Nam lại mạnh về nông nghiệp với các vùng đồn điền với rất nhiều lao động nô lệ. Điều khoản hạn chế tiến tới chấm dứt hoàn toàn việc buôn bán nô lệ thật sự ảnh hưởng lớn đến nền sản xuất của miền Nam đã làm họ rất lo ngại.

3. Đảng Liên bang: Federal Party. Chấm dứt sự hoạt động sau khi Hamilton qua đời. Sau này, năm 1865, những người theo tư tưởng liên bang tập hợp lại dưới một cái tên mới là Đảng Cộng hoà. Và tồn tại đến ngày nay. Đây là đảng của Tổng thống đương nhiệm George Bush (con).

1. Sau này, mãi tới năm 1812 dưới quyền Tổng thống của Madison, khi nước Mỹ đã có một sự chuẩn bị tốt hơn về quân sự sẵn sàng cho một cuộc chiến tranh thì những xung đột và bức bách của quân Anh mới hoàn toàn chấm dứt.

2. Hiến pháp khi đó qui định ai có phiếu bầu nhiều nhất của các đại cử tri sẽ trở thành Tổng thống.

3. Nhưng thể chế chính trị Mỹ không thể chấp nhận được sự mâu thuẫn giữa hai người lãnh đạo cao nhất của đất nước thuộc hai đảng khác sau vì thế sau này sửa chữa điều kiện rằng Tổng thống và Phó Tổng thống phải là người cùng một đảng.

4. John Curtis Marshall (1755-1835). Ngoại trưởng Mỹ dưới thời Adams (1800-1801); Chánh án Toà án Tối cao Mỹ cho tới khi mất. Được coi là Chánh án vĩ đại nhất trong lịch sử tư pháp Hoa Kỳ, người kế tục tư tưởng của Hamilton về một chính quyền liên bang vững mạnh.

5. Elbridge Gerry (1744-1814). Một trong những lãnh tụ của cuộc cách mạng Mỹ. Năm 1789, được bầu vào Quốc hội khoá đầu tiên, Gerry ủng hộ những chính sách của phe Liên bang; Thống đốc Massachusetts (1810); Phó Tổng thống cho James Madison (1813).

6. Charles Cotesworth Pinckney (1746-1825). Sớm tham gia cách mạng, đại biểu Hạ viện (1778 và 1782) và Thượng viện tiểu bang Nam Carolina (1779). Ông là ứng cử viên Phó Tổng thống của Đảng Liên bang (1800), ứng cử viên Tổng thống (1804 và 1808) nhưng đều thất bại.

1. Sự bế tắc trong cuộc bầu cử Tổng thống này đã dẫn tới việc Quốc hội Mỹ và năm 1804 đã thông qua điều khoản sửa đổi Hiến pháp thứ 12, qui định rằng các đại cử tri phải ghi rõ ràng tên cử Tổng thống và Phó Tổng thống mà mình lựa chọn.

1. Timothy Pickering (1745-1829): người bang Massachusetts, từng giữ chức Ngoại trưởng dưới thời Washington, bị Adams sa thải sau khi phát hiện ra ông câu kết với Hamilton chống lại các chính sách của mình.

2. Nguyên văn câu của Troupe là 'Delenda est Carthago'. Carthage là một vương quốc cổ đại do người Phoenici thành lập hồi thế kỷ IX trước CN ở bờ biển Bắc Phi. Đây là một vương quốc thương mại giàu có với lãnh thổ rộng lớn bao gồm tất cả các miền ven biển Địa Trung Hải, địch thủ lớn nhất của đế chế La Mã. 'Delenda est Carthago' là câu nói nổi tiếng của Cato, nghị sĩ Viện Nguyên lão La Mã. Cứ mỗi lần nói chuyện hay diễn thuyết bất cứ điều gì đều kết thúc bằng lời kêu gọi 'Delenda est Carthago', có nghĩa là nhất định phải tiêu diệt Carthage. Carthage bị người La Mã phá hủy năm 146 trước CN.

1. Samuel Adams (1722 - 1803): Lãnh tụ chủ chốt của cuộc Cách mạng Mỹ. Ông học trường Harvard, tham gia nhiều hoạt động chính trị chống lại nước Anh, là người sáng lập Hội những người con Tự do (Sons of Liberty). Ông là người phác thảo hầu hết các chỉ thị của cuộc Cách mạng, là lãnh tụ chính thành lập các Ủy ban Liên lạc liên Thuộc địa, chỉ huy vụ Lô chè Boston (1773), góp phần soạn thảo Các điều khoản Hợp bang; sau này là Thống đốc Massachusetts (1794 -1797).

2. Elias Boudiot, sau này là một viên tướng xuất sắc trong cuộc chiến tranh giành Độc lập, rồi là đại biểu Quốc hội Mỹ.

3. John Adams (1735-1826): Tổng thống thứ 2 của Mỹ. Ông nổi tiếng với vụ bào chữa cho lính Anh trong vụ thảm sát ở Boston năm 1770, và viết nhiều bài báo nổi tiếng bảo vệ quyền của các thuộc địa Mỹ. John Adams tham gia Đại hội các thuộc địa lần 1; tham gia Ủy ban soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập; là Chủ tịch Ủy ban Hậu cần và Chiến tranh. Năm 1783, ông tham gia ký Hiệp định Paris kết thúc chiến tranh.

4. William Blackstone(1723-1780): Hiệp sĩ, luật sư xuất sắc người Anh, nổi tiếng với tác phẩm 'Những lời bình luận về luật pháp nước Anh'.

5. John Lock (1632-1704): Triết gia nổi tiếng người Anh với các tác phẩm 'Bàn về lòng khoan dung' (1689), 'Bàn về trí tuệ con người' (1690), 'Luận văn về nguồn gốc, sự phát triển và chấm dứt của chính quyền'. Ông chủ trương xã hội phải có pháp luật mà vua chúa cũng phải tuân theo, nếu không người dân sẽ có quyền nổi dậy.

6. Montesquieu (1689-1755): Triết gia xuất sắc người Pháp của Thế kỷ Ánh sáng, nổi tiếng với các tác phẩm 'Những bức thư của người Ba Tư' (1721), 'Bàn về chính trị' (1723), 'Suy nghĩ về chính thể quân chủ phổ thông' 1724, 'Tinh thần pháp luật' (1748). Ông là người đề xướng chủ trương Tam quyền phân lập.

7. Patrick Henry (1736-1797): Một trong những lãnh tụ nổi tiếng nhất của cuộc Cách mạng Mỹ. Năm 1774, Henry kêu gọi các thuộc địa khác cử đại biểu thành lập Đại hội các thuộc địa

lần thứ 1. Cách mạng nổ ra, Henry là Tư lệnh quân đội Virginia và góp phần soạn thảo Hiến pháp đầu tiên cho tiểu bang; Thống đốc Virginia (1776-79, 1784-1786) nhưng từ chối tham dự Hội nghị Lập hiến năm 1787, là lãnh tụ phe chống Liên bang nhiều năm sau đó.

8. Richard Henry Lee (1756-1818): một trong những lãnh tụ hàng đầu của cuộc Cách mạng Mỹ, người đề xướng nền Độc lập cho các thuộc địa. Sau này là Thống đốc Virginia (1792-1795) và là Thượng nghị sĩ Mỹ (1799-1801).

9. Thomas Jefferson (1743-1826): Tổng thống thứ 3 của Mỹ (1801-1809). Là một học giả, kiến trúc sư, nhà khoa học lớn, ông cũng là người sáng lập Trường Đại học Tổng hợp Virginia.

10. Tướng Henry Knox (1750-1806): Viên tướng xuất sắc của quân đội Mỹ, có mặt tại hầu hết các trận đánh lớn trong cuộc chiến tranh. Trong thời kỳ 1785 - 1794, ông là Bộ trưởng Chiến tranh trong chính quyền Hợp bang cũng như chính quyền Liên bang của George Washington. Knox hoàn toàn tán thành quan điểm Liên bang của Hamilton.

11. Tướng Nathanael Greene (1742-1786): Viên tướng xuất sắc của quân đội Mỹ, chỉ đứng sau Washington. Sau khi quân Mỹ ở miền Nam thất bại tại trận Camden, S.C. (1780), Greene được cử thay thế tướng Horatio Gates và lập nhiều chiến công lớn.

1. James Madison (1751-1836): Tổng thống thứ 4 của Mỹ. Ông là một chính trị gia và học giả rất uyên thâm. Tham gia hoạt động chính trị từ khi còn rất trẻ; ông đã đóng vai trò quan trọng tại Hội nghị Annapolis (1786) và Hội nghị Lập hiến năm 1787, được mệnh danh là “Cha đẻ của Hiến pháp Mỹ” vì những đóng góp to lớn. Là Hạ nghị sĩ Liên bang (1789-97), Madison tham gia xây dựng tuyên ngôn Nhân quyền, góp phần tổ chức các cơ quan hành pháp và tạo nên một hệ thống thuế liên bang. Là lãnh tụ phe chống đối các chính sách của Hamilton, ông và Jefferson thành lập Đảng Cộng hoà - Dân chủ (1791). Ông là ngoại trưởng Mỹ dưới thời Tổng thống Jefferson. Sau này, ông là đồng chủ tịch tại Hội nghị Lập hiến của Virginia năm 1829-30, Hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Virginia.

2. Bộ luật Các điều khoản Hợp bang qui định rằng, bất cứ một đạo luật quan trọng nào muốn có hiệu lực phải được tất cả 13 tiểu bang thông qua, và chỉ cần 1 tiểu bang chống đối thì dự luật không thể được ban hành.

3. Tướng Anthony Wayne (1745-1796): tham gia quân đội thuộc địa và có mặt tại nhiều trận đánh lớn, đặc biệt là tại trận Yorktown. Năm 1792, Wayne là chỉ huy quân Mỹ trong cuộc chiến chống người Da Đỏ ở vùng Tây Bắc; tham gia đàm phán hiệp ước Greenville với người Da Đỏ. Sau Hiệp ước Jay, năm 1796 Wayne chỉ huy quân đội Mỹ tại vùng đất này.

4. James Monroe (1758-1834): Từng tham dự nhiều trận đánh quan trọng và có mặt tại Thung lũng Forge. Ông là đại biểu tại Quốc hội Hợp bang cho tới năm 1786, là Thượng nghị sĩ Mỹ thuộc phe Cộng hoà kịch liệt chống chính sách của Hamilton. Sau này, ông là Công sứ tại Pháp; Thống đốc Virginia, Công sứ tại Anh, Ngoại trưởng Mỹ; Bộ trưởng Chiến tranh, trước khi trở thành Tổng thống thứ 5 của Mỹ (1816-1825).

5. Phố Wall: Wall Street, thuộc quận Manhattan, thành phố New York, nay là Trung tâm Tài chính của Mỹ và thế giới.

6. Phocion: (402 - 318 trước CN): Một người anh hùng Hy Lạp cổ đại. Phocion đã cứu dân chúng thành bang Athens khỏi sự sụp đổ. Ông là người rất dũng cảm và đức hạnh, được Plato rất ca ngợi.

Trong tiếng Trung, từ “Doanh” đọc là /yíng/, Tô Duyệt Duyệt nghe thành /yín/, nghĩa là “Dâm” nên gán cho anh ta cái tên này.

Human Resource officer: chuyên viên nhân sự.

Jianshang: phiên âm tiếng Trung, có nghĩa là gian thương. Ở đây, Tô Duyệt Duyệt muốn nói Tập đoàn JS là viết tắt của Tập đoàn gian thương.

Hàn Tín: còn gọi là Hoài Âm Hầu, là một danh tướng bách chiến bách thắng, một trong “tam kiệt nhà Hán” thời Hán Sở tranh hùng.

Trong tiếng Trung, Tô đọc là /su/, đọc lái ra là Sue.

Gió Tây Bắc: gió khô nóng, hay còn gọi là gió Lào, là loại thời tiết tương đối nguy hiểm.

Logistics: là quá trình lên kế hoạch, áp dụng và kiểm soát các luồng chuyển dịch của hàng hóa hay thông tin liên quan tới nguyên liệu vật tư (đầu vào) và sản phẩm cuối cùng (đầu ra) từ điểm xuất phát tới điểm tiêu thụ.

Một trò chơi bắn bong bóng cổ điển và tuyệt vời nhất, rất được giới trẻ ưa chuộng.

Đàn ông ngoại tình thường mua xe Polo cho bồ, nên xe Polo được gọi là xe nhân tình.

Mì qua cầu là một món mì ở Vân Nam.

Nhiều quá chẳng, không nhiều.

Già Lưu: một nhân vật trong truyện Hồng lâu mộng, là người có cá tính trong sáng, tràn đầy sức sống.

Mụ Sói Đỏ là nhân vật trong phim hoạt hình Cừu vui vẻ và Sói xám.

Zilgo: tên một loại băng dán vết thương.

Chỗ dựa vững chắc.

Kim Ốc: một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng ở Trung Quốc. A Kiều là Trần A Kiều, nhân vật nữ chính có số phận hẩm hiu.

Tàng không được phép hút thuốc.

Ý chỉ người đàn ông độc thân kiệt xuất.

Có nghĩa là: ngoài sáng giả vờ làm việc khác để che giấu việc chính trong bóng tối, chọn cách tấn công không ai nghĩ tới.

Một loại mì xào

Durex là một hãng sản xuất bao cao su nổi tiếng.

Chúng rối loạn tâm lý sau khi bị tổn thương nặng nề.

Vị thần truyền dịch bệnh.

Anh chàng đẹp trai

MicroBlog: trang blog cá nhân, ngắn gọn, công cụ giao tiếp hữu hiệu và đáng tin cậy trong các doanh nghiệp.

(*) Cuộc họp triều đình.

Vạn thắng: xưa ở Trung Quốc, thiên tử có muôn cỗ binh xa, gọi là vạn thắng.

(*) Ác sáo: cũng gọi là Song Lục kỳ - Một trò chơi giống như cờ tướng.

Tạm dịch: Tiếng cười ai đó khá khen thay Quyển rũ quân vương chịu đắng cay. Nước mắt bên chân đầu ngó lại Còn vui sẵn bản hát đàn say.

(*) Hốt lý đại hội: tiếng Mông Cổ có nghĩa là họp triều đình.

(*) Thanh từ: một thể văn được dùng ở đời Minh, xuất phát từ lối viết văn của Đạo gia.

(*) Nhi nam là hai thiên chu nam và thiên nam trong Kinh thi nói về tình yêu vợ chồng.

(*) Bắc Dương là chỉ các tỉnh duyên hải miền Bắc như Liêu Ninh, Hà Bắc, Sơn Đông.

(1) Cuộc đời mãi mãi bao la, Tâm tư theo đuổi cho già tình sâu. Thực tâm thường, hạnh ban đầu. Càng thương yêu lắm càng giàu nghĩa ân.

(2) Lập chí sao cho tận thiện, Tài giới lòng chớ tham lam. Lấy biết làm tâm niệm, Bớt đi lạm dụng lợi danh.

* Một dân tộc ở Tân Cương Trung Quốc.

1. Văn bản được đưa ra sau Hội nghị Postdam (Đức). Nội dung chính của hội nghị là quyết định các chính sách về việc giải quyết nước Đức phát xít sau chiến tranh, yêu cầu Nhật đầu hàng và đưa ra phương châm quản lí nước Nhật thời hậu chiến - ND.

2. Quan chức phụ trách hành chính giáo dục quốc gia hoặc địa phương. Giám học có nhiệm vụ thị sát giáo dục, giám sát việc giảng dạy, đặc biệt các giám học ở địa phương nắm quyền quyết định nhân sự giáo viên. Chế độ này bắt đầu từ năm 1871 dưới thời Minh Trị - ND.

3. Các công ty độc quyền thao túng nền kinh tế Nhật Bản. Các công ty này thường thuộc quyền kiểm soát của các dòng họ và có mối quan hệ chính trị, kinh tế rất mật thiết với chính phủ - ND.

4. Cơ sở giáo dục xã hội mang tính tổng hợp, xúc tiến các hoạt động giao lưu văn hóa, giáo dục, học tập của cộng đồng cư dân sống trong khu vực - ND

5. Lưu Cầu là tên gọi cũ của Okinawa được sử dụng như tên gọi chính thức từ năm 1372 đến năm 1879 - ND

6. Văn bản hướng dẫn về khóa trình giáo dục từ tiểu học tới trung học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục công bố - ND

7. Viết tắt của cụm từ Government Appropriation for Relief in Coccupied Area (Ngân sách chính phủ cứu trợ cho cho các khu vực bị chiếm đóng) - ND

1. Viết tắt của cụm từ The Council for Mutual Economic Assistance (Hội đồng tương trợ kinh tế) - ND

2. Hiệp ước được kí ngày 8 tháng 9 năm 1951 với sự tham gia của Nhật và 48 nước khác là thành viên của Liên Hợp Quốc - ND

3. Quốc kì và quốc ca Nhật Bản. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai một bộ phận không nhỏ người Nhật cự tuyệt quốc kì và quốc ca vì cho rằng, nó có liên quan đến chủ nghĩa phát xít - ND.

4. Chức quan phụ trách giúp việc cho tư lệnh quân đội ở những vùng quân Nhật chiếm đóng - ND

5. Hanshin là cách nói gọn cho hai địa danh Osaka và Kobe - ND

6. Shinkansen là tàu điện cao tốc hình viên đạn. “Giờ học Shinkansen” có nghĩa tương tự như “giờ học cưỡi ngựa xem hoa” trong tiếng Việt - ND

7. Trước đó, đặc biệt là thời Ê-đô (1603-1868), trong xã hội Nhật tồn tại chế độ phân biệt địa vị xã hội theo trật tự “sĩ-nông-công-thương” - ND

8. Thời kì tỉ lệ sinh đột ngột tăng cao. Đặc biệt là những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai (khoảng từ năm 1947-1949) - ND

9. Các trung tâm học thêm, luyện thi vượt cấp - ND

1. Gia đình gồm vợ, chồng và những người con chưa kết hôn - ND

2. Paul Lengrand (1910-2003), nhà tư tưởng giáo dục Pháp - ND

1. Giáo dục hiện đại ở đây là chỉ nền giáo dục có từ thời Minh Trị trở đi - ND.
1. Ở Nhật sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, giáo dục phổ thông được chia ra làm Tiểu học (6 năm), Trung học bậc thấp (4 năm) và Trung học bậc cao (3 năm). Ở đây để dễ hiểu sẽ thống nhất dịch là Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông – ND.
2. Yutori trong tiếng Nhật có nghĩa là nhàn nhã, thông thả - ND.
3. Sắc chỉ thể hiện nguồn gốc đạo đức của quốc dân, triết lí cơ bản của giáo dục quốc dân được Thiên hoàng Minh Trị ban bố ngày 30 tháng 10 năm 1890 (năm Minh Trị thứ 23) - ND.
1. Các cuốn sách giáo khoa sơ cấp được dùng từ cuối thời Heian (thế kỉ 8-thế kỉ 12) tới đầu thời Minh Trị - ND.
2. Cuộc chiến tranh diễn ra giữa quân đội chính phủ Minh Trị với binh lính Mạc phủ diễn ra trong khoảng thời gian từ năm 1868 đến năm 1969-ND.
3. Thống nhất giữa tôn giáo và chính trị-ND.
4. Cơ quan hành chính tối cao trong chính quyền Minh Trị. Cơ quan này được thành lập năm 1868 sau hai lần cải cách trở thành chế độ tam viện: Tả viện, Hữu viện và Chính viện trong đó Chính viện đóng vai trò trung tâm-ND.
5. Cuốn sách gồm 6 quyển do Fukuzawa Yukichi biên soạn, xuất bản năm 1869. Sách được viết dưới dạng xưng ca nói về địa lý, lịch sử thế giới - ND.
6. Cuốn sách giải thích về vật lý thường thức do Fukuzawa Yukichi biên soạn. Sách có một tập được xuất bản vào năm 1868 - ND.
7. Kana là vần trong tiếng Nhật. Tiếng Nhật có hai hệ thống chữ “Hira- gana” và “Katakana” - ND.
8. Nguyên tác của đoạn này lấy từ tập văn vần “Wilson Reader” được sử dụng trong các trường tiểu học ở miền Đông nước Mỹ do đó mà nội dung của nó cách khá xa cách sử dụng từ ngữ thông dụng hàng ngày.
9. Sứ đoàn do Iwakura đứng đầu được chính phủ Minh Trị phái sang các nước Âu Mỹ trong khoảng thời gian từ 1871-1873 tiến hành các hoạt động ngoại giao, điều tra phục vụ cho việc đàm phán sửa đổi lại các hiệp ước đã kí với các nước phương Tây trước đó-ND.
10. Cuộc chiến tranh chống chính phủ Minh Trị do Saigo Takamori (1827-1877) lãnh đạo - ND.
11. Nhà giáo dục học người Thụy sĩ (1746-1827)-ND.
12. Mori Arinori (1847-1889), chính trị gia thời Minh Trị, Bộ trưởng Giáo dục đầu tiên trong Nội các của Thủ tướng Ito Hirobumi vào năm 1885 - ND.
13. Cơ quan tối cao ra đời sau khi Viện Thái chính bị đình chỉ vào năm 1877-ND.
1. Tòa nhà được thiết kế theo kiểu phương Tây bắt đầu khởi công xây dựng năm 1881 và hoàn thành vào năm 1883 ở Tokyo. Nơi đây diễn ra nhiều hoạt động văn hóa và chính trị của giới thượng lưu trong xã hội đương thời -ND
2. Người đứng đầu cơ quan tư vấn lập pháp vốn được lập ra từ tháng 3 năm 1869-ND.
3. Chỉ thể chế nhà nước - ND
4. Johann Friedrich Herbart (1776-1841) nhà triết học, giáo dục học Đức - ND.
5. Các sắc chỉ này với tư cách là mệnh lệnh của Thiên hoàng theo quy định của Hiến pháp Đại đế quốc Nhật Bản không cần Đế quốc nghị viện thông qua – ND.
6. Được thành lập năm 1888 với mục đích bàn thảo các đề án. Hiến pháp quy định đây là cơ

quan tư vấn của Thiên hoàng – ND.

7. Motoda Nagazane (1818-1891) nhà Nho học xuất thân ở Kumamoto. Thừa lệnh của Thiên hoàng, ông đã biên soạn nhiều sách, văn bản liên quan đến giáo dục thời Minh Trị - ND.

8. Hi sinh lợi ích bản thân phục vụ lợi ích nhà nước - ND.

9. Uchimura Zou (1861-1930) nhà tư tưởng Thiên chúa giáo, nhà báo, nhà truyền giáo thời Minh Trị. Ông có nhiều đóng góp trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh, bảo vệ môi trường và hòa bình - ND.

10. Diễn ra trong khoảng thời gian 1894 -1895 - ND

11. Một nhân vật lịch sử thời Nam-Bắc triều ở Nhật (thế kỉ 14) - ND

1. Mutsu Munemitsu (1844-1897). Ông có viết cuốn sách mang tựa đề “Kenken Roku” (Kiến kiến lục) – ND.

2. Sự thương thảo giữa ba nước Nga, Đức, Pháp xoay quanh việc phản đối Nhật chiếm bán đảo Liêu Đông sau chiến tranh Nhật-Thanh - ND

3. Tên gọi khu vực phía tây Nhật Bản (Quan Tây) bao gồm Kyoto, Osaka và các tỉnh phụ cận-ND.

4. Misson-School-ND

5. Tsuda Umeko (1864-1929), nhà giáo dục thời Minh Trị, Taisho. Năm 8 tuổi, bà đến Mỹ du học và trở thành nữ du học sinh đầu tiên của Nhật Bản. Sau khi về nước bà đã có nhiều đóng góp cho giáo dục Nhật Bản - ND.

6. Yoshioka Yayoi (1871-1959), bác sĩ, nhà giáo dục Nhật - ND..

7. Vụ án được coi là có liên quan đến kế hoạch ám sát Thiên hoàng Minh Trị. Có rất nhiều người bị bắt và bị xử tử trong vụ án này – ND.

8. Tranh luận về tính chính thống của hai vương triều Nam và Bắc tồn tại trong khoảng thời gian từ 1336 đến 1392 – ND.

9. Hệ thống tư tưởng có hạt nhân trung tâm là tôn vương luận được hình thành ở phiên (han) Mito thời E-dô – ND.

1. Natsume Soseki (1867-1916), tiểu thuyết gia, nhà nghiên cứu văn học Anh – ND.

2. Nằm ở cực nam bán đảo Liêu Đông (Trung Quốc) – ND.

3. John Dewey (1859-1952) nhà triết học, nhà cải cách giáo dục, nhà tư tưởng xã hội Mỹ - ND

4. Alfred Binet, nhà tâm lí học người Pháp (1857-1911), người đã tạo ra phương pháp kiểm tra trí thông minh đầu tiên trên thế giới dựa trên thành quả nghiên cứu của T.Simon (1873-1961) – ND.

5. Phương pháp giáo dục mới do nhà giáo dục học Helen Parkhurst (1887-1973) đề xướng năm 1920 tại thành phố Dalton, bang Massachu- set, Mỹ. Phương pháp này là một trong các phương pháp học tập cá biệt, ở đó các phòng thí nghiệm cho từng môn học được thiết lập và học sinh sẽ tự chủ học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Phương pháp này đã có ảnh hưởng lớn trên phạm vi thế giới – ND.

6.Trường học tự do – ND.

7. Học viện văn hóa – ND.

8. Trường Meijo – ND.

9. Trường Tezukayama – ND.

10. Trường tự do Mino – ND.

11. Trường Showa – ND.

12. Vụ bạo động đốt công viên Hibiya ở Tokyo diễn ra vào ngày 5/9/1905 xuất phát từ những bất mãn xung quanh vấn đề tiền bồi thường sau chiến tranh Nhật-Nga – ND

13. Gốc tiếng Anh là Settlement chỉ cơ sở được thiết lập cố định ở một khu vực nào đó với các dịch vụ xã hội phục vụ đời sống toàn diện của người dân như giáo dục, nhà trẻ, y tế... – ND.

14. Suihei trong tiếng Nhật có nghĩa là chân trời, nằm ngang. Ở đây nó ám chỉ sự công bằng, không có sự phân biệt – ND.

15. Cuộc bạo động do nguyên nhân chính là giá gạo quá cao. Năm 1890, 1897 phong trào nổ ra ở các địa phương và đến năm 1918 thì trở thành cuộc bạo động có quy mô toàn quốc – ND.

1. Chữ Vũ (chỉ nóc nhà) diễn đạt ý nhóm họp thế giới lại thành một nhà. Đây là câu khẩu hiệu chính phủ Nhật hay dùng để nhấn mạnh tính chính đáng của quân đội Nhật trong cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương. Nguồn gốc của câu khẩu hiệu này bắt nguồn từ sách Nhật Bản thư kỉ - cuốn sách gồm 30 quyển, tập hợp nhiều câu chuyện thần thoại về nước Nhật và Thiên hoàng được biên soạn vào năm 720 -ND.

2. Trong Hiến pháp Đại đế quốc Nhật Bản có ghi chủ thể nắm quyền thống trị là nhà nước và Thiên hoàng là người đứng đầu nhà nước. Mi- nobe Tatsukichi và những người khác có chủ trương tăng cường vị trí của nội các và nghị viện đã gây ra sự đối lập với những người tôn sùng, bảo vệ Thiên hoàng. Kết quả là năm 1935 ông buộc phải từ nhiệm nghị viên Viện quý tộc và các cuốn sách do ông viết bị cấm phát hành - ND

3. Tên Đoàn Thiếu niên cộng sản của Liên Xô (Pioner = tiên phong) – ND.

Edom là một khu vực lịch sử định cư của người Semite thuộc miền Nam Levant nằm ở phía nam của xứ Judea và Biển Chết, phần lớn ở Negev. Nó được đề cập trong các hồ sơ Kinh Thánh là Vương quốc Edom thời kỳ đồ sắt tại thiên niên kỷ 1 TCN.

Cựu Thế giới (The Old World): bao gồm các phần của trái đất được người châu Âu biết đến trước khi Christopher Columbus trong chuyến hải hành của mình phát hiện ra châu Mỹ vào năm 1492, bao gồm: châu Âu, châu Á và châu Phi (một cách tổng thể gọi là đại lục Phi-Á – Âu) và các đảo bao quanh. Thuật ngữ này được dùng phân biệt với thuật ngữ Tân Thế giới (The New World), gồm cả châu Mỹ.

Sephardic Jews / Sephardi Jews / Sephardim: nhóm người Do Thái có tổ tiên sống ở Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha. Những người này bị trục xuất khỏi Tây Ban Nha vào năm 1492 và phải chạy trốn sang các nước Hồi giáo thuộc Đế quốc Ottoman, tạo ra ngôn ngữ của riêng mình chủ yếu là tiếng Tây Ban Nha pha lẫn với một số từ Hebrew.

Baron von Rothschild: thuộc Gia tộc Rothschild là một gia tộc Do Thái có nguồn gốc từ Frankfurt, Đức. Họ đã tạo nên một đế chế tài chính – ngân hàng tại châu Âu bắt đầu từ cuối thế kỷ 18.

Khả Hãn (Khan): một danh hiệu dành cho những người cai trị và các quan chức ở các vùng Trung Á, Afghanistan và một số quốc gia Hồi giáo khác.

Dhimmi: là một thuật ngữ lịch sử đối với công dân không phải Hồi giáo sống tại một nhà nước Hồi giáo. Theo nghĩa đen có nghĩa là “người được bảo vệ.” Theo các học giả, quyền lợi của các dhimmis được bảo vệ đầy đủ trong cộng đồng của họ, nhưng trong vai trò là những

công dân trong quốc gia Hồi giáo, họ phải chịu những hạn chế nhất định và phải trả thuế jizya.
Great Schism: Sự chia rẽ chính thức (1054) giữa Chính thống giáo Đông Phương (Eastern Orthodox Church) và Giáo hội Công giáo Rôma (Roman Catholic Church).

Mizrahic Jews / Mizrahim: nhóm người Do Thái sống trong các cộng đồng ở Trung Đông và Bắc Phi.

Gen: một đơn vị di truyền được chuyển từ cha mẹ sang con cái và được dùng để xác định một số đặc tính của con cái.

Khazars: là một dân tộc Turkic bán du mục đã tạo ra một đế chế giữa những năm cuối thế kỷ 7 và thế kỷ 10 (650-965). Đế chế Khazars thống trị khu vực rộng lớn kéo dài từ Thảo nguyên Volga-Don đến Đông Crimea và Bắc Caucasus.

DNA ty thể: mitochondrial DNA – mtDNA. DNA ty thể là cơ sở của nhân tố di truyền ngoài nhân.

Châu Phi hạ-Sahara (Sub-Saharan Africa): về mặt địa lý, là khu vực của lục địa châu Phi nằm ở phía nam của sa mạc Sahara.

Y-chromosome: nhiễm sắc thể Y. Là một cấu trúc có tổ chức của ADN và protein nằm trong các tế bào.

Haplotype: là một đại diện của DNA nằm dọc theo sợi nhiễm sắc thể.

Khazar Khaganate (Hãn quốc Kazan): là tên một liên minh các dân tộc du mục thuộc các dân tộc Turk ở khu vực dãy núi Altai và cũng là tên gọi một hãn quốc hùng mạnh ở Trung Á trong giai đoạn từ thế kỷ 6 tới thế kỷ 7.

Cách ly di truyền: genetic isolation.

Lowlands (các vùng đất thấp): các khu vực của Scotland nằm ở phía nam và phía đông của vùng cao nguyên.

Ngôn ngữ Slavic: một nhóm các ngôn ngữ liên quan khá chặt chẽ của các dân tộc Slavơ và một nhóm nhỏ của các ngôn ngữ Ấn – Âu, được dùng ở hầu hết các nước Đông Âu, phần lớn các nước vùng Balkan, các bộ phận của Trung Âu và vùng Bắc của châu Á.

Anusim là những người Do Thái, theo luật Do Thái (halakha), đã bị buộc phải từ bỏ đạo Do Thái ngược lại ý muốn của họ, thường khi buộc phải chuyển đổi sang tôn giáo khác. Thuật ngữ này xuất phát từ cụm từ Talmudic “`averah b'ones (Hebrew: עֲבֵרָה בְּאֹנֶס)”, có nghĩa là “một sự vi phạm bắt buộc”.

Krymchaks: là một cộng đồng sắc tộc – tôn giáo của vùng Crimea bắt nguồn từ các tín đồ nói tiếng Turkic của Rabbinic Judaism. Theo lịch sử họ sống ở gần gũi với người Crimean Karaites.

Crimean Karaites: là những người thực hành Karaism là hình thức ban đầu của Do Thái giáo theo mặc khải của Thiên Chúa trong Kinh Torah. Karaite Judaism từ chối những bổ sung sau này của Tanakh (Kinh Thánh Hebrew như Khẩu Luật Rabbinic (Rabbinic Oral Law) và đặt trách nhiệm cuối cùng của việc giải thích Thánh Kinh cho từng cá nhân.

Turkic: Các dân tộc Turkic là một nhóm các sắc tộc sống ở miền Bắc, Đông, Trung và Tây Á, Tây Bắc Trung Quốc và các vùng của Đông Âu.

Do Thái giáo Rabbinic hay Rabbinism là dòng chính của Do Thái giáo từ thế kỷ thứ 6, sau khi Talmud Babylon được quy điển hóa. Phát triển từ Do Thái giáo Pharisaic, Do Thái giáo Rabbinic dựa trên niềm tin rằng tại núi Sinai, Moses đã nhận được từ Thiên Chúa “Torah

Viết”, cùng với lời giải thích bằng miệng, được gọi là “Torah Nói” mà Moses đã truyền lại cho mọi người.

Do Thái giáo Karaite hay Karaism là một phong trào của người Do Thái đặc trưng bởi sự công nhận Tanakh là thẩm quyền pháp lý tối cao duy nhất trong Halakha và thần học. Đó là khác biệt của Do Thái giáo Karaite với Do Thái giáo Rabbinic. Do Thái giáo Rabbinic coi Torah Nói, như đã hệ thống hóa trong Talmud và các văn bản tiếp theo, là những giải thích có thẩm quyền của Torah. Còn Do Thái giáo Karaite giữ thái độ rằng tất cả các giới răn mà Thiên Chúa truyền lại cho Moses đã được ghi nhận trong Torah Viết mà không cần bổ sung hoặc giải thích của Torah Nói. Kết quả là, người Do Thái Karaite không chấp nhận các truyền thống truyền miệng trong Talmud và các văn bản khác.

Châu Phi Hạ Sahara (Sub-Saharan Africa): về mặt địa lý, là phần lục địa châu Phi nằm ở phía nam của sa mạc Sahara. Về mặt chính trị, nó bao gồm tất cả các nước châu Phi toàn bộ hay một phần nằm ở phía nam của sa mạc Sahara (ngoại trừ Sudan).

Đế chế Songhai (Songhai Empire): là quốc gia Songhai đã thống trị Tây Sahel trong thế kỷ 15 và 16. Sahel là vùng khí hậu sinh thái và địa sinh học của quá trình chuyển đổi ở châu Phi giữa sa mạc Sahara ở phía bắc và Sudanian Savanna ở phía nam.

Do Thái giáo quy phạm (normative Judaism): theo truyền thống, việc thực hành Do Thái giáo được dành cho việc nghiên cứu Kinh Torah và chấp hành các luật lệ và điều răn. Trong Do Thái giáo quy phạm, Torah và luật Do Thái là không thay đổi, nhưng cách diễn giải của luật là cởi mở hơn. Nó được coi là một mitzvah (giới luật) để nghiên cứu và hiểu luật.

The Syrian Malabar Nasrani là một nhóm ethno-religious từ Kerala, Ấn Độ. Nó ám chỉ những người đã trở thành Kitô hữu ở bờ biển Malabar trong những ngày đầu của Kitô giáo, bao gồm cả người bản địa và người Do Thái Diaspora ở Kerala. Tên gọi Nasrani được cho là xuất phát từ tên Nazarét được sử dụng bởi các Kitô hữu Do Thái cổ xưa ở vùng Cận Đông đã tin vào thiên tính của Chúa Jesus, nhưng vẫn bám víu vào rất nhiều các nghi lễ Mosaic.

Nhiễm sắc thể Y Aaron (Y-chromosomal Aaron): là tên được đặt cho giả thuyết tổ tiên chung gần đây nhất của nhiều người trong tầng lớp tư tế Do Thái (Jewish priestly caste) theo phụ hệ được gọi là Kohanim (số ít là “Kohen”, “Cohen”, hoặc Kohane). Theo Kinh Torah, tổ tiên này được xác định là Aaron, anh em trai của Moses. Do đó, tổ tiên chung gần đây nhất theo giả thuyết được đặt tên là “nhiễm sắc thể Y Aaron”, tương tự với “nhiễm sắc thể Y Adam”.

Amerindian: là bất kỳ thành viên của các dân tộc sống ở Bắc hay Nam Mỹ trước khi người châu Âu đến.

Sabra (Hebrew: צבר) là một từ lóng không chính thức dùng để chỉ người Do Thái Israel sinh ra tại Israel.

Sephardic Haredim là những người Do Thái gốc Sephardi và Mizrahi theo Do Thái giáo Heradi.

Moses Mendelssohn (1729-1786) là một triết gia Do Thái Đức, là người đã khởi nguồn Haskalah.

Yishuv là tên gọi cộng đồng người Do Thái ở Vùng đất Israel giữa những năm 1880 và 1948, khi Israel tuyên bố trở thành một nhà nước độc lập. Cộng đồng Do Thái Yishuv đóng vai trò quan trọng trong việc đặt nền móng cho một Nhà nước Israel đã được trù liệu. Trong khi truyền thống và lịch sử Do Thái là lớp nền móng đầu tiên trong việc định hình Nhà nước

Israel hiện đại, Yishuv là lớp thứ hai.

Con đường này được cho là bắt đầu từ nơi Chúa Jesus bị xét xử tới nơi Người bị đóng đinh và chôn cất tại đồi Golgotha.

Halutz trong tiếng Hebrew có nghĩa là tiên phong.

Hindu đề cập đến bất cứ ai tự coi mình như văn hóa, sắc tộc hoặc tôn giáo gắn liền với các khía cạnh của Ấn Độ giáo (Hindusm).

Intifada: phong trào nổi dậy của người Palestine chống lại Israel.

Um Kulthoum: một ca sỹ, nhạc sỹ và nữ diễn viên điện ảnh Ai Cập nổi tiếng quốc tế trong những năm 1920-1970.

Trong ý nghĩa chính của nó, mitzvah trong tiếng Hebrew đề cập đến giới luật và những điều răn của Chúa. Nó được sử dụng trong Do Thái giáo Rabbinic để nói đến 613 điều răn trong Torah ở núi Sinai và cộng thêm bảy điều răn khác đặt ra sau đó, tổng số là 620.

Aggadah đề cập đến văn bản chú giải không mang tính pháp lý trong văn học cổ điển của giáo đoàn Do Thái giáo, đặc biệt được ghi lại trong Talmud và Midrash.

Midrash là một phương pháp giải thích những câu chuyện Kinh Thánh vượt ra ngoài những chất lọc đơn giản của giáo lý tôn giáo, pháp lý, hoặc đạo đức. Những giải thích này được các Rabbi điền vào những “khoảng trống” được tìm thấy trong Kinh Torah.

Beatnik là một khuôn mẫu truyền thông thịnh hành trong suốt những năm 1950 đến giữa những năm 1960, trưng bày những khía cạnh nông cạn của phong trào văn hóa Beat trong những năm 1950.

Định cư Pale (The Pale of Settlement): là thuật ngữ được đặt cho một khu vực của Đế quốc Nga, trong đó người Do Thái được phép thường trú, còn vượt qua đó thì bị cấm.

Nickelodeon: rạp chiếu phim nhỏ, vé năm xu, thịnh hành ở Mỹ trong những năm 1905-1915.

Miriam là chị gái của Moses và Aaron, và là con gái duy nhất của Amram và Jochebed. Bà là một tiên tri và xuất hiện đầu tiên trong Sách Xuất Hành trong Kinh Thánh Hebrew.

Deborah là một tiên tri của Thiên Chúa của Israel, Thẩm phán thứ tư của Israel thời tiền quân chủ, cũng là một chiến binh và là vợ của Lapidoth theo Sách Thẩm Phán. Là nữ thẩm phán duy nhất được đề cập trong Kinh Thánh, Deborah dẫn đầu cuộc phản công thành công chống lại các lực lượng của Jabin – Vua Canaan – và chỉ huy quân đội của ông là Sisera. Câu chuyện được kể lại trong chương 4 Sách Thẩm Phán.

Amidah cũng gọi là Shmoneh Esreh (18“ שמנה עשרה, lời cầu nguyện”), là kinh cầu nguyện chính của nghi lễ Do Thái giáo. Người Do Thái giáo cầu nguyện Amidah tại mỗi trong ba lễ cầu nguyện trong một ngày điển hình: buổi sáng, buổi chiều, và buổi tối.

Bức tường Âm thanh chính là tốc độ của âm thanh truyền trong không khí, khoảng 336m/s. Khi tốc độ của một vật di chuyển trong không khí từ thấp hơn, tăng dần đến mức đạt và vượt tốc độ này thì người ta nói rằng nó đã vượt qua “bức tường âm thanh”.

Indie rock là một thể loại nhạc alternative (Alternative rock) có nguồn gốc từ Vương quốc Anh trong những năm 1980.

Haggadah là một văn bản Do Thái quy định thứ tự của bữa ăn tối trong ngày lễ Vượt Qua.

Shtetls là những thị trấn nhỏ với dân số Do Thái lớn tồn tại ở Trung và Đông Âu trước Holocaust.

Arcade: hành lang có mái che với các cửa hàng và quầy ở hai bên.

Mesopotamia: vùng Lưỡng Hà nằm giữa hai con sông Euphrates và Tigris, ngày nay bao gồm lãnh thổ Iraq, Kuwait, Đông Bắc Syria, và phần nhỏ của Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ và Tây Nam Iran. Đây được coi là “cái nôi của văn minh” nhân loại.

Đế quốc La Mã (Roman Empire) (thế kỷ 1 TCN – thế kỷ 5, 6 CN): là một đế quốc lớn nhất trong lịch sử thế giới bao gồm lãnh thổ các quốc gia bao quanh Địa Trung Hải ngày nay của châu Âu, châu Phi và châu Á. Ba thành phố lớn của nó là Rome (thuộc Ý), Alexandria (thuộc Ai Cập) và Antioch (thuộc Thổ Nhĩ Kỳ). Năm 285, Hoàng đế Diocletianus phân chia Đế chế thành Đế quốc Tây La Mã (Western Roman Empire) và Đế quốc Đông La Mã (Eastern Roman Empire). Đế quốc Tây La Mã kéo dài đến năm 476; còn Đế quốc Đông La Mã (còn có tên gọi khác là Đế quốc Byzantine) kéo dài đến năm 1453.

Aliyah là sự nhập cư của người Do Thái từ các cộng đồng Diaspora về lại Vùng đất Israel.

Palestine: trong thế kỷ thứ nhất, Đế chế La Mã đánh bại dân tộc Judea 1.000-năm-tuổi, phá hủy Đền Thờ Jerusalem và đẩy ải hàng trăm nghìn người Do Thái. Để xóa tất cả ký ức về xứ Judea, Rome đổi tên Judea thành ‘Palestine’ theo tên kẻ thù của người Do Thái trong Kinh Thánh – Philistines – là dân tộc đã từng định cư dọc theo bờ biển xứ Canaan. Về sau, người phương Tây gọi Đất Thánh Do Thái-Kitô giáo là Palestine. Dân tộc Ả-rập đã không chấp nhận rộng rãi tên ‘Palestine’ cho đến thế kỷ 20.

Plato (424/423 TCN – 348/347 TCN): Triết gia Hy Lạp cổ đại.

Aristotle (384 TCN – 322 TCN): Triết gia Hy Lạp cổ đại. Học trò của Plato.

Jehovah: trong Kinh Thánh Torah, Jehovah là tên riêng của Thượng Đế, như đã mặc khải cho Moses trên núi Sinai. (xem Câu chuyện Do Thái: lịch sử thăng trầm của một dân tộc)

Noah: theo Sách Sáng Thế, ông Noah đóng con tàu lớn mà ngày nay gọi là tàu Noah để tự cứu ông và gia đình, bảo tồn thế giới động vật, thực vật khỏi bị diệt vong bởi trận trùng phạt đại hồng thủy của Thiên Chúa.

Mari Letters: là một bộ sưu tập các thư từ hoàng gia từ Mari, một thành phố cổ trên sông Euphrates.

Amarna Letters: thư từ ngoại giao, trên bảng đất sét, chủ yếu giữa chính quyền Ai Cập và đại diện của họ ở Canaan và Amurru trong khoảng thời gian những năm 1300 TCN.

Semitic: nhóm các ngôn ngữ có liên quan với nhau được nói bởi 470 triệu người tại Tây Á, Bắc Phi và Sừng châu Phi. Chúng là một nhánh của họ ngôn ngữ Phi – Á. Ngôn ngữ Semitic được nói nhiều nhất hiện nay là tiếng Ả-rập, Amharic, Hebrew, Tigrinia và Aramaic.

Babylon: một thành quốc của Lưỡng Hà cổ đại, nằm ở Al Hillah, tỉnh Babil, Iraq, khoảng 85km về phía nam thủ đô Baghdad (Iraq).

Pharaoh: tước hiệu của vua Ai Cập cổ đại.

Mặc khải: một từ thần học hay được dùng trong Kitô giáo, có nghĩa là vén mở ra bức màn bí mật để cho thấy một điều gì đó.

Ba Tư (Persia): một quốc gia cổ ở phía tây nam châu Á, nay là Iran.

Jericho: thành cổ nằm gần Bờ Tây của sông Jordan.

Về mặt địa lý, Transjordan gồm các khu vực phía đông của sông Jordan, bao phủ phần lớn Jordan ngày nay.

Xức dầu (anointing) diễn tả hành động xoa dầu trên cơ thể, hay đổ dầu lên đầu nhằm một mục đích nào đó. Sự xúc dầu bao gồm nhiều mục đích và ý nghĩa khác nhau. Trong thời Cựu ước,

xức dầu được xem là một nghi thức quan trọng nhằm xác chứng rằng: người được xức dầu được Đức Chúa Trời chỉ định để thi hành một sứ mệnh đặc biệt.

Samaritans là một nhóm sắc tộc-tôn giáo của Levant, hậu duệ của cư dân Semitic cổ của khu vực.

Đế quốc Byzantine (Byzantine Empire) (330-1453): còn gọi là Đế quốc Đông La Mã, đóng đô ở Constantinople (nay là Istanbul, thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ).

Gnosticism: Thuyết Ngộ Đạo (từ tiếng Hy Lạp cổ đại: gnostikos γνωστικός, “học”, từ Gnosis γνῶσις, kiến thức) mô tả một tập hợp các tôn giáo cổ xưa xa lánh thế giới vật chất – mà họ xem như được tạo bởi các đấng tạo hóa – và chấp nhận thế giới tâm linh.

Thời Trung cổ: giai đoạn giữa sự sụp đổ của Đế quốc La Mã và sự trỗi dậy của các quốc gia châu Âu hiện đại, tức là từ thế kỷ 5 kéo dài đến thế kỷ 15.

Levant là một thuật ngữ lịch sử địa lý đề cập phông chừng đến một khu vực rộng lớn ở Tây Nam Á bao bọc bởi dãy núi Taurus của Anatolia ở miền Bắc, Biển Địa Trung Hải ở phía tây, và sa mạc miền Bắc Ả Rập và Mesopotamia ở phía đông. Một số các quốc gia hoặc các bộ phận của các quốc gia nằm trong khu vực Levant là Cyprus, Ai Cập, Iraq, Israel, Jordan, Lebanon, Palestine, Syria, Thổ Nhĩ Kỳ. Đôi khi bán đảo Sinai cũng được bao gồm, mặc dù phần nhiều được coi là một vùng trung gian, ngoại biên tạo thành một cầu nối giữa Levant và Bắc Ai Cập.

Aramaic: thuộc cận họ Semitic, nằm trong họ ngôn ngữ Phi – Á (Afro-asiatic). Tiếng Aramaic là một phần trong nhóm ngôn ngữ Tây-Bắc Semitic, trong nhóm này còn có các ngôn ngữ Canaanite như tiếng Hebrew và tiếng Phoenicia. Aramaic là ngôn ngữ chính của xứ Syria.

Bộ Luật Do Thái: (Hebrew: הלכה, Sephardic: (halacha); phiên âm như halacha hoặc chalachah) hoặc halocho (Ashkenazic: (halocho)) là tập hợp các luật tôn giáo của người Do Thái có nguồn gốc từ Torah Viết và Torah Nói. Bao gồm 613 điều răn, luật Talmudic và Rabbinic, các phong tục và truyền thống biên dịch trong Shulchan Aruch (thường được gọi là “Code of Jewish Law” – “Bộ Luật Do Thái”).

Bán đảo Iberia nằm ở cực tây nam châu Âu, được bao quanh bởi Địa Trung Hải về hướng đông và nam, và bởi Đại Tây Dương về hướng tây và bắc. Dãy núi Pyrenees làm thành biên giới đông bắc của bán đảo. Gibraltar, điểm cực nam của bán đảo, được ngăn cách với châu Phi bởi eo biển cùng tên. Đây là bán đảo lớn nhất châu Âu với diện tích 582.860km². Bán đảo Iberia gồm có các quốc gia và vùng lãnh thổ: Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Andorra và Gibraltar.

Sephardi Jews hay Sephardic jews hay Sephardim: nhóm người Do Thái có tổ tiên sống ở Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha.

Ashkenazi Jews hay Ashkenazic Jews hay Ashkenazim: nhóm người Do Thái gốc Đức sống trong các cộng đồng ở Trung và Đông Âu mà hiện nay là miền Bắc nước Pháp, Đức và Thụy Sĩ.

Bán đảo Balkan là một khu vực địa lý của khu vực Đông Nam châu Âu. bao gồm toàn bộ hoặc một phần của Albania, Bosnia và Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Hy Lạp, Kosovo, Cộng hòa Macedonia, Montenegro, Serbia, Slovenia, và phần châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ.

Novorossiia là một thuật ngữ lịch sử của Đế chế Nga biểu thị một khu vực phía bắc của Biển Đen (nay là một phần của Ukraina).

Đế quốc Ottoman: còn gọi là Turkish Empire – Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ theo lịch sử.

Mizrahi là những người Do Thái đến từ Trung Đông và Bắc Phi.

Zionist: Người theo Chủ nghĩa Phục quốc Do thái

(1) Gaius Jūlius Caesar (phát âm như “Gai-us Giu-li-us Xê- da”; trong tiếng Latin như “Khai-xo”; 12 tháng 7 hoặc 13 tháng 7 năm 100 TCN 15 tháng 3 năm 44 TCN) là một lãnh tụ quân sự và chính trị của La Mã và là một trong những người có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử thế giới. Ông đóng một vai trò then chốt trong sự chuyển đổi Cộng hòa La Mã thành Đế chế La Mã.

1. Pháp nộ: cái giận của pháp.

2. Hồi thử ngạn: trở lại bờ này.

1. Hạc nội không có lương thực mà đất trời rộng rãi.

1. Ba cõi không an, như ở trong nhà lửa.

2. Thân người khó được, Phật pháp khó nghe (khó vì đi ngược dòng đời)

1. Phật một thước, Ma một trượng.

1. Dịch từ câu thơ:
 “Nhất bát thiên gia phạm
 Cô thân vạn lý du
 Kỳ vi sinh tử sự
 Giáo hóa độ xuân thu.”

(1) Lệ học ở làng Câu Hoan xưa, Bùi Thị Tân - Cửa Việt số 15 (Bộ cũ) tr. 86.

(*) Chữ dùng của Hồ Chí Minh cho bọn tham ô, lãng phí, quan liêu.

* Trọng Thi: chữ dùng của Lê Thần Trần Trọng Kim

(*): GS- KTS Hoàng Đạo Kính - Phó Chủ tịch Thường trực Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Ủy viên Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia, Ủy viên Hội đồng lý luận và phê bình Văn học Nghệ thuật Trung ương.

1\ Xem bài viết của Hồ Chủ tịch năm 1952, sách Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, Nhà xuất bản Sự Thật, 1970, trang 131.

(1) Creatio dei (tiếng La tinh): tạo vật của Thượng đế.

(2) Trong nguyên bản 'Galuleh' cho hợp vần điệu và bài ba-lát thêm hài hước. Người dịch giữ nguyên.

(1) Thời Trung cổ việc mổ xẻ xác người bị Giáo hội nghiêm cấm.

(2) Ý nói ít cô đạo.

(3) Tương tự như ta có câu: được đảng chân, lân đảng đầu!

(1) Phần lớn nước Ý bấy giờ bị Tây Ban Nha chiếm. Khi dân chúng vùng Nam Ý nổi loạn, Giáo hoàng lại đứng về phe Tây Ban Nha.

(2) Ám chỉ cuộc chiến tranh ba mươi năm (dưới danh nghĩa tôn giáo) diễn ra ở Đức vào đầu thế kỷ 17 - dựa trên bối cảnh này Brecht đã sáng tác vở kịch 'Bà mẹ dũng cảm và những người con'.

(3) Phong trào cải cách tôn giáo ở châu Âu thời Trung cổ, đưa tới việc thành lập các giáo hội Tin Lành.

(4) Giáo hoàng bí mật liên kết với vua Thụy Điển Gustav Adolf II (theo đạo Tin Lành) vì quyền lực Giáo hội bị dòng họ Habsburg (Áo) thuộc phe Thiên Chúa đe dọa.

(5) Phái Luther: đạo Tin Lành (bấy giờ bị gọi là 'phản Chúa') theo đường lối cải cách của Martin Luther (1483-1546).

(6) Ám chỉ Galilei.

- (7) Lời Kinh Thánh (xem màn 6).
- (8) Zither: một loại đàn với khoảng 30 dây, gốc từ Trung Á
- (9) Wien (Vienne): thủ đô nước Áo.
- (10) Ý tác giả: những dụng cụ để tra khảo ở Tòa án Tôn giáo.
- (1) Discorsi (tiếng Ý): mạn đàm.
- (2) Nước Cộng hòa Venedig.
- (3) Hieme et aestate... (tiếng Latin): 'trong mùa đông và mùa hạ, gần và xa, bao lâu ta còn sống và cả sau đó nữa.'
- (4) Elle: đơn vị chiều dài cổ, khoảng từ 60 đến 80 cm.
- (1) Kinh Thánh (Tân ước).
- (2) Tác phẩm 'De imitatione Christi' (Nối bước Chúa Cứu thế) của Thomas von Kempen (1379-1471).
- (3) Ý nói Kinh Thánh.
- (4) Những nước theo đạo Tin lành ở Châu Âu.
- (5) Mailand (Milano): thành phố công nghiệp lớn thứ hai ở Ý hiện nay.
- (6) Đại công tước Florenz.
- (7) Được vùng Lưỡng Hà (Tigris và Euphrat) thờ là nữ thần phồn thực.
- (8) Ám chỉ chế độ Hitler đang lộng hành ở Đức - khi Brecht sáng tác vở 'Cuộc đời Galilei' này.
- (1) Toscana: một vùng ở Trung Ý, nay gồm chín tỉnh, thủ phủ là Florenz (Florence).
- (2) Quan nội quân: tạm dịch từ Hofmarschall (maréchal du palais), viên quan quản lý sinh hoạt trong hoàng cung.
- (3) Thường thì rất ít người tóc đỏ, nên họ bị coi là phù thủy!
- (4) Đường ngoại luân (Epizykloide): đường do một điểm nằm trên một vòng tròn vạch ra khi vòng tròn này lăn trên một vòng tròn khác cố định.
- (5) Tiếng La tinh: Vũ trụ của Aristoteles thần thánh.
- (1) Một dòng từ thiện do bà thánh Angela Merici (1474-1540) thành lập.
- (1) Tiếng La tinh: nhẹ dạ, cả tin tới mức thành khờ khạo, mê muội.
- (2) Venus: vừa là sao Kim, vừa là tên của nữ thần ái tình - thần 'Vệ nữ' (thần thoại La Mã).
- (3) Brecht chơi chữ; 'Schwindel' vừa có nghĩa chóng mặt, vừa có nghĩa sự lừa gạt. Do đó, câu 'Tôi bị chứng chóng mặt' có thể thay bằng: 'Tôi đau khổ vì bị lừa gạt.'
- (4) Như chú thích trên. Câu này nghĩa là 'Trong Collegium Romanum thì đừng hòng mà lừa gạt được.'
- (5) Tycho Brahe (1546-1691): nhà thiên văn và toán học Đan Mạch. Năm 1572, ông phát hiện ra một ngôi sao mới, trước khi có kính viễn vọng.
- (6) Tiếng La tinh: Hãy đấu tranh chống lại ngay từ lúc sự việc còn manh nha.
- (7) Kinh Thánh, Cựu ước, Josua 10:12.
- (8) Kinh Thánh: Đức Chúa Cha gửi con là Chúa Giêsu xuống thế gian, chịu đóng đinh để cứu loài người tội lỗi.
- (1) Có hai nàng Thais: một là vũ nữ, gái điếm ở Athènes (Hy Lạp), thế kỷ 4 tr.TL, người tình của đại đế Alexandre; nàng kia là một cô gái giang hồ Ai Cập, hối cải, được một ẩn sĩ cải đạo, sau được phong thánh. Không rõ ở đây Brecht nói về nàng Thais nào.

- (2) Salomo (965-926 tr.TL): vua Do Thái, tương truyền rằng rất sáng suốt.
- (3) Những câu Hồng y Barberini 'nghĩ thầm' được in nghiêng đậm cho rõ ý.
- (4) 'Das Heilige Offizium': cơ quan tối cao phụ trách các vấn đề thuộc về 'Đức tin' - vấn đề hàng đầu của Giáo hội.
- (5) Biến tượng (Phase): những trạng thái khác nhau của mặt trăng hay một hành tinh không tự chiếu sáng, dạng xuất hiện của nó tùy theo được mặt trời chiếu sáng như thế nào.
- (6) Nguyên văn: đừng nên vì muốn đổ chậu nước tắm mà hất luôn cả đứa bé đi.
- (1) Âm chỉ các Giáo hoàng.
- (2) Kinh Thánh (Sáng thế ký): Chúa Trời tạo ra con người mang hình ảnh của Người.
- (3) Ở đây Brecht cũng cho Galilei gọi khi thì 'ông', khi thì 'cậu'.
- (4) Priap: thần phồn thực.
- (5) Horace (65-8 tr.TL): nhà thơ La Mã cổ đại.
- (6) Esquilin: tên một trong bảy ngọn đồi ở Rom.
- (7) Kinh Thánh (Cựu ước): Bị quỷ dữ xúi giục, Adam và Eve - tổ tiên loài người - đã ăn trái táo cấm trong vườn Địa đàng để được thông hiểu mọi sự 'như Đức Chúa Trời', nên hai người bị Chúa đuổi khỏi vườn Địa đàng, từ đó con cháu đời đời bị trừng phạt.
- (1) Người dịch lược bỏ phần đầu rất dài của Hans Mayer viết về kịch nghệ của Brecht và về các vở 'kịch điện' khác của ông.
- (2) Ngoài nghĩa sử thi, anh hùng ca, 'episch' còn có nghĩa 'tường thuật, kể'. Brecht là người đề xướng kỹ thuật cho xen kẽ những màn đọc thơ hoặc hát ca khúc giữa những đối thoại hoặc màn diễn trên sân khấu, nhằm mục đích giúp khán giả hiểu một cách có ý thức ý nghĩa sâu xa của cốt truyện, tâm lý nhân vật, hậu ý tác giả, thay vì để họ - như thói thường - bị lôi cuốn theo tình tiết, buồn thương, giận ghét theo nhân vật trên sân khấu.
- (3) Robert Oppenheimer (1904-1967): nhà vật lý nguyên tử Mỹ, một trong những cha đẻ của hai quả bom nguyên tử thả xuống Nhật Bản cuối Thế chiến II. Về sau ông chống lại việc chế bom H vì lý do đạo đức, nên không được tham gia những chương trình quan trọng nữa. Từ 1947 đến 1966, ông chỉ còn là giám đốc một viện nghiên cứu tại Princeton. (Thậm chí, năm 1954 - thời 'săn' Cộng sản của McCarthy - Oppenheimer còn phải ra điều trần trước một ủy ban điều tra về khuynh hướng chính trị của ông).
- (4) Friederich Dürrenmatt (1921-1990): nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng Thụy Sĩ. Trong vở Die Physiker - các Nhà vật lý, ông đã cho những nhà khoa học này chạy trốn vào nhà thương điên để khỏi phải cộng tác.
- (5) Vở 'Flüchtlingsgespräche' (1940) cũng của Brecht.
- (6) Thời Hitler cầm quyền (1933-1945), nước Đức có tên là Đế chế thứ ba.
- (7) Theo cách phân loại và định nghĩa thông thường trong văn học phương Tây, vở kịch được gọi là hài kịch (Komoedie) khi kết thúc tốt đẹp - 'có hậu', còn bi kịch (Tragoedi) luôn kết thúc với nhân vật chính bị thất bại, thua cuộc.
- (8) Ý nói: hiện tượng các nhà khoa học dửng dưng cảm tìm chân lý, đánh đổ học thuyết cũ.
- (9) Có lẽ Hans Mayer muốn nói tới thời kỳ phôi thai của 'xã hội dân quyền' chẳng, vì lúc đó còn là thời Trung cổ?
- (1) 'Luận về chuyển động tròn của các thiên thể'.
- (2) Salviati là người diễn đạt quan điểm của Galilei; Sagredo là người ham tìm hiểu (giống

một người bạn của Galilei); còn Simplicio (nghĩa là ngây thơ) bênh vực quan điểm cũ của Arisoteles. Galilei đã phải mang vạ, vì bị vu cáo rằng nhân vật Simplicio này tượng trưng Giáo hoàng đương thời.

(3) Những 'giáo phái khác' ở đây có lẽ là những giáo hội Cơ Đốc 'ly khai', không chấp nhận quyền cai quản của Vatican, như Giáo hội Chính Thống, Giáo hội Tin Lành.

(4) Johannes Kepler (1571-1630): nhà thiên văn Đức; ông cho rằng mặt trời đã phát ra lực gây nên sự chuyển động của các hành tinh.

(1) Otto Hahn (1879-1968) là nhà hóa học Đức - không phải nhà vật lý như trong lời giới thiệu của Nxb Suhrkamp. Năm 1944, ông được trao giải Nobel Hóa học. (Mọi chú thích đều của người dịch).

(1) Nikolaus Kopernikus (1473-1543): giáo sĩ Ba Lan, lập ra thuyết thái dương hệ với mặt trời là trung tâm (thuyết nhật tâm). Thuyết này chỉ được công bố sau khi ông qua đời.

(2) Nghĩa bóng là tránh ngôi nhà này.

(3) Claudius Ptolemaeus (100-160): nhà nghiên cứu Hy Lạp, lập ra thuyết về vũ trụ với quả đất là trung tâm (thuyết địa tâm).

(4) Tám lớp như sau (từ tâm ra): 1. mặt trăng 2. sao Thủy (Merkur) 3. sao Kim (Venus) 4. mặt trời 5. sao Hỏa (Mars) 6. sao Mộc (Jupiter) 7. sao Thổ (Saturn) 8. tầng của các định tinh.

(5) Thế kỷ 14, bệnh dịch hạch hoành hành khủng khiếp ở châu Âu khiến hàng triệu người chết, nên thời bấy giờ người ta luôn nơm nớp lo sợ.

(6) Brecht cố ý để Andrea nói sai, vì ông chơi chữ: kippen nghĩa là hát đồ (học thuyết cũ)!

(7) Skudo là đồng tiền vàng.

(8) Nước Cộng hòa: từ thế kỷ 7 Venedig (Venise) đã xưng là Cộng hoà San Marco, do một Hội đồng (Signoria) - gồm đại diện các gia đình quý tộc - cai trị, đứng đầu là một Đại thống lãnh (Doge) được bầu mãi đời.

(9) Cremonini: một thời là bạn của Galilei.

(10) Inquisition, một thứ 'tòa án' cực đoan của Giáo hội Thiên Chúa giáo thời Trung cổ, nhằm tiêu diệt mọi 'tà giáo' và ảnh hưởng của chúng trên mọi lãnh vực - kể cả trong khoa học, như vụ án Giordano Bruno và Galileo Galilei. Bản án khủng khiếp nhất là 'thiêu'.

(11) Giordano Bruno (1548-1600): triết gia Ý, tu xuất dòng Dominique, dựa trên thuyết của Kopernikus đặt nghi vấn về sự hiện hữu của Chúa trong không gian và thời gian trong vũ trụ. Năm 1592 Venedig giao ông cho Rom, năm 1600 ông bị Tòa án Tôn giáo kết án thiêu.

(12) Nghĩa bóng là gây dư luận xôn xao.

(13) Prag: thủ đô Tiệp.

(14) Trước khi người Âu học được kỹ thuật làm giấy của Trung Quốc, họ phải viết lên da cừu hay dê - nhưng nhờ đó mà nhiều văn thư cổ vẫn giữ được đến ngày nay.

(15) Com pa tỷ lệ (Proportionalzirkel): một thứ thước tính thời bấy giờ, gồm hai 'thước' có chia độ để tính toán; chúng được bắt ốc ở một đầu, xoay được như cái com pa.

(16) Mượn ý câu 'Người không nên cột mõm con bò đang đập lúa' (Cựu Ước, Moses quyền 5 - 25,4).

(17) Gracia Dei (tiếng La tinh): Chúa lòng lành vô cùng.

(1) Klafter (đọc là clap-to): đơn vị cổ cho gỗ, bằng khoảng 3 mét khối gỗ.

(2) Âm chỉ Giordano Bruno.

(3) Âm chỉ Giordano Bruno.

(4) Nơi có ngọn tháp nghiêng nổi tiếng, tương truyền Galilei đã thí nghiệm 'luật rơi tự do' của ông tại tháp này.

(5) Dòng họ nổi tiếng ở Ý, giàu có nhờ làm ngân hàng, do tiền nhiều, thế lực mạnh, nhiều người trong dòng họ này được làm Giáo hoàng. Đã hỗ trợ nghệ thuật và khoa học suốt nhiều thế kỷ, với những tên tuổi như Michelangelo, Leonardo da Vinci, Galileo Galilei...

(6) Thế kỷ 17 nước Ý vẫn còn chia làm nhiều vùng nhỏ. Mỗi đại công quốc tuy không gọi là nước, song các đại công tước vẫn có triều đình riêng.

(1) Vết đen thỉnh thoảng xuất hiện trên bề mặt mặt trời, gây rối loạn và nhiễu về điện.

(2) Tên một quyển sách của nhà thần học kiêm thiên văn học Johann Fabrizius (1587-1615).